L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG
VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

KHẢO VỀ CHÍNH-TRỊ NƯỚC PHÁP (1)

II

Bài trước đã xét về cách tổ-chức quyền lập-pháp và các cơ-quan lớn về quyền hành-chính ở nước Pháp thế nào. Ta đã hiểu rõ những chức-quyền cùng công-việc của Thượng Hạ Nghị-viện, của quan Giám-quốc, của các quan Tổng-trưởng, Thứ-trưởng, nghĩa là phần then-chốt trọng-yếu trong Quốc-gia Pháp, tức gọi là cái « quyền trung-ương » vậy. Nay phải xét đến cách xếp-đặt quyền hành-chính ở các địa-phương, lần lượt từ hàng quận, đến hàng huyện, đến hàng tổng, đến hàng chợ, cho biết cái máy chính-trị của Đại-Pháp trên dưới thống-thuộc nhau thế nào, các phần vận-động ra làm sao.

Trước đời Cách-mệnh, nước Pháp chia ra hàng « tỉnh » (*provinces*.) Hội Lập-hiến (*Assemblée constituante*) năm 1789 mới đổi tỉnh ra « quận » (*départements*). Các tỉnh thời lớn nhỏ không đều, tùy cái địa-thế, cái phong-thổ tự-nhiên, dân-sinh phong-tục có khác nhau, mỗi tỉnh tức là một miền một xứ biệt-lập với các miền các xứ khác. Đổi « tỉnh » ra « quận » là có ý muốn thống-nhất các địa-phương, vì đặt quận nào cũng như quận nào, lớn nhỏ đều nhau, nhất-luật đều phải qui-thuộc về quyền trung-ương, thời các địa-phương không có cách-biệt nhau như trước và cũng phải theo một cái khuôn nhất-định. Bởi cái chủ-ý thống-nhất đó mà phép hành-chính của nước Pháp xem ra có ý qui-tập cả về trung-ương (*centralisation*), quyền trung-ương to quá, nhất-thiết mệnh-lệnh đều tự đó mà ra, thành ra các địa-phương không có quyền được tự-do hành-động, mà những quyền-lợi cùng những sự yếu-cần riêng của từng địa-phương thường bị yềm-chế cho theo hợp với qui-tắc chung. Thống-nhất quá làm cho quyền trung-ương nuốt mất cả quyền-lợi các địa-phương, đó cũng là một điều khuyết-điểm trong phép hành-chính của nước Pháp. Các nhà chính-trị Pháp đã từng hiểu rõ sự bất-tiện ấy, nên lâu nay nhiều người đã đề-xướng muốn phân-tán quyền hành-chính về các địa-phương (*décentralisation*), chính-phủ trung-ương chỉ đứng cao mà giám-đốc mà thôi. Tuy vậy phép hành-chính cũng chưa có thay-đổi gì lắm và đại-khái vẫn thiên về đường qui-tập như trên.

I

Nói về quận

Cách tổ-chức các hàng quận như bây giờ là khởi đầu tự đời Cách-mệnh (luật ngày 28 tháng năm năm Dân-quốc thứ 8 (*28 pluviôse an VIII*).

(1) Xem *Nam-phong*, số 31.

Trước khi đại-chiến-tranh năm 1914, nước Pháp có 86 quận, thêm một hạt Belfort và 3 quận đất Algérie. Từ khi thu-phục được hai châu Alsace-Lorraine thời thêm ra ba quận nữa, thành nội-địa nước Pháp hiện có 89 quận.

Địa-hạt một quận muốn thay đổi phải có luật của Nghị-viện lập theo ý-kiến của quận-hạt hội-nghị (*conseil général*).

Quận (*département*) chia ra huyện (*arrondissements*), huyện chia ra tổng (*cantons*), tổng chia ra xã hay là « chợ » (*communes*).

Quận không những là một cái khu-vực trong địa-hạt (*division territoriale*); quận lại còn là một cái bản-vị về hành-chính (*une unité administrative*) nữa, nên có « pháp-nhân tư-cách » (*personnalité*). Quận có công-sản (như các đường-lộ hàng-quận, đường xe lửa địa-phương, đường sắt (*tramways*), v.v.), có tư-sản (như các nhà cửa ruộng đất của hàng quận, nhà tòa án, trại hiến-binh (*gendarmeries*), nhà tù, nhà trường sư-phạm, v.v. cùng những đồ dụng-cụ trong các nhà các sở ấy, các khoản thuế lệ của hàng quận).

Đầu mỗi quận có một quận-trưởng (*préfet*) là đại-biểu của Chính-phủ trung-ương để chủ-trương các việc hành-chính trong hàng quận. Quận-trưởng có một người giúp việc, gọi là « tổng thư-ký » (*secrétaire général*), tức cũng như là một chức phó quận-trưởng.

Bên quận-trưởng có hai hội-nghị : một là « quận-hạt hội-nghị » (*conseil général*), tức là hội-nghị hàng quận, các nghị-viên do dân bầu lên ; hai là « quận-hạt uỷ-hội » (*commission départementale*), là một phần phụ-thuộc cho hội-nghị trên.

Lại còn có « quận-sảnh-hội-nghị » (*conseil de préfecture*) do Chính-phủ bổ-nhiệm để lâm-thời dự-bàn các việc trong quận, và có khi đặt làm một tòa thẩm-phán riêng.

Đó là các bộ máy hành-chính của hàng quận ; nay ta xét lần-lượt từng bộ một như sau này.

1 — *Nói về chức-quyền quận-trưởng.* — Ta vừa nói quận-trưởng là đại-biểu của Chính-phủ trung-ương ; quận-trưởng tức là người trung-gian của các quan tổng-trưởng các bộ để giao-thiệp với người dân ; nhưng kỳ-thực thời là trực-thuộc về bộ Nội-vụ, vì bộ Nội-vụ là chủ-trương việc nội-chính.

Quận-trưởng do quan Giám-quốc bổ-nhiệm ; cách chức cũng do quan Giám-quốc. Muốn được bổ-nhiệm quận-trưởng, chỉ phải thuộc dân-tịch Pháp là đủ, còn không phải tư-cách gì khác nữa

Quận-trưởng phải thi-hành những luật-lệnh của Chính-phủ trung-ương ; thuộc về những trường-hợp nào trong luật cho phép thời được ban những « qui-tắc-nghị-định » (*arrêtés réglementaires*), như khi qui-định về việc săn-bắn, việc đánh cá, hoặc thiết-kế về việc tuần-phòng, việc vệ-sinh, việc trị-an trong quận-hạt. Lại được ban những « đặc-biệt hay là cá-nhân nghị-định » (*arrêtés spéciaux ou individuels*), như thuộc về việc điền-thổ, về nhà ở cùng công-xưởng không hợp vệ-sinh, hay là bổ-nhiệm những thuộc-viên trong hàng-quận, những hội-viên các hành-chính-uỷ-hội (*commissions administratives*).

Quận-trưởng lại có quyền được lâm-thời đình chức một hội-nghị hàng-chợ (*conseil municipal*). Cũng nhiều khi được duyệt-y những lời bàn của các hội-nghị hàng chợ.

Quận-trưởng lại có quyền được lâm-thời đình-chức các thị-trưởng (*maires*) trong hạn một tháng, có quyền duyệt-y hoặc bãi-bỏ các nghị-định của thị-trưởng, cũng có khi được phép thế

quyền các thị-trưởng mà thiết-kế giữ-gìn cho việc vệ-sinh, việc tuần-phòng, việc trị-an trong hàng chợ (điều thứ 99, luật về các thị-tỉnh năm 1884).

Nghị-định của quận-trưởng mà không tuân theo thời nghĩ phạt theo « tội vi-cảnh » (*peines de simple police*) như trong điều 471 hình-luật ; nhưng khi nào có việc vi-cảnh như vậy đệ lên tòa-án thời quan-án có quyền xét lại xem lời nghị-định có hợp phép hay không.

Các quận-trưởng và chức cảnh-sát-sảnh-trưởng (*préfet de police*) ở Paris, theo diều thứ 10 trong Luật « Hình-sự-tố-tụng », được quyền phải các viên « tư-pháp-cảnh-sát » (*officiers de police judiciaire*) khám-nghiệm các trọng-tội khinh-tội và tống-nạp những kẻ phạm-tội cho tòa-án xét-xử. Nhưng gần đây có tờ châu-tri của quan Nội-vụ răn các quận-trưởng nên thi-hành quyền ấy rất cẩn-thận, vì làm như thế có khi xâm-phạm sang quyền tư-pháp.

Sau nữa quận-trưởng phải thay mặt Nhà-nước trong những việc tố-tụng có can-thiệp đến Nhà-nước. Quận-trưởng lại là người thay mặt của hàng-quận nữa. Phàm các công việc trong hàng-quận thời quận-trưởng xét trước, rồi mới đệ-trình cho quận-hạt-hội-nghị bàn, hội-nghị hễ việc gì không có quận-trưởng đệ-trình thời chỉ được « thỉnh-cầu » (*émettre des vœux*) mà thôi. Quận-trưởng phải thi-hành những lời quyết-nghị của quận-hạt-hội-nghị cùng quận-hạt-uỷ-hội.

Khi nào quận-trưởng vắng mặt hoặc mắc bận thời có thể uỷ-quyền cho viên tổng thư-ký hoặc cho một quận-sảnh nghị-viên (*conseiller de préfecture*).

2. — *Nói về chức tổng-thư-ký.* — Tổng-thư-ký là một chức quan-lại đặt bên chức quận-trưởng, để giữ một phần việc trong quận-sảnh, và thay quyền quận-trưởng khi vắng mặt hoặc khi có việc bận.

Quận-trưởng cũng có thể xin phép quan Nội-vụ uỷ hẳn cho tổng-thư-ký một phần chức-trách trong việc hành-chính hàng quận.

Tổng-thư-ký phải giữ công-văn bút-lục trong hàng-quận, và phát bản sao những công-văn bút-lục ấy cho người có việc xin ; khi nào quận-sảnh-hội nghị lập làm tòa-án cai-trị thời tổng, thư-ký đứng làm chân chưởng-lý (*ministère public*).

Chức tổng-thư-ký do quan Giám-quốc bổ-nhiệm; muốn được bổ-nhiệm phải thuộc dân-tịch Pháp là đủ.

3 — *Quận-hạt-hội-nghị.* — Số nghị-viên của quận-hạt-hội-nghị tuỳ mỗi quận ít nhiều khác nhau, vì số ấy là theo số tổng. Mỗi tổng được cử một nghị-viên, nhiệm-kỳ là sáu năm. Cứ ba năm bầu lại một nửa, bầu bằng lối « nhất-danh đầu-phiếu » (*scrutin uninominal*) và « phổ-thông tuyển-cử » (*suffrage universel*). Cách làm sổ bầu-cử cũng giống như sổ bầu-cử Hạ-Nghị-viện, vì từ luật ngày 5 Avril 1884 thời các sổ bầu-cử cùng theo một thể cả.

Muốn cho được bầu vào quận-hạt-hội-nghị, thời phải thuộc dân-tịch Pháp, ít ra là 25 tuổi, và phải có tên trong sổ bầu-cử một chợ nào, hoặc không có tên thời phải chứng rằng trước ngày bầu-cử mình có quyền được biên tên vào sổ mà vì cớ gì bị bỏ sót không biên. Phải có trụ-sở ở trong quận, hoặc có tên ở một sổ thuế ngày 1er Janvier năm ấy, hoặc mới được kế-nghiệp một cái ruộng đất nào trong hàng quận từ ngày 1er Janvier năm ấy. Tuy vậy số nghị-viên không có trụ-sở trong hàng quận không được hơn chia tư một phần tổng-số nghị-viên của quận-hạt-hội-nghị.

Những người có can án không được bầu [illegible]ng quân-quan binh-

linh cũng không được bầu. Có mấy chức quan-lại không được ra ứng-cử quận-hạt-nghị-viên, nhưng chỉ ở nơi đương tại-chức mà thôi, là để phòng sự lạm-quyền. Ở nơi khác có quyền ra ứng-bầu được, song nếu là chức quan không thể kiêm làm nghị-viên được thời khi được bầu phải từ chức cũ.

Theo luật ngày 10 Août 1871, không ai đồng-thời làm nghị-viên trong nhiều quận được.

Việc bầu-cử quận-hạt-nghị-viên có quyền dị-nghị được; phàm người có quyền đi bầu trong hàng tổng, người ra ứng-bầu, quận-trưởng cùng các nghị-viên quận-hạt-hội-nghị đều có quyền dị-nghị cả. Khi nào có dị-nghị như thế thời phải biên vào trong biên-bản lúc bầu-cử, hoặc trong hạn mười ngày trình ở quận-sảnh hay là ở phòng thư-ký Tham-chính-viện (*Conseil d'Etat*). Tham-chính-viện phải xét-xử và quyết-nghị trong hạn ba tháng. Nếu là vì không đủ tư-cách theo pháp-luật thời Tham-chính-viện có thể chuyển cho tòa án thường xét được.

Khi nào một quận-hạt-nghị-viên xét ra không đủ tư-cách theo pháp-luật, thời Hội-nghị có quyền khai người ấy là từ-chức. Khi nào nghị-viên không có cớ gì chính-đáng mà không đến dự hội-đồng trong một khóa, thời hội-nghị cũng được quyền làm thế. Lại nghị-viên nào từ chối không chịu làm hết chức-vụ như trong luật đã định, thời Tham-chính-viện cũng được quyền khai người ấy là từ-chức, người nào đã bị khai từ-chức thời trong hạn một năm không thể tái-bầu được.

Quận-hạt-hội-nghị thường-thường mỗi năm họp hai khóa, một khóa về tháng tư, một khóa về tháng tám; nhưng lâm-thời cũng có thể họp đặc-khóa được.

Mỗi một năm, về khóa tháng tám Hội-nghị họp lấy ông nghị-viên nhiều tuổi nhất làm chủ tọa, một nghị-viên ít tuổi nhất sung chức thư-ký. Bấy giờ hội-nghị mới bầu tòa chủ-sự (*bureau*), có một nghị-trưởng, một hay nhiều phó-nghị-trưởng, và ít nhiều thư-ký.

Hội-nghị phải công-đồng, trừ khi họp bí-mật không kể.

Quận-trưởng được tham-dự hội-nghị, trừ khi kiểm-tra sổ kết-toán của mình đệ-trình thời không được dự-hội.

Quan Giám-quốc có quyền hạ sắc-lệnh giải-tán quận-hạt-hội-nghị, nhưng trong khi Thượng-Hạ-nghị-viện còn đương khóa thì phải trình cho nghị-viện biết ngay; nghị-viện bèn quyết nghị luật định ngày bầu-cử lại, và định xem quận-hạt-uỷ-hội có nên giữ như cũ không, nếu không thời cho phép chánh-phủ cử một uỷ-hội mới.

Khi một quận-hạt-nghị-viên vì quá-cố, vì từ-chức hay vì cớ gì khuyết, thời trong hạn ba tháng phải bầu người khác thay. Song nếu đã gần đến kỳ Hội-nghị mãn-hạn, và cái chân khuyết ấy là vào chân sắp phải tái-cử đến nơi, hoặc từ khi khuyết cho đến kỳ mãn-hạn không còn họp kỳ nào nữa, thời không cần phải bầu người thay.

Trên kia đã nói rằng từ khi nước Pháp đặt ra lối quận-huyện, tuy cái đại-thể là muốn qui-tập cả về trung-ương, nhưng cũng đã nhiều lần muốn khuynh-hướng về đường địa-phương tự-trị. Cái phong-trào ấy bắt đầu từ luật năm 1871 tổ-chức lại các quận-hạt-hội-nghị. Hồi khởi-thuỷ, những hội-nghị ấy chỉ có quyền biểu ý-kiến mà thôi, ý-kiến ấy chính-phủ trung-ương muốn theo hay là không theo cũng được. Kế đến luật năm 1838 thì định rằng nhiều việc phải có quận-hạt-hội-nghị ưng-thuận mới được, nhưng hội-nghị ưng-thuận rồi, lại còn phải có quan hành-chính chuẩn-y mới được. Sau nữa đến luật năm 1866 thì chỉ tùy từng việc mới cần phải chuẩn-y. Kết

cùng đến luật năm 1871 thời lệ chuẩn-y ấy thành một cái đặc-lệ, không mấy khi thi-hành đến.

Song tuy luật ấy có mở rộng chức-quyền cho quận-hạt-hội-nghị, nhưng cũng còn có hạn-chế một đôi điều, kể rõ như sau. Vì những lời bàn-định của Hội-nghị không phải quan-trọng đều như nhau : có khi thời hội-nghị là thay vì cho quyền lập-pháp, có khi là thay mặt cho dân hàng quận, nên tùy các công việc bàn, lời bàn có nặng nhẹ khác nhau. Đại-khái phân ra bốn hạng như sau này :

1º Những lời bàn mà quyền hành-chính không có thể bãi-bỏ hoặc đình-hoãn được. — Hạng đó là thuộc về những khi hội-nghị lấy cái tư-cách thay vì cho quyền lập-pháp mà bàn, như việc phân-bổ thuế-ngạch cho các hàng huyện, việc định số phụ-thâu (*centimes additionnels*).

2º Những lời bàn có thể quyết-nghị thi-hành, trừ khi có sắc-lệnh thủ-tiêu không kể. — Như bàn về việc định lại các khu bầu-cử (*sections électorales*), việc các đường-lộ (đường hàng quận, hàng chợ, đường cái quan), việc cấp lương học vào tiền công hàng quận, việc tài-chính trong quận, việc mua nhường nhà đất công, việc kiến-chúc, việc các đường xe-lửa hàng quận, việc cứu-tế con trẻ nghèo-ốm hoặc vô-thừa-nhận, việc phân-tranh về sự san-bổ những khoản chi-tiêu cho các hàng-chợ, việc thay đổi giới-hạn cho các « chợ », v.v.

Quận-trưởng có quyền xin thủ-tiêu (*annulation*) những lời bàn ấy trong hạn hai mươi ngày kể từ ngày hết khóa nghị-hội. Tham-chính-viện phải xét, hễ quả là trái với hành-chính-qui-tắc, hay là có lạm-quyền, thời phải có sắc-lệnh quan Giám-quốc mới thủ-tiêu được.

3º Những lời bàn có thể quyết-nghị thi-hành, trừ khi có sắc-lệnh đình-hoãn không kể.— Như bàn về việc mua cùng nhượng những nhà cửa dùng làm sở công, việc trích tiền ở công-ngân hàng quận để giúp phần vào các công-trình Nhà-nước làm, xét những đơn xin của các hội-nghị hàng chợ về mấy thứ thuế-ngạch và đại-để là những lời bàn về các việc công-ích trong hàng quận. — Những lời bàn ấy muốn đình-hoãn không cho thi-hành thời phải có sắc-lệnh của quan Giám-quốc trong hạn ba tháng sau khi bàn xong.

4º Những lời bàn phải có quyền hành-chính chuẩn-y mới được thi-hành. — Như những khi đặt ra thuế-ngạch đặc-biệt ngoài cái giới-hạn đã định trong luật tài-chính, khi mở những cuộc công-trái cho hàng quận (*emprunts départementaux*) mà định dài hạn (hơn 30 năm), khi nhận những của cống-tặng hay là của di-truyền (*dons et legs*) mà có người dị-nghị. Những khi ấy thời phải đệ cho Tham-chính-viện xét, rồi có sắc-lệnh quan Giám-quốc chuẩn-y mới được thi-hành.

Thuộc về sổ dự-toán và sổ kết-toán hàng quận, thời lệ chuẩn-y chỉ phải sắc-lệnh quan Giám-quốc là đủ, không cần Tham-chính-viện xét.

Sau hết, có mấy khoản chi-tiêu cần cho việc công-ích trong hàng quận mà quận-hạt-hội-nghị bỏ sót không biên vào sổ dự-toán hoặc từ-chối không muốn biên, thời quận-trưởng có thể xin với Bộ tự-tiện biên vào, khi ấy thời có sắc-lệnh ban theo lối hành-chính-qui-tắc (*décret rendu en la forme des règlements d'administration publique*) cho phép (luật ngày 30 Juin 1907).

Có nhiều việc Nhà-nước phải đệ-trình cho quận-hạt-hội-nghị để hỏi ý-kiến. Ý-kiến của hội-nghị ấy lắm khi không có không được, như về những việc thay đổi giới-hạn các địa-hạt, những sự quan-hệ đến việc kiểm-lâm (*régime forestier*), cùng là hết thảy những việc [illegible] trong luật có định rõ

rằng cần phải hỏi ý quận-hạt-hội-nghị mới được.

Các quận-hạt-hội-nghị lại có quyền được thỉnh-cầu mọi việc, trừ về những việc yếu-chính trong nước thời không được.

Luật ngày 15 Février 1872 (gọi là luật Trévenec, tên ông nghị-viên xướng ra luật ấy) định rằng các quận-hạt-hội-nghị lâm-thời cũng được có quyền lập-pháp, nhưng đó là chỉ trong một trường-hợp đặc-biệt như sau này : là khi nhân có việc ngoại-chiến hay việc nội-loạn mà Thượng Hạ Nghị-viện không họp được, thời các quận-hạt-hội-nghị phải họp lại, mỗi hội cử hai người phái-viên để lập-thành một lâm-thời-nghị-hội tạm thay hai nghị-viện chính-thức; nhưng gặp khi ấy thời hạn trong một tháng phải tổng-tuyển-cử, hễ nghị-viện mới họp thời lâm-thời-nghị-hội phải giải-tán.

4 — *Quận-hạt ủy-hội.* — Quận-hạt ủy-hội là một hội-đồng do quận-hạt hội-nghị bầu lấy mấy người nghị-viên trong hội về cuối khóa tháng tám để làm việc trong khi hội-nghị không họp thường-khóa. Thường-thường có chừng 4 đến 7 người mà thôi. Những nghị-viên Thượng Hạ nghị-viện cùng thị-trưởng nơi sở-tại quận không được cử vào ủy-hội ấy. Ủy-hội ấy phải họp hội-đồng mỗi tháng ít ra là một lần. Lấy tư-cách là đại-biểu cho hàng quận, được quyền kiểm-soát những công-việc của quận-trưởng. Lại có quyền hoặc tự-ý hoặc khi quận-trưởng tư-vấn về việc gì, biểu ý-kiến cho quận-trưởng hay. Ủy-hội phải dự-bàn các việc, rồi trình cho hội-nghị quyết-nghị ; lại phải xét trước cái dự-án số dự-toán của quận-trưởng đệ-trình, và có quyền dị-nghị.

Chức-quyền của quận-hạt-ủy-hội tức là chức-quyền của quận-hạt hội-nghị ủy cho ; ngoại-giả lại còn có chức-quyền riêng nữa, trong luật đã định, nhất là về việc điền-thổ, việc phân-phối các khoản trợ-cấp về công-tác trong hàng quận, việc công-trái cho hàng quận, việc kế-toán của các « chợ » (*comptabilité communale*). Về những việc ấy thời ủy-hội có quyền quyết-nghị, nhưng lời quyết-nghị có thể khẳng-cáo hoặc ở quận-hạt-hội-nghị hoặc ở Tham-chính-viện được.

5 — *Quận-sảnh-hội-nghị.* — Quận-sảnh-hội-nghị không phải là một hội-nghị do dân bàu lên. Những hội-viên trong hội-nghị ấy là do quan Giám-quốc bổ-nhiệm. Quận-sảnh hội-nghị thường có ba hay là bốn hội-viên. Muốn làm chức quận-sảnh-hội-viên (*conseiller de préfecture*) thời phải ít là 25 tuổi, có bằng luật-khoa-cử-nhân (*licencié en droit*), hay là đã từng làm chức hành-chính hay tư-pháp gì trong 10 năm, hay là đã từng làm quận-hạt-nghị-viên hoặc làm thị-trưởng. Làm quận-sảnh-hội-viên thời không được kiêm chức-nghiệp gì khác nữa.

Quận-trưởng có quyền làm chủ-tọa quận-sảnh-hội-nghị ; phó-chủ thời mỗi năm có sắc-lệnh cử trong hàng hội-viên.

Quận-sảnh-hội-nghị cho được đủ quyền bàn-định thời hội-viên phải có tới ba người mới được. Nếu có sự gì ngăn-trở không được đủ số ấy thời các hội-viên có mặt có thể cử một quận-hạt-nghị-viên thay cho sung số. Nếu cả các hội-viên đều mắc bận mà không tới họp cả, thời quan Bộ có thể ký nghị-định cử những quận-hạt-nghị-viên ra thay.

Những chức-vụ của quận-sảnh-hội-nghị thời có thể chia làm hai hạng : một hạng thuộc về việc hành-chính (*attributions administratives*), một hạng thuộc về việc tố-tụng (*attributions contentieuses*).

Thuộc về việc hành-chính thời quận-sảnh-hội-nghị là thay quyền Chánh-phủ trung-ương mà có cái tư-cách tư-vấn (*consultatif*). Có lắm việc sự tư-vấn

ấy không có không được, như những việc « thu-mại »[1] những cửa nhà ruộng đất, việc thôn - xã - đạo - lộ (*chemins vicinaux*), v. v.

Ngày xưa thời quận-sảnh-hội-nghị còn có quyền chuẩn-phê cho các «chợ» cùng các công - sở (*établissements publics*) được ra tố-tụng ở trước tòa-án. Tự luật ngày 6 Janvier 1905 thời bãi-bỏ cái quyền ấy, chỉ trừ trong hai trường-hợp như sau này: 2º Khi đáng lẽ hàng chợ phải đứng lên tố-tụng mà không làm, thời một người dân có thể xin quận-sảnh-hội-nghị cho phép ra tố-tụng thay; 2º một công-sở nào muốn tố-tụng việc gì phải hỏi ý hội-nghị hàng-chợ có bằng lòng mới được, nếu không bằng lòng thời phải trình lên quận-sảnh-hội-nghị xét có ưng thời chuẩn cho.

Thuộc về việc tố-tụng thời quận-sảnh-hội-nghị tức là một « tòa án cai-trị » (*tribunal administratif*) xét những việc phân-tranh của người tư-dân với Nhà - nước. Những chức - quyền của quận-sảnh-hội-nghị về việc tố-tụng thế nào thời sau này về mục « kháng-cáo những việc hành - chính » (*voies de recours contre les actes administratifs*) sẽ xét tường.

II

Nói về huyện

Huyện (*arrondissement*) là một cái khu hành-chính (*division administrative*), tức là một bộ-phận trong quận, nhưng không có « pháp-nhân tư-cách» (*personnalité civile*) như quận.

Trong huyện sở-tại của quận thời quận - trưởng kiêm - lĩnh cả huyện; trong các huyện khác thời mỗi huyện có một huyện-trưởng (*sous-préfet*) làm đầu. Gần huyện-trưởng, có một hội-nghị bàu bằng lối tổng-tuyển-cử, gọi là huyện-hạt-hội-nghị (*conseil d'arrondissement*) để bàn-định về mấy việc riêng trong hàng huyện.

1 — *Nói về chức - quyền huyện - trưởng.* — Huyện-trưởng do quyền hành-chính kén-chọn và bổ-nhiệm, không phải tư-cách gì riêng.

Người ta thường bác sự đặt ra chức huyện-trưởng là phiền. Song quận-lỵ thường ở xa, cần phải có một chức quan nhỏ ở gần dân để cho biết rõ dân-tình cùng mọi sự lợi-bệnh trong dân-gian thế nào mà tư-báo cho quận-trưởng biết, cùng giúp quận-trưởng trong việc hành-chính. Vả ngoài cái chức-trách ấy, huyện-trưởng lại còn có quyền-chức riêng nữa, có thể quyết-định nhiều việc, cho người đương-sự khỏi phải thượng-cáo lên quận-trưởng vừa xa-xôi vừa phiền-phí.

Huyện-trưởng phải thi-hành những mệnh-lệnh của quận-trưởng và làm người trung-gian cho quận-trưởng giao-thiệp với các thị-trưởng (*maires*). Cũng có khi quận-trưởng uỷ-quyền cho huyện-trưởng được : lại gặp khi cần-cấp thời huyện-trưởng có thể lâm-thời thay quyền quận-trưởng, không cần phải có uỷ-mệnh riêng. Sau nữa, theo pháp-luật và theo sắc-lệnh (nhất là sắc-lệnh ngày 13 Avril 1861 về địa-phương tự-trị) thời nhiều khi huyện-trưởng cũng có quyền riêng : như việc kiểm xét những nhà sở không hợp phép vệ-sinh, việc lục-lộ (*voirie*), việc ban-cấp giấy nhận-thực và giấy thông-hành, chuẩn-nhận những giá-ngạch cho các nơi mộ-địa (*homologation de tarifs de cimetières*), việc chợ-búa, cân-lường, trừ-diệt các giống vật làm hại, việc tu-bổ nhà-sở công của

---

(1) *Thu-mại* 收 買 = Khi nào Nhà-nước vì việc công như làm đường, làm cống, lập chợ, lập sở công, v. v. phải cần đến nhà cửa ruộng đất của tư-dân, thời có quyền theo pháp-luật thu lấy những nhà cửa ruộng đất ấy mà đền tiền cho người chủ, tức là « c[illegible]mua » để dùng làm việc công-ích ; thế gọi là « thu-mại ». — EXPROPRIER, EXPROPRIATION.

hàng-chợ, việc dự-toán kết-toán cho các « sở thiện » (*bureaux de bienfaisance*), bổ-nhiệm những viên thu thuế chợ.

Các công việc của huyện-trưởng phải trình cho quận-trưởng, quận-trưởng có quyền sửa-đổi hoặc thủ-tiêu vì lạm-quyền hay là vì người đương-sự kêu-nài.

Khi huyện-trưởng mắc bận thời quận-trưởng chọn một nghị-viên hàng huyện tạm thay ; thường thời là một nghị-viên hàng quận thay quyền ký giấy, khi nào bận thời mới cử đến nghị-viên hàng huyện.

2 — *Huyện-hạt-hội-nghị*. — Mỗi huyện có một huyện-hạt-hội-nghị, số nghị-viên tuỳ theo số tổng, cứ mỗi tổng một người, nhưng không được bao giờ dưới số 9 người. Hễ trong huyện không đủ chín tổng thời thiếu bao nhiêu nghị-viên phải có sắc-lệnh chia số ấy cho những tổng nhiều người nhất để bầu thêm cho sung số.

Bầu-cử bằng lối phổ-thông-tuyển-cử. Cho được bầu-cử phải ít ra là 25 tuổi, có trụ-sở trong hàng huyện hay là có tên trong sổ thuế, cũng không phạm vào những lệ « bất-đắc tuyển-cử » và « bất-đắc-kiêm-lĩnh » (*inéligibilité et incompatibilité*), lệ ấy cũng giống như ở quận-hạt-hội-nghị. Người nào đã được bầu nghị-viên huyện này không được làm nghị-viên huyện khác, cũng không được kiêm nghị-viên hàng quận.

Những sự dị-nghị về việc bầu-cử hàng huyện phải đem lên quận-sảnh-hội-nghị xét-xử. Đương khi bầu-cử ai kêu-nài dị-nghị điều gì phải biên vào biên-bản, hoặc trong hạn năm ngày phải làm đơn đệ vào phòng thư-ký huyện-sảnh. Nhiệm-kỳ huyện-hạt-nghị-viên là sáu năm, hết hạn thời bầu lại một nửa. Khi khuyết vì chết hay là vì cớ gì, thời trong hạn hai tháng phải bầu người thay, trừ khi cái chân khuyết ấy là vào hạng sắp mãn-hạn, từ đấy đến trước khóa sau là tới kỳ phải tái-cử, thời không kể.

Huyện-hạt-hội-nghị họp tại huyện-sảnh, tự-cử lấy hội-trưởng và thư-ký.

Huyện-trưởng có quyền được tham-dự hội-đồng, có quyền được thuyết-giải cho hội-nghị nghe.

Khi hội-nghị không có công-đồng, nhưng phàm người dân có suất-sở trong hạt thời có quyền đòi biên-bản hội-đồng để xem được.

Quận-trưởng có quyền được đình-hoãn huyện-hạt-hội-nghị, nhưng phải có Chính-phủ trung-ương duyệt-y mới được ; giải-tán phải do quan Giám-quốc.

Cái chức-vụ thứ nhất của huyện-hạt-hội-nghị là phải phân-san cho các « chợ » cái tổng-số thuế bổ cho cả huyện. Phần đầu khóa thời phải xét những lời kêu-nài cùng những đơn xin giảm của các chợ, rồi đệ lên cho quận-hạt-hội-nghị xét thế nào thời huyện-hạt-hội-nghị về phần cuối khóa cứ theo thế mà phân-san cho các chợ.

Huyện-hạt-hội-nghị hoặc khi huyện-trưởng tư-vấn về việc gì, hoặc tự-ý, có thể biểu ý-kiến cho huyện-trưởng theo ; có việc huyện-trưởng cần phải hỏi ý-kiến của hội-nghị mới làm được.

Huyện hạt-hội-nghị có quyền thỉnh-cầu (*émettre des vœux*) mọi việc, phải đệ thẳng lên quận-trưởng xét ; nhưng không được thỉnh-cầu về các việc quốc-chính.

III

Nói về tổng

Tổng (*canton*) chỉ là một khu-vực trong địa-phương, không phải là một hành-chính-bản-vị (*unité administrative*), cũng không có pháp-nhân tư-cách; vậy về đường hành-chính không có đặt thể-chế gì riêng cả. Đã nhiều lần có người bàn nên đặt một hạng « tổng-hạt-hội-nghị » (*conseil cantonal*) để

thế vào huyện-hạt-hội-nghị mà bàn-định về mọi việc công-ích trong hàng tổng, nhưng tới nay lời bàn đó chưa thấy thực-hành.

Hiện nay ở nước Pháp ước có 3 nghìn tổng.

Về đường tư-pháp thời tổng là cái phạm-vi của quyền tòa án sơ-cấp.

IV

Nói về « chợ »

1. — Tính-cách, lịch-sử và thể-chế của « chợ ». — Chợ (*commune*) [1] cũng như quận, không những là một cái khu-vực trong địa-phương, thực là một cái bản-vị về hành-chính. Chợ nghiễm-nhiên là một « pháp-nhân » (*une personne*), có quyền-lợi, có tài-sản, có cơ-quan hành-chính riêng.

Thể-chế các chợ ở nước Pháp từ một thế-kỷ nay đã canh-cải đi nhiều lắm, nhưng đại-để là muốn khuynh-hướng về đường tự-trị cho rộng hơn. Hồi xưa kia thời các chợ vẫn phải quyền trên kiểm-chế nghiêm lắm ; các thị-tỉnh-hội-nghị (*conseils municipaux*) lúc trước là do Chính-phủ bổ-nhiệm cả ; rồi sau được bầu-cử bằng lối « hữu-hạn tuyển-cử » (*suffrage restreint*) ; từ năm 1848 trở đi mới thật là được bầu bằng lối « phổ-thông-tuyển-cử. » Thị-trưởng (*maire*) cũng thế, hồi đầu do Chính-phủ và do quận-trưởng bổ-nhiệm, rồi trong ít nhiều chợ được do thị-tỉnh-hội-nghị bầu lên. Đến sau cùng thời quyền kiểm-chế của Chính-phủ chuyển xuống quận-trưởng, nhưng chỉ thuộc về mấy trường-hợp riêng mà thôi, và những lời bàn của thị-tỉnh-hội-nghị trở về ít nhiều việc trong luật đã định còn thời không cần phải quyền hành-chính chuẩn-y nữa.

Kịp cho đến luật năm 1884 thì bãi-bỏ cả các luật trước và tổ-chức lại cả cái chính-thể của các chợ ; luật ấy ngày nay vẫn còn thi-hành, người ta thường gọi là « sách hội-điển của các thị-tỉnh » (*code municipal*) vậy.

Đầu mỗi chợ có một thị-trưởng (*maire*), do thị-tỉnh-hội-nghị bầu lên ; giúp việc cho thị-trưởng thời có những phó-thị-trưởng (*adjoints*) cũng bầu-cử như thế ; gần thị-trưởng thời đặt một nghị-hội gọi là thị-tỉnh-hội-nghị (*conseil municipal*), bầu-cử bằng lối « phổ-thông-tuyển-cử. »

Luật năm 1884 ấy thật là mở rộng về đường địa-phương tự-trị, vì đã tăng chức-quyền cho các thị-tỉnh-hội-nghị nhiều lắm, khiến cho ngày nay các thị-tỉnh ở nước Pháp hầu như đã có cái tư-cách tự-trị được hoàn-toàn vậy.

Xét ra các xã-thôn An-nam ta cũng là những đoàn-thể tự-trị vì công việc trong làng là do những bậc đàn anh tức là bọn kỳ-mục trông nom, mà kỳ-mục là do cả bàn-dân suy-cử những người có vai-vế cùng những người được việc lên; nhưng không đặt ra thể-chế phân-minh , chỉ phó mặc cho thông-tục qui-định, thành ra lâu ngày lưu-tệ, mà Quốc-gia không có kế chấn-hưng được, tới ngày nay đã công-nhiên là một cái nền nhà đổ-nát, nếu không kịp chữa sửa thời cái hại cho sự tiến-hóa của dân ta không biết bao nhiêu mà kể. Ngày nay những người có lưu-tâm về việc công-ích trong

(1) *Commune* không thể dịch là « làng », « xã » được, vì cái nghĩa nó rộng hơn. Sách Tàu và sách Nhật thường dịch là 市, 市井, 市區, 市鄉, 市村, là gồm cả chốn hương-thôn, nơi thành-phố, phàm đặt thành khu-vực có cái tư-cách tự-trị thì gọi là thế. Nay dịch nôm là « chợ », xét ra tiếng « chợ » ấy vốn ở nước ta cũng đã có cái nghĩa hơi giống như thế, và chỉ một cái đoàn-thể có tư-cách tự-trị, như thường nghe nói « chợ hàng thêu, chợ hàng giép », v. v. tức là hàng những người làm nghề thêu, nghề giầy giép, mà ngụ cái ý là một bọn người đồng-nghiệp tự-trị lẫn nhau. Vả tiếng « chạ » của ta có lẽ cũng là ở tiếng « chợ » mà ra.

nước ta phải lấy sự chấn-chỉnh hương-chính làm một cái vấn-đề đệ-nhất cần-cấp, các vấn-đề khác phần nhiều cũng do đó mà ra vậy.

Sau này xét về những cơ-quan trong hàng chợ thế nào.

2 — *Nói về thị-trưởng.* — Thị-trưởng là do thị-tỉnh-hội-nghị bầu lên và bầu trong chân các nghị-viên hàng chợ.

Nay ta thí-dụ trong một chợ thị-trưởng khuyết vì quả-cố đi, vì từ-chức, hay là vì duyên-cớ gì khác, thời cái thủ-tục để bầu người thay thế nào.

Nếu thị-tỉnh-hội-nghị đông-đủ cả thời trong hạn mười lăm ngày phải bầu thị-trưởng mới. Nếu hội-nghị không đông-đủ thời trong hạn mười lăm ngày phải bầu thêm cho hội-nghị đông-đủ đã, rồi mới bầu thị-trưởng. Nếu bấy giờ mà trong hội-nghị lại còn có chân mới khuyết nữa, thời cứ việc bầu thị-trưởng, trừ khi số nghị-viên chia tư chỉ còn có ba phần thôi thời khi ấy trong hạn một tháng kể từ ngày xảy ra số khuyết sau cùng phải bầu thêm nghị-viên cho bổ-khuyết trước đã.

Cho được bầu thị-trưởng thời trước nhất phải chiêu-tập các thị-tỉnh-nghị-viên, theo lệ chiêu-tập (*convocation*) thường, nghĩa là ba « ngày tròn » (*jours francs*) trước ngày hội-đồng (ngày tròn là cứ tính từ nửa đêm nọ đến nửa đêm kia, như chiêu-tập ngày thứ tư thời hội-đồng ngày chủ-nhật). Nhưng gặp khi cần-cấp thời quận-trưởng hay huyện-trưởng có thể rút bớt hạn ấy được. Giấy chiêu-tập phải biên vào « hội-nghị sách » (*registre des délibérations*) và phải yết-bảng ra, trong nói rõ việc bầu-cử gì.

Kỳ bầu-cử thời chủ-tọa là ông nghị-viên có tuổi hơn nhất. Bầu bằng lối « mật-phiếu » (*scrutin secret*) và phải đủ lệ « hoàn-toàn đa-số » (*majorité absolue*) mới được ; nếu lần đầu hay lần thứ hai không đủ, thời bầu đến lần thứ ba, lần này thời cứ ai nhiều vé hơn là người ấy được (*majorité relative*). Nếu hai người bằng số nhau thời người nào có tuổi hơn người ấy được.

Khi nào thị-trưởng có can-cứu việc gì thời quận-trưởng có quyền được đình-chức, nhưng trước phải gọi lên cho thuyết-minh các lẽ về sự can-cứu ấy đã. Hạn đình-chức quan Nội-vụ có thể đem lên đến ba tháng được. Nhưng muốn cách-chức thời phải có sắc-lệnh quan Giám-quốc.

Thị-trưởng đã bị cách-chức thời trong hạn một năm không được tái-cử. Muốn kháng-cáo phải kêu lên Tham-chính-viện xét-xử, không mất tiền phí-tổn, cũng không cần phải có trạng-sư.

Thị-trưởng từ-chức phải trình đơn lên huyện-trưởng, huyện-trưởng đệ đơn lên quận-trưởng nhận ngày nào thời bắt đầu từ-chức từ ngày đó, hoặc quận-trưởng không chịu nhận thời làm cái đơn nữa nhắc gửi bằng « thơ biên-nhận » (*lettre recommandée*), một tháng sau mà vẫn không thấy trả lời thời cứ việc thôi chức.

Khi vì giải-tán hay vì từ-chức mà thị-tỉnh-hội-nghị không còn nữa, phải đặt một uỷ-hội riêng thay, thời hội-trưởng uỷ-hội ấy tạm lĩnh chức thị-trưởng, nhưng đến khi có nghị-hội mới thời thôi.

Chức-quyền của thị-trưởng là thuộc về hộ-tịch (*pouvoirs civils*), về tư-pháp (*judiciaires*) và về hành-chính (*administratifs*).

Thuộc về hộ-tịch thời thị-trưởng là chủ giữ sổ sinh-tử-giá-thú (*officier de l'état civil*) ; phải làm phép cưới cho người ta và phải biên những giấy sinh-tử-giá-thú (giấy khai sinh, giấy báo-cưới, *publications de mariages*) (giấy giá-thú. Trong sự thi-hành các chức-quyền ấy thời thị-trưởng thuộc quyền tư-pháp và quyền hành-chính giám-đốc. Nếu sao-nhãng thời có trách-

nhiệm, có khi phải phạt tiền nữa : như quên không ký giấy hay là làm giấy sai-lầm có thiệt-hại cho người có việc thời phải phạt bồi tổn-hại. Lại có khi bị tòa-án phạt bạc tới 100 quan tiền tây nữa.

Thuộc về tư-pháp thời thị-trưởng là chủ coi việc « tư-pháp-cảnh-sát » (*officier de police judiciaire*, phải tra-nã những khinh-tội trọng-tội phạm trong địa-hạt chợ mình, họp-tập các chứng-cớ mà trình cho quan tòa-án biết ; trong sự thi-hành chức-quyền ấy thời thị-trưởng thuộc quyền tòa Thẩm-án và quan chưởng-lý. Cũng có khi thị-trưởng được sung chức chưởng-lý (*ministère public*) ở các tòa-án vi-cảnh (*tribunaux de simple police*).

Thuộc về hành-chính thời thị-trưởng là người đầu trong hàng chợ để đốc-suất mọi việc hành-chính, và đại-để trông nom cho các việc công trong hàng chợ được chỉnh-đốn, thi-hành luật-pháp của Nhà-nước cùng những lời quyết-định của thị-tỉnh-hội-nghị.

Lấy tư-cách là đại-biểu của Chính-phủ trung-ương thời thị-trưởng phải tuyên-yết và thi-hành các luật-lệ, thi-hành những kế-hoạch thuộc về sự trị-án trong xứ, và thi-hành những chức-quyền riêng (như chủ-trương việc bầu-cử, việc bổ thuế, v. v.) ; bấy nhiêu việc đều có Chính-phủ trên kiểm-đốc.

Thị-trưởng lại phải đốc-suất việc cảnh-sát trong hàng chợ và ngoài đồng-điền (*police municipale et rurale*), việc này là vốn trong chức-phận riêng của thị-trưởng, không phải là do quyền trung-ương uỷ cho, Chính-phủ trung-ương chỉ có quyền xem-xét mà thôi. Nếu thị-trưởng sao-nhãng việc cảnh-sát thời Chính-phủ phải làm thay. Trong việc này, thị-trưởng không thuộc gì về thị-tỉnh-hội-nghị.

Việc cảnh-sát trong hàng chợ là phải trông nom cho trong chợ được yên-ổn và đường-xá được sạch-sẽ. Thị-trưởng có quyền được nghị-định về việc đi lại trên đường-xá, cấm họp tập, cấm đánh nhau, cấm làm rộn-rịp, giữ những chỗ đông người như nhà-thờ, rạp-hát, chợ mua bán cho có trật-tự, việc tống-táng người chết cho hợp vệ-sinh ; lại phải trông nom cho những đồ ăn thức uống không được pha-phách giả-mạo, phòng-bị cho khỏi cháy nhà, khỏi ngập-lụt, giữ cho những kẻ bệnh điên khỏi chạy đông làm hại, cấm giống súc-vật không được thả dông, v. v.

Việc cảnh-sát đồng-điền là giữ cho yên-ổn những nơi đồng ruộng thuộc về địa-phận hàng chợ.

Trong những chợ số dân kém 40.000 người thời thị-trưởng có chuyên-trách phải tổ-chức việc cảnh-sát. Nếu thị-tỉnh-hội-nghị không chịu biên những khoản kinh-phí về việc cảnh-sát vào sổ dự-toán, thời xin sắc-lệnh quan Giám-quốc tự thêm vào được.

Thị-trưởng có quyền được bổ-nhiệm những lính cảnh-sát (*agent de police*), nhưng phải trình cho huyện-trưởng hay quận-trưởng duyệt. Thị-trưởng cũng được quyền bổ nhiệm những lính-tuần (*gardes champêtres*), nhưng cũng phải huyện-trưởng hay quận-trưởng duyệt mới được ; các hạng lính ấy, thị-trưởng có quyền đình-chức, nhưng cách-chức phải có quận-trưởng.

Trong những chợ số dân hơn 40.000 người thời việc cảnh-sát phải có sắc-lệnh quan Giám-quốc chiếu theo lời bàn của thị-tỉnh-hội-nghị mới tổ-chức được.

Những chức-quyền như sau này thời trong khi thi-hành thị-trưởng vừa thuộc quyền kiểm-đốc của thị-tỉnh-hội-nghị và của chính-phủ trung-ương. Như thay hàng chợ mà bảo-tồn cùng quản-trị những công-sản của chợ, biên-ký những văn-tự thuộc về các khoản lợi-quyền của chợ, kinh-lý các khoản lợi-tức ; trông nom những công-sở,

太平省之絲廠
4-I-20. - A la filature de soie de Thai-Binh.

3-I-20. - Devant l'Hôtel du Tong-Doc de Thai-Binh.
太平總部堂

(Kinh ảnh hiệu Hươn[illegible] Hai-[illegible]

những sổ-sách cùng công-trình tạo-tác, ký những giấy bán, giấy nhường, giấy nhận các tài-sản, nhưng các việc bán, nhường, nhận ấy phải có quan hành-chính chuẩn-y trước đã; thay mặt hàng chợ về các việc tố-tụng tại tòa-án; định những kế-hoạch để trừ các giống vật hại, chỉ-định về các việc lục-lộ.

Cho được thi-hành những chức-quyền như trên thời thị-trưởng có quyền được ký nghị-định (*arrêtés*). Những nghị-định ấy phải đăng-tả vào sổ hàng chợ, và một bản sao phải gửi lên cho huyện-trưởng. Huyện-trưởng hay quận-trưởng không có quyền sửa đổi được nghị-định của thị-trưởng, nhưng có quyền đình-hoãn cùng bãi-bỏ được.

Những nghị-định của thị-trưởng phải báo-cáo cho người ta biết rồi mới thi-hành được; báo-cáo thời những nghị-định về việc chung phải đem niêm-yết ra, và những nghị-định riêng của mỗi người phải thông-đạt cho người đương-sự hay.

Người nào làm trái những lời nghị-định của thị-trưởng thời phạm vào tội vi-cảnh.

3 — *Nói về phó thị-trưởng.* — Dưới thị-trưởng, trong mỗi chợ lại có một hay là nhiều phó-thị-trưởng để giúp việc cho thị-trưởng. Cách-thức bầu-cử, đình-chức, cách-chức, v. v. các phó-thị-trưởng cũng giống như thị-trưởng; phó-thị-trưởng là người thay quyền cho thị-trưởng thời trong khi thay quyền các quyền-chức cũng như thị-trưởng.

Khi thị-trưởng mắc bận thời phó-thị-trưởng nào đứng đầu sổ tạm-lĩnh chức thay. Nếu người phó-thị-trưởng đứng đầu sổ cũng mắc bận thời đến người đứng dưới, cứ lần lượt như thế, theo thứ tự bầu-cử. Nếu không có phó-thị-trưởng, thời là một nghị-viên hàng chợ theo thứ-tự trong sổ ra lĩnh chức thay.

Trong những chợ to, thị-trưởng không thể kiêm được hết các chức-quyền, thời có thể ủy một phần quyền ấy cho một hay là nhiều phó-thị-trưởng, nếu không có phó-thị-trưởng thời ủy cho một hay là nhiều nghị-viên hàng chợ cũng được.

Khi nào trong một chợ có một phần ở xa nơi sở-tại, hoặc giao-thông khó hay là vì sự ngăn-trở gì khác, thời Tham-chính-viện xét rồi trình quan Giám-quốc ký sắc-lệnh lập ra một chức gọi là « đặc-nhiệm phó-thị-trưởng » (*adjoint spécial*). Chức phó-thị-trưởng ấy do thị-tỉnh-hội-nghị cử, thường cử trong những nghị-viên có trụ-sở ở cái phần chợ xa sở-tại ấy. Nếu không có nghị-viên nào hợp-cách như thế, thời có thể đặc-cách cử một người dân thường có trụ-sở ở đấy cũng được; chỉ có trong trường-hợp ấy là phó-thị-trưởng mới có thể lấy người ở ngoài chân nghị-viên được mà thôi.

Chức-quyền của « đặc-nhiệm phó-thị-trưởng » có hạn nhất-định: chỉ được coi sổ sinh-tử giá-thú và việc thi-hành các luật-lệ, không được thay quyền thị-trưởng như các phó thị-trưởng khác.

4 — *Nói về thị-tỉnh-hội-nghị.* — Ở quận có quận-hạt-hội-nghị để đại-biểu cho dân hàng quận và bàn-bạc các việc trong quận. Ở chợ thời có thị-tỉnh-hội-nghị cũng để đại-biểu cho dân hàng chợ và bàn-bạc các công việc trong chợ. Thị-tỉnh-hội-nghị bàn bằng lối phổ-thông-tuyển-cử và nhiệm-kỳ là bốn năm.

Số nghị-viên của thị-tỉnh-hội-nghị thời từ 10 đến 36 người, tùy theo dân-số trong hàng chợ. Điều thứ 10 luật năm 1884 định số nghị-viên trong mỗi chợ như sau này:

	Cho	tới	500	người dân thời được	10	thị-tỉnh-nghị-viên
Từ	501	—	1.500	—	12	—
—	1.501	—	2.500	—	16	—
—	2.501	—	3.500	—	21	—
—	3.501	—	10.000	—	23	—
—	10.001	—	30.000	—	27	—
—	30.001	—	40.000	—	30	—
—	40.001	—	50.000	—	32	—
—	50.001	—	60.000	—	34	—
—	60.001 và hơn nữa			—	36	—

Trong những tỉnh-thành lớn chia làm nhiều thị-khu, thời số nghị-viên cứ mỗi thị-khu là thêm lên ba người. Hiện chỉ có thành Lyon là như thế.

Cách bầu-cử làm theo lối « hợp-sách tuyển-cử » (*scrutin de liste*), nghĩa là mỗi phiếu bầu phải biên đủ số nghị-viên phải bầu. Song khi nào quận-trưởng hay là thị-tỉnh-hội-nghị, hay là người có quyền bầu-cử trong hàng chợ xin thời quận-hạt-hội-nghị xét rồi có thể cho phép chia trong chợ ra làm mấy khu tuyển-cử, thời khi ấy người bầu-cử trong khu nào chỉ phải bầu cho số nghị-viên trong khu ấy mà thôi.

Người nào có tên biên vào sổ bầu-cử thời có quyền đi bầu. Sổ bầu-cử giống như sổ bầu các nghị-viên Thượng-Hạ Nghị-viện.

Cho được bầu làm thị-tỉnh-nghị-viên thời phải đã trọn 25 tuổi, phải có quyền bầu-cử trong chợ hay là có tên ở sổ thuế chính-ngạch (hay là có chứng-cớ rằng mình đủ tư-cách được biên vào sổ ấy ngày 1er Janvier năm bầu-cử mà người ta bỏ sót không biên); sau nữa phải không thuộc vào những trường-hợp bất-đắc-ứng-tuyển như trong luật đã định. Song trong số nghị-viên hàng chợ, chia tư không được quá một phần người không có trụ-sở trong chợ.

Có nhiều chức quan không thể kiêm với chức thị-tỉnh-nghị-viên ; như viên quan-lại nào được bầu nghị-viên thời được hạn 10 ngày phải từ chức cũ. Nếu trong hạn ấy không làm đơn từ thời sự bầu-cử vô-hiệu.

Một người không thể kiêm làm thị-tỉnh-nghị-viên trong nhiều chợ ; người nào đồng-thời được bầu trong nhiều chợ thời trong hạn 10 ngày kể tự ngày xướng-danh phải chọn muốn làm nghị-viên cho chợ nào, nếu không làm tờ khai phân-minh thời công-nhận cho làm nghị-viên chợ nào ít người bầu nhất.

Trong những chợ có hơn 501 người dân thời những người cùng một họ (cha con, ông cháu, anh em) không được đồng-thời làm nghị-viên.

Đến kỳ bầu-cử thời quận-trưởng ký nghị-định chiêu-tập những người có quyền đi bầu. Nghị-định ấy phải công-bố ra 15 ngày trước ngày đầu-phiếu, và ngày đầu-phiếu ấy phải là một ngày chủ-nhật. Trong nghị-định phải nói rõ nơi đầu-phiếu ở đâu, và bắt đầu bỏ vé từ giờ nào đến giờ nào thôi.

Cũng trong kỳ-hạn 15 ngày ấy, quận-trưởng có thể ký nghị-định chia một chợ ra làm mấy sở bầu (*bureaux de vote*). Sự chia ra sở bầu ấy với sự chia ra khu bầu (*sectionnement électoral*) như trên kia nói không có giống nhau. Chia ra sở bầu là để cho những chợ có nhiều người đi bầu được tiện sự bầu-cử, vì nếu bao nhiêu người đều đến bỏ vé ở cả một nơi thời phiền lắm, nhưng khác chia

ra khu bàu là người nào bỏ vé ở sở nào cũng là bỏ cho toàn-số nghị-viên trong hàng chợ, không phải riêng số nghị-viên trong một khu mà thôi.

Đính ngày bàu-cử thời lập một tòa chủ-sự, thị-trưởng, phó-thị-trưởng hay là một nghị-viên làm chủ-tọa, hoặc những hạng ấy mắc bận thời thị-trưởng cử một người có quyền đi bàu làm chủ-tọa cũng được. Chủ-tọa có quyền cảnh-sát trong khi hội-đồng bàu-cử. Hội-đồng chỉ có một việc bàu-cử mà thôi, không được nghi-luận bàn-định việc gì cả. Mỗi người đến bàu phải cầm cái vé bàu của mình gấp lại rồi đưa cho ông chủ-tọa bỏ vào hộp. Trong khi bàu-cử có xảy ra việc gì bất-kỳ thời tòa chủ-sự được tùy-nghi quyết-định. Đến khi hết giờ bỏ vé thời phải đem ra kiểm-điểm, rồi ông chủ-tọa tuyên-độc lên cho công-chúng biết ; đoạn thời viên thư-ký làm tờ biên-bản cùng với các viên chủ-sự ký tên vào đấy.

Nếu lần thứ nhất có một tên hay nhiều tên không được hoàn-toàn-đa-số (*majorité absolue*), thời ngay phiên chủ-nhật sau phải đầu-phiếu một lần nữa để bàu nốt. Lần sau ấy thời cứ người nào nhiều vé người ấy được bàu.

Những người bàu-cử cùng người ứng-cử có quyền được dị-nghị về việc bàu-cử. Những lời dị-nghị ấy phải ghi vào trong tờ biên-bản, nếu không kịp thời trong hạn 5 ngày phải đệ đơn tại thị-sảnh, hay là tại huyện-sảnh hoặc quận-sảnh.

Kể từ khi nhận được tờ biên-bản, hạn 15 ngày, nếu xét ra việc bàu-cử không hợp cách thời quận-trưởng có quyền bác đi được.

Những người được bàu mà bị bác như thế thời từ khi nhận được tờ thông-đạt về sự bàu ấy, hạn 5 ngày có thể trình giấy thuyết-minh (*mémoire justificatif*).

Những khi có dị-nghị như vậy thời do quận-sảnh-hội-nghị quyết-xử ; nếu là thuộc về việc bàu-cử chung cả hàng chợ thời phải quyết-xử trong hạn hai tháng từ ngày chấp đơn ở quận-sảnh, nếu là thuộc về việc bàu-cử trong một vài khu thời trong hạn một tháng phải quyết-xử. Nếu trong hạn ấy quận-sảnh-hội-nghị không quyết-xử thời là việc dị-nghị ấy bị bác không xét đến. Quận-trưởng phải thông-đạt cho người đương-sự biết, người ấy có thể kháng-cáo lên Tham-chính-viện được. Khi quận-sảnh-hội-nghị có quyết-xử mà người đương-sự không thuận nhận như thế thời cũng có quyền kháng-cáo lên Tham-chính-viện được.

Thị-tỉnh-hội-nghị muốn thôi chức thời phải làm giấy từ-chức đưa lên cho huyện-trưởng. Từ-chức bắt đầu từ ngày nhận được giấy biên-lai về đơn từ-chức của quận-trưởng gửi về, hay là không nhận được giấy biên-lai ấy thời lại gửi một cái đơn từ-chức nữa bằng lối « thư biên-nhận » (*lettre recommandée*), hạn một tháng không thấy trả lời thời cứ việc thôi chức.

Gặp những trường-hợp như sau này thời quận-trưởng có quyền được ép một thị-tỉnh-nghị-viên phải từ-chức: như sau khi được bàu rồi mà phạm vào lệ phải bãi-trừ (*exclusion*), hay là lệ « bất-đắc-kiêm-lĩnh » (*incompatibilité*); lại như khi ba lần hội-nghị có giấy mời luôn mà khuyết-tịch luôn không đến dự-hội. Nhưng nghị-viên nào bị như vậy thời trong hạn mười ngày có quyền kháng-cáo lên quận-sảnh-hội-nghị được.

Quận-trưởng có quyền vì lẽ chính-đáng đình-chức thị-tỉnh-hội-nghị trong một tháng ; nhưng giải-tán thời phải có Nội-các hội-nghị xét, rồi quan Giám-quốc ký sắc-lệnh in vào quan-báo mới được.

Thị-tỉnh-hội-nghị có chia ra thường-khóa và đặc-khóa. Thường-khóa thời mỗi một năm có định-kỳ, về tháng hai.

tháng năm, tháng tám và tháng mười-một tây. Mỗi một khóa thường-thường là 15 ngày ; nhưng huyện-trưởng có thể tăng thêm lên được. Khóa tháng năm bàn về sổ dự-toán có khi lâu tới 6 tuần-lễ. Ngoài các thường-khóa, hội-nghị có khi họp đặc-khóa : 1° Khi quận-trưởng hay là huyện-trưởng có lệnh chiêu-tập ; 2° Khi thị-trưởng xét có việc cần phải họp để bàn ngay ; 3° Khi số nhiều nghị-viên tại chức xin họp đặc-khóa. Nhưng trong hai khi sau ấy thời thị-trưởng phải trình cho quận-trưởng hay huyện-trưởng biết rõ vì cớ gì mà phải họp đặc-khóa như vậy.

Trong khi hội-đồng thời thị-trưởng làm tọa-chủ (hay là người nào lĩnh chức thị-trưởng), trừ khi hội-đồng để trình sổ kết-toán của thị-trưởng thời hội-nghị bầu lấy một người lâm-thời tọa-chủ.

Mỗi khóa hội-nghị bầu một người thư-ký.

Tọa-chủ được quyền cảnh-sát trong khi hội-đồng. Hội-đồng bao giờ cũng phải công-đồng, trừ khi có ba nghị-viên xin thời hội-nghị hỏi ý cử-tọa ai ưng đứng giậy, ai không ưng ngồi, hễ nhiều người ưng thời họp làm mật-hội (*comité secret*).

Hội-nghị cho được quyết-nghị mọi việc phải có một nửa số nghị-viên có mặt tại hội-đồng mới được. Nếu đã hai lần viết giấy mời, mỗi lần cách nhau ba ngày, mà số ấy không được đủ, thời hấy giờ dù có bao nhiêu người hội-nghị cũng có quyền bàn-bạc được.

Quyết-nghị việc gì phải có quá nửa người có mặt ở hội-đồng bỏ vé ưng mới được, khi nào số vé người ưng và người không ưng bằng nhau, thời vé của tọa-chủ về bên nào bên ấy được phần hơn (trừ khi bỏ mật-phiếu thời không kể). Hễ chia tư một phần nghị-viên có mặt ở hội-đồng đứng lên xin thời sự đầu-phiếu có thể làm công-đồng; khi ấy người nào bỏ vé ưng hay không ưng phải ghi vào tờ biên-bản. Chia ba một phần người có mặt xin thời có thể bỏ mật-phiếu; những khi bàu-cử hay là bổ-nhiệm người nào về việc gì thời bao giờ cũng phải bỏ mật-phiếu. Nếu khi bàu-cử ai đã hai lần bỏ mật-phiếu mà không được hoàn-toàn đa-số, thời đến lần thứ ba cứ người nào nhiều vé là người ấy được. Những lời bàn-định của hội-nghị phải biên-chép vào một quyển sổ mỗi trang có đánh số và có chữ ký của huyện-trưởng ; các nghị-viên có mặt phải ký xuống dưới. Sau mỗi kỳ hội-đồng thị-trưởng phải lược-trích lời biên-bản mà công-yết cho nhân-dân biết. Trong hạn tám ngày, phàm hội-nghị bàn-định điều gì phải lục-sao ra một bản trình lên huyện-trưởng.

Hội-nghị có thể cử những ủy-hội (*commissions*) để cứu-xét về các việc quan-trọng mà hội-nghị phải bàn đến. Những ủy-hội ấy có thể làm việc ngoài các thường-khóa. Ủy-hội đã cử rồi thời trong hạn tám ngày thị-trưởng phải có giấy chiêu-tập, hoặc số nhiều ủy-viên muốn họp ngay thời họp trước hạn ấy cũng được. Kỳ hội-đồng thứ nhất, ủy-hội phải bàu một phó-hội-chủ để thay thị-trưởng những khi mắc bận, vì chánh-hội-chủ các ủy-hội tức là thị-trưởng.

Chức-quyền của thị-tỉnh-hội-nghị là phải quyết-nghị các việc trong hàng chợ ; khi nào trong luật-lệ có định hay là quan trên có hỏi về việc gì thời hội-nghị phải bàn rồi biểu ý-kiến cho biết ; hội-nghị lại được quyền kêu-nài về việc thuế, được kê tên những người để huyện-trưởng cử cho coi về việc san-bổ (*répartiteurs*) ; lại được thỉnh-cầu mọi việc.

Trong các việc của thị-tỉnh-hội-nghị bàn-định thời có việc thi-hành được ngay không cần phải quan trên duyệt-y, có việc quan trên phải chuẩn-y mới thi-hành được.

Cứ phép thời phàm những việc của thị-tỉnh-hội-nghị đã quyết-định là tiện-thị thi-hành ngay được, không cần phải quan trên duyệt-y ; chỉ có mấy trường-hợp riêng trong luật đã định thời mới cần có duyệt-y mà thôi.

Nhưng lệ thường thời những lời bàn của hội-nghị dẫu không phải trình duyệt-y cũng không thể tức-thì thi-hành được. Phải chuyển lên huyện-trưởng trước đã, rồi hết hạn một tháng kể từ ngày chuyển lên ấy mới có thể thi-hành được. Hạn ấy quận-trưởng có thể giảm đi được, hết 15 ngày nếu không có ai dị-nghị thời quận-trưởng trả lời cho biết rằng có thể đem thi-hành được.

Luật làm chậm việc thi-hành như vậy là có ý để cho quận-trưởng rộng thì-giờ xét kỹ xem những lời bàn-định ấy có gì là trái phép không, nếu trái phép thời có quyền bãi-bỏ đi được.

Những lời quyết-nghị của thị-tỉnh-hội-nghị mà cần phải có quan trên duyệt-y mới có hiệu-lực là thuộc về những việc quan-hệ cho tài-sản của hàng chợ : như việc lục-lộ, việc tài-chính, việc mở cùng bãi các chợ phiên, các việc tố-tụng.

Thường thường thời quyền chuẩn-y là tự quận-trưởng. Song quận-trưởng không có quyền tự-ý thay đổi gì những điều của hội-nghị đã định ; trong hạn một tháng kể từ khi nhận được bản sao lời quyết-nghị của hội-nghị, quận-trưởng có chuẩn-y hay không phải cho biết ; nếu quá hạn ấy mà không chuẩn-y thời hội-nghị có thể kháng-cáo lên Bộ Nội-vụ được. Lại có nhiều trường-hợp đặc-biệt như trong luật đã định, thời quyền chuẩn-y hoặc thuộc về quận-sảnh-hội-nghị, về quận-hạt-hội-nghị, về quận-hạt-uỷ-hội, về quan Giám-quốc, hay là về quyền lập-pháp.

Ngoài các chức-quyền bàn-định mọi việc như trên, thị-tỉnh-hội-nghị lại còn có chức-quyền thuộc về tư-vấn nữa, nghĩa là quyền biểu ý-kiến (*donner son avis*) cho quan trên biết những khi quan trên tư-vấn đến, ý-kiến ấy lắm việc không có không được, như thuộc về việc đạo-lộ lớn, việc lập các sở cứu-tế (*bureaux de bienfaisance*), dự-toán kết-toán những khoản về các nhà dưỡng-anh dưỡng-lão (*hospices*), v. v. — Những khi quan trên tư-vấn mà thị-tỉnh-hội-nghị không chịu biểu ý-kiến cho biết, thời quan trên phải nhắc lại một lần nữa, nếu lần sau ấy cũng vô-hiệu thời vượt qua không hỏi nữa.

Thị-tỉnh-hội-nghị có quyền được kêu-nài cùng dị-nghị về việc sau-bổ các thuế về hàng chợ. Lại có quyền thỉnh-cầu mọi việc, nhưng chỉ về những việc công-ích cho địa-phương mà thôi ; còn những việc quan-hệ đến toàn-quốc cùng những việc yếu-chính trong nước thời không được phép bàn đến. Cũng không được làm tờ tuyên-bố cùng giấy bá-cáo về việc gì. Trừ những trường-hợp trong luật đã định, hội-nghị chợ này không được thông-đồng với hội-nghị chợ khác.

Khi thị-tỉnh-hội-nghị bị giải-tán, hay là khi các nghị-viên xin từ-chức mà chưa bầu được hội-nghị mới, thời trong hạn tám ngày sau khi giải-tán hay là sau khi nhận đơn từ-chức quan Giám-quốc cử một « đặc-biệt ủy-hội » (*délégation spéciale*) để tạm thay. Trong những chợ số dân không hơn 35.000 người thời ủy-hội ấy có 3 người, chợ nào dân số nhiều hơn thời phải có 7 người. Người nào làm hội-trưởng, trong sắc-lệnh phải chỉ rõ.

Chức-quyền của ủy-hội ấy có hạn-định mà thôi, chỉ được xử-trí những việc hành-chính thường, cùng những việc cần-cấp không thể hoãn được; về tài-chính thời chỉ được chi-dụng những khoản đã dự-toán trong năm ấy mà thôi.

Ủy-hội ấy là một cơ-quan tạm-thời, trong hạn hai tháng phải bàu nghị-hội mới.

5. — *Nói về sổ dự-toán hàng chợ.* — Sổ dự-toán hàng chợ (*budjet communal*) là do thị-trưởng biên-soạn, thị-tỉnh-hội-nghị quyết-nghị và quận-trưởng duyệt-y. Chợ nào số thâu-nhập hơn 3 triệu quan thời sổ dự-toán phải có quan Giám-quốc duyệt-y mới được. Sổ dự-toán chỉ quyết-nghị được một năm, từ ngày 1er Janvier đến ngày 31 Décembre, nhưng mỗi năm thường tăng thêm ra ba tháng đến ngày 31 Mars mới đóng sổ cho tiện việc tính-toán.

Các khoản chi-xuất hàng chợ có khoản « tùy-ý » (*dépenses facultatives*), có khoản « cưỡng-bách » (*dépenses obligatoires*). Cưỡng-bách là đã có điều luật riêng bắt hàng chợ phải biên vào sổ dự-toán, không biên không được : như những khoản về việc bảo-tồn tu-bổ nhà thị-sảnh, về các sổ-sách sinh-tử giá-thú, về việc học, v. v. Những việc ấy là những việc công-ích, nên trong luật không muốn để cho thị-tỉnh-hội-nghị được tự-do muốn biên vào dự-toán hay không biên cũng được. Luật đã cưỡng-bách như thế, mà nếu hội-nghị cứ cố-ý không chịu quyết-nghị những khoản ấy, thời quận-trưởng được tự-quyền cứ biên vào dự-toán.

Còn các khoản chi-tiêu khác gọi là « tùy-ý » nghĩa là thị-tỉnh-hội-nghị có quyền tự-ý muốn quyết-nghị hay không quyết-nghị cũng được.

Trong dự-toán lại thường có những khoản đặc-biệt để chi những việc bất-kỳ.

Các khoản thâu-nhập trong hàng chợ là những khoản phụ-thâu (*centimes additionnels*) về các thuế chính-ngạch để riêng cho hàng chợ, những tiền lợi-tức về các công-sản, những thuế xe, thuế quét đường, cùng đại-để các thứ sưu-thuế mà trong luật đã định để riêng cho các hàng chợ để chi việc công-ích, và các sản-lợi linh-tinh khác.

Quan trên được kiểm-soát dự-toán của các chợ, phàm những khoản chi-tiêu không cưỡng-bách, có quyền được giảm bớt hay là bỏ đi, nhưng không bao giờ có quyền tăng thêm lên được.

Về việc chi-tiêu thời chỉ có thị-trưởng mới có quyền chuẩn-chi (*ordonnancer*) các khoản, nghĩa là ký các giấy « sách » (*chèques*), cùng giấy « măng-đa » cho kho bạc hàng chợ phải trả; tuy vậy viên coi kho bạc hàng chợ (*receveur municipal*), theo những qui-tắc riêng về phép tài-chính, có thể kiểm xem những khoản chi-tiêu ấy có hợp phép hay không, nếu không hợp phép thời có quyền không trả được; đó tức là một cách để hạn-chế cái quyền chuẩn-chi của thị-trưởng, sợ lạm-dụng về những việc không chính-đáng vậy.

Kết-toán các khoản chi-thu (*apurement des comptes*) thời hoặc do quận-sảnh-hội-nghị, hoặc do Tài-chính-viện (*Cour des Comptes*), tùy cái số thâu-nhập của hàng chợ là hơn hay kém 30.000 quan.

6. — Nói về những lợi-quyền chung của nhiều chợ. — Khi nào nhiều chợ có những lợi-quyền chung với nhau thời mỗi thị-tỉnh-hội-nghị bỏ mật-phiếu cử lấy ba người phái-viên (*delégués*) để hội-đồng mà cùng xét những vấn-đề thuộc về các lợi-quyền ấy. Luật năm 1884 có cho phép đặt những hội-đồng chung cho nhiều chợ, gọi là « thị-tế hiệp-nghị-hội » (*conférences intercommunales*). Hội-đồng ấy quyết-nghị điều gì phải có các thị-tỉnh-hội-nghị duyệt-y và phải hợp vào mấy điều-kiện trong luật đã định về việc dự-toán mới thi-hành được. Lại luật ngày 22 Mars 1890 còn rộng hơn nữa, và cho phép các chợ cùng nhau [illegible] thành những hội liên-

hợp gọi là « thị-tỉnh-liên-hợp-hội » (*syndicats de communes*). Song luật ấy chưa thành tục, hiện nay ở khắp nước Pháp mới có chừng hai chục hội liên-hợp như thế mà thôi.

Muốn lập hội liên-hợp như thế, thời các thị-tỉnh-hội-nghị phải bàn và thuận trước, rồi làm đơn xin Tham-chính-viện xét, Tham-chính-viện xét nên thời có sắc-lệnh quan Giám-quốc cho phép; đã được phép thành-lập thời các liên-hợp-hội ấy tiện-thị là có pháp-nhân-tư-cách. Việc quản-trị trong hội liên-hợp thời giao cho một ủy-hội do thị-tỉnh-hội-nghị mỗi chợ bầu-cử hai người ủy-viên ra thay, những ủy-viên ấy thời hoặc cử trong chân nghị-viên, hoặc cử trong những người có đủ tư-cách ứng-cử làm nghị-viên. Nếu là chân nghị-viên thời hết hạn nghị-viên tức là hết quyền ủy-viên, nhưng có thể tái-cử được.

Những qui-tắc thuộc về sự biên-ký sổ-sách của các chợ thế nào thời các thị-tỉnh-liên-hợp-hội cũng phải theo như thế.

Ủy-hội của liên-hợp-hội phải bàu một tòa trị-sự và có đặt khóa hội-đồng. Quận-trưởng và huyện-trưởng có quyền được tham-dự hội-đồng.

Thị-tỉnh-liên-hợp-hội hoặc lập vĩnh-viễn, hoặc lập trong một thời-kỳ định sẵn là bao nhiêu lâu; khi nào hết thời-kỳ ấy, hoặc cái việc vì đó mà lập hội đã thành rồi, thời hội tự giải-tán. Hoặc các thị-tỉnh-hội-nghị có phần vào Hội đồng lòng muốn giải-tán thời giải-tán cũng được. Sau nữa cũng có khi có sắc-lệnh bắt giải-tán được.

V

Nói về những đặc-lệ trong cách tổ-chức các quận các chợ

Trở lên là nói về những thể-lệ phổ-phông trong cách tổ-chức các quận các chợ ở nước Pháp, nghĩa là đại-đề quận nào chợ nào cũng theo những thể-lệ ấy. Nhưng trong thể-lệ thường lại có đặt ra mấy khoản đặc-lệ thuộc về mấy tỉnh-thành cùng địa-hạt riêng, không giống các thị-tỉnh cùng quận-huyện khác. Hiện ở nước Pháp có thành Lyon cùng mấy chợ ở chung-quanh thành Lyon, thành Paris, quận Seine và hạt Belfort, là những nơi không theo lệ thường như các quận chợ khác. Vậy ta lược-cử những cái đặc-lệ thuộc về các nơi ấy như sau này.

1 — *Thể-lệ riêng của thành Lyon.* — Trong địa-hạt quận Rhône thời quận-trưởng cùng với thị-trưởng thành Lyon và các chợ chung quanh, có quyền đốc-suất việc cảnh-sát trong hàng chợ.

Ngày xưa Lyon không có thị-trưởng; luật ngày 21 Avril 1881 mới đặt ra một nhà « trung-ương thị-sảnh » (*mairie centrale*). Bây giờ thời thành Lyon chia ra một « thị-sảnh », có một thị-trưởng và năm phó-thị-trưởng; và sáu « khu-sảnh » (*mairies d'arrondissement*), mỗi khu có hai phó-thị-trưởng, do thị-trưởng sảnh trung-ương ủy quyền cho. Vì thành Lyon phân ra làm 6 khu (*arrondissements*), mỗi khu ấy tức là một khu bầu-cử (*section électorale*). Thị-tỉnh-hội-nghị có 54 nghị-viên, chức-quyền cũng giống như các thị-tỉnh-nghị-viên khác, chỉ trừ về các khoản cảnh-sát thời không.

2 — *Thể-lệ riêng của quận Seine và thành Paris.* — *a*) Quận Seine có thành Paris và hai khu Sceaux và Saint-Denis. Hai khu ấy tức là hai huyện mà không có huyện-trưởng. Đầu quận có hai viên quan to : một là cảnh-sát-sảnh-trưởng (*préfet de police*), một mình coi hết việc cảnh-sát thành Paris, hai khu Sceaux và Saint-Denis cùng mấy chợ nữa thuộc về quận Seine-et-Oise ; hai là quận-trưởng quận Seine, chức-quyền cũng giống các quận-trưởng khác mà lại kiêm chức thị-trưởng thành Paris (trừ những chức

thuộc về thị-trưởng các khu, như việc sinh-tử giá-thú, v. v. không kể).

Quận-hạt-hội-nghị quận Seine thời có các thị-tỉnh-nghị-viên thành Paris, thêm 21 nghị-viên của 21 tổng trong hai khu Sceaux và Saint-Denis bầu lên. Hội-nghị ấy không có thường-khóa nhất-định, khi nào có việc gì quận-trưởng chiêu-tập thời mới họp.

Thành Paris không có huyện-hạt-hội-nghị; nhưng hai khu Sceaux và Saint-Denis thời mỗi khu có một hội-nghị.

Quận-sảnh-hội-nghị của quận Seine thời chức-quyền cũng như các quận-sảnh-hội-nghị khác; hội-nghị có 9 nghị-viên, kể cả hội-trưởng, và 4 ủy-viên của Chánh-phủ (*commissaires du gouvernement*) cùng với tổng-thư-ký giữ chức chưởng-lý.

b) — Thành Pàris (theo luật ngày 14 Avril 1871) không có thị-trưởng do thị-tỉnh-hội-nghị bầu lên như các chợ khác. Thành chia ra 20 khu, mỗi khu có một thị-trưởng và ba phó-thị-trưởng do Chính-phủ trung-ương bổ-nhiệm. Các thị-trưởng ấy chức-quyền có hạn mà thôi. Mỗi khu lại chia ra làm 4 hộ, mỗi hộ cử một thị-tỉnh-nghị-viên bầu bằng lối « nhất-danh đầu-phiếu ».

Thị-tỉnh-hội-nghị thành Paris có thường-khóa và đặc-khóa. Mỗi năm có bốn thường-khóa, ba khóa 10 ngày, và một khóa 6 tuần lễ để xét sổ dự-toán. Đầu mỗi thường-khóa thời các nghị-viên bầu một nghị-trưởng, mấy phó nghị-trưởng và thư-ký để sung chức trong khóa ấy và các đặc-khóa cho đến thường-khóa sau.

Trái với lệ thường của các chợ khác, những lời bàn định của thị-tỉnh-hội-nghị thành Paris cứ phép bao giờ cũng phải trình cho quyền hành-chính duyệt-y rồi mới thi-hành được. Gặp những trường-hợp trong luật đã định thời có thể thi-hành được ngay không cần phải trình duyệt-y, nhưng bao giờ quyết-định việc gì cũng phải đồng-ý với quận-trưởng quận Seine mới được.

Khi nào muốn mở công-trái hay là đặt những thuế đặc-biệt thời phải có luật của Nghị-viện mới được.

3 — Thể-lệ riêng của hạt Belfort. — Hạt Belfort nhỏ không đủ làm một quận, nên cũng tổ-chức theo cách riêng. Viên quan-lại thay mặt chánh-phủ và giữ quyền quận-trưởng thời gọi tên là quan cai-trị (*Administrateur*). Thay quận-hạt-hội-nghị thời là một ủy-hội (*Commission*) có chín người cũng bầu-cử như quận-hạt nghị-viên mà gọi tên là ủy-viên (*Commissaires*). Tổng nào phải bầu nhiều ủy-viên thời bầu bằng lối « hợp-sách đầu-phiếu »; không có quận-hạt-ủy-hội mà cũng không có huyện-hạt-hội-nghị. Cho được giúp việc quan cai-trị thời có một viên tổng-thư-ký và một quận-sảnh-hội-nghị.

VI

Nói về lệ kháng-cáo những công việc của quyền hành-chính và các tòa án cai-trị

Trước ta đã nói rằng phàm luật-pháp không có thể kháng-cáo được. Nếu trong luật có khuyết-điểm thời chỉ quyền lập-pháp mới có quyền sửa đổi lại, nghĩa là quyết-nghị một điều luật mới để thay vào.

Có nhiều công việc của quyền hành-chính cũng không thể kháng-cáo được, như những hành-chính qui-tắc (*règlements d'Administration publique*) là để bổ-khuyết cho pháp-luật, cùng những công việc thống-trị của chính-phủ (*actes de gouvernement*).

Còn những việc đặc-biệt cùng những việc thuộc về cá-nhân, thời có nhiều cách kháng-cáo như sau này.

Khi nào vì một việc hành-chính mà một người bị thiệt-hại trong lợi-quyền của mình, tu[illegible] không có quyền đòi

hỏi được, nhưng có thể kêu với quan hành-chính nào đã làm việc đó, hay là kêu với quan trên ông quan ấy, xin bãi-bỏ đi cho, thế gọi là « thỉnh-cáo » (*recours grâcieux*). Như một viên quan-lại tuy chưa được đủ tư-cách ăn hưu-bổng, không có quyền được đòi hưu-bổng, song cũng có thể xin quan trên được. Nếu quan trên không cho thời có thể « thỉnh-cáo » được. Nhưng thí-dụ như viên quan-lại ấy vốn có đủ tư-cách được hưu-bổng mà quan trên không cho, thời bấy giờ có thể đem lên kháng-cáo trước một tòa án cai-trị (*juridiction administrative*) : thế gọi là « tố-cáo » (*recours contentieux*). Vậy thời « thỉnh-cáo » là cách kháng-cáo của người vốn không có quyền được mà muốn xin cho được ; tố-cáo là cách kháng-cáo của người có quyền được mà quan hành-chánh không chuẩn cho, làm thiệt-hại mất quyền mình, phải làm đơn « kiện » cho được.

Khi nào tòa án cai-trị nhận được đơn tố-cáo mà bác hẳn lời quyết-định của quan hành-chánh để quyết-nghị lại, thời khi ấy gọi là tòa-án có « toàn-quyền » (*pleine juridiction*). Nhưng thường-thường những khi quan hành-chánh hoặc lạm-quyền hay hoặc không đủ tư-cách mà quyết-định việc gì thiệt-hại đến quyền-lợi người ta, thời tòa án cai-trị chỉ được tiêu-duyệt (*annuler*) cái nghị-định trước mà không được nghị-định lại. Song cách kháng-cáo ấy là chỉ khi nào không có cách khác điều-đình cho xong được thời mới dùng đến mà thôi.

Sau nữa phàm những việc quản-lý-sự-vụ (*actes de gestion*) mà Nhà-nước lấy cái tư-cách người tư-dân để điều-đình thương-lượng với người tư-dân thời những cách kháng-cáo như trên kia không thể dùng được ; trong khi ấy thời hoặc có việc phân-tranh gì phải đem ra tòa án thường xử.

Khi nào quan hành-chính nghị-định một việc gì không được rõ-ràng, thời người đương-sự có thể yêu-cầu phải giải-thích cho rõ nghĩa, không thời kháng-cáo lên tòa án cai-trị ; khi ấy thời gọi là « kháng-cáo để giải-thích cho rõ nghĩa » (*recours en interprétation*). Cũng có khi các tòa án thường giải-thích cũng được, như khi Nhà-nước làm tờ giao-kèo với người tư-dân, hay là thuộc về những hành-chính-quy-tắc là những phép riêng của Nhà-nước đặt ra để bổ-khuyết cho pháp-luật, thời các tòa án thường đã có quyền giải-thích pháp-luật cũng có quyền giải-thích những phép riêng ấy.

Sau hết, cũng có khi tố-cáo ở các tòa án cai-trị không được thời trong luật còn cho phép người đương-sự kháng-cáo lên quan Quốc-trưởng (*recours devant le Chef de l'État*), quan Quốc-trưởng tư cho Tham-chính-viện xét rồi quyết-nghị.

Về việc hành-chính thời quyền xét-xử các việc phân-tranh là do những tòa án riêng gọi là tòa án cai-trị như đã nói trên kia ; các tòa án đặc-biệt ấy có mấy hạng và chức-quyền thế nào, dưới này sẽ giải rõ. Nhưng trước nhất phải nhận rằng quyền xét-xử ấy lắm khi thuộc ngay ở quan hành-chính, như các quan quốc-vụ-tổng-trưởng, quận-trưởng và huyện-trưởng.

Các quan quốc-vụ tổng-trưởng thời có quyền được xét-xử những đơn kháng-cáo thuộc về công việc những quan-lại ở dưới quyền mình. Các nhà làm sách chưa bàn rõ về cái chức-quyền ấy rộng hẹp thế nào. Song nhiều khi trong luật nói phân-minh rằng quan quốc-vụ tổng-trưởng được quyền xét-xử những việc gì ; như quan Tổng-trưởng bộ Công-thương được xét-xử về việc bầu-cử những nghị-viên các hội thương-mại, quan Tổng-trưởng bộ Nông-lâm được xét-xử về việc bầu-cử những nghị-viên các hội Nông-nghiệp tư-

vấn » (*Chambres consultatives d'agriculture*) ; quan tổng-trưởng bộ Học được xét-xử về việc bầu-cử những nghị-viên « Học-vụ cao-đẳng hội-nghị » (*Conseil supérieur de l'Instruction publique*). Những lời xét-xử của quan tổng-trưởng có thể kháng-cáo ở Tham-chính-viện được.

Quận-trưởng thời được quyền xét-xử những đơn kháng-cáo thuộc về công-việc huyện-trưởng, thị-trưởng.

Huyện-tưởng thời được quyền xét-xử những sự phân-tranh về việc đấu-giá đốn rừng của Nhà-nước, khi nào chính mình làm chủ-tọa cuộc đấu-giá ấy.

Nay xét đến các tòa-án cai-trị thời có bốn bạng như sau này :

a) Tham-chính-viện (*Conseil d'Etat*)

b) Các quận-sảnh-hội-nghị (*Conseils de préfecture*)

c) Quyết-tranh-viện (*Tribunal des Conflits*)

d) Tài-chính-viện (*Cour des comptes*)

a) *Tham-chính-viện* — Tham-chính-viện không một là một tòa-án cai-trị, còn là một hội tư-vấn (*corps consultatif*) nữa, như trước kia đã từng nói đến. Chính-phủ thường phải hỏi ý-kiến của viện ấy, và nhiều khi trong luật định không hỏi không được, như những khi hạ sắc-lệnh mà trong có nói rằng sắc-lệnh ấy là chuẩn theo ý-kiến của Tham-chính-viện (*décrets rendus en Conseil d'Etat*).

Tham-chính-viện chia ra làm 5 ban (*sections*), 4 ban thời giữ những chức-quyền về hành-chính ; còn một ban thời giữ quyền xét-xử gọi là « ban tố-tụng » (*section du contentieux*). Ban sau ấy nhiều việc quá, năm 1888 phải đặt thêm ra một phụ-ban để xét-xử những đơn kháng-cáo về việc bầu-cử và việc sưu-thuế ; phụ-ban ấy hiện nay vẫn còn.

Cứ phép thời Tham-chính-viện viện-trưởng (*président*) tức là quan Hình-bộ-tổng-trưởng, nhưng thường-thường là phó-viện-trưởng thay quyền. Vả quan Hình-bộ-tổng-trưởng tuy có tư-cách là viện-trưởng nhưng không có quyền được chủ-tọa ban tố-tụng. Dưới viện-trưởng thời có một phó-viện-trưởng (*vice président*), các ban-trưởng (*présidents de section*), 25 « thường-chức tham-chính-viên » (*conseillers en service ordinaire*) — không kể những « lâm-thời tham-chính-viên (*conseillers en service extraordinaire*) tức là ti-trưởng sảnh-trưởng ở các Bộ, — 32 ủy-viên hay là « quan chấp đơn » (*maîtres des requêtes*), cùng những « bàng-thính-viên » (*auditeurs*) hạng nhất và hạng nhì. Chức lục-sự (*greffier*) thời do một viên tổng-thư-ký và các thư-ký các ban kiêm.

Tham-chính-viện mới có quyền tài-phán tự luật ngày 24 Mai 1872. Nay ta xét cái tư-cách về quyền tài-phán của viện ấy và cái thủ-tục về sự tố-tụng thế nào.

Các việc của tham-chính-viện phải xét-xử thời do ban tố-tụng sửa-soạn trước, rồi đệ lên một hội-nghị gọi là hội « Tham-chính-viện nghị về tố-tụng » (*Conseil d'Etat délibérant au Contentieux*). Hội ấy có cả các tham-chính-viên của ban tố-tụng, thêm 8 tham-chính-viên về các ban hành-chính khác ; hội-trưởng là phó-viện-trưởng.

Khi nào người đương-sự có trạng-sư cãi thay (hạng trạng-sự đó là trạng sự riêng về Tham-chính-viện và trạng-sự về tòa Thượng-thẩm), thời phiên tòa phải công-đồng.

Nhưng có nhiều việc không cần phải trạng-sư, như những việc kháng-cáo về sưu-thuế, về bầu-cử các hội-nghị quận, huyện, chợ, về sự bắt quan-lại từ chức, về sự không đủ tư-cách hay [illegible]m-quyền, v. v.

Chức chưởng-lý do những « ủy-viên của Chánh-phủ » (*commissaires du gouvernement*), chọn trong hàng các ủy-viên của tham-chính-viện (*maîtres des requêtes*), chức ấy phải đứng yêu-cầu cho xử theo pháp-luật.

Tham-chính-viện có tư-cách một tòa Thẩm-án (*tribunal d'appel*) để xét lại những lời quyết-nghị của các quận-sảnh-hội-nghị, của các quan quốc-vụ-tổng-trưởng, cùng của mấy tòa án riêng khác.

Tham-chính-viện lại có tư-cách một tòa thượng-thẩm (*tribunal de cassation*), để phá những án kết trái với luật-pháp hay là vì không đủ tư-cách, vì lạm-quyền ; lại được quyết-xử những sự phân-tranh về quyền-hạn trong hai tòa án cai-trị với nhau.

Cái thủ-tục về sự kháng-cáo ở Tham-chính-viện như thế này. Người đương-sự phải làm cái đơn gửi về phòng thư-ký Tham-chính-viện. Viên thư-ký nhận đơn ấy trình lên cho ban-trưởng ban tố-tụng, ban-trưởng ký cái lệnh gọi là lệnh « chuẩn thông-đạt » (*ordonnance de « soit communiqué »*) để tống-đòi bên bị (*défendeur*), rồi cử một người ủy-viên (*rapporteur*) để dự xét rồi làm tờ trình về việc ấy. Đơn kêu với lệnh chuẩn trong hạn hai tháng phải thông-đạt cho bên bị biết. Bên bị trong hạn 15 ngày phải lập trạng-sư (*constituer avocat*) và làm đơn hay là làm tờ « biện-thuyết » (*requête* ou *mémoire en défense*) để trả lời cho bên nguyên. Bấy giờ việc thuộc về bộ nào tư lên bộ ấy xét, quan Tổng-trưởng xét phải biểu ý-kiến cho biết. Đoạn rồi, ban tố-tụng mới đem việc ra xét-xử và ủy-viên phải đọc tờ trình yêu-cầu những điều gì. Rồi thông-tư bút-lục cho ủy-viên của Chánh phủ. Sau cùng mới đem việc ra công-đồng hội-nghị. Khi hội-nghị nghe tờ trình và lời cãi rồi, thời ủy-viên của Chánh-phủ kết-luận, đoạn hội-nghị mới tuyên án.

Khi xử khuyết-tịch (*arrêts par défaut*) thời trong hạn hai tháng được kháng-cáo. Những người không can-thiệp đến việc mà lời án có thiệt-hại đến mình cũng có thể kháng-án được, thế gọi là « người thứ ba kháng-án » (*tierce opposition*).

Khi án xử rồi mà xét ra có giấy gì trong bút-lục, hay là kẻ thù với bên thua kiện có giấu-giếm một cái giấy quan-trọng gì, hay là sự tố-tụng không được hợp phép, thời có thể làm đơn kháng (*requête civile*) hay là xin duyệt lại (*revision*) được.

b) Quận-sảnh-hội-nghị. — Trên kia ta đã nói về quận-sảnh-hội-nghị cùng những chức hành-chính của hội-nghị ấy. Về việc hành-chính thời hội-nghị chỉ có quyền tư-vấn, về việc tố-tụng thời có quyền xét-xử như một tòa án vậy. Song phải biết là một tòa án đặc-biệt, chỉ được xét những việc trong luật đã định trước mà thôi. Đại-khái như những việc sau này : việc công-chính, lục-lộ, ruộng đất của Nhà nước, công-sản của các chợ, sưu-thuế, sổ kết-toán của các chợ cùng các công-sở mà số tiền thâu-nhập mỗi năm không ngoài 30.000 quan, việc bầu-cử cho các huyện-hạt và thị-tỉnh hội-nghị.

Thủ-tục về sự khang-cáo ở các quận-sảnh-hội-nghị thời vừa mau mà vừa không phải phiền-phí gì. Người đương-sự chỉ phải làm cái đơn bằng giấy tin-chỉ biên rõ tên họ và chỗ ở bên nguyên bên bị, yêu-cầu về việc gì và có những giấy má gì làm chứng-cứ. Đơn ấy cùng những giấy-má đính theo phải đệ ở buồng lục-sự của hội-nghị. Hội-nghị bèn cử một ủy-viên, rồi thông-lục nguyên-đơn và các giấy chứng-cứ cho bên bị, chỉ rõ những cách dự-thẩm thế nào : như giám-định (*expertise*), chứng-nhận (*constat*), xét-nghiệm trường-sở (*visite des lieux*), v. v.. Bên bị có thể làm giấy biện-thuyết được. Hai bên được quyền đến

xem bút-lục ở phòng lục-sự lúc nào cũng được. Ủy-viên làm tờ trình xong cũng để ở phòng lục-sự, rồi tờ trình ấy thông-tư cho ủy-viên của Chính-phủ. Ít ra là bốn ngày trước khi hội-đồng phải báo rõ ngày giờ cho hai bên nguyên-bị hay là những người nào thay mặt hai bên ấy biết trước. Khi hội-nghị thời công-đồng. Nghị-viên nào làm ủy-viên đọc tờ trình lên, hai bên có quyền được chống-cãi. Ủy-viên của Chính-phủ kết-luận, rồi hội-nghị tuyên-nghị ngay giữa hội-đồng.

Khi nào nghị khuyết-tịch (nghĩa là bên bị vắng mặt), thời trong hạn một tháng sau khi thông-đạt lời nghị cho bên bị, bên ấy có quyền kháng-nghị (*opposition*) được. Kháng-cáo (*appel*) thời phải lên Tham-chính-viện.

c) Quyết-tranh-viện. — Trong mục nói về lẽ phân-quyền, ta đã nói rằng các tòa án thường với các tòa-án cai-trị phải độc-lập nhau, chức quyền mỗi bên một khác, không được bên nọ lạm-quyền bên kia ; song thỉnh-thoảng cũng có việc mà quyền-hạn của mỗi bên không được phân-minh, có thể tranh-lạm được.

Nếu nhân một việc gì đem lên kiện ở tòa án đệ-nhất-cấp hay là ở tòa thẩm-án, mà quan hành-chánh xét ra việc ấy là thuộc về quyền-hạn mình, thời quận-trưởng làm một cái « đơn chống không đủ tư-cách » (*déclinatoire d'incompétence*) trình cho quan chưởng-lý để thông-cáo cho tòa án xin đừng xét việc ấy nữa. Nếu tòa án cứ giữ việc ấy, thời trong hạn mười lăm hôm quận-trưởng có quyền « khởi-tranh » (*élever le conflit*), nghĩa là tranh-quyền với tòa án, thời tòa án phải xử đình việc ấy lại và sự phân-tranh quyền-hạn ấy phải đem lên một tòa cao hơn gọi là « Quyết-tranh-viện » (*Tribunal des conflits*) xét-xử.

Thể-chế viện ấy là theo luật ngày 24 mai 1872. Viện có một viện-trưởng, tức là quan Hình-bộ-tổng-trưởng, 3 nghị-viên Tham-chính-viện (*conseillers d'Etat*), 3 nghị-viên Thượng-thẩm-viện (*conseillers à la Cour de Cassation*), do các nghị-viên hai viện ấy cử ra ; 2 nghị-viên bồi-thẩm do các viên-chức khác của Viện Thượng-thẩm cử ra ; lại có 2 ủy-viên của Chính-phủ và 2 phó-ủy-viên giữ chức chưởng-lý. Phó-viện-trưởng thời do các nghị-viên bầu lên. Một viên thư-ký làm chức lục-sự.

Hội-nghị công-đồng, hai bên có thể mượn trạng-sư ở Tham-chính-viện cãi được.

Quyết-tranh-viện đã quyết-nghị thời không thể kháng-cáo đâu được nữa.

d) *Tài-chính viện.* — Tài-chính-viện là một hội-nghị cao đặt ra để Chính-phủ tư-vấn về các việc tài-chính và để xét-xử những sự phân-tranh về việc kế-toán công (*Comptabilité publique*).

Viện có một Chánh-viện-trưởng (*premier président*), 3 ban-trưởng (*présidents de chambre*), 86 ủy-viên (*conseillers référendaires*) để kiểm-điểm các sổ-sách và làm tờ trình, và 25 bàng-thính-viên (*auditeurs*) để giúp việc các ủy-viên. Các quan-viên ấy do quyền hành-chính bổ-nhiệm, và chức ấy là những chức vĩnh-viễn bất-dịch (*inamovibles*), nghĩa là không thể cách-bãi được, trừ hạng bàng-thính không kể.

Tài-chính-viện vừa có quyền xét xử (*pouvoir de juridiction*), vừa có quyền kiểm-điểm (*pouvoir de contrôle*). Có quyền xét-xử là đối với các quan-lại coi việc tiền-bạc của Nhà-nước, được kiểm-soát những số tiền thâu vào chi ra, nếu các khoản đâu vào đấy thời duyệt-y cho, nếu thiếu khoản nào thời bắt phải bồi lại. Lời quyết-nghị ấy nếu người đương-sự không ưng-nhận thời có thể xin ngay Tài-chính-viện duyệt lại, hay là nếu xử lạm-quyền hay không đủ tư-cách thời có thể đem lên kháng-cáo ở Tham-chính-viện cũng được. — Quyền kiểm-điểm là đối

với các viên coi các kho vật-liệu của Nhà-nước (*comptables-matières*), được kiểm-điểm xem các vật trong kho có đúng với sổ kho không; lại đối với các viên coi việc chuẩn-chi (*ordonnateurs*) được kiểm-điểm xem các khoản chi-tiêu có phải phép không.

Thượng Hạ Nghị-viện mỗi năm quyết-nghị « luật kết-toán » (*lois des comptes*) về các khoản chi-thu năm đã qua là chiếu-theo và bằng-cứ ở lời trình của Tài-chính-viện chứng-nhận đã xét các khoản đúng cả, không sai lầm chi.

e) Nói về các tòa án cai-trị khác có chức-quyền đặc-biệt. — Ngoài các tòa-án cai-trị như trên kia đã kể, còn mấy hạng tòa án có quyền đặc-biệt nữa, nên nói qua mấy lời cho đủ, như: các « hải-khu quận-trưởng » (*préfets maritimes*), trong khu-hạt riêng cũng có quyền ngang bằng các quận-trưởng khác; « Thuộc-địa tố-tụng hội-nghị » (*Conseil de Contentieux des Colonies*), xử về các việc thuộc-địa; « Thị-tỉnh học-vụ ủy-hội » (*commission municipale scolaire*) có quyền xét xử những viên đốc học các trường phạm học-quí, cùng những cha mẹ học trò không cho con đi học; sau hết đến các « học-chính hội-nghị » (*conseils de l'instruction publique*) chia ra mấy hạng như sau này:

1° Tiểu-học hội-nghị (*conseil de l'instruction primaire*), được xét xử những việc tố-tụng cùng việc phạm quan-kỷ thuộc về các tiểu-học-giáo-viên.

2° Học-khu hội-nghị (*conseil académique*), xét xử chung về các việc học-chính và việc quan-kỷ trong mỗi học-khu (*académie*).

3° Học-chính cao-đẳng hội-nghị (*conseil supérieur de l'instruction publique*), vừa có chức tư-vấn về các việc học-chính trong nước, vừa có quyền xét xử những sự phân-tranh tố-tụng trong học-chính và tái-thẩm những lời quyết-nghị của hai hội-nghị trên. Chính lời quyết nghị của cao-đẳng hội-nghị cũng có thể kháng-cáo ở Tham-chính-viện vì lạm-quyền hay vì không đủ tư-cách như các tòa án cai-trị khác được.

Kỳ sau xét về cách tổ-chức quyền tư-pháp ở nước Pháp.

THƯỢNG-CHI

THÂN-THỂ VÀ TINH-THẦN

I

Phàm sự động-tác của người ta chia ra làm hai hạng khác nhau: một là những sự động-tác thuộc phần xác (như việc tiêu-hóa, việc hô-hấp, v. v.), hai là những sự động-tác thuộc về phần hồn (như vui, buồn, yêu, ghét, muốn, sợ, v. v.)

Nay xét chính trong linh-hồn cũng lại phân-biệt ra hai phần như vậy: một phần thời linh-hồn phụ-thuộc với thân-thể, có mật-thiết quan-hệ với thân-thể; một phần thời linh-hồn vượt cao hơn thân-thể và thoát-li ra ngoài thân-thể.

Tâm-lý-học dạy rằng trong tâm-hồn người ta có ba năng-lực: một là trí (*intelligence*), hai là tình (*sensibilité*), ba là ý (*volonté*). Ta thử xét trong ba cái năng-lực ấy phần nào là phần thuộc về thân-thể, phần nào là phần thuần ở tinh-thần. Như trí-lực là cái sức để tư-tưởng thời phải nhờ các giác-quan (*les sens*) tiếp-xúc với những sự-vật ở ngoài thời mới có tài-liệu mà tư-tưởng, đó là thuộc về thân-thể;

nhưng những tài-liệu ấy phải có suy-nghĩ (*réflexion*) mới cân-nhắc được, phải có trí-tuệ (*entendement*) mới lợi-dụng được, đó là phần thuần về tinh-thần. — Như tình-lực là sức để cảm-động, thời có khi cảm-động về những sự vui-thú trong nhục-thể, có khi cảm-động về những sự hoài-vọng cao-xa trong tinh-thần ; hai sự cảm-động ấy thường khi xung-đột nhau, người ta ham-muốn những sự cao-thượng mà không thoát hẳn được những cái hạ-đẳng-dục-tình, cho nên các nhà luân-lý nói rằng trong người ta thật là có hai người, một người bằng xác-thịt, một người bằng linh-tính, hai người thường phản-đối nhau. — Lại như ý-lực là cái sức động-tác, thời người ta cũng có hai cách động-tác : một là động-tác bằng cái sức vật-dục (*instinct*) là cái sức vô-tri vô-giác, hỗn-độn u-âm, nó xô-đẩy người ta đi đâu phải đi đấy, đó là phần thuộc về nhục-thể ; hai là động-tác bằng ý-chí (*volonté*) là cái sức sáng-suốt tự-do, tùy mình cân-nhắc, muốn sao làm vậy, đó là phần thuộc về tinh-thần. Như đứa con trẻ, như người già đã suy-yếu, như người đương tuổi mà ham-mê tình-dục, đều là những kẻ phải cái vật-dục nó sai-khiến vậy. Nhưng người có ý-chí thời có sức khắc-kỷ, khu-xử được cái năng-lực tự-nhiên của mình, chỉ-huy được thân-thể cùng các giác-quan mình, phàm động-tác là có cái mục-đích nhất-định, và biết tự-mình kén chọn những phương-tiện cho đạt tới cái mục-đích ấy ; người ấy là người thắng-đoạt được cái bản-tính tự-nhiên của mình, mà tự gây được một cái bản-tính mới ; biết khắc-kỷ như vậy thời tự dựng được nhân-cách mình, cũng như biết suy-nghĩ, biết luyện-tập thời khải-phát được trí-tuệ mình. Người ta sở-dĩ có giá-trị làm người chính là bởi nhân-cách, bởi trí-tuệ ; có trí-tuệ, có nhân-cách mới ra phẩm-giá người, mới xứng-đáng làm người ; đó mới là sự sinh-hoạt hoàn-toàn của con người (*vie vraiment humaine*), còn sự sinh-hoạt của nhục-thể là cái sinh-hoạt của con vật (*vie animale*) vậy.

Cái phần nhục-thể là phần người ta giống với muôn vật ở dưới mình : phần tinh-thần là phần người ta đặc-biệt với muôn vật và siêu-việt hơn muôn vật. Các giống động-vật cũng có một cái năng-lực siêu-hình như người ta và cũng đủ tư-cách đặc-biệt giống nọ với giống kia, nhưng người ta thời ngoài cái sức siêu-hình ấy lại còn có cái ý-thức tự mình biết mình (*la conscience de lui-même*), lại còn có cái tính biết suy-lý, lại còn có cái tính được tự-do nữa. Bởi có những tính-cách cao-thượng ấy nên người ta có trách-nhiệm về công-việc mình, và không những là một « cá-nhân » (*un individu*), lại là một « nhân-cách » (*une personne*) [1] nữa.

II

Coi như thế thời tinh-thần với thân-thể thật là hai phần khác nhau, người ta tự xét trong mình cũng thấy như vậy, một phần là thuộc về tâm-lý-học (*psychologie*), một phần là thuộc về sinh-lý-học (*physiologie*), hai phần không thể hỗn-hợp với nhau được ; đó tưởng là một lẽ xác-nhiên, ai cũng phải công-nhận. Tuy vậy vẫn có người không chịu như thế, không chịu rằng trong người ta có hai phần vốn khác nhau, nói rằng cái phần mà ta gọi là phần hồn ấy rút lại cũng là vật-chất biến-tính đi mà thôi. Cái lý-thuyết của những người ấy gọi là « duy-vật-luận » (*ma-*

(1) Cá-nhân 個人 (*individu*), cá-tính 個性 (*individualité*) là có tư-cách đặc-biệt với các giống khác ; nhân-tính 人性, nhân-cách 人格 (*personne, personnalité*) là có tư-cách cao-thượng xứng-đáng làm giống người.

térialisme), đối với cái lý-thuyết trên gọi là « linh-tinh-luận » (*spiritualisme*).

Những người về phái « duy-vật » thời lấy cái lẽ rằng thân-thể vẫn có ảnh-hưởng đến tinh-thần. Như tuổi già, tật-bệnh hay biến-đổi tinh-tình trí-tuệ của người ta ; lại như ăn-nuốt chất gì vào trong người thời làm cho tinh-thần hoặc mẫn-tiệp ra, hoặc trì-độn lại, khiến cho người ta hoặc hiền-lành, hoặc dữ-dội, hoặc vui-vẻ, hoặc âu-sầu. — Nhưng có thể đáp lại với những người ấy rằng thân-thể tuy có ảnh-hưởng đến tinh-thần mà tinh-thần cũng có ảnh-hưởng đến thân-thể ; tật-bệnh tuy có làm cho người ta âu-sầu mà âu-sầu lắm khi cũng sinh ra tật-bệnh ; lại ví-dụ như khi mình sợ-hãi (là một sự thuộc về tâm-lý), thời mặt sám, mình run, trống ngực đánh (là những sự thuộc về sinh-lý).

Xét hai bên đều có ảnh-hưởng lẫn nhau như thế thời chỉ có kết-luận được một điều, là thân-thể với tinh-thần đều có mật-thiết quan-hệ với nhau vậy.

Ngày nay thời phái « duy-vật » không hỗn-hợp tinh-thần với thân-thể như trên nữa, mà lại tìm cách chứng-giải rằng sự tư-tưởng chẳng qua là một sự tác-dụng của não-chất mà thôi (*la pensée n'est qu'une fonction cérébrale*). Những người ấy nói rằng cứ thí-nghiệm thì biết sự tư-tưởng là tùy theo cái trạng-thái của não-chất, như não-chất hư-hỏng thời người ta sinh ra điên-cuồng, não-chất nặng hay nhẹ, nhiều chất gì hay ít chất gì, những cái « vằn (*circonvolutions*) trên mặt sâu hay nông thời trí-tuệ mạnh hay yếu.

Song nói thế mà đoán-định ngay rằng tâm-tình người ta là ở não-chất mà ra thời chưa lấy gì làm chắc được. Vẫn ai cũng biết rằng não-chất là cái khí-cụ của sự tư-tưởng. Phàm khí-cụ hễ càng tốt thời càng dùng được việc hay, như đồ nhạc-khí mà càng tốt thời cái thanh-âm đánh lên càng điều-hòa êm-ái. Nhạc-khí mà nhỡ điệu hay hư-hỏng thế nào thời tiếng đánh hoặc cao quá hoặc thấp quá, hoặc ngang-ngửa, hoặc rời-rạc, mà không thành tiết-tấu gì. Song dù thế nào, cái nhạc-khí tự nó cũng không cảm-động vào tai người ta được : tốt hay xấu, muốn cho nên tiếng phải có cái gì rung-động đến nó, phải có tay người đánh vào mới được. Não-chất cũng vậy, như ta nói trên kia tức là cái khí-cụ của sự tư-tưởng, hay là muốn nói rõ hơn thời gọi nó là cái cơ-quan của sự sinh-hoạt về tâm-tình người ta cũng được ; song nó là cái cơ-quan (*organe*) mà nó không phải là cái nguyên-lý (*principe*) của sự sinh-hoạt ấy. Cái nguyên-lý ấy ở ngoài nó và thuộc về một bản-thể khác.

Vả không kể những lẽ vừa nói đó, tinh-thần với thân-thể không những là sai-biệt hẳn nhau, khiến cho người nào cũng có thể trực-giác mà nhận ngay được, biết rằng trong người mình có hai phần hiển-nhiên tương-đối nhau ; sự trực-giác (*sens intime*) đó kể cũng đã là một cái chứng-cớ xác-đáng lắm rồi. Nhưng hai phần ấy lại còn cách-biệt nhau sâu hơn nữa, vì linh-hồn có đặc-tính của linh-hồn, đối với những đặc-tính của vật-chất trái nhau hẳn. Như vật-chất nào cũng là do những phần-tử rất nhỏ gọi là « a-tôm » (*atomes*) họp lại mà thành ra : tinh-thần thời không thế, tinh-thần là thuần-nhất (*l'esprit est un*). Vật-chất đã kết-hợp mà thành thời cũng có thể phân-li mà giải ra được, tinh-thần thời không thể nào phân-giải được. Vật-chất thời thay hình đổi dạng luôn, như thân-thể người ta từ thủa nhỏ đến thủa lớn thay-đổi biết bao nhiêu, nhưng cái tinh-tình nhân-cách của mỗi người thời không thay không đổi bao giờ. Sau nữa, vật-chất bởi sự thay-đổi ấy mỗi ngày tiêu-hao mà suy-mòn đi : tinh-thần thời không có gì chứng rằng phải tiêu-diệt cả, v

có hình mới tiêu-diệt được, không hình còn tiêu-diệt làm sao ?

Xét như vậy thời cái « duy-vật-luận » chưa phải là một cái lý-thuyết xác-đáng. Vả lại kết-quả của cái thuyết ấy tức là sự tin về vận-mệnh (*le fatalisme*), đã tin ở vận-mệnh thời là người ta không có quyền tự-do nữa, người ta đã không có quyền tự-do thời không có trách-nhiệm gì về công việc mình nữa, đã không có trách - nhiệm gì về công việc mình, thời còn có luân-lý sao được!

III

Nay đã phân-biệt trong người ta có thân-thể và có tinh-thần, thời phép giáo-dục cũng phải tùy đấy mà đặt phương-châm. Nếu cặt theo cái vật-chất-chủ-nghĩa thời sự giáo-dục ấy tất là hẹp-hòi và ti-tiện, chỉ biết chủ sự cận-lợi, chỉ đủ nuôi cái dục-tình mà thôi. Coi người ta như là một khối vật-chất, coi cái thị-dục, sự tư-tưởng, sự hành-vi của người ta như là những cách vận-động của cái vật-chất ở trong người ; không tin rằng người ta có quyền tự-do, tức là khiến cho người ta không biết cái trách-nhiệm là sự gì, đã không biết trách-nhiệm là gì thời cũng không biết nghĩa-vụ là gì nữa, mà nghĩa-vụ tức là nguồn-gốc của đạo-đức luân-lý vậy ; như thế thời là xui-giục cho người ta chỉ biết cầu cho thỏa-mãn cái thị-dục của mình, dẫu cái thị-dục ấy xấu-xa đê-tiện thế nào mặc lòng, không quản gì đến những sự kiêng-nể của lương-tâm là gì nữa. Chắc những người thuộc về phái « duy-vật » cũng có nhiều người không nghĩ tới những nông-nỗi đáng buồn ấy, nhưng đã lấy vật-chất làm chủ-nghĩa thời cái kết-quả tất-nhiên là phải thế.

Nay nếu sự giáo-dục biết tin rằng trong người có một cái linh-tinh bất-diệt, không tùy-thuộc vào cái sức mạnh vô-tri vô-giác, hỗn-độn u-ám của vật-dục nó sai-khiến được, thời cái phương-châm của giáo-dục sẽ rộng và cao biết bao nhiêu ! Sự giáo-dục có đặt theo cái « linh-tinh chủ-nghĩa » (*spiritualisme*) thời mới dạy luân-lý cho người ta được, mới gây-dựng đoàn-luyện được những tính hay tính tốt cho người ta, mới làm nên được cái sự nghiệp lâu-bền chắc-chắn, không phải là chỉ vụ sự lợi-dụng nhất-thời vậy.

Không những thế mà thôi. Cái vấn-đề tinh-thần với thân-thể còn có ảnh-hưởng đến sự giáo-dục nhiều hơn nữa, khiến cho có người đã nói rằng cả giáo-dục là gồm trong tâm-lý-học mà thôi.

Muốn dạy-dỗ một đứa con trẻ cho phải đường, chẳng phải thuộc cái tâm-lý đứa con trẻ rư ? Muốn đào-tạo nên một người có nhân-cách, chẳng phải thâu rõ cái tâm-tình của người ta trước rư ?

Cho nên nói rằng cái vấn-đề tinh-thần với thân-thể có ảnh-hưởng cho sự giáo-dục là thế. Nay ta xét sự ảnh-hưởng ấy ra làm sao.

1° Người nào đã biết rằng tinh-thần với thân-thể có mật-thiết quan-hệ với nhau và cái sức-mạnh của tinh-thần có tùy-thuộc ở sức mạnh của thân-thể, thời chắc là biết trọng sự vệ-sinh, sự thể-dục, và lấy hai món ấy làm gốc cho giáo-dục-học.

2° Thuộc về bản-thể của linh-tinh thời có hai lý-thuyết khác nhau. Một lý-thuyết nói rằng linh-tinh ví như một tờ giấy trắng, muốn viết chữ gì lên trên cũng được ; ví như một cái bình không, muốn đựng cái gì vào trong cũng được ; ví như một miếng « si » mềm, muốn nặn ra hình gì cũng được. Một lý-thuyết nói rằng linh-tinh là một cái sức mạnh hoạt-động luôn-luôn, đầy những « tiềm-lực » (*énergies latentes, virtualités*) mỗi ngày phải phát-siển thêm ra, có khéo phát-siển ra thời mới trở nên linh-hoạt. Trong hai lý-thuyết ấy tùy theo lý-thuyết nào thời sự giáo-dục lại biệt ra một phương-châm khác.

4-I-20. — Devant la maison de M. Nguyễn-Trí-Phú.
阮志富公之商省

4-I-20. — Banquet offert par M. Nguyễn-Trí-Phú.
阮志富公之商省

4-I-20. — Arrivée du "Phú-lu" à Thái-Bình
富盧船舶抵太平省江岸

Kính ảnh hiếu Hương

Nếu theo lý-thuyết trên thì ông thày chỉ phải soạn cho nhiều bài học mà truyền-thụ cho học-trò, vì học-trò có học mới biết được, dạy cho cái gì biết cái ấy mà thôi. Học-trò không cần gì phải suy-nghĩ, phải xem-xét, chỉ phải nghe, phải nhớ mà thôi; không cần phải tập-luyện sự phán-đoán, chỉ phải tập-luyện cái ký-ức mà thôi. Ông thày phải truyền cái học-thức sẵn cho học-trò, không phải dạy cho học-trò biết tự mình học lấy. Như vậy thời sự giáo-dục tức là một sự truyền-thụ cái học-thức, không phải là một cách đoàn-luyện cái tinh-thần; cách giáo-dục ấy thời lấy quyển sách làm thần-thánh.

Nếu theo cái lý-thuyết dưới thời ông thày phải chú-ý tập cho đứa trẻ con biết suy-nghĩ, phải làm như người gieo hạt, gieo cái mầm học-vấn vào trong óc con trẻ rồi để cho tự-nhiên mọc lên thành cây thành quả; không có bắt học-trò cứ ngồi yên mà nghe lời mình, rồi lắp lại những câu mình nói, nhưng muốn cho học-trò nhân lời mình giảng-dạy mà suy-nghĩ rộng thêm ra, tức là khai-thông cho cái khiếu tự-nhiên của con trẻ, không phải chỉ chất cho đầy óc hết pho sách ấy đến pho sách khác vậy. Ông thày cốt dạy cho con trẻ biết xem-xét lấy, biết suy-nghĩ lấy, biết phán-đoán lấy, có sai-lầm thời chữa sửa cho, chớ không có miễn-cưỡng nhồi-nhét cho đầy óc những câu « tử-văn » vô-bổ. Cái chủ-ý của ông thày là muốn đoàn-luyện lấy một cái óc tốt, chớ không muốn nhồi-nhét lấy một cái óc đầy. Sự giáo-dục ấy thời không có ỷ-lại ở quyển sách, ở bài học, mà cốt nhất ở lời giảng của ông thày, bài học thời phần nhiều phải là cái « bài sự-vật » (*la leçon de choses*), khiến cho con trẻ mắt trông thấy, tai nghe thấy, trí nghĩ đến mà tự hiểu biết.

3º — Đó là nói về đường trí-dục. Nay nói về đường đức-dục thời cứ hai cái lý-thuyết trên kia, phép giáo-dục cũng tùy mỗi bên mà không giống nhau.

Như theo cái lý-thuyết thứ nhất thời đứa trẻ-con chỉ phải tập lấy tính phục-tòng mà thôi, ông thày bảo gì phải làm nấy, kỷ-luật định sao phải theo vậy, ngoài lời dạy ông thày, ngoài kỷ-luật nhà trường, mang-nhiên không biết phân-biệt điều hay lẽ dở là gì. Theo lý-thuyết thứ nhì thời con trẻ vẫn phải có tính phục-tòng, nhưng trước phải giải cho nó biết sở-dĩ làm sao mà phải phục-tòng, làm sao phải vâng lời thày, làm sao phải theo luật trường, không vâng không theo thời hại là thế nào; như vậy thời con trẻ tự biết suy-xét điều phải lẽ trái mà không phải là cái máy vô-hồn vậy. Cách giáo-dục trên là một cách « thao-luyện » (*dressage*), cách dưới mới là cách đào-tạo vậy.

4º Nếu ông thày đã thuộc tâm-lý của học-trò mà biết rằng cái mầm những tài-năng của người ta vốn có từ khi hãy còn nhỏ; biết rằng mỗi người đều có những khiếu riêng nếu khéo khai-thông ra thời dễ trở nên người có tài; biết rằng phàm năng-lực của người ta đều có thể phát-đạt lên được cả, chỉ có người chậm người mau mà thôi, — ông thày đã biết như thế thời tất hiểu rằng cái chức-vụ của mình không phải là tạo-thành ra những nhân-tài non, mà phải tùy cái tư-chất của mỗi người học-trò xuất-hiện ra thế nào, nhân đấy khiến sự giáo-dục cho thuận cái khuynh-hướng thiên-nhiên của mỗi người, cho phát-siển được hết cái tiềm-lực của mỗi người; rút lại là tùy thiên-bẩm của học-trò mà thi sự giáo-dục cho thích-hợp, và sự giáo-dục ấy tức là một cách khai-đạo những tài khiếu tự-nhiên còn ngấm-ngầm trong thiên-tính vậy. Có nhiều sự học sớm quá làm cho người ta chán-nản, hoặc sinh ra khó-nhọc mà không bổ-ích gì cho tinh-thần; hay là muộn quá thời lại chậm mà vào lúc

tinh-thần không thể thâu-nhập được hết. Vẫn biết rằng phàm năng-lực của người ta là vốn có tự khi mới sinh-thành, nhưng khi xuất-hiện ra có trình-độ, không phải trong một lúc mà biểu-lộ ra hết cả. Nhà giáo-dục phải xem-xét mà thi-thố giữa vào lúc thích-hợp thời những năng-lực ấy mới thuận đường mà phát-siển ra được, nghĩa là không nên sớm quá mà cũng không nên chậm quá, sớm quá thời còn non không nẩy-nở được hết, muộn quá thời đã già thiếu sức không nở-nang ra được. Bởi thế nên người ta nói rằng tài-năng của người ta vừa là tự-nhiên mà vừa là nhân-tạo nữa, tự-nhiên nghĩa là cái mầm nó vốn có trong người ta, nhân-tạo nghĩa là có công đào-tạo phải đường thời nó mới mở-mang nẩy-nở ra hết được.

Như cái tính thương-yên, cái tính chiến-tranh, cái tính săn-bắn, đều là những tính « tiên-thiên » mà người ta chịu được của tổ-tiên từ đời thượng-cổ đã di-truyền lại cho. Những tính ấy dẫu đứa con trẻ mới sinh ra cũng đã có rồi, nhưng trong một đời người ta những cơ-hội mà những tính ấy (nhất là tính chiến-tranh, tính săn-bắn) xuất-hiện ra rõ-ràng thời ít có lắm, lắm khi suốt một đời không có dịp nào biểu-lộ những tính ấy ra. Tuy vậy mà cái mầm nó vẫn có trong người ta, chỉ vì không có dịp khai-phát ra nên người ta không biết mà thôi. Nhà giáo-dục phải xem-xét mà nhận cho biết mỗi người có những tính thiên-nhiên gì, rồi tùy cơ-hội, tùy thời-kỳ mà khai-đạo cho nó phát-đạt ra.

3° Không những thế mà thôi. Sự tiến-hóa của linh-hồn là một con đường thẳng, không có gián-đoạn chỗ nào. Nhưng sự tiến-hóa ấy có mấy cái phép-tắc riêng. Đứa con trẻ khi mới lọt-lòng ra còn sinh-hoạt như con vật, sau dần-dần lớn lên mới có một cuộc sinh-hoạt về tinh-thần, trước còn đơn-giản lắm, sau mới phức-tạp dần lên. Như nói về trí-tuệ thời trước chỉ biết những vật hữu-hình, sau mới tới những sự thuần-lý. Nói về tình-cảm thời trước chỉ cảm-giác những sự thiết đến mình như đói no, ấm lạnh, sau mới biết đến ái-tình. Nói về ý-chí thời trước cái ý muốn còn thuộc về vật-dục, sau dần mới được tự-do, có tự-do mới biết trách-nhiệm. Như vậy thời sự giáo-dục phải là một sự tuần-tự phát-đạt (*développement progressif*), tùy thời-kỳ, tùy niên-tuế, mà mở-mang dần các bộ-phận trong nhân-cách người ta.

Xét như trên thời tâm-lý-học rất là cần cho giáo-dục-học, giáo-dục có thích-hợp với tâm-lý người ta thời mới thật có hiệu-quả vậy.

T.-C.

CÙNG CÁC PHÁI-VIÊN NAM-KỲ

Hồi các phái-viên Nam-kỳ ra thăm Hội-Chợ Hà-nội, ký-giả có từng họp mặt với các ngài nhiều lần, lại từng đi du-lịch với các ngài mấy tỉnh. Nay ghi-chép qua như sau này, gọi là lưu lại cái dấu-tích một cuộc tương-thân kẻ Nam người Bắc.

Phái-viên Nam-kỳ tới Hà-nội thời ký-giả được tiếp mặt trước nhất là ông NGUYỄN TỬ-THỨC : ông cũng là một bạn « đồng-nghiệp », hiện làm chủ-bút *Nam-trung-nhựt-báo* ở Sài-gòn, hồi ký-giả du-lịch Nam-kỳ đã được biết, nay lại gặp mặt ; vui-vẻ lắm. Ông người ôn-

hòa thuần - nhã, có cái thái-độ một nhà nho - học, tưởng trong Lục-châu bây giờ cũng ít người như ông. Ông nói chuyện cho biết cái mục-đích các phái-viên ra Bắc-kỳ là định xem-xét dân-tình phong-tục và thứ nhất khảo-cứu về đường kỹ-nghệ buôn-bán ngoài này ; phần nhiều các phái-viên mới ra Bắc-kỳ lần này là đầu, nên khi đi bể nhờ sóng gió êm-đềm, khí trời mát-mẻ, trong mấy ngày được ngắm dẫy bờ bể nước Nam ta, dài dằng-dặc, cao xừng-xực như một dải trường-thành xây trên men bể để gìn-giữ cho giang-sơn cố-quốc, trong lòng vui-vẻ và cảm-động vô - cùng. Nghe lời ông nói cũng có giọng cảm-động thật. Ông nói rằng :

— Thiệt chúng tôi không ngờ giang-sơn nước Nam ta cẩm-tú như vầy. Là bởi xưa nay chưa đi khắp nên chưa biết, chưa biết bờ-cõi nước ta to rộng, nhân-dân nước ta đông-đảo là dường nào. Tới nay mới biết, càng biết mà cái cảm - tình đối với tổ-quốc càng chan-chứa biết bao ! Trong mấy ngày tàu chạy gần bờ bể, được ngắm phong-cảnh nước nhà như một bức tranh sơn-thủy lớn : kỳ thay ! khoái thay ! Khi ghé Tourane, khi tới Hải-phòng, quanh mình toàn những người bổn - quốc, cùng ăn-bận như mình, cùng nói-năng như mình, nhận ra mới biết người với mình, mình với người, tuy ăn-ở xa nhau mà cũng là người một nòi một giống, chớ đâu ! . . . .

Tôi có hỏi ông cái cảm-giác khi tới Bắc-kỳ thời ông nói ;

— Chúng tôi mới tới vài ba bữa nay, chưa kịp xem-xét được kỹ. Nhưng khi đến Hải-phòng được ông Bạch Thái-Bưởi và ông Nguyễn Hữu-Thu đón-tiếp tử-tế quá, thật chúng tôi lấy làm cảm-động lắm. Hai ông lại đặt riêng tàu và cho người đưa chúng tôi ra chơi vịnh Hà-long, được coi một cái cảnh kỳ-quan trong nước, ơn ấy chúng tôi không bao giờ quên vậy. Thật người Bắc có bụng mến người Nam quá, mà chúng tôi đây cũng phục người Bắc lắm. *Khi thân chẳng lọ là cầu mới thân* ; đã là người một nước hễ biết nhau, tất thân nhau ngay, chỉ sợ không biết mới dem lòng hiềm-kỵ mà thôi. . .

Nghe ông nói mà tôi nghĩ cuộc Nam-Bắc tương-thân có lẽ cổ-động bằng lời nói không mau không hiệu bằng mở rộng đường giao-thông cho kẻ Nam người Bắc năng đi lại với nhau, có đi lại với nhau thời mới biết rõ nhau, hễ biết nhau thời tự-nhiên phải thân nhau vậy. Như thế thời những cuộc du-lịch như cuộc các phái-viên Nam-kỳ ra Hội-chợ Hà-nội này có ích-lợi cho cái tình thân-ái người hai xứ biết bao nhiêu ! Nên ước-ao rằng năm nào cũng có những phái-bộ trong Nam ra Bắc, ngoài Bắc vào Nam [1] như vậy, người nào đi về thuật lại cho người nhà nghe, một người biết thành ra vô-số người biết, tự-nhiên cái tình liên-lạc phải cố-kết vậy.

Bữa sau tiếp mặt quan phủ Trần-Nguyên-Lượng là đầu phái-bộ, rồi lần-lượt khắp các phái-viên khác : Ông Cần, ông Sanh, ông Để, ông Huệ, ông Liêm, ông Nhung, ông Chúc, ông Bình, ông Xuân, toàn là những nhà buôn-bán, kỹ-nghệ và điền-chủ lớn trong Lục-tỉnh cả.

Quan Phủ Lượng làm chủ quận Cai-lay ở Mỹ-tho, hồi ký-giả đi chơi Nam-kỳ tuy không được gặp nhưng, đã từng được nghe nhiều người khen là một ông quan thanh - liêm cần-

(1) Nghe nói ông Bạch-Thái-Bưởi cùng mấy nhà đại thương Bắc kỳ hiện đương tổ-chức một cuộc du-lịch Trung-kỳ Nam-kỳ cho tới đền Đế-thiên-đế-thích (Angkor) ở Cao-miên, vào khoảng tháng tư tháng năm tây này. Nên chúc mừng cho cuộc du-lịch ấy thi-hành được hoàn-hảo.

cán, thông-hiểu thời-thế va rất có công trong việc cổ-động thực-nghiệp ở Nam-kỳ. Ngài là một tay sáng-lập ra hội « Nông-nghiệp tương-tế » tỉnh Mỹ-tho, hiện nay làm phó hội-chủ. Người đã ngoài bốn mươi tuổi, nhưng coi trai-trẻ và lanh-lợi lắm. Ký-giả những khi lui-tới thường cùng với ngài bàn-luận thời-thế và xem-xét những đường-lối tiến-hóa của dân-tộc ta, ý-kiến không hẹn mà hợp nhau, hai người thường tự lấy làm lạ.

Ngài nói rằng dân-tộc ta từ nay trở đi có cơ tiến-hóa mau được, cứ hiện-tình trong Nam ngoài Bắc thời cái triệu-chứng đã rõ-ràng lắm; nhưng sự tiến-hóa ấy bọn thượng-lưu mình phải chủ-trương cho tuần-tự, chớ có vội-vàng mà hấp-tấp. Hiện nay có một phái cấp-tiến muốn đổi cũ thay mới cả, mưu-toan cải-tạo xã-hội nước nhà, ngày nay yêu-cầu sự này, ngày mai yêu-cầu sự kia, không biết những sự mình yêu-cầu ấy đã hợp với trình-độ dân ta chưa; thiết-tưởng hiện bây giờ cần nhất cho dân mình chỉ có sự học-vấn và đường thực-nghiệp mà thôi, học cho nhiều để cho thông-hiểu thời-thế, làm cho cần để cho phú-quốc lợi-dân, nước giầu, dân khôn, nhiên-hậu mới bàn đến việc chính-trị; vì chính-trị bao giờ cũng theo sau cuộc tiến-hóa, không có đi trước bao giờ. Bọn mình không nên theo phái cấp-tiến, cũng không nên theo phái thủ-cựu, bọn mình phải biệt-lập một phái trung-ương điều-hòa vậy.....

Lời-lời thiết là khôn-ngoan chánh-đáng, tưởng những người tri-thức trong nước bây giờ ai ai cũng nên cùng một chủ-nghĩa ấy. Nghe một nhà đại-biểu Nam-kỳ nghị-luận về thời-thế như thế, ai chẳng mong rằng một ngày kia dân cả ba kỳ ta nhờ được một bọn thượng-lưu xứng-đáng dìu-dặt đưa-giắt cho, sẽ cùng nhau dề-huề bước lên con đường tiến-hóa và xum-họp cùng hưởng cái phúc văn-minh vậy?

Các phái-viên trong hai tuần-lễ ở Hà-nội đi xem-xét các kỹ-nghệ ở Hà-thành và ở chung-quanh, đều khen rằng kỹ-nghệ xứ Bắc-kỳ đã tiến-bộ nhiều lắm. Dân Nam-kỳ nhờ được thổ-địa phì-nhiêu thuần chuyên về nông-nghiệp, chỉ làm ruộng cũng đã thừa giầu, nên công-nghệ trong ấy không mong phát-đạt bằng ngoài Bắc được; nhưng người Nam-kỳ có nhiều tiền thường hay mua đồ của ngoại-quốc, một là tiền của ngày một lậu-chi ra ngoài mất, hai là không giúp được người bổn-quốc mở-mang thực-nghiệp thêm ra. Các phái-viên đã hiểu rõ các lẽ đó, nên rắp khi về xứ sẽ hết sức cổ-động cho người trong Nam biết các hàng-hóa ngoài này mà đem tiền mua giùm cho đồng-bào ngoài Bắc. Nhờ sự cổ-động đó chắc từ nay trở đi việc buôn-bán Nam-kỳ với Bắc-kỳ sẽ được thịnh-vượng hơn trước nhiều; bọn ta rất lấy làm trông mong vậy.

Ngoài giờ đi xem-xét các kỹ-nghệ, các phái-viên lại thường hay vãn-cảnh những nơi đền cổ miếu xưa của Thăng-long cố-đô ta; tiếc thay thành Hà-nội bây giờ không còn giữ được mấy chỗ, nhưng đến đâu có dấu vết cũ xem ra các ngài đều có ý ngậm-ngùi hoài-cổ cả. Nhất là bữa ký-giả đưa các ngài đi thăm Văn-miếu, trời đã về chiều, đứng trong « rừng bia » dưới bóng cổ-thụ âm-thầm hiu-hắt, người nào người nấy xúc cảnh sinh-tình, xem ra đều cảm-động thương-tiếc cái văn-hóa cũ của tổ-tiên; nhưng quay vào nơi quan Toàn-quyền SARRAUT năm ngoái đọc bài đại-diễn-thuyết về chính-sách khai-hóa của Đại-Pháp cho hơn năm nghìn người Nam-Việt nghe ở tiệc trà hội Khai-trí, thời coi ra ai cũng có ý phấn-khởi trong lòng mà trông mong rằng cái văn-hóa cũ ấy sẽ nhờ được văn-minh mới của qui-quốc mà có ngày được vẻ-vang

rực-rỡ hơn xưa ! Ôi ! cái tiền-đồ của Việt-Nam tổ-quốc ta ! . . .

Có mấy phái-viên bận việc nhà phải đi tàu về trước, còn bảy tám ông ở lại định đi đường bộ qua Kinh-đô về Nam-kỳ. Vậy trước khi các ngài lên đường, nhà đại-thương của Bắc-kỳ ta là ông Bạch-thái-Bưởi cùng với mấy ông buôn-bán ở Nam-định, Thái-bình, Hưng-yên, có đặt một cuộc du-lịch mời các ngài đi xem ba tỉnh ấy. Ông Bưởi để riêng hẳn một chiếc tàu của ông là chiếc *Phố-Lu* trang-hoàng đẹp-đẽ để đưa dẫn các phái-viên mà chính ông thân-hành đốc-suất cuộc du-lịch; ký-giả cũng dự cuộc ấy. Tuy kỳ-hạn chỉ có vài ba ngày — vì các ngài vội về không thể ở lâu được nữa — xem-xét không được mấy tí, song cũng là một dịp cho các phái-viên được biết qua cái cảnh-tượng mấy tỉnh trung-châu xứ Bắc, làm quen với mấy hạng nhân-vật ngoài này; lại là cái dịp cho các bạn Bắc-kỳ được cùng các ngài họp mặt mấy ngày trước khi từ-biệt.

Tàu *Phố-Lu* bềnh-bồng trên mặt nước, giọng ca-nhi ánh-ỏi trong bàn tiệc, khí trời ấm-tạnh, tân-chủ vui-cười; cổ-nhân vẫn lấy tiệc tiễn-biệt là một lễ trọng, nay Bạch-quân thay mặt các đồng-bào xứ Bắc mà bày ra cuộc tiễn-biệt các đại-biểu đồng-bào xứ Nam một cách trọng-thể như vầy, thiệt cũng xứng-đáng thay ! Chắc các ngài khi về xứ vẫn còn giữ được mãi cái cảm-giác tốt ngày hôm nay. Về phần chúng ta cũng không bao giờ quên mấy đêm ngày cùng với các ngài chuyện-trò vui-thú, và sẽ biết công cho Bạch-quân đã hết sức gắn-bó cho cái tình liên-lạc kẻ Nam người Bắc được đậm-đà thân-mật thêm ra.

Sáng ngày thứ bảy 3 Janvier tàu từ Hà-nội đi, 2 giờ chiều tới Hưng-yên, vào thăm quan Tuần Lê Trung-Ngọc (ngài vốn là người Nam-kỳ), quan án Nguyễn Năng-Quốc, và đi chơi trong phố-phường. Chiều tối quan án Nguyễn đãi tiệc, bọn ta được một dịp biết rõ cách phong-nhã và tài giao-thiệp của ngài. — Tiệc xong, chừng nửa đêm xuống tàu về Thái-bình, sáng sớm mai tới nơi. Vào thăm quan Tuần Phạm Đàn-Viên, khi ấy ngài hãy còn ở Thái-bình, dạo chơi thành-phố, rồi ăn tiệc trưa ở nhà ông Nguyễn Trí-Phú chủ Công-ti Thương-mại Thái-bình. Ba giờ chiều thời sang Nam-định, tối các nhà thương-mại Nam-định đãi tiệc tại nhà ông Bạch, chuyện trò đến khuya mới tan.

Sáng ngày thứ hai 8 giờ rưỡi thời các phái-viên từ-biệt lên xe-lửa về Vinh, kẻ đi người ở, hẹn-hò sẽ được gặp nhau có ngày.

Trong cuộc du-lịch tiễn-biệt các phái-viên Nam-kỳ này ông Hương-Ký là nhà chụp-ảnh có tiếng ở Hà-thành ta cũng đi theo, ông chụp được nhiều ảnh đẹp lắm. Mấy bức in trong bản-chí kỳ này là in theo kính ảnh của ông vậy.

THƯỢNG-CHI

Nhà-Nước mở quốc-trái lần thứ năm
Quốc-dân ta đã có công mấy lần trước,
Lần này lại nên giúp một phần,
Cho vẹn tròn quả phúc.

THƠ CHO NGƯỜI BẠN (1)

IV

Nguyễn nhân-huynh kỷ-hạ,

Trong thơ trước viết cho ngô-huynh tôi có nói rằng hiện ở nước ta bây giờ việc chính-trị không quan-trọng bằng việc giáo-dục, và hứa sẽ cùng ngô-huynh nghiên-cứu về cái vấn-đề giáo-dục. Tôi nói thế không phải là coi thường việc chính-trị, lấy làm một sự không đủ khinh-trọng cho người mình trong thời buổi bây giờ; không phải thế, vì chắc ngô-huynh cũng nghĩ như tôi rằng phàm quyền-lợi về chính-trị là những quyền-lợi rất thiết-yếu cho người dân một nước, dân nào về đường chính-trị bị kiềm-chế bó-buộc mà không được cử-động thảnh-thơi thì con đường tiến-hóa cũng bị ngăn-trở mà không thể bước lên mau được. Như thế thời việc chính-trị không phải là không quan-hệ cho những người cùng nhau sinh-trưởng trong một nước. Nhưng mà muốn cho hiểu rõ việc chính-trị, muốn cho thi-hành những quyền-lợi về chính-trị được xứng-đáng thời người dân phải tới một cái trình-độ khai-thông thế nào mới được, không phải tự-nhiên mà có đủ tư-cách vậy. Trình-độ ấy dân ta đã tới chưa? Thiết-tưởng rằng chưa, như các lẽ tôi đã nói trong thơ trước vậy. Như vậy thời trước khi bàn việc chính-trị, ta hẳng nên chăm đường giáo-dục đã, vì có giáo-dục thời cái trình-độ dân mới cao dần lên, trình-độ dân có cao hơn lên thời bàn việc chính-trị mới thật có ích-lợi. Cho nên cứ như ý tôi thời tuy vẫn lấy việc chính-trị làm quan-trọng mà coi việc giáo-dục còn cần-cấp hơn.

Nay xét về cái vấn-đề giáo-dục thời phải biết rằng cái vấn-đề ấy to-rộng phiền-phức lắm, không phải bàn qua mà hết lẽ được. Vả dẹ cũng không dám tự-phụ rằng về phần riêng đã nghiên-cứu cái vấn-đề ấy được tường-tận, đủ mà nghị-luận cho sác-đáng. Vậy những lời bàn đây là ý-kiến riêng như thế, chắc còn thiếu-thốn nhiều, mong ngô-huynh xét ma chữa sửa cho.

Trước hết dẹ thiết-nghĩ rằng cái nghĩa chữ giáo-dục phải hiểu rộng lắm mới được, không phải chỉ riêng sự giáo-dục ở nhà trường mà thôi. Phàm sự gì tăng-tiến cho cái tư-cách người ta, khải-phát được những năng-lực người ta, để cho có thể hiệu-dụng được ở đời trong khắp các cảnh-ngộ, đều là thuộc về phạm-vi sự giáo-dục cả. Như thế thời không cứ mở trường dạy học mới là giáo-dục, không cứ theo thày đọc sách mới là học-tập; đó là một phần trong sự giáo-dục, một phần trong sự học-tập, không phải cả sự học-tập, cả sự giáo-dục là ở đấy. Phàm mắt thấy tai nghe, tự mình từng trải, gương người trước, việc đời nay, cách ăn-ở của người quanh mình, việc biến-thiên ở trong xã-hội, không gì không là một bài học cho người có chí, không gì không là cách giáo-dục cho kẻ hữu-tâm. Như vậy thời sự học sự dạy là việc chung của mọi người, việc luôn hẳng giây phút, người nào lúc nào cũng có trách dạy-dỗ, cũng có trách học-tập, và cả xã-hội tức là một nhà học-đường lớn vậy.

Tôi bàn giáo-dục đây là theo nghĩa rộng như thế, không nói riêng về sự

(1) Xem *Nam-Phong*, số 28, trang 319-320 bis.

giáo-dục của Chánh-phủ ban-bố cho dân mà thôi. Sự giáo-dục công ấy rồi cũng sẽ lấy ý-kiến riêng mà phán-đoán một đôi lời, cùng bày tỏ cái mục-đích, cái phương-pháp nên thế nào cho hợp với sự yếu-cần của quốc-dân ta. Nhưng quyền xử-trị sự giáo-dục ấy không phải thuộc người mình mà thuộc Chánh-phủ Bảo-hộ, Chánh-phủ Bảo-hộ có mục-đích có phương-pháp của Chánh-phủ, cùng với sự yếu-cần, sự hi-vọng của người mình có gián-cách nhau, nên dẫu hết sức bàn-bạc cho vỡ lẽ, nghiên-cứu cho đến nơi, yêu-cầu cho thống-thiết, mong-đợi cho khát-khao, chưa dễ đã lọt tai Chánh-phủ, và dẫu lọt tai Chánh-phủ chưa dễ Chánh-phủ đã chịu nghe. Như bây giờ những người tri-thức trong nước ta ai cũng hiểu rằng phàm giáo-dục muốn cho có ích-lợi cho dân-tộc, muốn cho được phổ-thông khắp mọi nơi, muốn cho gây nên cái mối đồng-tâm trong các hạng người trong xã-hội, cái giây liên-lạc trong các địa-phương của nước nhà, muốn cho thành một cái động-lực biến-hóa được giống nòi ta, thời phải lấy quốc-văn làm gốc, mà chỉ học pháp-văn như một thứ tiếng giao-thiệp mà thôi. Ai cũng biết thế, ai cũng hiểu như thế, ai cũng ước-ao mong-mỏi như thế, nhưng chắc đâu Chánh-phủ Bảo-hộ cũng một ý như mình, chắc đâu Chánh-phủ lại không có cái ý khác mà lấy sự dạy học người mình bằng tiếng nước mình là một điều không tiện... Ay là thí-dụ một việc trong nhiều việc như thế, đủ biết rằng hiện nay sự giáo-dục công trong nước ta thuộc cả ở quyền Chánh-phủ Bảo-hộ xử-trí, Chánh-phủ xử-trí sao mình đành vậy, dẫu bàn-bạc kêu-nài cũng không mong có ảnh-hưởng gì. Cho nên sau này ta có bàn về sự giáo-dục ở các trường công nên thế nào là hay là phải, cũng là giãi cái tư-tưởng riêng, sự hi-vọng riêng như thế mà thôi, dám mong đâu người cầm-quyền theo cái dư-luận của mình mà thay đổi cho hợp ý.

Song tuy người mình không có quyền quyết-nghị sự giáo-dục ở nơi học-đường công, mà các cách giáo-dục khác là trong tay mình cả, nếu khéo biết lợi-dụng thời sự ích-lợi cho tiền-đồ quốc-dân ta không phải là nhỏ vậy. Nay những cách giáo-dục khác ấy là gì? Trước nhất là sự giáo-dục trong gia-đình, là gốc luân-lý của xã-hội: muốn cho phong-tục khỏi suy-đồi, nhân-tâm có chủ-định, nền đạo-đức được vững-vàng, mối cương-thường được bền-chặt, thời sự giáo-dục trong gia-đình phải trọng nhất; ta sẽ xét xem sự giáo-dục ấy phải thi-hành thế nào cho có hiệu-lực, cho được hợp-thời, cùng những cơ-hội gì giúp được cho sự giáo-dục ấy, những cơ-hội gì tổn-hại đến sự giáo-dục ấy, và nghĩ phương-kế để đối-phó. — Sau đến sự giáo-dục trong xã-hội: cách giáo-dục này thời rộng lắm, vì là gồm cả một cuộc đời của người ta, vả lại tùy cái cảnh-ngộ của mỗi người có khác nhau, không thể nói sao cho khắp được. Đại-khái ta sẽ chia ra hai phần: một phần là sự giáo-dục riêng của mỗi người tự mình dạy lấy mình bằng sự suy-nghĩ, sự đọc sách, đọc báo, sự giao-du với những người hiền-nhân quân-tử, thi-thố ra công nọ việc kia, v. v.; một phần nữa là sự giáo-dục của người trên đối với kẻ dưới, vì xã-hội nào cũng có kẻ thượng-lưu, kẻ trung-lưu, kẻ hạ-lưu, người có quyền-thế, kẻ phải phục-tòng, thời người trên phải có cái trách dạy-dỗ người dưới, người hơn phải có cái trách đưa-giắt kẻ kém, như quan phải dạy-dỗ dân thế nào, kẻ hào-trưởng trong làng phải khuyên-bảo đàn em thế nào, chớ chi những nhà có trách ngôn-luận phải bàn-bạc nói-năng thế nào cho ích-lợi cho hết-thảy bàn-dân theo, v. v. — Sau nữa đến sự giáo-dục trong chức-nghiệp, nghĩa là người nào làm nghề gì cũng phải học-tập nghề ấy cho

đến nơi đến chốn, chớ thật khéo thật thạo, và kẻ hơn phải có bụng dạy cho người kém được bằng mình, người kém phải cố học-tập bắt-chước cho nghề mình giỏi hơn lên, v. v. — Sau cùng ta mới xét đến sự giáo-dục của Chánh-phủ ban-bố cho dân hiện nay thế nào và sau này phải cải-cách làm sao cho hợp với sự yếu-cần trong dân, hợp với lòng hi-vọng người mình. Nhưng cứ các lẽ đã nói trên kia thời phần đó là phần dự-bàn bên ngoài mà thôi, quyền chủ-trương quyết-định là tự Chánh-phủ vậy.

Ấy đại-khái cái chương-trình của đệ muốn nghiên-cứu về cái vấn-đề giáo-dục như thế ; ý ngô-huynh nghĩ sao ?

Trong thơ sau xin bàn về sự giáo-dục trong gia-đình trước.

Đệ

THƯỢNG-CHI

CHUYỆN VIỆC LÀNG

Tự-ngôn

Làng là một phần nhỏ trong nước, là nơi sinh-trưởng ra quốc-dân, và là chỗ cỗi-rễ về phong-hóa và tập-quán trong xã-hội. Cho nên muốn biết trình-độ một nước chỉ phải xem cách sinh-hoạt trong các làng ; muốn biết nhân-cách người trong nước chỉ phải xem tư-cách những người làng. Giả như đến một cái thành-đô nào, thấy thành-phố lớn, đường cái rộng, đền-đài cung-quán đều tráng-lệ nguy-nga ; mà trong các làng, thấy dân-cư tiêu-điều, đường-ngõ lầm-lội, đình-điếm đổ-nát, học-xá tồi-tàn, chắc không phải là một nước giầu-thịnh. Vào một chỗ đô-hội nào, thấy thân-hào rộn-rịp những ngựa xe, sĩ-nữ rực-rỡ những vàng ngọc, mà trong các làng, người lớn chỉ tranh-đấu kiện-tụng, người nhỏ chỉ cờ-bạc trộm-cắp, chắc không phải là một xứ văn-minh. Vì góp nhiều làng điêu-háo không thành ra một nước phú-cường, góp nhiều người ngu-hèn không thành ra một dân trí-thức. Làng có quan-hệ mật-thiết với nước với dân là thế, cho nên muốn cho nước có nhân-tài tốt, phải cảm-hóa trong làng cho có ít kẻ ngu-ngoan. Việc cải-lương tục-lệ trong làng, thực là một cái sự-nghiệp rất lớn.

Gần đây trong xứ ta, những kẻ nhân-nhân trí-sĩ đang hô-hào về việc cải-lương dân-tục, các báo-quán cũng đương cổ-súy về việc cải-lương dân-tục. Đã thấy làng này bớt lệ sự-thần, làng kia bỏ lệ khao-vọng, chỗ này đã mở trường tân-học, chỗ kia lập hội công-thương, đã có cái cảnh-tượng nhật-tân nguyệt-dị, trông thấy mà mừng, nghe thấy mà sướng. Tiếc cho còn lắm chỗ phong-tục hủ-bại như cũ, nhân-vật lậu-liệt như cũ. Không phải tính người ta hay cảm-cựu, hay phong-trào không đến nơi, tựu-trung có nhiều tình-tệ, mỗi làng một khác mà làng nào cũng có. Cái tình-tệ ấy nó đã làm cho tiêu-ma nguyên-khí một nước, nó đã làm cho ngăn-trở sự tiến-hóa nhân-quần ; cái tình-tệ ấy đã tán vào hết mọi việc trong dân-xã, đã gây nên hết mọi điều cơ-cực cho con em ; cái tình-tệ ấy ai cũng biết rõ, mà ai cũng cứ làm, ai cũng nghiến răng mà giận, mà ai cũng bấm bụng mà theo. Cái tình-tệ ấy là gì ? — Là cái thói quen tồ-tôn di-truyền, con

cháu không bỏ đi được. Tục-ngữ có câu rằng : « Phép vua thua lệ làng ». Đế-vương quan-phong còn phải trọng dân-tục, Thánh-hiền chế-lễ cũng phải bản nhân-tình. Chưa dễ lấy ý riêng một người mà cải-cách ; chưa dễ lấy phép-luật nhất-định mà duy-trì.

Cho nên muốn chữa đổi cái thói quen ấy, phải có kinh-lịch, có thí-nghiệm, có đảm-lực, có cơ-quyền, phải khảo-cứu lịch-sử từng làng, phải khảo-sát lịch-sử từng việc; thể-tất nhân-tình, xu-hướng thời-thế, phải biết điều hoãn điều cấp, phải biết nước trước nước sau ; như thế mới họa có ngày nên công được.

Nay nhân lược-thuật mấy câu chuyện việc làng như sau này, biện-bạch tình-tệ từng việc, và tính cách bổ-cứu từng điều, có ý giúp đường kinh-nghiệm cho những nhà nhiệt-thành về việc cải-lương ; không phải là chuyện ngồi rồi nói không, bởi lông tìm vết.

1. — Tổng-luận về việc cải-lương tục làng

Ông Giáp là một ông quan lịch-lị đã nhiều niên sở, kiến-văn cũng nhiều, nay đã cáo-lão về làng, cũng muốn làm chút công-đức ở nơi phần-tử. Ông Ất là một ông hương-lão có học-thức, có kinh-nghiệm, đến dân-tình hương-tục lại tinh-tường hơn. Mỗi lần hai ông gặp nhau cứ đem việc làng ra làm câu thù-tạc.

Một hôm, ông Giáp nói Thế-kỷ thứ 20 này là thế-kỷ duy-tân ; vì hết mọi sự trong thế-gian không còn sự gì là không phải thay-đổi. Vật hay thay-đổi thì ra mới, vật không hay thay-đổi thì ra cũ ; mới thì tân-kỳ, cũ thì trần-hủ ; tân-kỳ hẳn chiếm ưu-thắng, trần-hủ chung-qui liệt-bại, ấy là cái lẽ đào-thải tự-nhiên. Tưởng như thể-lệ làng ta từ mấy trăm năm đến nay, đã có nhiều điều trần-hủ, không hợp với thời-thế ; nệ cổ không thông kim, thủy thành ra chung tệ. Nghĩ ông cha mình đã có bao nhiêu công-cần tích-lũy, mới gây-dựng nên miếng đất này cho con cháu tụ-tập mà ở, đến chúng ta không trốn được ra ngoài vòng đào-thải, thực là một sự đáng thương. Huống chi ngày nay gặp hội duy-tân, từ việc chính-trị, việc giáo-dục, việc hình-luật, cho đến mọi việc công-thương, không còn việc gì là không đổi cũ thay mới ; mà việc làng chính là cái cội-rễ phong-hóa, thân-hào như chúng ta chính là người tiêu-biểu một làng, nếu cứ trần-trần thể này hay còn chờ bọn thiếu-niên, chẳng khỏi cho người la cười mình là hương-nguyện, là lão-hủ.

Ông Ất nói :— Ngài tưởng di-phong dịch-tục là việc rất dễ hay sao ? Phá-hoại thì thực dễ, mà kiến-thiết thì thực khó. Phàm khoán-lệ đã thành ra thói quen trong làng, ấy là cái cốt-cách, cái giường-mối, nó đã gây-dừng ràng-buộc nên một làng ; cho nên đã trải mấy phen vật đổi sao dời mà ta vẫn giữ được một nền thượng hòa hạ mục. Nay có một nhà cổ, vách đã lở, mái đã dột, muốn lập-dựng nên một cơ-chỉ mới phải đắp nền xây móng, sắm-sửa vật-liệu cho đủ, rồi mới phá cải nhà cũ kia đi. Nếu nhà mới chưa dựng, nhà cũ đã phá rồi, gặp khi gió mưa, người nhà sẽ hóa ra đàn chim không tổ. Còn như chuyện vụ-danh lấy tiếng, giật đầu cá vá đầu tôm, có hình-thức không có tinh-thần, chỉ tổ làm cho dối dân mà không có thành-hiệu gì cả.

Giáp nói : — Sự-nghiệp cải-lương không phải một ngày mà nên được : song không có ngày sáng-thủy sao có ngày thành-chung. Vả lại góp nhiều người nên một làng, thì mỗi người trong làng cũng phải gánh một việc. Nếu cứ kẻ này suy-ủy cho người khác, ngày nay nấn-ná để ngày mai, có khi không người nào chịu trách-nhậm một việc, cũng không có ngày nào mà làm xong một việc. Tôi tưởng tình-tệ như làng ta; thời-thế như ngày nay, ma địa-vị

như chúng ta, vô-luận việc dễ hay khó, cũng phải nhận lấy hưng-lợi trừ-hại làm nghĩa-vụ, phải theo gương những nơi đã làm trước, và làm gương cho kẻ sẽ theo sau. Miễn là có ích-lợi cho con em, còn lời khen chê sự ân oán không quản gì cả.

Ất nói : — Tôi nói khó, không khó tại việc, mà khó tại người. Người ta vốn có tính hay nhân-tuần, hay cẩu-thả. Có khi ngồi cái giường đã lệch, cũng không muốn đứng lên cho người ta kê lại ; mặc cái áo đã bẩn cũng không muốn cởi ra cho người khác rặt đi. Đến việc làng, là chỗ cha truyền con nối, đã quen mắt quen tai, người biết lẽ thì ít, kẻ không biết thì nhiều hễ thấy việc biến-canh, tất sinh ra hoảng-hoặc ; khó là một. Trong một việc có người tiện, cũng có người không tiện. Người lấy làm tiện thì tán-thành, kẻ lấy làm không tiện tất tìm đường phản-đối ; khó là hai. Việc cải-lương cũng như chữa cái nhà nát, dụng cái nọ tất chạm đến cái kia, việc chưa thấy lợi đã thấy hại tất sinh ra vật-nghị ; khó là ba. Cảm giác mỗi người một khác, ai uốn cây cho vừa miệng cá, trong một việc ý-kiến bất-đồng tất sinh ra mâu-thuẫn, lại sợ nhân cải-lương mà gây ra thù-oán ; khó là bốn. Làm một việc đã có những sự gian-nan như thế, tất phải nhờ những tay hào-kiệt lấy vũ-đoán mà làm việc cải-lương ; như thế sẽ mất cả cái hạnh-phúc hòa-bình trong hương-khúc.

Giáp nói : — Như lời ông nói, thì dân-tục không nên đổi hay sao ? Tập-tục đã hủ-bại như làng ta cũng không bổ-cứu được hay sao ? Biết bao nhiêu là nơi đã thực-hành cải-lương, đã thực có thành-hiệu, đã có bia kỷ-niệm, đã có sách ấn-hành, cũng người làng ấy hay người làng khác ? Kìa những nước chuyên-chế đã đổi ra lập-hiến, lập-hiến đã đổi ra cộng-hòa, cũng quốc-dân ấy hay quốc-dân khác ? Chẳng qua những việc trọng-yếu, chỉ số ít người trọng-yếu lấy lòng công-ích sốt-sáng mà làm ; còn đợi mưu với hết mọi người, hay đợi cho bằng lòng hết mọi người, dù trời đất chí-công, thánh-nhân chí-nhân cũng phải có điều khuyết-hám.

Ất nói : — Hương-đảng là nơi phụ-huynh tôn-tộc, chẳng nội thì ngoại, chẳng gần thì xa, lúc giao-tế thường nặng tình mà nhẹ lý, cho nên việc hương-đảng vẫn khó hơn chốn triều-đình ; dù việc muốn biến-canh thế nào cũng phải lấy hòa làm quí. Việc một làng cũng như việc một nước, có việc khó, có việc dễ, có việc hoãn, có việc cần. Việc khó ta tính trước, việc dễ để lại sau, việc cần ta làm trước, việc hoãn để lại sau. Không cần sức-ngụy để vụ-danh bên ngoài, không nên lấy thế-lực để áp-ức kẻ dưới ; phải dụ-dịch từng người, phải giảng-giải từng việc. Mục-đích ở công-ích, lập-tâm ở yêu người, ý-hướng ở thành-thực, thủ-đoạn ở kiên-nhẫn ; ấy là nhân-tài cải-lương. Nếu không, đã không có kết-quả lại làm cho rối-dân, cái hại cải-lương lại quá hơn là hủ-bại.

2 — Việc lý-tài trong làng

Giáp nói : — Trăm việc ở đời, vô-luận việc công việc tư, phải có của mới làm được. Nhà-nước có của mới sửa-sang cầu cống, đường xá, mới lập nên học-đường, phúc-đường ; mọi người có của mới ăn học, có liêm-sỉ, có nhân-cách, có lợi-quyền. Vậy việc tài-chính trong làng là đầu mọi việc ta phải bàn đến trước. Trong làng ta, có năm ba nhà giàu có, mươi lăm nhà đủ ăn, có người làm ruộng, có kẻ làm thợ, có người đi buôn, dù chưa phải là một làng trù-phú, song cũng đủ tư-cách mà sửa-sang các việc được. Phàm làm việc gì phải có nhà giầu xuất-tài, nhà nghèo xuất-lực.

Ất nói : — Xét về tài-sản trong một làng, phải lấy phổ-thông làm chuẩn.

Trong làng năm ba nhà gạch cây mít, mà chung quanh hàng xóm đều là vách nát sân rêu ; trong mươi lăm nơi chèo hát no say, mà xóm trước ngõ sau chỉ nghe tiếng mẹ rên con khóc, như làng ta không gọi là làng no đủ được. Tất phải : dù nhà giầu lớn có ít, mà nhà cùng quá cũng không ; kẻ già có người nuôi, con trẻ có người dạy, năm được mùa cả làng no ấm, năm mất mùa không có kẻ lưu-li. Như thế mới là sửa-sang tài-sản cho một làng được.

Giáp nói : — Ông nói vương-đạo quá, tôi e là câu vu-luận. Tính-chất người ta ai được đều như ai, có kẻ khôn có người dại; việc làm có kẻ chăm có người lười. Kẻ chăm thì no, người lười phải đói, kẻ khôn thì nên phú nên quí, người dại thì chịu nghèo chịu hèn ; ấy là cái lý tự-nhiên, cái luật thiên-diễn. Vì thế mới có người hữu-dư, có người bất-túc, có người khu-sách được kẻ khác, lại có người phải người khác khu-sách mình. Có lẽ nào khiến cho mọi người trong một làng đều hưởng chung một hạnh-phúc được.

Ất nói : — Ngài nói là cái bất-bình của thiên-nhiên, tôi nói là cái bất-bình của nhân-tạo ; cái bất-bình của thiên-nhiên thì không ai có thể tránh được, cái bất-bình của nhân-tạo thì không ai chịu mà cam-tâm. Thế nào là cái bất-bình nhân-tạo ? Là sự để cho người đồng-loại lấy tính tàn-ác mà bác-tước lẫn nhau. Những người làng ta mà ngài đã chỉ là nhà giàu, nào ai có tài gì ? Ai có đức gì? Ai đã sinh ra nghề khôn nghiệp khéo ? Ai đã đi thu lấy lợi đâu về mà làm giàu ? Chẳng qua nhờ những ngày đói kém, gặp những người tật-hoạn, cho vay non vay già, bắt gán vườn gán đất, lãi đập làm gốc, một tính ra mười. Bấy giờ kẻ đã giàu giàu bội, người đã nghèo nghèo cùng, mà sinh ra hết mọi nỗi bất-bình trong nhân-loại. Những người nhà giàu ở làng ta, chính là những thần đại-hao tiểu-hao nó làm cho tiêu-ma nguyên-khí cả một làng, nó làm cho phá-hoại hạnh-phúc của nhân-loại. Nếu cứ để người trong một làng tàn-giết lẫn nhau như thế, thì còn nói chuyện cải-lương tài-chính làm gì nữa.

Giáp nói : — Tôi nói về cải-lương tài-chính là nói về công-sản của làng, đến như tư-sản từng người, ta có phép nào mà can-thiệp đến. Công-sản là hoa-lợi về công-điền công-thổ, cùng tiền nộp lệ, tiền khao-vọng, dùng cách nào thu lấy mà làm những việc công-ích cho làng. Hay ông còn có phương-pháp cao-minh tân-kỳ nào hơn, xin ông nói.

Ất nói : — Có dân thì mới có làng, dân nghèo thì làng giầu với ai, dân siêu thì làng đứng với ai, cho nên muốn cho công-sản được dồi-dào, trước phải mưu cho tư-sản được sung-túc. Con em làng ta điêu-linh vì nỗi ăn vay nặng lãi như đã nói ở trước, còn những nhà bao-chiếm lấy ruộng đất cho nhiều, cũng không làm nên một việc gì là công-ích, chẳng qua mua danh chuộc tiếng để lậu-chi ra ngoài ; hoặc con em sinh ra kiêu-sa lại là sự hại về phong-hóa. Hai bên đều có hại mà không có lợi. Việc không hưng-lợi trừ-hại sao gọi là cải-lương. Tôi muốn làng ta dựng lấy một cái kho « bình-thích » (1) chỉ lấy nhẹ lãi cho người làm ruộng thiếu ăn thì vay ; và lấy bình-giá mà đong vào bán ra các thứ hoa mầu với người làng, gọi là bình-thích. Như thế khỏi để nhà giầu cho vay nặng lãi, và cứu nhà nghèo khỏi chịu trói buộc một đời. Tư-sản đã được điều-hòa, thì công-sản cũng nhân đó mà dư-dụ.

Giáp nói : — Làng có tài-sản lập được một cái kho « bình-thích » để giữ lấy quyền-lợi cho công-dân, đã là một làng giầu có lắm. Như làng ta thập

(1) Trương-chỉnh về kho bình-thích sẽ nói ra bài khác cho tường.

thất cửu-không nhiều người vô-nghiệp, kiếm không đủ ăn. Tiền góp hương-ẩm còn dị-bồ nan-thu, sưu-ngân của Nhà-nước cũng phải quân-san cho điền-mẫu, tiền lương tổng-sư, tiền thuế đò thuế chợ cũng qui vào điền-mẫu, như thế đã là bệnh-nông lớn rồi, còn trông lấy vào đâu mà làm kho Bình-thích ?

Ất nói : — Tiền của ở trong một làng cũng như tiền của ở trong một nhà, khéo dùng thì nó là cái lợi-nguyên, không khéo dùng thì nó chỉ là hư-phí. Xưa nay không có nhà nào là giầu sẵn, hễ khéo tần-tiện thì ra nhà giầu. Nếu người sinh-lợi thì ít, người phân-lợi thì nhiều, nhà nào cũng phải siêu, nghiệp nào cũng phải đổ. Thử trục-tính trong một năm làng ta đã có bao nhiêu là tiền hư-phí, về tư-sản như tiệc-lệ, ma chay, khao-vọng, kiện-tụng, về công-sản như các thứ hoa-lợi về vườn ao điền thổ của làng đều để cho mấy tay tham-bô chi-sẻ. Tiền phụ-cấp cho lý-dịch về việc công có một, kỳ-cựu cũng chỗ phò đi ăn theo mà bổ cho làng mười. Phàm người có đủ tư-cách được dự vào việc làng cũng lấy làng ra làm nơi sẻo-sén. Trăm tệ nghìn tệ, nói sao cho cùng. Dù theo nghị-định Nhà-nước có lập sổ chi-tiêu, song cũng là một sự hư-ứng giả-dối. Nếu biết dùng cách thu lại những món hư-phí của công-sản tư-sản ấy bỏ làm của công trong mười năm, có lo gì không có bạc vạn. Nói tóm lại tiền của có làm việc mới sinh ra, nếu không làm thì một đồng cũng không trông thấy.

3 — Việc bầu-cử chức-dịch trong làng

Giáp nói : — Tổng-lý kỳ-mục là những người có chức-trách cầm quyền-chính trong một làng. Làng thịnh hay suy, dân dại hay khôn, đều nhờ mấy tay người ấy. Vậy bầu-cử cho được người, thực là một việc trọng hơn hết. Tục-ngữ có câu rằng : « Hương-đảng tiểu triều-đình » ; kỳ-mục tức là nghị-viên, có quyền nghị-sự, tổng-lý tức là chính-phủ có quyền thi-hành ; ấy là những người có địa-vị, có chức-trách, có giá-trị. Thế mà xưa nay, như làng ta, những người đạo-đức liêm-khiết, có thông-đạt sự-lý ; không ai muốn dây vào việc làng cũng không ai muốn giàn mặt phủ, huyện, chỉ để cho lũ bô-xuyết cùng bọn ngu-ngoan lấy việc làng làm chỗ sinh-nhai, mượn quan-lại làm mồi hống-hách. Làm cho mất cả tư-cách chức-dịch, và mất cả phong-thể dân làng, không biết bệnh-nguyên tự đâu ? Biết lấy thuốc nào chữa được cái cố-tật ấy.

Ất nói : — Tôi tưởng chức-dịch trong làng không có người đứng-đắn, là tự quan-quyền thái-trọng mà sinh ra. Lý-trưởng vốn là người thay mặt cho cả làng để trực-tiếp với quan-trưởng ; đến khi vào cửa phủ huyện thì cái thân lý-trưởng hèn-hạ biết là dường nào ! Chịu nhục ngay với phòng-trà lính lệ nhục đi ; nào đòn vọt, nào cùm kẹp, nào chăng trói, làm cho trăm đường tinh-tội, chẳng qua vì những sự cung-đốn tuế-thời. Cho nên những người có ý-khí, biết tự-trọng, đều lấy tổng-lý làm ủy-đồ ; lúc bảo-cử chọn rặt những kẻ đồi-tệ chây-chua ra mà đối-đãi. Kẻ ra làm tổng-lý không phải là không biết thương thân tủi nhục, còn mong mãn-khóa về dân, được ngôi kỳ-cựu là chỗ ăn trên ngồi trốc để kiếm ăn mà đền bù lại. Tổng-lý đã là những người kém vai-vế, ít học-vấn, mà kỳ-mục lại là những tổng-lý trở về. Vô-luận có người trung-tín thế nào, hễ quan trông thấy tổng-lý là khinh, dân nghe thấy tổng-lý là sợ. Như thế còn ai muốn đi vào con đường chông gai ấy nữa.

Giáp nói : — Thôi, đừng kể những tệ từ mấy mươi đời về trước, ngày nay đã bỏ lễ bái-phục, đã biết cách dưỡng-

liêm, đã ban-bố công-báo cho tổng-lý được thông-hiểu sự-lý, đã bố-cáo tân-luật cho nhân-dân biết giữ công-quyền, thế mà người ngu cứ ngu, người hèn cứ hèn, kẻ gian cứ gian, kẻ ác cứ ác, thực là một đời hỗn-độn, người hay có ít, kẻ dở có nhiều, còn nói kén-chọn vào đâu được.

Ất nói : — Cái ác-nhân di-truyền chưa gỡ ra khỏi, thì cái ác-nhân hiện-thời lại sinh ra ngay. Từ khi có lệ cho tịch-dinh được công-cử tổng-lý, lại mở ra một con đường bôn-tranh rất rộng. Người có tài không ai chịu ra mà doanh-doanh toản-toản, kẻ có quyền bầu-cử lại là những kẻ vừa ngu vừa tham. Dân đã không biết tự chọn lấy người có tài-đức để bênh-vực cho mình, quan cũng cứ nhận thế là thuận dân-ý. Bây giờ người dở cứ đua nhau mà ra, người hay biết thân chụt lại. Nếu bảo trong cả làng không có người hay, thì là câu nói vu-vông lắm. Nay có hai cách cải-lương về bọn chức-dịch : 1° là chỗ việc làng không phải là nơi bô-xuyết, 2° là chỗ cửa phủ huyện thực là chỗ vẻ-vang. Kỳ-mục ra việc làng không được bô-xuyết, thì bọn hạ-tiện mới bớt chen-giúc vào. Tổng-lý đến phủ huyện cũng được vẻ-vang, thì người có tài-đức mới lui tới đến. Hai cái nan-đề ấy hễ gỡ sao cho được, chức-dịch đã được người đứng-đắn, thì các việc khác trong làng mới cải-lương được.

Giáp nói : — Lòng công-đức của người ta vốn là bạc-nhược mà chỗ bách-nhân bách-khẩu lại là những việc khó-khăn ; trừ những người hay tạ-sự kiếm ăn, ai có muốn bỏ việc nhà mà lo việc hàng xã. Nếu không có những lúc hô-hào ăn uống, chắc là không ai thiết đến làng. Còn việc quan như : sưu-thuế đê-đường, khai-báo, cung-ứng nghênh-tiếp, lý-trưởng không có quyền tự-tiện, mà phải ứng-tạm. phải thù-phụng cho thỏa-thiếp mấy ông kỳ-mục rồi mới cho bổ cho thu. Xưa nay đã thành thói quen, bọn kỳ-dịch đối với quan thì mình là người thầu-khoán lĩnh-chưng, đối với dân thì là bọn thông-đồng tác-tệ.

Ất nói : — Kỳ-mục đã là những người nghị-sự tất phải mỗi năm một lần bầu-cử. Chia ra từng khu từng họ, cứ bao nhiêu đinh-số phải bầu-cử một người nghị-sự, chuyên nghị việc công, để bênh-vực lấy quyền-lợi cho họ cho khu mình. Nghị-sự đã có chuyên-trách thì người ngoài mới không can-dự vào mà nhiễm-chỉ được. Tổng-lý là người đại-biểu cho làng thì làng cũng phải kén chọn lấy. Khi đã được người xứng-đáng, mới được đầu-đơn ứng-cử. Lúc quan về làng bầu-cử, cả làng không ký tên khác. Như thế mới trừ được cái tệ môi-cầu, mới tránh được cái họa tranh-cạnh. Tổng-lý đã được người có nhân-cách có lý-luật, tự-nhiên quan nể dân vì, mà việc làng cũng được nhẹ-nhõm.

4 — Việc giáo-dục con trẻ trong làng

Giáp nói : — Con trẻ sau này sẽ là dân làng và sẽ là kỳ-dịch. Vậy việc giáo-dục cho con trẻ cũng là việc phải cải-lương, không để như trước nhà ai cứ theo thói nhà ấy. Vì nhà có cha hiền anh khá biết dạo dạy dỗ con em đã đành, còn nhà tầm-thường cha mẹ phải đi làm ăn hằng ngày, lúc rảnh rỗi mà quản-cố đến con trẻ. Xem như con trẻ làng ta, con nhà giàu sinh ra kiêu-ngạo, cũng không học được, con nhà khó, không ai quản-cố, sinh ra bần-thỉu lam-lũ, dông-dài, đầu đình sỏ điếm, học-tập những thói xấu nết hư. Những con trẻ ấy sau này sẽ ra giống gì ? Có chữ rằng : « Vô-giáo tắc cận ư cầm-thú », làng cầm-thú thì còn đứng trong thế-giới này sao được.

Ất nói : — Việc giáo-dục nước ta ngày nay chỉ trông vào Chánh-phủ, mà Chánh-phủ mở trường thiết-giáo cũng đã

nhiều, chỉ để mở-mang tri-thức cho dân để dưỡng-dục nhân-tài cho nước ; còn việc giáo-dục con trẻ trong gia-đình là cái thiên-chức của kẻ làm cha mẹ. Trông gương con trẻ làng ta như thế, ta phải tự-lập lấy trường hương-học, nhận lấy thiên-chức của kẻ làm cha mẹ mà cứu lấy một làng con trẻ sau này, ấy là vô-cùng công-đức.

Giáp nói : — Việc học ngày nay không như ngày trước, một ông thày ngồi giữa bục, học trò xúm quanh mà học, và nằm bò trên phản mà viết. Tiền thúc-tu ông thày, đồng-niên mỗi người học trò, chừng 4, 5 quan tiền và 4, 5 thúng thóc đã là nhiều. Ngày nay mở một cái trường học, nguyệt-bổng thày giáo và các đồ chi-phí khác, mỗi tháng cũng có 3, 4 mươi đồng. Còn sách vở giấy bút của học-trò mỗi người một tháng cũng có 3, 4 đồng bạc. Đời văn-minh này, cách sinh-hoạt mỗi ngày một rộng, đã là học-sinh một trường tân-học, thì cách ăn-mặc lại càng tốn hơn ; như thế thì con nhà giàu đã đành, còn con nhà nghèo theo làm sao được. Nếu cứ để nhà nào có sức thì học sao gọi là phổ-thông ?

Ất nói : — Làng ta dù chưa lập được học-đường mà việc giáo-dục cho con trẻ cũng không trì-hoãn được. Trước ta hãy mượn một nơi đình-sở nào cao-sảng cho đến ngày lập được học-trường rồi ta cố dựng lấy một « Giáo-dục-hội »[1] chuyên việc sửa-tập nết-na cho trẻ, chưa cần thiệp-liệp đến các giáo-khoa. Người trong làng có con trai con gái từ 8 tuổi phải cho vào học ; học chữ quốc-văn ; đến 12 tuổi, để hội chọn con trẻ nào đủ tư-cách mới cho ra học ngoài. Ấy là nghĩa-vụ của giáo-hội. Như thế đã không tốn kém cho làng cũng không phiền-phí gì đến nhà con trẻ. Hễ lũ con trẻ đều có giáo-dục, ấy là cái kết-quả rất tốt cho làng mình ; phàm những kẻ có khí-huyết, có thân-gia, ai là chẳng sẵn lòng mà giúp sức. Giáo-hội làng ta có lẽ gây-dừng và phát-đạt ra được.

Giáp nói : — Như lời ông nói, thì trường hương-học chuyên việc sửa-sang tính-đức cho con trẻ. Tôi tưởng tính-đức con trẻ xấu tốt là bởi tập-quán trong gia-đình. Vì thì-giờ con trẻ ở học-đường thì ít, mà tập theo lề-thói của cha mẹ thì nhiều. Khi chân tay tai mắt đã thành thói quen, chẳng còn roi-vọt giảng-dụ nào cho lại. Vì thế ta đã ân-cần về sự giáo-dục cho con trẻ, cũng phải lưu-tâm đến sự tập-quán trong các gia-đình ; như thế mới trông mong thành-hiệu được.

Ất nói : — Vì thế ta còn phải ủy-thác cho Giáo-dục-hội phải có đủ các thứ nhật-trình tạp-chí nói về gia-đình giáo-dục, và mời các nhà có kinh-nghiệm về việc gia-đình giáo-dục, mỗi tối diễn-dịch cho người làng nghe. Trước cho biết đường ăn ở để làm gương cho con trẻ, sau cũng nhờ đó mà thông-hiểu những sự tiến-hóa trong nhân-quần. Đã sửa được phong-hóa cho dân làng cũng giúp được việc phổ-thông giáo-dục cho Nhà nước.

5 — Việc xử-đoán trong làng

Giáp nói : Tôi nhớ những năm ta còn trai-trẻ ở trong làng con em có điều lầm-lỗi các cụ còn lấy quyền cha chú mà de nẹt. Ai phạm tội gian-dâm thì bắt khoán ngả vạ, kẻ nào ngỗ-ngược, thì truất ngôi trừ phần. Khẩu-xử khẩu-phần mà sợ hơn phép nước, ca-dao hương-khúc mà nghiêm như triều-đình. Cái hạnh-phúc an-ninh trong một làng, thực là nhờ có đàn anh cầm quyền xử-đoán. Đến nay lòng người ngày một kiêu-ngoa, phong-hóa ngày một đổi-bại ; trên dưới hỗn-hào, cá-mè một lứa, thấy những việc tương-thương tương-tán, không còn có quan trị quan

(1) Giáo-dục-hội chương-trình sẽ bàn ra bài khác cho kỳ.

nhậm. Quả cau trái chuối cũng sinh ra sự hiềm-thù, mảnh đất thước vườn cũng thành ra việc kiện-cáo. Trong làng không ai bảo được ai, đã đua nhau đến ngoài, nhà giàu ra nghèo, nhà nghèo ra thất-nghiệp; trông thấy thực là đáng thương đáng sợ.

Ất nói: — Ngày nay, con em đã mất nết phục-tòng, cũng vì đàn anh không đủ tư-cách cha chú. Những người có sự-nghiệp có đức-vọng đều khiết-thân không dự đến việc làng, còn kẻ có ngôi-thứ ăn nói thì có đức-nghiệp học-vấn gì đủ làm cẳng-thức cho con em, lại còn những thói hay bới việc ăn bần, còn nói xử-đoán được ai, mà còn ai chịu cho mình xử-đoán. Nay chỉ biết trách dân mà không biết trách thân, cũng là điều quá-khắc. Đại-khái những việc tranh-tụng trong làng phát-đoan bởi những chuyện bất-bình nho-nhỏ, không có người hòa-giải, mới sinh ra oán-thù; lại gặp tay toa-tụng súc-siểm thêm vào mà thành ra vụ-kiện. Công-lý ngày nay chỉ đo-đắn bẻo gầy làm khỏe yếu, mười bốn quan năm hay là mười lăm quan chẵn, đã mắc vào cái bẫy kiện, không vong-gia thất-thổ thì không xong. Nếu trong làng có những người đàn anh đứng-đắn, xảy có việc bất-bình nhỏ-mọn, nhất-diện thiết-pháp hòa-giải, nhất-diện cấm người giáo-toa, thì sao thành sự kiện được?

Giáp nói: —Trong một làng sao cũng có kẻ gian người ngay, kẻ khỏe người yếu, mới sinh ra mọi sự bất-bình, đã bất-bình, mới phải tìm nơi biện-bạch. Người toa-tụng tức là những tay biết luật để bênh kẻ yếu mà giúp người ngay. Vậy hai việc ấy không thể nào là không có được. Chỉ một cách giữ lấy quyền hòa-giải ở trong làng, nghĩa là anh em cha chú khuyên-giải nhau trong nhà, hơn thiệt xảy ra xuống cánh tay, không để đống chấu nhà cho gà người bới, của huyết-hãn khỏi lậu ra bên ngoài và mối liên-lạc vẫn chu-toàn trong thích-lí.

Ất nói: — Phong-tục nát tự người trên, như ta đã nói bên trước, có khi xảy ra những việc đàn anh tham-lam bạo-chiếm, làm cho đàn em nhịn không thể nhịn cũng sinh ra kiện cáo chớ nát làng. Nước trong phải trong từ ngọn nguồn, nếu tay cầm khoan lại bẻ măng, còn lấy ai vào mà hòa-giải. Người trong một làng chỉ khá lấy tình-cảm, không có thể lấy uy-hiếp, chỉ khá lấy lời khuyên, không có thể lấy phép buộc. Cho nên cổ-nhân có tục « nguyệt-đán-bình » [1] cũng là ngụ-ý xử-đoán bằng ngòi bút. Trong làng ai có điều hay điều dở bố-cáo ra tại đình, khiến cho kẻ hay có lòng khích-khuyến, kẻ dở cũng sợ mà sửa mình, cũng là cách lấy lời nói không thay quyền thưởng-phạt. Song cùng một tiếng khen xuất tự miệng người có giá thì là lời tưởng-lệ, mà xuất tự miệng người vô-giá thì là câu phỉnh-phờ; cùng một tiếng chê xuất tự miệng người có giá thì là lời khuyên răn mà xuất tự miệng người vô-giá thì là câu phỉ-báng. Có chữ rằng: « pháp đãi nhân nhi hậu hành », nghĩa là phép phải chờ có người mới làm nên được.

Giáp nói: — Vậy ông đà chắc làng ta không có một người nào là trung-tín nữa hay sao? Thời-thế này không có việc gì cải-lương được nữa hay sao? Phong-trào cổ-động bởi tự người ta. Cùng người một làng lúc theo nhau làm dở thì ra làng dở, lúc đua nhau làm hay thì ra làng hay. Khi làng đã biết ruồng bỏ người dở, thì người dở cũng phải đổi ra người hay; khi làng

(1) Đời nhà Hán, Hứa-Thiệu cứ ngày mồng một đầu tháng, đem bình-phẩm kẻ dở người hay cho nên đất Nhữ-nam bây giờ còn có tục « nguyệt-đán-bình »

không biết tín-dụng người hay, thì người hay lâu cũng hóa ra dở. Nếu cứ chờ cho có đủ người hay mới làm hương-chính, nay hương-chính đã dở, chờ bao giờ cho có người hay.

Ất nói : — Phải chờ cho các họ các khu, bao giờ đã biết lấy người ra làm nghị-sự. Nghị-sự tức có quyền thẩm-phán ở trong làng. Hai bên xảy ra có sự bất-bình, vô luận lớn nhỏ, phải để cho làng liệu phương hòa-giải. Việc hòa không được, mới cho ra ngoài, mà phải lấy làng làm yếu-chứng. Khi làng đã làm yếu-chứng, dù có kẻ toa-tụng cũng không lấy thị làm phi, đổi đen ra trắng được. Còn những việc khẩu-phân khẩu-xử, nghĩa là những việc không đủ giá-trị như đã kể trong phép tố-tụng, thì tiên-chỉ làm chánh-thẩm và để hai bên tự chọn lấy một viên nghị-sự về họ mình ra làm bồi-thẩm. Như thế đã thiết-hiệp được người làng, và tỉnh việc cho toà-án nhiều lắm.

6. — Việc tuần-phòng trong làng

Giáp nói : — Trong làng có tuần cũng như thành-phố có cảnh-sát, để ngày đêm canh giữ nội dân-cư ngoại đồng-điền, cấm-chấp kẻ gian-phi, phòng-nhàn những sự đạo-kiếp hỏa-hoạn và thi-hành những sự của các nghị-sự đã nghị-định. Trai tuần đã là những người vị công xuất-lực, thì làng cũng phải nghĩ cách thù-đáp thế nào cho xứng-đáng. Trai tuần làng ta hồ hết là những người nhà nghèo khó ; tiếng rằng làng có cấp cho mỗi trai tuần mỗi năm 2, 3 quan tiền thổ-trạch, và 5, 3 gánh lúa sương, còn phải lao-động cả ngày, kiếm chưa đủ ăn, còn lúc nào thừa sức mà lo việc tuần-phòng cho làng nữa. Ấy là một việc có hư-danh mà không có thực-lực, vậy phải cải-lương thế nào ?

Ất nói : — Tuần là kẻ giữ sự an-ninh hạnh-phúc cho cả làng thì hết mọi người trong làng ai cũng phải gánh một phần trách-nhậm ấy. Cổ-lệ làng ta nhà nào có hai anh em đến 18 tuổi phải cho một người ra tuần ; 10 người tuần có 2 người chương tuần, đều theo phó-lý mà coi việc tuần-cảnh. Lúa sương và tiền thổ-trạch chỉ là của phụ-cấp cho việc khó nhọc mà không phải là lương nuôi tuần, về sau những nhà đàn anh và nhà có của không chịu gánh việc khó nhọc mới sinh ra mua nhiêu mua xã cho khỏi đi phu mà dồ cả việc nguy-hiểm gian-lao cho kẻ cùng-đinh hạ-hộ. Bắt những người nhà tranh vách đất ngày đêm ăn đói mặc rét để đi giữ của cho nhà giầu thì không có lý, mà nuôi tuần như lính mộ thì làng không có tiền. Tất phải phá lệ bán xã bán nhiêu, vô-luận kẻ giầu người nghèo, kẻ sang người hèn, trai làng đến tuổi đều phải ra tuần một năm. Phép ấy dù nước văn-minh bên Âu-châu cũng không bỏ được.

Giáp nói : — Tuần làng đó là những người thay phiên đổi lớp, ngày thường không có tập-luyện, lâm-sự không có cơ-mưu. Địa-phận thì rộng, đường ngõ thì nhiều, không có thể đặt điếm-xá cho khắp, cho nên làng vẫn có người đi tuần, mà trong làng nhà nào sơ-phòng vẫn bị mất trộm. Kẻ cướp bây giờ đều có hung-khí, lấy gậy tầy giáo vạt không có thể địch lại với đại-kiếm trường-sang ; dù có hương-đoàn tống-tiếp, nước xa cũng không cứu được lửa gần, cho nên xưa nay mười đám thiệt-phát, thì chín đám việc rồi mới thấy phu tiếp-ứng, Việc tuần-tập cho yên làng là trọng-hệ như thế, mà cách tuần làng vô-trạng như thế. Vậy cơ-quan tự-trị ta cũng phải cải-lương thế nào ?

Ất nói : — Xét những ăn trộm trong làng là bởi những dân du-thủ du-thực, dân ấy làng nào cũng có, mà đã có thì người làng biết ngay, cho nên trị trộm trước phải trị kỳ-bản, sau trị kỳ-tiêu,

cứ chuyên - trách cho tuần làng thế nào được. Góp nhiều quân du-thủ du-thực thì thành đám cướp. Ăn cướp phải có đứa ở trong làng đưa đất, phải có chỗ tụ-tập, phải có chỗ phân-tang, lúc đi phải có lối, lúc tiêu phải có đường; một đám cướp, có lắm việc, có nhiều người, không có phép nào mà che mắt bưng tai người ta cho kín được; đương-trường tuần không đủ sức mà kháng-cự, song sự-hậu cũng có phép mà dò-la; hễ phá án được một đám thì địa - phương yên được.

Giáp nói: — Ăn trộm thực bởi quân du-thủ du-thực, tức là dân không có giáo - dưỡng, cùng bất-cố-thân, việc giáo-dưỡng cùng-dân thực là một sự vu-viển. Quân ăn cướp hốt-nhiên mà đến, hốt-nhiên mà đi. Người ở hạt này ăn sương hạt khác. Chánh-phủ đã có đặt riêng sở trinh-thám, mà còn hối-lậu vô-cùng, lấy tai mắt mấy người trai tuần làm gì cho được.

Ất nói: — Tôi nói trị kỳ-bản, là trước hết ta phải khai những đứa cùng-đinh vô-nghệ vô-nghiệp, người nào giao về cho họ ấy quản-thúc, phải tìm phương mở lối cho làm ăn. Sau trị kỳ-tiêu là đứa nào đã phạm án ăn trộm một lần, tối phải ra nằm điếm và theo tuần đi canh; kẻ phạm đến hai lần là dân bất-lương, làng phải đem nộp cho quan trên mà định án. Mấy làng quanh đây, khi có thiết-phát một đám ăn cướp, thường nghe người làng bập-bẹ: « Đứa ăn cướp là tên nọ, quân ăn cướp ở chỗ kia », khi hỏi đến nơi thì không ai chịu nói rõ. Vì tố-cáo đã không được gì, nếu việc xét không ra, còn lo cái thù-oán ấy nữa, cho nên không ai chịu nói. Cổ-ngữ có câu rằng: « Mồi thơm có cá mắc câu, thưởng hậu có người dũng-sĩ ». Vậy dùng cách tưởng-lệ và cho người đi do-thám cũng nên phụ vào việc tuần-phòng lại càng chu-mật lắm.

Giáp nói: — Tuy-nhiên còn có một điều khó nghĩ, là những khoản phí ấy thì sẽ lấy vào đâu? Trích vào sổ công-chi của làng, thì không phải chính-khoản, không được phép khai-tiêu. Lấy của sự-chủ, thì nhà đã bị thiệt-hại, ai còn chịu xuất-khoản. Vả lại lúc có việc mới đi trù-tiền, sao bằng dự-bị từ khi chưa có việc. Lúc tôi đang làm quan, tôi cũng có dùng phép tưởng-lệ cho nên đến đâu là quân đạo-kiếp tuyệt-tích ở đấy. Vì chung quanh còn có đất kiếm ăn, tội gì vào đất ta cho hiềm-trở.

Ất nói: — Vậy ta sẽ hiệp-thương với các xã, theo lệ như các hội từ-thiện mà quyên tiền, tùy nhà phong-sắc mà đề-quyên. Công-cử mấy người nghị-sự đồng-lý các việc. Khi xảy ra có sự trộm-cướp, trình với quan trên, tùy án-tình nặng nhẹ mà ra phần thưởng; làng nào có việc sẽ chịu phần nhiều, làng không có việc thì cũng giúp ít, hết rồi lại quyên. Như thế cũng như một phép bảo-hiểm, một đàng bỏ tiền để lấy của đền khi mình phải thiệt-hại; một đàng bỏ tiền để làm của thưởng cho mình khỏi thiệt-hại. Nếu lòng người qui-chính không còn ai phạm của ai, thì của ta vẫn còn, làng ta vẫn kín.

7 — Việc tiệc-lệ trong làng

Giáp nói: — Người ta lao-động cả ngày cũng phải có lúc vui chơi để giải tâm-tình và dưỡng thể-lực. Vô - luận là dân văn-minh hay dã-man, phú-quí hay bần-tiện, thánh-hiền hay ngu-tục ai cũng có một tâm-lý ấy. Gần đây người ở thành-thị ăn chơi ngày càng sa-sỉ, mà kẻ ở hương-thôn sinh-nhai ngày càng cùng-quẫn. Những lo đóng-góp còn chưa đủ, lấy đâu mà ăn mà chơi; đầu năm chi cuối, chẳng qua có mấy ngày sự-thần tiệc-lệ, ấy là đạo dưỡng - sinh, ấy là cách hành-lạc. Than ôi! Nông-dân là kẻ làm giàu cho Nhà-nước, hương-thôn là nơi cung-

cấp kẻ nhân-tài, nỡ để cho thế-lực tiều-tụy, tinh-tinh u-sầu, thực có hại ngầm cho xã-hội. Thế mà có kẻ đề-xướng cái nghĩa tỉnh-phí việc làng để lấy tiền làm việc công-ích khác, trước hết giảm lệ sự-thần, sau nữa bỏ lệ ăn uống. Ôi ! Ăn uống, vui chơi, là cái thiên-tính của người ta, không cứ xã-hội nào cũng chỉ thấy lấy yến-hội thù-tạc làm trọng. Có lẽ nào những kẻ tiều-dân nhà-quê thì không đủ cái thiên-tính ấy.

Ất nói : — Phải, sự hành-lạc chốn hương-thôn chỉ lấy hội-hè ăn uống làm vui-vẻ, đang những ngày mưa hòa gió thuận, cầy cấy vừa xong, chiếu-lệ sự-thần, mở hội kỳ-phúc. Bấy giờ cha con, anh em, gái trai, già trẻ, chèo bơi múa hát, no say reo hò, đã theo cổ-lễ lại hợp dưỡng - sinh, sơ-ý không phải là không tốt. Duy tập-tục đã lâu, lưu-tệ càng lắm. Như nhân-sự ăn uống mà sinh ra đấu-đầu tranh-tụng, nhân lúc hội-hè mà sinh ra cờ-bạc trộm-cướp, chèo hát chẳng qua những chuyện tăng-dâm đạo-dục, trương-hoàng chẳng qua những cách dả-dối sa-hoa, chẳng phạm vào đường mê-tín, thì phạm vào lối dã-man. Ấy là những việc lao-dân tổn-tài, bại-hoại phong-hóa, có nhiều điều tang-chứng để cho kẻ văn-minh hiện-thời người ta chỉ-trích, người ta phỉ-báng. Kẻ có can-tràng, ai chịu bưng tai làm nhãng được.

Giáp nói : — Tôi chắc rằng những kẻ hay bỉ-báng lề-thói của ông cha, hay chỉ-trích thói quen của làng xã, là những người đã đắc-ý quá, được cá quên giỏ, được thỏ quên dò, muốn xu-hướng cách văn-minh, mà không biết duy-trì lấy quốc-túy. Mấy năm nay, tôi đã thấy nông-dân coi việc công-nghệ làm an-nhàn, coi chốn phiền-hoa làm cực-lạc, đã đua nhau bỏ làng mà đi sinh-nhai ra đất phiền-hoa. Nếu ta không kịp lo phương bổ-cứu, yên-ủi lòng kẻ nông-dân, có khi bao nhiêu người khôn kẻ khéo đều bỏ làng mà đi, chỉ còn người hạ-liệt ở làng, thành ra keo-cú, cờ-bạc, gian-giảo, trộm-cắp, có khi ruộng đất không đủ người làm, phong-tục còn khốn-nạn hơn nữa.

Việc này quan-hệ không phải là việc nhỏ, phàm lệ làng hư đâu chữa đấy, đến việc hành-lạc của công-dân chẳng những là thánh - thần không được xâm-phạm, lại còn phải suy-cầu mà tăng-tiến hơn nữa.

Ất nói : — Việc hội-hè tiệc-lệ trong làng ta ngày nay, có một điều lưu-tệ, và một điều khuyết-điểm. Điều lưu-tệ là gì ? Là việc đương-cai chủ-đám, thường phá-sản một nhà để cung-cấp cho cả làng : những nhà không có anh em giúp đỡ, sẽ phải bán vợ đợ con, việc cầu phúc làm vui, mà thành ra cái tội nợ trói buộc. Điều khuyết-điểm là gì ? Là những khi yến-hội chỉ trọng khẩu-phúc mà không trọng tinh-thần ; định thượng hạ bằng miếng thịt nắm sôi, cầu danh-giá ở cỗ lớn cỗ nhỏ. Có câu nói : « Miếng giữa làng bằng sàng só bếp », ấy là chứng cái tục trọng miếng ăn.

Ngày nay, hết mọi việc trong thế-giới đều phải tiến lên bực văn-minh, thì việc hành-lạc trong hương-thôn cũng không theo như trước được. Việc tục-lệ cũng phải lo công-ích làm đầu, trong hành-lạc cũng có ngụ-ý giáo-dục làm chủ. Đến khi việc làng, nên mở cuộc rút thẻ, cứ chiếu sổ hương-ẩm mà thu mỗi thẻ là bao nhiêu, lấy một phần để chia vào hội-hè, còn một phần để làm phần-thưởng. Như thế đã tránh sự nặng riêng một nhà, còn có ý giúp lẫn cho kẻ khác nữa.

Trong đám hội có mở nhà trần-thiết, để cheo tranh phong-cảnh và bầy đồ kỹ-xảo cho người làng được rộng con mắt và tấm lòng. Đón những nhà giáo-dục về làng diễn-thuyết, như những điều phổ-thông trí-thức, nông-công kỹ-

nghệ, hay là về phép vệ-sinh cùng cách phòng-dịch. Nhờ những ngày hội, mà tâm-thần và thể-khẩu đều được lợi-lạc, còn hơn các trò chơi khác đều tổn tiền và tổn trí.

8 — Việc công-nghệ và các việc khác trong làng

Giáp nói : — Từ xưa làng ta vốn là làng làm ruộng, mùa này kế mùa khác, vẫn được đủ ăn. Có thóc thừa đem ra chợ bán mà mua những đồ cần dùng, ngưu-canh điền-khí, đồ mặc đồ dùng, đã đủ thì thôi, không cần suy-cầu đến công-nghệ khác. Đến bây giờ nhân-sự mỗi ngày một sa-sỉ, đồ dùng cao-quí quá hơn đồ ăn. Những nơi có mở-mang công-nghệ mới được đủ dùng, còn nhà chân lấm tay bùn, lao-lực cùng năm, vẫn phải thiếu-thốn. Vậy việc khai-công thông-thương là đạo phú-cường của thế-giới, nếu cứ giữ câu « dĩ-nông vi bản », thì không tranh sinh-tồn ở đời này được. Hiện nay người làng ta không ai có công-nghệ gì cả, sau khi nông-khích, lại tay không ngồi rồi. Kẻ thiếu ăn thì đi gồng thuê gánh mướn, bắt cá mò cua, kẻ thừa ăn thì sinh ra rượu chè cờ bạc, hiện có một cái cảnh-tượng rất thảm-sầu và rất nguy-hiểm.

Ất nói : — Người làng ta từ xưa vốn tập quen lao-khổ, khi cầy cấy đã rồi, nhà nào cũng có công-nghệ, đàn-bà thì kéo sợi dệt vải, nuôi lợn nuôi tằm, đàn-ông thì thợ mộc thợ nề, đúc gạch đúc ngói ; tuy qui-mô nhỏ hẹp, song lấy cần đỡ vụng, cũng không phải là một dân lười. Duy từ khi ngoại-hóa đã đem vào trong nước, thì các công-nghệ của bản-xứ thứ-đệ phải tuyệt-nghiệp cả, vì của bản-xứ không lợi-dụng bằng đồ ngoại-quốc. Vả người làng mỗi ngày một sinh-sản, mà ruộng đất không thấy khẩn rộng thêm. Việc thì nhiều, cứ chen-chúc xô-đẩy nhau thành ra có người mà không có việc. Ấy các xứ văn-minh đang lo nhàn-mãn. Khi-cơ thịnh-bành bao nhiêu thì thất-nghệ của người ta càng phải cùng-quẫn ; nhà đại-tư-bản càng chiếm lợi-lợi bao nhiêu, thì bọn tiểu-dân càng phải tiều-tụy.

Giáp nói : — Thật như vậy, ngày nay ta chưa có thể giao-thông được với xứ khác, không có thể nói chữ tranh-thương ; ta chưa có làm được khí-cơ, chưa nên nói chữ chế-tạo. Còn cùng một lũ tay không ở trong một xứ, hễ có một người chuyên-lợi tất phải có nhiều người khác bó tay. Có một nghề nên giàu, tất phải có bao nhiêu nghề thất-nghiệp. Tuy-nhiên, nay ta ở làng, ta cứ lấy làng làm giới-hạn. Không nói chi chữ tranh-cạnh, chỉ nói chữ bảo-tồn. Một là khiến cho mọi sự tiêu-phí bớt dật-lậu ra bên ngoài, hai là khiến cho mọi người trong làng đều có đường sinh-hoạt. Năm được mùa đỡ phải vất-vả, năm mất mùa không đến nỗi lưu-ly. Ấy là đạo kinh-tế hiện-thời của làng ta chỉ nên như thế.

Ất nói : — Lập thương-điếm, khai công-xưởng, là hai cái mối lớn trong đạo kinh-tế. Song không cứ lớn nhỏ, phải lấy hai chữ « lợi tiện » làm đầu. Việc có tiện có lợi cho người ta, dù nhỏ cũng trông mong có ngày nên lớn, việc bất-tiện bất-lợi cho người ta, dù lớn đến đâu cũng có ngày thất-bại. Làng ta là làng làm ruộng, người làng hầu hết là kẻ cầy sâu cuốc bẫm, chỉ lấy đồ ngưu-canh điền-khí, rồi đến đồ mặc đồ dùng là tiện-lợi hơn. Còn bao nhiêu đồ sa-sỉ, đồ chơi-bời, đều là đồ bất-tiện bất-lợi. Vậy người trong làng mỗi người phải tập cho tinh lấy một nghề, như thợ rèn, thợ mộc, thợ dệt, thợ may, và những nghề cần dùng khác. Nhà có tư-bản thì mở hàng buôn các đồ vật-liệu để có thể cung-cấp cho các nghề. Trước còn để đủ dùng trong một làng, khi đã khéo, sẽ bành-trướng ra làng xã. Như thế dù là cách bảo-tồn mà cũng có cơ tranh-cạnh.

Giáp nói : — Những việc mà ngày nay chúng ta thiết tưởng có thể thi ra thực-hành được hay không, thì tôi không dám chắc. Vì bọn đàn-anh trong làng ta còn nặng lòng tư-lợi quá, mà đàn em ở dưới thì đã ngu lại ngoan. Tư-lợi cho nên chỉ nghĩ ích riêng không nghĩ đến hại chung ; chỉ biết lợi nhỏ không biết đến thiệt lớn. Ngu-ngoan cho nên mình không làm nên một việc mà cũng không muốn cho ai làm việc gì ; chỉ chịu cho người ta đánh lừa, không chịu cho người bảo thật. Vì thế mà xưa nay đã có bao nhiêu người muốn thi-thố ra công này việc khác để chấn-chỉnh lấy việc làng, nào kẻ dèm-pha, nào kẻ súc-siểm, làm cho ngã lòng rủ chí mới thôi. Tức như những việc khai sinh-tử giá-thú, là việc cần về dân-chính, việc sửa-sang đường-xá, ngòi ao, là việc cần về vệ-sinh, cũng là nhất-thiết hư-ứng liễu-sự, Làm một việc mà tất chờ cho hết mọi người đồng-ý, hết mọi nhà đồng-lòng, hôm nay chưa được hãy để ngày mai, tháng này chưa làm lại chờ tháng khác, sợ cũng là một câu mộng-tưởng.

Ất nói : — Ấy là cái thông-bệnh từ mấy năm về trước, tự phong-trào cải-lương đã lay-động cả thế-giới, xem như lòng người đã biết hối-họa, ý trời đã muốn trị-bình. Thấy bỏ khoa-cử thì biết học-thuật tất phải đổi thay ; thấy cải tân-luật, thì biết đạo-đức tất có đổi xu-hướng ; chính-trị một nước còn phải tùy-thời canh-trương, huống chi lề-thói một làng cứ y-nhiên thủ-cựu sao được. Mọi sự ở làng ta ngày nay hủ-bại đã cực, mọi người trong làng trông mong cải-lương như lúa chiêm mong nước, nếu nghe tiếng sấm thì kéo cổ mà lên. Còn các kỳ-mục trong làng, thì các họ đã tuyển-cử được người, mỗi người phải có chuyên-trách một việc. Việc có chuyên-trách, thì không ai còn suy-ủy cho ai. Ấy là một cái cơ-hội quí-báu của chúng ta, mà cũng là lòng trời mở đường hiếu-sinh cho nhân-loại.

NGUYỄN BÁ-HỌC

BÀI KÝ PHONG-THỔ TỈNH TUYÊN-QUANG

Các hạt ở thượng-du Bắc-kỳ ta như Tuyên-quang là một tỉnh lớn khi trước, núi khe tốt lạ, thế đất kỳ-khôi, sản-vật rất nhiều, thắng-tích chẳng ít ; sách Địa-dư chỉ chép đại-cương, sách dã-sử lại chẳng thấy có, nếu không biên-chép ra, thì non sông đất cát là của báu nước nhà, không được phát-hiện. Nhưng muốn kể từng việc tường-tất, khiến cho những lợi tự-nhiên của trời đất, cái khéo tạo-thiết của hóa-công, việc xưa nay thay-đổi không giống nhau, cái khí-hậu phong-tục mỗi nơi một khác, cùng là gần đây cái thủ-đoạn lớn của Nhà-nước Bảo-hộ sửa-sang : phá bụi-rậm, mở kho rừng, để chấn-hưng những việc thực-nghiệp nông-thương, nhất-nhất điều gì cũng cứ xem trong mảnh giấy đủ biết cả. Như thế tất phải có người đã từng ở tỉnh ấy, đi đến tận nơi, mới hay biết suốt tình-hình, để miêu-tả hiện-tượng. Tôi trộm dự một chức ở tỉnh này, đã gần ba năm, thường nhân khi công-xuất và ngày lễ nghỉ, đi xem hình-thắng và xét dân-phong, trộm than dưới trung-châu người nhiều đất hẹp, trên thượng-du người ít đất hoang ; Triều-đình ta trước có đặt quan Doanh-điền, nước Bảo-hộ

trọng nhà đồn-điền, đều là chánh-sách xan-sẻ cho người có ruộng làm đất khỏi phải bỏ hoang đó ; nhưng dân mình còn ít người có ý dũng-cảm đi khai-khẩn, chẳng những là cảnh đẹp nơi kỳ chưa từng đi du-lãm, và lại trời thanh vật quí không đến kiếm tìm ; nay muốn nhân tỉnh này suy ra các tỉnh miền duyên-sơn, và làm môi-giới cho các nhà thực-nghiệp, nhà khảo-cổ, vậy làm bài ký phong-thổ Tuyên-quang.

Tỉnh Tuyên-quang đời xưa gọi là nước Văn-lang, đến đời nhà Trần (1225) thuộc về đạo Quốc-oai, gọi là trấn Tuyên-quang, tên gọi Tuyên-quang mới có từ đấy. Đến đời vua Thánh-tôn nhà Lê, niên-hiệu Quang-thuận (1460) đặt quan Thừa-tuyên cai-trị, mới thành ra một trấn lớn (tức là tỉnh). Đời vua Cao-hoàng (Gia-Long) ta, còn gọi là trấn ; đến năm thứ 12 vua Thánh-tổ (Minh-mệnh) (1831) đổi làm tỉnh. Đời vua Dực-tôn (Tự-đức) (1848) tỉnh này thống-trị cả phủ Yên-bình, phủ Tương-an và bốn huyện là : Hàm-yên, Vĩnh-tuy, Vị-xuyên, Bảo-lạc (phủ-lỵ Tương-an), ba trấn là : Chiêm-hóa, Lục-yên và Thu-châu (phủ-lỵ Yên-bình). Phía bắc liền với tỉnh Vân-nam, tỉnh Quảng-tây nước Tàu, phía nam tiếp phủ Đoan-hùng, phía tây giáp Hưng-hóa, phía đông giáp Cao-bằng và Thái-nguyên, bản-đồ rộng lắm ; đến khi qui-quốc sang bảo-hộ, thấy tỉnh này đất rộng và rừng rậm, việc cấm-phòng khó, mới cắt ba huyện Bảo-lạc, Vị-xuyên, Vĩnh-tuy ở phủ Tương-an, gọi là Hà-giang thuộc đạo thứ ba, quan binh cai-trị ; cắt châu Lục-yên thuộc về tỉnh Yên-bái ; lại lấy huyện Sơn-dương đem về tỉnh này. Đến năm thứ bảy niên-hiệu Duy-tân đổi làm châu Sơn-dương ; năm thứ mười chia huyện Hàm-yên làm hai hạt ; đặt là : huyện Yên-sơn, châu Hàm-yên ; hiện nay tỉnh Tuyên-quang còn có năm phủ, huyện, châu là : Yên-bình, Yên-sơn, Hàm-yên, Chiêm-hóa và Sơn-dương ; số dân-đinh 8.591 người, số điền-thổ 42.149 mẫu ; số dân-mán 1.532 nhà ; số thuế chính-cung cộng được 31.790$30, so với các tỉnh Trung-châu dẫu nhỏ nhưng đất ruộng to và dài, vẫn còn là một tỉnh lớn.

Tỉnh đóng ở đất xã Ỷ-la lị sở-tại huyện Yên-sơn, chung quanh có núi đất như lần quách xây ngoài, trước mặt có sông Lô như cái hào bọc lại, hiện còn thành cũ, quan binh đóng đồn ; tòa sứ, dinh quan tỉnh và huyện ở phía đông-bắc thành ấy. Phố-xá ở tỉnh và phố-xá ở các phủ, châu, đều là người trung-châu lên trú-ngụ, buôn bán lâu ngày, có nhà cửa và nhập-tịch ở đó, cho là chốn lạc-thổ.

Sông núi thì châu Sơn-dương có núi Lịch-sơn cao nhất, rồi thứ đến núi Y-la, và núi Nghiêm-sơn ở huyện Yên-sơn ; còn hàng nghìn hàng vạn, chỗ nào cũng rặt núi cả, không sao kể xiết.

Sông Lô từ tỉnh Vân-nam chảy vào Hà-giang, đi qua địa-hạt châu Hàm-yên, huyện Yên-sơn, chảy xuống Việt-trì. Sông Gâm từ trên Bảo-lạc chảy về châu Chiêm-hóa đến bạt Yên-sơn, hợp vào sông Lô. Sông Chảy từ tỉnh Yên-bái về phủ Yên-bình đến phủ Đoan-hùng, hợp vào sông Lô. Sông Đáy từ tỉnh Thái-nguyên sang châu Sơn-dương hợp vào sông Lô. Các dòng sông ấy đều đổ cả về Việt-trì. Bốn con sông này hai bên bờ toàn những núi cả, không có cái lợi lấy nước tưới hoa-màu ; nhưng tầu-hỏa thuyền-bè nhờ có giang-đạo này để đi lại buôn-bán, thực là tiện-lợi. Còn các cửa ngòi nhiều lắm, duy có ngòi Lù, ngòi Quẳng lớn hơn cả ; ngòi Quẳng thuộc châu Chiêm-hóa, chảy ra sông Gâm, dưới đáy ngòi toàn những đá ; cuối thu sang đông trở đi, nước ngòi xanh ngắt, dân ở đấy lấy phên nứa chắn ngang ngòi ngăn nước

lại, mở một chỗ cạnh bờ ngòi cho nước chảy, rồi đan đó vuông bằng gian nhà, đơm vào cửa ấy, cá theo nước chạy vào đó cả, mỗi ngày được vài gánh cá, thực là khôn khéo.

Tôi thường lên chơi ngòi Quẳng xem bắt cá, có bài thơ để kỷ-thực :

Thuyền nan một lá giẽ dòng sông,
Ngòi Quẳng vào đây có phải không ?
Nước biếc hơn chàm trông suốt đáy,
Non xanh như nhuộm ngất trên không.
Hươu kêu rừng thẳm khi trời tối,
Cá nhảy phên thưa lộn suối trong.
Sơn-thủy có tình dân có lợi,
Quan-phong đến đó cũng vui lòng.

(Hai câu luận kết, là của ông Châu Chợ Rã nối vần)

Ngòi Lù thuộc châu Hàm-yên, chảy ra sông Lô, lâm-sản hai bên ngòi đều do cửa ngòi tải ra cả, thuyền bè đỗ ngoài cửa cũng đông như một con sông vậy.

Tôi thường cùng với viên quản-trị công-xuất lên ngòi Lù, buổi chiều đi thuyền về, có đọc mấy câu để ghi cảnh sông ngòi :

Qua cửa ngòi Lù ngả cánh bồng,
Về thu mây nước bóng gương lồng.
Ngất trời đứng sắp hai hàng nút,
Vạch đất xa tuôn một giải sông.
Chén rượu Nam-lâu phong-cảnh mới,
Con thuyền Sích-bích gió trăng trong.
Nước non ngày mở kho vô-tận,
Ngẫm thử miền xuôi được thế không ?

Cầu đường thì một đường từ tỉnh sang Phú-thọ, dài 58 ki-lô-mét ; lại từ tỉnh đến châu Hàm-yên dài 47 ki-lô-mét ; từ châu Hàm-yên đến địa-phận Vĩnh-tuy ước 30 ki-lô-mét. Con đường này là đường quan-lộ thứ hai ở Bắc-kỳ, cầu cống đều làm bằng cốt sắt xây *ciment* bền chặt cả. Một đường từ tỉnh đến phủ Yên-bình dài 37 ki-lô-mét, từ phủ sang giáp địa-phận tỉnh Yên-báy 12 ki-lô-mét, một con đường từ tỉnh đến châu Sơn-dương dài 30 ki-lô-mét, từ châu Sơn-dương đến địa-phận huyện Lập-thạch thuộc Vĩnh-yên, ước 30 ki-lô-mét, lại một đường từ châu Sơn-dương đến địa-phận châu Văn-lãng (Thái-nguyên) dài 14 ki-lô-mét (hiện đương làm). Một đường từ tỉnh đến Chiêm-hóa dài 68 ki-lô-mét, từ Chiêm-hóa sang đò sông Gâm qua Na-đòn, Đài-thị, Na-hàng và Vá-thị đến Ba-bể thuộc châu Chợ Rã tỉnh Bắc-kạn ước 70 ki-lô-mét, ba con đường ấy đều đi quanh sườn núi hoặc qua đỉnh núi, hễ gặp ngòi suối, tất phải bắc cầu gỗ, mỗi ki-lô-mét tất phải có một cái cầu, hoặc hai ba cái, tùy theo số ngòi suối nhiều ít. Lại một đường từ tỉnh đến đồn Thành-cóc, giáp địa-phận châu Văn-lãng (Thái-nguyên) dài 40 ki-lô-mét, đường này hẹp đi theo sườn núi, chỉ đi ngựa không đi xe được.

Các bến sông thì tỉnh đóng ngành mặt xuống sông Lô, tầu hỏa đi lại luôn, thuyền-bè đông như kiến, vận-tải buôn-bán coi ra sầm-uất ; ở các phủ, châu, đều có bến sông, thuyền-bè đông-đúc ; châu Sơn-dương thì có bến Kim-xuyên, bến Phan-lương, tầu hỏa thuyền ván vẫn ghé vào chở thuốc lá và than củi.

Đồn-bảo thì có đồn Thành-cóc, đồn Na-hang, đồn Bắc-mục, linh khố-xanh đóng.

Đồn-điền thì có các ông cố tây, các ông chủ tây, tùy địa-thế xin khai-khẩn đến hơn 10 đồn-điền, chiêu những dân nghèo dưới Trung-châu lên cầy-cấy nhiều lắm, tựu-trung có đồn-điền thuốc-lá Kim-xuyên phồn-thịnh hơn cả. Chợ họp thời ở tỉnh có chợ Tam-cờ, chợ Xuân-hòa, ngày nào cũng họp, còn các chợ khác thời cứ mỗi tháng sáu phiên, huyện Yên-sơn có chợ Hiên ở xã Phù-hiên họp ngày một ngày sáu, chợ Đuộc ở xã Thúc-thủy họp ngày bốn ngày chín ; phủ Yên-bình có chợ Cát ở phố Đại-đồng họp ngày năm ngày mười, chợ Đại-đồng

ở xã Đại-đồng họp ngày bốn ngày chín, chợ Ngọc ở xã Bình-mục họp ngày hai ngày bảy ; châu Hàm-yên có chợ Bợ ở xã Bình-xa, họp ngày bốn ngày chín, chợ Thút ở xã Phù-loan, họp ngày hai ngày bảy, chợ Bắc-mục ở xã Nhân-mục, họp ngày một ngày sáu ; châu Chiêm-hóa có chợ Luộc ở phố Luộc, họp ngày ba ngày tám, chợ Đài ở xã Đài-quan, họp ngày một ngày sáu, chợ Na-hàng ở phố Na-hàng, họp ngày bốn ngày chín, chợ Xá-thị ở phố Xá-thị họp ngày hai ngày bảy ; châu Sơn-dương có chợ Xoan ở xã Thượng-ấm, họp ngày năm ngày mười, chợ Gai ở xã Thiện-kế, họp ngày năm ngày chín, chợ Phan-lương ở xã Lâm-xuyên, họp ngày một ngày sáu, chợ Khồng-xuyên ở xã Khồng-xuyên, họp ngày một ngày sáu, chợ Đĩa ở xã Bị-lễ họp ngày ba ngày tám, chợ Kim-xuyên ở đồn Kim-xuyên ngày nào cũng họp; 20 cái chợ ấy những hàng-hóa phần nhiều là đồ lâm-sản của dân thổ mán đem bán.

Khi-hậu thì mùa hạ, mùa thu, gió bể bị rừng núi ngăn-trở, nhiệt-độ nóng hơn Trung-châu; mùa đông mùa xuân, sáng giậy sương móc mù-mịt, đến trưa mới tan, khí lạnh quá hơn Trnng-châu ; mùa hạ mùa thu mưa lớn, các ngòi suối chầy cả xuống sông Lô, sông Chầy, sông Gâm, sông Đáy, sông nhỏ chầy không kịp, thường ngập mất cả lúa má, nhưng chỉ hai ba ngày nước lại xuống ngay ; mùa đông mùa xuân, nước xuống lòng sông, không lấy nước cầy-cấy được ; cũng có chỗ lấy nước ngòi cấy chiêm, nhưng không được mấy.

Phong-tục thì dân Thổ thực-thà, không hay kiện-tụng, hễ quan không sinh-sự thì dân cả năm không đến cửa quan ; tính lười cầy-cuốc, chỉ làm một buổi sáng, buổi chiều nghỉ-ngơi, hoặc đem súng nỏ đi săn-bắn ; thóc gạo không đủ ăn, thì vào rừng lấy lâm-sản đem bán mua ăn, hễ kiếm được no thì thôi, không lo tích-trữ gì, vì thế dân nghèo, nhưng cũng không đói và có cái lợi mục-súc, động có việc gì, đem con trâu bán là có tiền. Việc bầu-cử ít người muốn làm, dẫu có làm cũng chỉ ba năm là xin từ, vì dân-cư không có đình-sở rộng sang, ngôi-thứ hương-ẩm gì như Trung-châu; thế mà đệ-niên mưa to, nước trên núi đổ xuống, cầu cống, đường lở, dân-đinh ít, các tổng-lý từ về, phải cùng với dân đinh gánh-vác việc cầu đường, không để cho ai được; nên chi họ không thiết làm, hoặc vì cớ ấy ; cai-trị dân này phải nên khoan-dung, ngộ có công việc, cần đến dân-lực, phải lấy lời ngọt dỗ-bảo, thì họ vui lòng làm được việc; nếu lấy oai quát-mắng, thì ỳ ra đấy, không được việc, vì dân Thổ ưa tô mà ghét sẵng.

Việc giá-thú thì lúc nào cho mối đi giạm, nhà gái thường hẹn cho ở rể 5 năm, hoặc 10 năm, 20 năm, có ý-ước mới gả ; hoặc nhà gái không có con trai, thường hẹn cho rể ở mãi, gọi là rể-đời, rồi cho làm thừa-tự; giản-hoặc rể nghèo, đồ sính-nghi không đủ, lại không muốn ở rể, thì nhà gái cũng cho cưới, nhưng bắt rể phải ở lại 3 năm làm-lụng rồi mới cho vợ chồng cùng về, bằng nhường lấy công-lao khấu-trừ sính-nghi còn thiếu. Việc giá-thú phần nhiều là nhà gái cưới rể, còn nhà trai đón dâu thì có ít. — Tang-lễ thời cái hủ-tục ăn-uống phiền-phí cũng giống như Trung-châu, tế-lễ thời các xã-thôn đều có đình-chùa làm bằng tre gỗ, lợp bằng cỏ gianh, qui-mô nhỏ hẹp, nghi-tiết giản-lược, tư-gia kỵ-lạp cũng như Trung-châu.

Phục-sức thì thường mặc áo vải xanh, đàn-bà con gái hay lấy vòng bạc đeo cổ, đeo tai và hai cổ tay ; con trai tráng-hạng cũng thường lấy vòng bạc, vòng đồng đeo cổ tay. Ngôn-ngữ thì nói tiếng thổ cả, gọi người Trung-châu là người *kinh*, tiếng người Trung-châu nói cho là tiếng *kinh*; gặp người Trung-châu

nói chuyện thì họ cũng biết nói tiếng kinh, duy những người nhà quê ở châu Chiêm-hóa, phần nhiều không biết tiếng kinh, có việc gì đòi đến tòa Án tỉnh hỏi, thời phải lấy người thổ làm thông-ngôn. Nhà ở thì hay làm cạnh núi, lấy tre gỗ làm gác, lấy lá cọ lợp ; người ở trên gác, dưới nuôi trâu lợn, dáng để phòng ác-thú và lánh thấp-khí. Gánh nước thì lấy hai ống hoặc bốn ống tre lớn làm thùng để quẩy. Đi đường thì đem gạo đi, đến bữa lấy vài ống nứa tre cho gạo vào nấu cơm, và luộc rau, ăn xong lấy tay bốc nước suối uống ; mùa rét cũng vậy, vì đường rừng không có hàng-quán gì cả ; tựu-trung cũng có điều khả-thủ, như răng để trắng, không có tệ-tục nhuộm đen, người thực-thà không có thói xấu dối-dá.

Dân Mán cũng thực hơi giống dân Thổ ; nhưng ngôn-ngữ và phục-sức thì khác, đàn-bà con gái hoặc lấy mảnh gỗ vuông bọc vải bên ngoài làm mũ đội, hoặc búi tóc đằng trán, hoặc lấy sơn sơn tóc ; thường đeo vòng bạc, khuy áo bạc làm từng mảnh như bán-nguyệt, cửa vát áo khâu liền đến hơn 10 mảnh khuy bạc, vòng và khuy mỗi người sắm đến ước và hốt bạc ; ấy là áo cưới đấy thôi, còn áo thường họ dùng vải xanh cả. Hôn-lễ thời rể phải ở nhà gái năm năm hoặc bốn năm, tục-lệ Mán ai cũng thế, duy « Mán quần trắng » thời lúc cưới cô dâu mặc quần trắng, để tỏ ra người con gái giữ được trinh-bạch, vì thế gọi là « Mán quần trắng ». Tang-lễ thời mãn ba năm chay rồi, mới đưa vong-linh về nhà thờ, nhưng không có lễ kỵ, duy đến tết nguyên-đán mới cúng. Tế-lễ thời mỗi động có một cái miếu, làm chỉ một gian, làm bằng tre, lợp bằng gianh, để thờ sơn-thần và Thành-hoàng, cứ xuân thu hai kỳ cúng tế. Mán có từng tộc, như là quần trắng, quần đen, áo dài, Cao-lan, Đại-bản, Tiểu-bản, mán mèo, quần cộc, danh-hiệu khác nhau ; họ không ở luôn một chỗ, ở chỗ này ăn không lợi, sang năm bỏ đi chỗ khác, hoặc đi sang biệt-hạt, hoặc vào trong Trung-kỳ, cứ đến cuối năm tây làm sổ thuế, thường phải tư-báo các hạt, biên tên những người chạy đi ấy vào sổ thuế, phiền lắm.

Sản-vật thì ngoài tỉnh thành, bên tả-ngạn sông Lô có mỏ núi Giùm, mỏ Yên-lĩnh, ở châu Chiêm-hóa có mỏ Bản-ty, huyện Yên-sơn có mỏ Thành-cóc, đều là mỏ kẽm, các nhà đại-thương bên Tây hợp-cổ để khai mỏ hơn 10 năm nay, xuất-cảng đã nhiều lợi. Phía bắc tỉnh về hữu-ngạn sông Lô có mỏ than, nhà bác-vật tây mới tìm được, hiện đương khai lấy, ấy là những của thiên-nhiên, người nước ta chưa từng biết. Đến như sa-nhân, nấm hương, bột đao, chè, nứa, gỗ, mật ong, sừng nai, đất toàn rừng núi, chỗ nào cũng có, dân nhờ lâm-lợi ấy để làm nhật-dụng ; tựu-trung có gỗ bồ-đề và củ-nâu nhiều hơn cả, nhưng cái lợi ấy về tay người Tàu cả, tiếc thay ! Nếu người mình biết hợp-cổ mua lấy hai thứ ấy, để bán cho công-ty làm diêm với Thanh-khách, thì một năm đã thành khoản lợi lớn, điều ấy đồng-bào ta rất nên chú-ý. Còn như chim thì có con công, cầm-kê, gà-lôi, chim họa-my, khướu ; sơn-thú thì có hổ, báo, gấu, chó sói, voi, lợn lòi, hươu, nai, không thiếu giống gì. Loài cá thì chỉ ăn rêu đá ở dưới đáy sông ngòi, vị nó thanh-đạm không được ngon như cá Trung-châu ; duy cá anh-vũ ở sông Gâm thì quí lắm ; tôm, chai, sò, ốc, không thấy có ; muốn tìm thứ dã-vị đem vào thực-đơn, phải đợi tầu hỏa chở lên mới họa có, giá quí đắt hơn thịt lợn.

Nhân-vật thì triều nhà Lê, ông Vũ Công-Uyên, có công dẹp trộm cướp, được thưởng làm quan Đô-thống-sứ ở Tuyên-quang ; đến khi họ Mạc cướp ngôi, ông Uyên cùng với em là Vũ

Công-Mật khởi binh cự Mạc, thực là một người anh-hùng ở đời bấy giờ; sau ông Uyên chết, ông Mật thu quân đem đóng ở tổng Đại-đồng, phủ Yên-bình (ta thường nói phố Cát Đại-đồng là ở đấy) đắp Biều-thành (thành nhà Bầu), xưng là Gia-quốc-công, không chịu khuất họ Mạc, sai sứ vào chốn hành-tại vua Lê ở Thanh-hóa, xin phụng triều-mạnh; vua Trang-tôn ban khen, cho trấn-thủ ở Đại-đồng, thực là người trung-thần ở chốn phong-cương.

Ông Ma Thế-Trạnh là người đất Đế-định, huyện Bảo-lộc, năm thứ 5 đời vua Cao-hoàng (Gia-Long) (1806) bắt được tướng giặc Thái-nguyên là Dương Đình-Túc, năm thứ 7 (1808) lại bắt được giặc là Hoàng Văn-Bút, mông-thưởng làm quan Tuyên-úy; ấy là một viên thổ-quan có dũng-lược.

Nàng Nghi Thị-Nghị 16 tuổi, người thôn Cầm-la, ở Thu-châu (phủ Yên-bình), nàng Lâm Thị-Cao, 18 tuổi người ở làng Gia-thận, châu Chiêm-hóa, đều không chịu quân cường-bạo ô-nhục, đành thủ-tiết mà chết. Đời vua Thánh-tổ (Minh-mệnh), vua Dực-tôn (Tự-đức) đều được mông tinh-biểu; ấy là các người sử-nữ đời xưa biết giữ lấy điều trinh.

Bà Lương Thị-Tân, 82 tuổi, bà Nguyễn Thị-Ninh, 81 tuổi, ở xã Khúc-phụ, bà Ma Thị-Thiều 83 tuổi, bà La Thị-Nội, 81 tuổi, ở xã Thổ-bình (châu Chiêm-liêu), đều góa chồng từ khi ngoài 20 tuổi, mà giữ vẹn tiết đến già; tháng 5 năm thứ 4 niên-hiệu Khải-định, đều được mông ơn Kim-thượng thưởng cho biển-ngạch, ấy là các bà tiết-phụ đời nay, giữ được trinh-tiết. Nhờ linh-khí non sông, mà các bậc anh-hùng, anh-thư, cách đời lại sinh ra; trải xem xưa nay, đủ khiến cho người ta khen ngợi.

Danh-lam thắng-tích, thì tả-ngạn sông Lô có đền núi Giùm, thờ vị Đệ-nhị-thần-mẫu, bên hữu-ngạn có đền Tam-cờ, thờ vị Hiệp-thuận-thần-mẫu; cư-dân thường gọi là đền Thượng, đền Hạ, anh-linh lắm; năm thứ 14 (1881) niên-hiệu Minh-mệnh, có giặc Nùng Văn-Vân, quan Tổng-đốc Sơn-tây là ông Lê Văn-Đức đến đền Hiệp-thuận-thần-mẫu làm lễ cầu dẹp giặc cho yên, quan quân đi tiễu quả bình được giặc Vân; quan Tổng-đốc lấy việc ấy tâu về Triều, vua ban chiếu bao-phong, và sai tỉnh-thần làm lễ tế; đến nay độ niên, cứ ngày 12 tháng 2 và tháng 7 An-nam, quan tỉnh sức dân Ỷ-la và Tình-húc sang sông phụng-nghinh thần-giá đến núi Giùm đến đền Tam-cờ hợp-tế, thực là long-trọng.

Tôi từng dủ quan huyện sở-tại, ngày Trùng-cửu lên chơi núi Giùm, có vài bài thơ phụ-lục để biết giang-sơn danh-thắng.

I

Trót-vót bên thành núi lẫn mây,
Một tòa cổ-miếu vẫn còn đây.
Nghìn xưa mặc chuyện sông bồi lở,
Chén rượu trùng-dương giỏ tỉnh say.

II

Chiều thu man-mát gió hây-hây,
Giạo cảnh Sầm-sơn nhẹ gót mây.
Nước trắng một dòng sông quấn núi,
Non xanh bốn mặt đá chen cây.
Trải bao dâu bể xoay vần đó,
Một giải lâm tuyền đứng vững đây.
Hỏi khách đăng-lâm từng mấy kẻ,
Túi thơ bầu rượu cạn hay đầy.

Chùa Hang ở hữu-ngạn sông Lô thuộc xã Thúc-thủy, huyện Yên-sơn, núi đá trót-vót, động ở trong núi, thăm-thẳm cao đến 10 trượng, trên có một chỗ thông-thiên, bên tả lại có cửa hang, do cửa hang ấy ra vin cây và đá thì trèo lên ngọn núi được, dân sở-tại lấy động làm chùa, đẽo đá tô tượng, đệ-niên ngày 4 tháng giêng, trên thành-phố và dân ở gần đấy nhiều người đi chùa hành-hương; ngày

thường thời cửa núi mây tỏa, động đá rêu mọc, vì chùa trong núi sâu, không có sư-mô trụ-trì, toại-thành vắng-vẻ, nhưng coi đỉnh chùa núi biếc trước mặt sông trong, thắng-cảnh như vẽ.

Thường nhân tết Trùng-cửu, dủ anh em đi chơi chùa, có được bài thơ phụ-lục để ghi thắng-tích :

Coi thử chùa hang cảnh mới xinh,
Sông trong leo-lẻo núi xanh-xanh.
Mấy tòa cổ-phật ai tô đó,
Một động thông-thiên đá tạc thành.
Chim gọi đầu non khua mõ cá,
Gió reo hầm núi động chuông kềnh.
Hái hoa rót rượu mừng thu-tiết,
Ngồi trước thuyền-quan nghĩ cũng thanh

Động Thiện-kế ở xã Thiện-kế, châu Sơn-dương; động ở giữa núi, hai cửa hang thực to, mỗi cửa rộng vài mươi trượng, cư-dân nhân đó một bên làm đình, một bên làm chùa, không phải xây đắp gì; năm 1917, tỉnh Thái-nguyên có giặc, châu Sơn-dương ở giáp Thái-nguyên, dân-tình sợ-hãi, tôi đi tuần-hành hạt ấy, để hiểu-bảo dân-cư yên làm ăn, đến xã Thiện-kế, có lên núi xem động, động sâu và tối, không biết đến đâu là cùng; người sở-tại nói lấy đuốc soi thì đi được, ước chừng bốn năm mươi bước thì có suối nông mà trong, lại có chỗ thông-thiên, ánh trời sáng chiếu vào, xem thấy những kỳ-hình quái-trạng trong ấy; biết vậy, nhưng ngày đã chiều hôm, không dám đi nữa. Có làm bài thơ để ghi cảnh đã nom thấy.

Núi kia ai đắp động ai xây,
Động ẩn lưng trời núi ẩn mây.
Hai cửa hang sâu chùa lẫn miếu,
Một mầu non biếc đá chen cây.
Chợ Gai trước mặt người tan hợp,
Sông Đáy quanh chân nước cạn đầy.
Ướm hỏi khách chơi đà biết chửa,
Đào-nguyên có dễ cũng như đây.

Suối ôn-tuyền ở xã Nhân-giả huyện Yên-sơn, ở cạnh con đường đi phủ Yên-bình, chỗ cột ki-lô-mét thứ 15, suối như hình con cá, đầu hơi tròn như cái giếng, đuôi dài và hẹp, bùn suối như tro ướt, nước suối như nước hâm, miệng suối có khói trắng bay ra, khí nóng trong suối xông ra, như mùi than khét; giáp suối lại có cái suối chảy ngành qua trước cửa, nước trong và lạnh, cho hai suối hợp-khâm, thử vén áo quần đứng xem, thấy một bên nóng, một bên lạnh, thực là kỳ-dị, (thói đời nóng lạnh, xem suối này khả biết), thử lấy tay gạt bùn múc nước, thì nóng như nước sôi, không thò tay xuống được, vì nước suối đã nóng, mà bùn suối thì nhiệt-độ lại hơn nhiều.

Nhân có bài thơ phụ-lục để biết sự thực :

Hỏi làng Nhân-giả cảnh chi hay,
Nào suối ôn-tuyền hẳn phải đây.
Lò Tạo có khi còn ấm lạnh,
Nước này vẫn nóng tự xưa nay.
Hơi đưa miệng giếng mùi than khét,
Gió thoảng đầu khe ngọn khói bay.
Nghĩ cũng lạ cho nguồn suối ấy,
Ai đun mà sủi cả đêm ngày.

Ấy đều là cứ sở-kiến ước-lược chép ra, bằng muốn tường nữa, nhiều không kể xiết. Nói tóm lại, tỉnh Tuyên-quang khi xưa địa-thế rộng xa, đường-xá chưa thông; từ khi có Nhà nước Bảo-hộ lên kinh-lý, đặt đồn-bảo, mở đồn-điền, dựng xưởng lấy mỏ, dựng trường học Pháp-Việt, học canh-nông, đường-xá, cầu-cống, nhất-nhất chỉnh-sức cả; những người dưới Trung-châu lên làm ăn ở trên này nhiều, khí lam-chương bớt dần đi, đất bỏ hoang mở thêm ra; ước-ao dân mình trên vâng đức-ý nhà Vua dậy bảo điều cần-kiệm, lại nhờ sức mạnh nước Bảo-hộ xông pha đi khai-thác; nhân thế mà bảo nhau người làm ruộng thì ngày càng

khai-khẩn, người đi buôn thì hợp vốn buôn-bán, người đi học thì chuyên-tâm học-tập, rồi sẽ thấy non sông đất nhà, như hoa như gấm này, nguồn lợi không cùng, kho chứa không hết, sau này cái quang-cảnh dân-phong vật-phụ, chẳng kém gì các tỉnh lớn ở Trung-châu.

Ký-giả thực thắp hương cầu chúc và đêm ngày mong đợi.

Tuyên-quang tỉnh Án-sát-sứ

Tiến-sĩ NGUYỄN VĂN-BÀN.

TỐN-CỔ-LỤC [1]

CÁC BẬC CAO-SI NƯỚC NAM TA

Vua nước Ngụy hỏi Tử-Thuận : Ai là người cao-sĩ trong thiên-hạ bây giờ ? Tử-Thuận đáp có ông Lỗ Trọng-Liên. Thời bấy giờ ai cũng lấy làm đích-đáng. Thế nào gọi là người cao-sĩ ? Đi theo về đường nhân-nghĩa, giữ vững lấy nền đạo-đức, lợi-lộc không thể dỗ-dành được, uy-thế không thể hà-hiếp được, phàm vật trong thiên-hạ không cái gì chuyển-động được lòng, như tiết-tháo ông Lỗ Trọng-Liên [2] thật đáng là bậc cao-sĩ. Nước Nam ta ở về đời nhà Trần có được năm người : ông Chu-An 朱安 dâng sớ lên xin chém kẻ nịnh-thần, trong triều ngoài dã sợ khiếp cả, rồi ông chụt mũ cáo quan về, không chịu ở trong giàng buộc, trên thời quân-vương tôn-kính, dưới thời công-khanh khâm-phục, thật là bậc cao-sĩ hạng nhất. Đặng Tảo 鄧藻 thời cho sủng-lộc làm cay-đắng khó chịu, mà cam-tâm ở chốn điền-viên ; Trương Đỗ 張杜 ba lần can vua không nghe thời bỏ quan mà về ở ẩn ; biết họ Hồ chuyên quyền mà chịu náu ở nhà không ra làm quan, như ông Bùi Mộng-Hoa 裴夢華 ; giả cách nghễnh-ngãng để tránh vạ không chịu thờ kẻ thoán-nghịch, như ông Trần Đình-Tham 陳廷琛, đều là bậc cao-sĩ hạng thứ. Những các ông ấy phẩm-hạnh thanh-giới cao-khiết, có cái phong thái người sĩ-quân-tử như đời nhà Tây-Hán bên Tàu, không phải kẻ tầm-thường sánh kịp được. Bởi vì nhà Trần đãi kẻ sĩ thông-dung mà không hẹp-hòi, hòa-dĩ mà có lễ-phép, cho nên nhân-sĩ thời bấy giờ ai cũng biết tự thụ-lập, anh-hào tuấn-vĩ, vượt ra ngoài lưu-tục, làm cho quang-vinh cả sử-sách, không thẹn với trời đất, há phải đời sau kịp được đâu.

Từ Lê-triều trở xuống đã ít nghe có cái sĩ-phong ấy nữa. Ta thường xét sĩ-phong đời Tiền-Lê, đại-để có ba lần biến đổi. Đời Lê-sơ thừa sau lúc nhiễu-nhương, các hàng nho-lưu hãy còn thưa-thớt lắm, như là làm nên đến chức thị-tụng mà có cái khí-phách anh-nghị, có cái thái cẩm-ngôn, như ông Nguyễn Thiên-Tứ, Bùi Cầm-Hổ ; ở chốn lâm-tuyền mà có cái tiết-tháo khiết-bạch, không có lòng cầu cạnh phú-quí như ông Lý Tử-Cấu, Nguyễn Thời-Trung, đó là một thời.

(1) Dịch theo bộ *Kiến-văn tiểu-lục* 見聞小錄 của ông Bảng-nhãn LÊ QUÍ-ĐÔN 黎貴惇 tiên-sinh làm từ năm Lê Cảnh-hưng *đinh-dậu* (1740-1786).

(2) Lỗ Trọng-Liên 魯仲連 gặp buổi nhà Tần xưng-đế, thủ-nghĩa không chịu theo, đành nhảy xuống bể mà thác.

Đến khoảng năm Hồng-đức (1470-1497), rộng mở đường khoa-mục, để kén kẻ văn-tài, học-trò đua tập phù-hoa, chạm vẽ ra từng câu văn-chương, để hi-vọng lấy chức quyền-yếu, cái khí-tiết khẳng-khái đã thấy suy-đồi mất rồi. Tuy vậy, đường sủng-lộc dẫu mở, mà phép khuyến-khóa vẫn nghiêm, người nào điểm-tĩnh vẫn được thăng lên làm quan, kẻ nào cầu-cạnh vẫn phải ruồng đuổi cách về, cho nên những người ra làm quan, còn ít kẻ xôn-xao bôn-cạnh, mà thiên-hạ còn biết quí danh-nghĩa, không đến nỗi tệ cho lắm, đó lại là một thời.

Từ năm Đoan-khánh (1505) trở về sau, lời thanh-nghị rất là suy-đồi, thói ủy-mỹ lại càng thậm-tệ, người làm quan thời ít giữ được thói thanh-liêm lễ-nhượng ; chốn triều-đình thời không nghe thấy lời gián-tránh trực-ngôn ; gặp việc gì thời chỉ dua nịnh mong cho được cẩu-miễn, thấy cơn nguy thời bán nước đi để thoát thân ; hiệu là kẻ danh-nho mà cũng điềm-nhiên nhận lấy cái sủng-lộc bất-nghĩa, nào là làm ra câu thơ bài hát để tán-tụng khoe-mẽ lẫn nhau, sĩ-tập bại-hoại đến thế là cùng, đó lại là một thời biến, tệ-tập không thể nói xiết được. Xét trong quốc-sử hơn một trăm năm mà chỉ được vài người cao-sĩ như ông Lý Tử-Cấu mà thôi, khá thương thay, những người danh-tiết sao mà hiếm có vậy ! Xin lục ra sau này.

I

Lý Tử-Cấu 李子構 người Hồng-châu, hiệu là Hạ-trai, đỗ Thái-học-sinh đời nhà Trần : khi Hồ Hán-Sương thoán-nghịch, triệu Tử-Cấu ra cho làm chức Thái-tử hữu-dụ-đức, ông cố-từ không chịu làm. Gặp khi ấy người nhà Minh sang chiếm lấy nước ta, thi kén lấy những người có tài-đức ẩn-dật chốn sơn-lâm, tìm ra đưa về Kim-lăng, rồi cho làm quan nhậm-chức châu huyện, khi ấy những người nào hơi có danh tiếng đều ra ứng-triệu ; chỉ có ông Bùi Ứng-Đẩu thác tật đau mắt cố-từ không ra, và mấy người như ông Tử-Cấu mà thôi. Bấy giờ có quan Tế-tửu là Vũ Mộng-Nguyên gặp thời loạn-lạc về ẩn ở nhà ; Tử-Cấu đưa tặng một bài thơ cổ-phong, ý-tứ rất cao-thượng. Khi vua Lê Thái-Tổ ra bình-định xong rồi, cho hỏi cầu lấy những người di-hiền. Nguyễn Mộng-Duẩn muốn tiến-cử Tử-Cấu ra, ông bèn đưa thơ (thơ chép ở bộ Việt-âm thi-tập) chối từ, mới thôi.

II

Trần phán-quan 陳判官 không biết người ở đâu, trong sử chép sót mất tên ; khi vua Lê Thái-tổ khởi-binh, ông theo làm chức phán-đại-lý-chinh, dự bàn mưu-mô, tì-ích rất nhiều ; khi đã đánh phá được Liễu-Thăng, sắp hạ-thành Đông-quan, trong nước gần yên, nhiều người phan-phụ muốn mong chút công-danh thưởng-lục, chỉ một mình ông giả cách điên-cuồng, cáo-bệnh xin từ chức đi tu. Thái-tổ lưu ở lại không được, bèn úy-lạo muốn đền cho công-lao ; ông tức-thì cắt tóc lạy tạ vua, rồi phiêu-nhiên mà đi, bấy giờ là ngày tháng mười một năm đinh-mùi (1427). Ông đã từ quan đi tu làm nhà sư, du-lịch khắp cả mọi nơi, có thường đến chùa Cổ-lãm huyện Thanh-oai, sau không biết đi đâu mất.

III

Nguyễn Thời-Trung 阮時中 người Bối-khê huyện Thanh-oai ; ông tổ ở đời nhà Trần có làm chức Hàn-lâm thị-giảng kiêm sung thẩm-hình viện-sứ ; thân-phụ là Bính làm chức Giáo-thụ. Thời-Trung theo nghiệp học hay giữ được nền-nếp nhà thế-gia. Đương lúc cuối nhà Hồ quân nhà Minh kéo sang lấn cướp ; ông bèn đem sách vở chạy lên ở trong sơn-động làng Nghĩa-bang huyện Thạch-thất. Khi Lê Thái-tổ bình định xong rồi, các người hào-kiệt và các kẻ văn-sĩ đều ra yết-kiến, vua Thái-tổ đều thứ-đệ thụ-chức cho cả, chỉ một mình Thời-Trung đạm-nhiên không cầu sĩ-tiến chi cả. Đến đời vua

Thái-tôn xuống tờ chiếu cầu kẻ di-hiền, nghe tiếng Thời-Trung là người văn-học đức-hạnh, bèn giáng dụ-chỉ ra tuyên-triệu, sai quan sở-tại mời đón đưa tới kinh, cho làm quan Giám quốc-tử thư-khố. Mùa thu năm thứ hai, Thời-Trung ứng ngự-thí ở đền Hội-anh đỗ trúng-cách, được thăng-thưởng cho một cấp dự ban thị-thư, rồi lại thăng làm Quốc-tử-giám giáo-thụ, chửa được bao lâu xin trí-sĩ về ở nhà, giảng học dạy con, đi-nhiên tự-đắc, xa gần theo đến học rất nhiều. Khi mất đặt tên thụy là Như-ngu cư-sĩ 如愚居士. Con là Trực đỗ trạng-nguyên năm Đại-bảo thứ ba (1442). Văn-chương của ông Thời-Trung dẫu không truyền lại được mấy, nhưng xem bài thơ lúc ông trí-sĩ lưu-giản đưa cho ông Hồ giám-sinh và bài thơ đưa ông Trình giáo-thụ về trí-sĩ, thời phong-vận thanh-cao biết là chừng nào !

IV

Nguyễn Dự 阮嶼 người làng Đỗ-tùng huyện Gia-phúc, thân-phụ là Tường-phiêu đỗ tiến-sĩ khoa bính-thìn năm Hồng-đức, làm quan đến hộ-bộ thượng-thư. Dự khi nhỏ thông-minh dĩnh-ngộ, xem rộng nhớ lâu, hay giữ được nền nếp văn-chương nhà thế-gia ; đỗ khoa thi hương, thi hội đỗ tam-trường, làm quan tri-huyện Thanh-tuyền được một năm, vì xa nhà, bèn cáo quan xin về chung-dưỡng cha mẹ. Sau vì họ Mạc tiếm ngôi, ông thề không ra làm quan nữa, ở làng dạy học, chân không bước lên đến chốn thành-thị, có làm ra bộ sách « Truyền-kỳ mạn-lục 傳奇漫錄 » bốn quyển, văn-từ thanh-nhã, ai cũng ngợi khen, đến sau già rồi mất.

V

Nguyễn Duẩn 阮㫜 người làng Xuân-lũng huyện Sơn-vi, học-hạnh thuần-thúy, đỗ hương-cống năm Hồng-thuận ; sau gặp buổi họ Mạc tiếm-đoạt, ông không đi thi nữa ; làm một cái hiên nhỏ ở đầu nhà, gọi tên là Nại-hiên 耐軒, hằng ngày tiêu-giao ở đó, có làm bài phú nôm để tỏ ý mình, nhân bộ sách « Trích-quái » của ông Võ-Quỳnh, ông bèn soạn riêng ra bộ « Thiên-nam vân-lục 天南雲錄 » ba quyển. Có người khuyên ông ra làm quan, ông cười mà không đáp lại. Khi bấy giờ có Gia quốc-công Vũ Văn-Mật trấn-thủ Tuyên-quang, tuân theo chính sóc niên-hiệu Nguyên-hòa nhà Lê, đóng lỵ-sở ở thành Đại-đồng châu Thu-vật, nhân-dân đông-đúc, buôn-bán thấu-tập, thực là một nơi đại-đô-hội ở miền tây. Gia quốc-công có đưa thư mời ông đến, sai làm bài phú nôm tả Đại-đồng phong-cảnh. Ông cầm bút thảo xong ngay, quốc-công mừng lắm khen hay, thưởng cho một rổ bạc. Song chỉ lấy cách văn-sĩ mà đãi ông, chớ không biết ông còn có uẩn-súc mưu-lược. Ông cũng biết Gia quốc-công là người thô-hào, không có qui-mô gì to-tát, cho nên cũng không chịu lộ cái tài mình ra, bèn từ trở về, vui chơi vườn ruộng, bàn soạn sách-vở, ai cũng phục là người cao-thượng. Sau rồi già mất, nay ở làng Xuân-lũng hãy còn phần-mộ.

Lạm-bình. — Đường danh-lợi là một con đường cạnh-tranh trên thế-giới, kẻ hàng ức hàng triệu con người đua chen nhau, xô đẩy nhau ở trên con đường ấy, vậy nên mới có kẻ được người thua, kẻ vinh người nhục, không khác gì một trò diễn-kịch ở trên vũ-đài ; tựu-trung ai được mà vinh thời phú-quí cũng chửa chín nỗi kê, mà phút chốc đã hóa ra bào-ảnh. Ai thua mà nhục thời chí-khí đã chán như cơm nếp nát, mà phút chốc cũng thành ra hư-hoa. Giấc nam-kha khéo bất-bình, bừng con mắt dậy thấy mình tay không ! ấy cái cuộc đời diễn ra lắm trò được được thua thua, vinh vinh nhục nhục như thế, lắm lúc làm cho người ta điêu-đứng, cánh buồm bể hoạn mênh-mang, cái phong-ba khéo cợt phường lợi-danh, có người đeo đuổi mãi con đường danh-lợi mà trặm năm rút lại, vinh khô đắc táng tổng-thành

không ! Tuy vậy, mà tự cái lòng dục-vọng của người đời nó run-rủi, nó xui-giục, nó làm cho người ta phải hăm-hở nô-nức về đường danh-lợi, không thể nào thoát ra được. Nhưng tự cái lòng cao-thượng của người cao-sĩ mà coi ra thời không khi nào chịu vướng mắc vào trong giảm danh khóa lợi ; vì những bậc cao-sĩ ấy đã giàu cái lòng đạo-đức, thời dẫu cái mồi danh-lợi đến thế nào cũng không làm chuyển được tấm lòng, chỉ biết lấy cái thân tự-do mà gánh vác lấy cương-thường, mà duy-trì lấy phong-hóa trong xã-hội, những bậc cao-sĩ ấy xưa nay dễ được mấy người.

Nước Nam ta xưa nay chỉ chuộng về đường khoa-hoạn, cho nên những bậc sĩ-phu chỉ lấy con đường khoa-hoạn làm một con đường công-danh tiệp-kính. Nhưng tự đời nhà Trần thời dãi-sĩ hãy còn thông-dung mà không hẹp, hòa-dị mà có lễ, cho nên có nhiều bậc cao-sĩ như ông Chu An, Đặng Tảo, Trương Đỗ, Bùi Mộng-Hoa, Trần Đình-Thâm. Kế đến đời Lê-sơ trong hơn một trăm năm mà sĩ-phong đã đến tam-biến, mỗi một lần biến lại kém xa mãi đi, chỉ thấy có mấy người cao-sĩ như ông Lý Tử-Cấu. Nguyễn Thời-Trung mà thôi, xem như Lê Quí-Đôn tiên-sinh đã tiêu-biểu ra ở trên đó, thời biết cái tiết-tháo kẻ sĩ-phu cầu lấy được người cao-thượng cũng ít có vậy.

Nay thử xét về Nguyễn triều ta, đương lúc đức Cao-hoàng mới ra khai-sáng, đã phù-thực về đường tiết-nghĩa danh-giáo, để cổ-lệ tiết-tháo cho kẻ sĩ-phu, thời bấy giờ có ông xử-sĩ Hoàng Quang 黃光 ở Thai-dương, ông xử-sĩ Nguyễn Thiếp 阮浹 ở Nguyệt-úc, đều là người Trung-kỳ Nghệ-an, hai ông ấy tiết-tháo thanh-cao, điển-hình mô-phạm, đủ làm cái gương tốt cho chốn nho-lâm, nên khi ấy ai cũng biết lấy danh-nghĩa làm trọng, mà lấy điều bôn-xu danh-lợi làm khinh. sĩ-phong bấy giờ đại-để cũng như đời Lê-sơ vậy.

Từ đời Minh-mệnh Thiệu-trị trở về sau, dẫu đường sủng-lộc đã mở rộng, mà phương khuyến-khóa hãy còn nghiêm, những kẻ tham-danh chuộng lợi, phụ-nhiệt xu-viêm, cũng không đến nỗi tệ lắm, mà thói liêm-sỉ cũng không đến nỗi tiêu-diệt đi mất cả, sĩ-phong bấy giờ cũng còn phẳng-phất như khoảng năm Hồng-đức vậy.

Từ đời Tự-đức trở về sau không khác gì đời Lê Đoan-khánh (1505), nhất-thời sĩ-phu chỉ đua nhau về đường khoa-cử, để hi-vọng ra lối công-danh, cái tệ đó ai cũng đã biết không phải nói làm chi nữa. Tựu-trung trong Nam ngoài Bắc cũng có bậc tiết-tháo thanh-cao, ta không thể xét mà biết hết được. Đại-khái ngoài Bắc-kỳ thời có ông tam-nguyên Nguyễn Khuyến 阮勸 ở Yên-đổ Hà-nam ; ông cử-nhân Nguyễn Huy-Đức 阮輝德 ở Võ-thạch Hà-nội ; ông Đốc-học Cấn Kỷ 艮琦 ở Hương-ngải Sơn-tây ; tiết-tháo những bậc ấy cũng đã là bậc giới-khiết, hoặc ông thời cáo quan về ở nhà, hoặc ông thời không chịu ra làm quan, coi con đường công-danh sủng-lộc mà đến nỗi phải bon-chen thỉnh-thác thời rất làm khổ-nhục. Ấy cái tiết-tháo các cụ sáng như gương, trong như tuyết như thế đấy, khiến cho ta càng truy-tưởng cái cao-phong của các bậc tiền-bối, lại càng thương thay cho cái thế-đồ về sau này. Đương thời nay là lúc thói Hán học đã suy-đồi gần hết, mà nền Âu-học thời luyện tập chửa thành, nhất-ban nhân-sĩ không biết xu-hướng về đằng nào là phải : theo cựu-học thời hủ-lậu câu-nệ quá mà dụng ra lại không được thích-thời ; theo tân-học thời phóng-túng tự-do quá mà có khi quên mất cả quốc-túy ; học-thuyết đã dở-dang, nếp sĩ-phong lại càng bại-hoại, sĩ-khí rụt-rè gà thấy cáo, văn-chương liều-lĩnh đấm ăn xôi, chỉ thấy ngốt những mùi danh-lợi, nồng những thói bôn-xu, chớ còn ai biết trọng chi đến thói cao-thượng. Dư-luận bây giờ cũng không biết lấy đâu làm bằng, hễ thấy ai tốt mã thời khen là văn-minh, ai mộc-mạc thời chê là hủ-lậu, ngọc đá, vàng thau, còn biết phân-

biệt ai là cao-sĩ, ai là tục-sĩ? Văn-chương chữ nghĩa răm tờ báo, hay đở chê khen mấy rạp chèo, dư-luận như thế thời sao hay văn-hồi được lưu-phong tệ-tục. Vậy ta nên chính dư-luận, chấn sĩ-phong, tiêu-biểu những bậc cao-nhân hiền-sĩ, để cổ-lệ những kẻ ngoan-phu tục-tử, mau mau chiêu-hồn liêm sỉ, cùng tỉnh giấc công danh mê-mộng đã từ mấy mươi năm.

ĐÔNG-CHÂU

DANH-THẦN LỤC[1]

(Lược dịch theo sách *Đại-Nam chính-biên Liệt-truyện*)

III

Nguyễn-Hoàng Đức 阮 黃 德

Nguyễn-Hoàng Đức người ở Kiến-hưng tỉnh Định-tường, nguyên là họ Hoàng, được ngự-tứ quốc-tính xưng là họ Nguyễn-Hoàng. Đức trạng-mạo khôi-ngô, dũng-lực tuyệt-luân, người ta vẫn gọi là hổ-tướng, theo đức Thế-tổ làm tiên-phong. Trận đánh ở sông Tứ-kỳ, Tây-sơn Nguyễn Huệ bày trận bối-thủy [2] xông ùa vào đánh, quan quân bị thua, Thế-tổ tế ngựa chạy bị sa lầy, Đức đỡ ngài lên bờ, rồi lại xuống nâng ngựa lên; ngựa đi chậm, Đức vừa theo sau vừa đấm cho ngựa chạy tế lên, quân giặc không đuổi theo kịp. Một đêm kia, Đức hầu Thế-tổ ngự thuyền kéo chạy, người lái-đò báo dáng mặt trước trắng xóa hình như có buồm thuyền giặc rất nhiều. Thế-tổ muốn lội xuống sông vào bờ để lẻn đi. Đức can rằng: « Dưới sông nhiều cá sấu, xin hãy đi từ-từ, để dò xem hư thực thế nào ». Sau nhận kỹ ra thời là một đàn cò trắng đậu ở trên cây, chớ không phải cánh buồm. Thế-tổ ngồi ở trong thuyền mỏi-mệt lắm, gối lên đùi Đức mà nằm. Đức suốt đêm xua muỗi để ngài nghỉ, chớ mình không chợp mắt lúc nào. Thế-tổ khen là trung-nghĩa, vì như người bày tôi nhà Nguyên gặp đêm mưa tuyết chăng chiên ra giữa đồng để che cho chúa [3].

Năm qui-mão, trận đánh ở Đồng-tuyên, Đức bị giặc bắt. Nguyễn Huệ yêu là người tráng-dũng muốn thu dùng. Đức chỉ muốn nhân-dịp để trốn về, trong bụng thường bức-bối. Một đêm nằm ngủ ở trong quân-trướng người Huệ, nằm mê gọi tên Huệ thét to lên mà chửi. Bọn tướng giặc muốn giết đi, Huệ cho là nói mê-sảng không bắt tội, lại tặng cho châu ngọc rất nhiều để hậu-kết lấy lòng, nhưng Đức cũng không bằng lòng theo Huệ.

Năm bính-ngọ, Huệ đem Đức ra Bắc-thành, rồi trở về lưu ở Nghệ-an. Quan trấn-thủ Nghệ-an là Nguyễn Văn-Duệ vốn là bộ-tướng của Nguyễn Nhạc, không bằng lòng theo Huệ. Đức xui Duệ đi xuyên đường rừng về Qui-nhân để hội với Nhạc. Duệ tin lời, đem cả bộ-thuộc 5000 quân đi xuyên-sơn vào trong Nam, cho Đức dẫn một toán bộ-hạ đi trước. Đức đi mươi hôm, cho người trở lại tạ Duệ rằng: « Người ta ai cũng đều vị chúa mình. Đức này

(1) Xem *Nam-phong*, số 31.

(2 Bối-thủy 背 水 = là ngảnh lưng xuống nước mà bày trận.

(3) Vua Thái-tổ nhà Nguyên khi bại-trận, gặp trời mưa tuyết, nằm ở bên chăm cỏ; Mộc Hoa-Lê và Bác Nhĩ-Mộc chăng cái chăn chiên ra che cho Thái-tổ nghỉ, suốt đêm đến sáng không dời chân.

không quên cựu-chúa, cũng như tướng-quân không quên chúa Tây-sơn vậy. Vả lại cựu-chúa tôi mới thực là chân-chúa, mệnh trời đã định cho rồi; tướng-quân như muốn bỏ chỗ tối hướng theo đường sáng, thời cùng theo với tôi, để lập lấy công-nghiệp bất-hủ. Nếu không thời Đức này xin từ. » Duệ giận Đức lừa mình, muốn nhân kế ấy đánh lừa lại để giết đi, lập-tức sai quân lính-tiễn chạy ruổi lên bảo Đức rằng: « Lời ông bảo hợp-ý tôi lắm, xin đợi lại để cùng đi ». Nhưng Đức biết là mẹo lừa, sợ đi chậm thời phải Duệ đánh tập-hậu. Bèn thâu đêm đi tắt sang đường khác qua Vạn-tượng, đường đi khuất-khúc, quân-sĩ tuyệt-lương, chỉ hái lá cây mà ăn, chợt trông thấy một đàn chim ngủ hàng vạn con đầy ở trên cây, đến vồ lấy ăn thời ra lá cây hóa ra, mới thành hai cánh, mà mình đầu hãy còn dính ở cành cây, ăn rất ngon, người ta bảo đó cũng là trời giúp cho kẻ trung-nghĩa vậy. Các trại mán nghe tiếng Đức đi qua, đều cấp cho lương ăn, rồi sang Xiêm-la, đến nơi thời Thế-tổ đã về Gia-định rồi. Vua Xiêm muốn lưu Đức ở lại; Đức thề chết cũng không chịu ở, và kể những sự-trạng đi tìm chúa vất-vả, khí uất-nộ bừng-bừng, thổ ra một cục huyết. Vua Xiêm thấy chí không thể ép được, rất là trọng-đãi, rồi cấp cho thuyền để trở về. Khi về đến nơi, đức Thế-tổ ủy-lạo ân-cần, cho làm trung-doanh Giám-quân Khâm-sai chưởng-cơ.

Sau Đức được thăng làm phó-tướng chưởng hữu-quân, theo ông Tôn-thất Hội ra đánh được Bình-thuận. Khi ấy có tướng giặc là Trần Quang-Diệu đem quân vào vây Diên-Khánh và chia quân ra chẹn đường Bình-thuận. Đức Thế-tổ nghe tin báo, phát-binh ba nghìn giao cho Nguyễn Văn-Thành ra giữ Bình-thuận. Thành từ rằng ít binh. Đức nói: « Ba nghìn tinh-binh, có thể hoành-hành được thừa đi, huống chi là một tỉnh Bình-thuận nhỏ kia, chống giữ có khó gì, để tôi xin đi. » Thế-tổ bèn sai Đức làm điều-bát, Thành phải thuộc theo, khi đem quân đến Phan-lý, phải quân giặc thủ-hiểm chống lại. Đức phải lui quân về Bà-rịa. Thế-tổ nghe tin giận mà rằng: « Hăng-hái đem quân ra, thấy quân giặc mạnh mà chụt lại, sao nhát thế! » Bèn đoạt lấy quân không cho coi nữa, sau được miễn-tội, cho theo đi tòng-quân hiệu-lực; sau lại được phục-chức chưởng hữu-quân.

Năm mậu-ngọ, Xiêm-la phải Diến-điện đánh, xin quân ta cứu-viện. Đức cùng Nguyễn Văn-Trương phụng-mệnh đem quân sang cứu, đi đến Côn-luân nghe tin quân Diến đã lui. Trương đem quân trở về; còn Đức thời đem tờ quốc-thư sang Xiêm thông-hiếu. Năm tân-dậu (1801), đại-binh ra thu-phục thành Phú-xuân, thời Đức quản binh-thuyền đóng ở cửa bể Thi-nại. Năm Gia-long nguyên-niên (1802), hạ được thành Qui-nhân rồi, Đức được phong-tước quận-công, lĩnh-chức ấn-trấn ở Qui-nhân. Năm Gia-long thứ 9 (1810), ra làm Tổng-trấn Bắc-thành, hiệu-lệnh nghiêm-minh, người đều sợ phục; lại hay tiếp dẫn kẻ sĩ-phu, như Võ Trọng-Đại, Võ-Quỳnh đều là môn-thuộc cả. Năm thứ 15 (1816) vào thay Lê Văn-Duyệt làm Tổng-trấn Gia-định, dâng sớ lên tâu rằng: « Tôi bất-tài, một mình cai-trị một xứ phiền-kịch, sợ nhiều việc ủy-tích không kham nổi, xin chọn cho một người làm hiệp-trấn để giúp việc. Thế-tổ bèn cho ông Hoài-Đức vào làm Hiệp-tổng-trấn.

Mùa thu năm thứ 18 (1819), Đức mất, truy tặng Thượng trụ-quốc, Thái-phó quận-công.

Đức là người trung-thành thuần-phác, theo hầu cương vế đức Thế-tổ, lịch-thiệp gian-hiểm, mà chí không chút sờn. Xem như một việc bị giặc bắt mà không chịu theo giặc, ai cũng lấy làm rất khó. Thế-tổ thường bảo

các quan thị-thần rằng : « Đức không chịu hàng giặc, mà lặn ngòi nơi nước, hiểm trở gập-ghềnh, theo trẫm trong lúc gian-nan, thực là hơn những kẻ tầm-thường xa lắm ! » Tính ông Đức lại hay cung-kính cẩn-thận, đức Thánh-tổ thường khen trong hàng võ-thần chỉ có Đức là biết giữ lễ. Bình-định rồi, Đức lịch-lý ba trọng-trấn, đức-nghiệp huân-danh, các quần-thần không ai bằng. Sinh bốn người con, đều hiển-quí cả.

IV

Lê Văn-Duyệt 黎文悅

Lê Văn-Duyệt tổ-tích nguyên người Quảng-nghĩa, cha là Toại, thiên-cư vào ở Định-tường, sinh được bốn trai, Duyệt là con trưởng. Khi sinh ra vốn là ái-nữ, hình-thể ngắn-ngủi, nhưng có tài tinh-nhanh, sức khỏe mạnh. Khi 14, 15 tuổi, thường than rằng : « Sinh ở đời loạn, mà không hay kéo cờ giống trống làm đại-tướng, để lưu công-danh ở sử-sách, thời không phải là tài trai ! »

Năm Canh-tí, đức Thế-tổ lên ngôi vua tại Gia-định, Duyệt mới 17 tuổi, được sung vào làm thái-giám nội-đình, sau được thăng làm Cai-cơ, quản hai đạo quân nội-thuộc, theo hầu đức Thế-tổ sang Xiêm-la.

Năm Đinh-mùi, đức Thế-tổ về thu phục Gia-định, Duyệt thường theo đi chiến-trận, cùng chư-tướng bàn luận việc binh. Thế-tổ thấy vậy lấy làm trọng, thung-dung hỏi rằng : « Ngươi cũng biết việc binh à ? » Duyệt thưa rằng : « Biết ». Thế-tổ nói : « Binh-cơ là việc lớn, ngươi sao nói khinh-dị làm vậy ? » Duyệt thưa : « Sơn-tặc là quân vô-đạo, không bao lâu nữa cũng tự-diệt mà thôi. Nay ta lấy người nhân mà đánh kẻ bạo, thế như chẻ tre, tôi không cho làm khó chi cả. » Nhân xin một binh theo về cánh tả-quân, rồi phụng-mệnh ra đánh Qui-nhân, được thăng làm thuộc-nội vệ-úy, theo về quân Thần-sách.

Năm Kỷ-mùi, đức Thế-tổ sai Duyệt và Tống Viết-Phúc đem quân ra ải-ngữ Bình-đề. Khi ấy nghe tin có mấy vạn quân Tây-sơn kéo vào đánh, Thế-tổ bèn sai trung-sứ ra hỏi tình-trạng. Duyệt cùng Viết-Phúc tâu rằng : « Có hai chúng tôi ở đây, lo sợ chi giặc ! » Lại trỏ núi trước mặt nói rằng : « Đó là chốn hai chúng tôi cùng liều sống thác với giặc đó ! » Trận ấy quả-nhiên thu-phục được Qui-nhân. Năm sau, tướng Tây-sơn lại vào vây Qui-nhân ; quan-quân ra cứu-viện chỉ lênh-đênh ngoài bể, không đánh vào được cửa bể Thi-nại, đức Thế-tổ muốn dùng chước hỏa-công, bèn sai Duyệt cùng Vũ Di-Nguy đem thủy-quân xông vào đánh, quân giặc ở trên đồn bắn xuống như mưa, Di-Nguy bị đạn ngã lăn xuống nước. Duyệt cũng không đoái nhìn chi, chỉ ra sức xông vào mà đánh. Thế-tổ thấy tướng-sĩ chết hại nhiều, ba lần cho tên tiểu-sai truyền-dụ bảo Duyệt tạm lui quân. Duyệt nhất-định xin liều chết mà đánh, bảo tên tiểu-sai rằng : « Tôi xin cứ tiến vào, chớ không lui ». Liền thúc quân xông vào cửa bể, thuận gió tung lửa ra đốt hết thuyền giặc. Trận này quốc-sử cho là một trận võ-công đệ-nhất. Khi ấy là 16 tháng giêng năm Tân-dậu (1801).

Bấy giờ các tướng khuyên đức Thế-tổ đem quân ra đánh úp Phú-xuân. Nhưng ngài còn dùng-dằng chưa quyết, Duyệt tâu rằng : « Việc binh qui-hồ thần-tốc, mưu-mô cốt phải quả-quyết. Nay đóng quân mãi ở đây, thời mỏi-mệt mà vô-công, tiến ra lấy được Phú-xuân, thời thành Bình-định này không phải đánh mà tự-khắc giải-vây ; đó là một chước đánh cờ thí xe vậy » Thế-tổ nghe lời, quả-nhiên thu-phục được Phú-xuân.

Năm Nhâm-tuất, Gia-long nguyên-niên (1802) Duyệt được thăng làm khâm-sai chưởng tả-quân doanh Bình-sơn tướng, tước quận-công, cùng Lê-Chất

đem bộ-binh đi tiên-phong dẹp yên Bắc-hà.

Khi ấy có vua Chân-lạp là Nặc-chân phải Xiêm-la đánh đuổi, chạy sang Gia-định. Đức Thế-tổ cho Duyệt làm Tổng-trấn Gia-định, để điều-đình xử-trí việc Xiêm Lạp, và đưa Nặc-chân về nước. Duyệt tâu xin đắp thành Nam-vang (Pnom-penh) và thành Lư-yêm để lưu quân bảo-hộ Chân-lạp.

Trước kia Duyệt vốn là tì-tướng, thường phải theo tiết-chế ông Nguyễn Văn-Thành. Lúc lâm-trận, tính Thành hay tri-trọng, mà Duyệt thời quả-cảm hăng-hái, thường lập được công to, uy-danh lừng-lẫy cũng bằng Thành. Nhưng Thành ghét Duyệt là người tự-phụ, bởi thế hai người không hòa với nhau. Khi ấy có người Thanh-hoa là Nguyễn Hữu-Nghi trước làm môn-khách Nguyễn Văn-Thành, vì phải quở-trách, trốn sang làm môn-hạ Duyệt. Nghi lại sai tên Nguyễn Trương-Hiệu sang hầu Thuyên là con ông Thành để rình xem Thuyên làm những điều gì. Sau Hiệu lấy được một bài thơ, đem đưa cho Nghi. Nghi nói với Duyệt rằng : « Con Thành là Thuyên làm thơ chiêu-dụ người đồng-quận, lời rất bội-nghịch ». Duyệt tin lời Nghi, mật đem bài thơ ấy tâu vua, việc án Thuyên gây ra từ đó [1].

Năm Minh-mệnh nguyên-niên (1820) Duyệt lại vào trấn-thủ Gia-định dẹp yên giặc sư Kế ở Chân-lạp. Đến năm thứ 13 (1832), Duyệt thấy ngoài Bắc-thành chia ra làm tỉnh, bãi chức Tổng-trấn, chỉ duy thành Gia-định còn có Duyệt cho nên chửa bãi. Duyệt ngại mình già yếu, dâng sớ xin từ chức, vua không cho. Ngày 30 tháng 7 năm ấy (1832) Duyệt mất, thọ 69 tuổi. Duyệt làm việc hay tự-chuyên, dụng hình hay quá lạm. Nhưng một lòng báo-quốc, phấn-chấn chẳng nghĩ chi đến mình, vậy nên được lòng kẻ tướng-sĩ, đem quân đi đánh, không thua trận nào. Thủy-chung bốn lần đi dẹp giặc Mán Vách-đá ở Quảng-nghĩa, quân mán-rợ đều khiếp sợ uy-phong, hễ kéo quân đến thời giặc Mán tan trốn cả.

Khi ra kinh-lược Thanh Nghệ, những kẻ đào-phạm ở Bắc-thành cùng kẻ thổ-tù ở mặt thượng-đạo đều ra đầu-thú. Hai lần trọng-trấn Gia-định, hưng-lợi, trừ-hại, dẹp giặc, yên dân, uy-danh lừng-lẫy, người Xiêm khiếp-sợ, hễ khi nào có sứ-bộ ta sang, thời người Xiêm lại hỏi thăm rằng : « Lê-công có được mạnh khỏe không ? »

Duyệt mất rồi, thành Gia-định đổi tên là Phiên-an, đặt ra Tổng-đốc, Bố-chánh, Án-sát, Lãnh-binh. Khi ấy Bố-chánh là Bạch Xuân-Nguyên sách-nhiễu tham-lam, tự-xưng là phụng mật-chỉ truy xét việc riêng của Duyệt, sai bắt lũ Lê Văn-Khôi [2] là bộ-hạ Duyệt để tra hỏi. Khôi sợ phải tội, mưu làm phản. Đêm hôm 18 tháng 5 năm Minh-mệnh thứ thứ 14 (1833), Khôi ngầm dụ đảng lính Bắc-thuận [3] 27 người, vào thành giết Bố-chánh Bạch Xuân-Nguyên và tổng-đốc Nguyễn Văn-Quế, chiếm-giữ thành Phiên-an, quan quân đánh mãi không phá được, đến năm Minh-mệnh thứ 16 mới dẹp yên. Đức Minh-mệnh truy-trách là tại Duyệt nuôi lũ phỉ-đảng để gây nên vạ. Các quan Nội-các lại dâng sớ kể tội Duyệt. Đình-thần nghĩ xử kết-án Duyệt đáng tội chảm 7 điều, tội giảo 2 điều. Sau xử án Duyệt phải truy đoạt quan-tước, quốc phẫu mộ-địa, dựng bia đề tám chữ : « *Quyền yêm Lê Văn-Duyệt thụ-pháp xứ* 權俺黎文悅受法處 ». Con nuôi và cháu là Hán, Yên, Tề đều phải xử-tử.

(1) Tường ở truyện ông Nguyễn Văn-Thành đã đăng kỳ báo 31.

(2) Là thổ-mục Cao-bình, mộ binh theo Duyệt vào Gia-định, làm Phó-Vệ úy.

(3) Là những thú-đinh ngoài Bắc, Duyệt mộ làm lính cơ Bắc-thuận.

Truyền rằng mộ Duyệt ở Gia-định, từ khi ấy những lúc trời tối đêm khuya, trong mộ hình như có tiếng quỉ khóc, hoặc tiếng người tiếng ngựa ồn-ào, nhân-dân ở đấy không ai dám đến gần.

Đến sau sai quan địa-phương cái bia dựng ngày trước đi, và cháu được xây mộ lại, thời tiếng ban đêm mới thôi.

ĐÔNG-CHÂU dịch

VĂN-UYỂN

HỒNG-ĐỨC QUỐC-ÂM THI-TẬP (1)

(1470-1497)

Nguyệt trung đan-quế

Ấy chẳng thiềm-cung đan-quế vay,
Thế-gian thiếu kẻ biết mùi cay.
Thu-thanh bóng tỏ mười phân sáng,
Hồ sạch hương đưa mấy hộc đầy.
Củi hái bốn mùa ngô giỏi búa,
Thuốc dâm một chén thỏ ngong chầy.
Từ khi mình nhẹ nên bay cánh,
Chiếm được ngôi cao bốn bể thay.

Hạ-thử

I

Buồn nghe gặng tiếng tiếng cầm ve,
Nặng khách chào ai mấy hỡi hè.
Víu-vỏn đầu ghềnh con bá-cốc,
Lênh-đênh mặt nước cái thè-be.
Ngày chầy phảng-phất hồn hồ-điệp,
Đêm nhắp mơ-màng tiếng tử-qui.
Nóng-nảy làm chi cờ giáo cuộc,
Nam-huân sao chửa lọt song the.

II

Mai gầy liễu cọc cỏ le-te,
Biết chạy làm sao khỏi nắng hè.
Đậu lá võ-vàng con bướm-bướm,
Ấp cây gầy-gọc cái ve ve.
Thuyết chi kẻ đã nằm trên gác,
Thương một người còn lội dưới khe.
Càng điểm mây mưa càng lỗi lục,
Hay làm cho bõ khách màn the.

III

Cũng thời đất chở cùng trời che,
Nóng nẩy làm chi mấy hỡi hè ?
Khắc khoải đã đau lòng cái quốc,
Băn-khoăn thêm tức ngực con ve.
Người nằm trưởng vóc mầu-hồi mướt,
Kẻ hái rau tần nước bọt se.
Nào khúc nam-huân sao chửa gẩy,
Chẳng thương bỏ liễu phận le-te.

IV

Gọi vọt từ nghe ở ngọn tre,
Mới hay tiết đã báo sang hè.
Nước nồng sực-sực đầu rồ trỗi,
Ngày nắng trang-trang lưỡi chó lè.
Quốc-quốc quốc hằng khua mõ quốc,
Ve-ve ve lại gặng cầm ve.
May lành còn có thu đông nữa,
Những thế thời ai chịu được hè !

Xuân

Nhạt-nhạt bình-phong mở mấy lần,
Khắp hòa chốn-chốn một trời xuân.
Hiu-hiu gió thổi hương lồng áo,
Phới-phới mưa sa ngọc đượm chân.
Liễu vẽ mày xanh oanh chắp chới,
Mai tô má phấn bướm xun-xoăn.
Đường chen xe ngựa tai vang nhạc.
Nào chốn nào là chẳng cõi nhân.

(1) Xem *Nam-Phong*, từ số 29.

Hạ

Nghi-ngút ngàn mây tán lửa che,
Nũng người thay mấy gọi là hè.
Hồng bay lựu mản vầy liễu,
Hương nức sen bóng rợp hòe.
Tường nọ nhặt khoan vang tiếng quốc,
Cành kia giẳng-giỏi gẩy cầm ve.
Lầu cao gió mát người vô-sự,
Khúc nam-huân vẳng vẳng nghe.

Thu

Hơi may hây-hẩy lọt trời ngô.
Đòi trận so-le nhạn khiếp thu.
San-sát vàng bông dậu cúc,
Phơ-phơ bạc phất cờ lau.
Hòe phơi mấm lục chim bay ngọc,
Nguyệt rãi giòng trong cá hớp châu.
Ướm hỏi kìa ai công tuyết tỉnh,
Sở về niệm-niệm với sông Ngô.

Đông

Đòi phương làn-lạt trận hàn-phong,
Tha-thiết người thay mấy hỡi đông.
Muối rắc tiền rêu xanh những tuyết
Cát phơi mầu bạc giá đầy sông.
Chuông vang ngàn khói thông về hạc,
Canh diễn lầu châu nước ngán (ng.
Chớ chớ ngại rằng mai lạnh-lẽo,
Kìa kìa mai đã thức xuân nồng.

THƠ CỦA CỤ YÊN-ĐỖ

Trọc đầu

Trải gió gội mưa đã lắm rồi,
Phen này cắt tóc để làm tôi.
Trơn-tru chẳng có còn ai cứ,
Lông-lốc tha hồ mặc mẹ bôi.
Cái lược từ rầy khôn lối gỡ,
Con đen thôi cũng hết đường chui.
Cũng toan rắp tiếng làm sư cụ,
Nghĩ lại song mà chửa chính ngôi.

Than nghèo

I

Nghĩ ra tôi gớm cái mình tôi,
Bấm đốt hai mươi lẻ bốn rồi.
Ngày giữ lệ thường hai bữa một,
Vợ quen thói cũ ba năm đôi.
Hai khoa hương-thí không đâu cả,
Mấy thước vườn hoang báu sạch rồi.
Trời đất ghen riêng ai mãi mãi.
Nghĩ ra tôi gớm cái mình tôi.

II

Chẳng khôn cũng biết một hai điều,
Chẳng truyện chi hơn cái truyện nghèo.
Danh-giá nhường này không lẽ bán,
Nhân-duyên đến thế hẳn còn theo.
Tấm lòng nhi-nữ không là mấy,
Bực chí anh-hùng lúc túng tiêu.
Có lẽ phong-trần đâu thế mãi,
Chốn này tình-phụ chốn kia yêu.

Tập Kiều kiến chí

Rõ nền phú-quí bậc tài-danh,
Lần bước hài-văn bước dặm xanh.
Trên gác Quan-âm mây phủ tán,
Trước lầu Ngưng-bích nắng lay mành.
Khen tài nhả ngọc thơ lưng túi,
Sánh giọng quỳnh-tương rượu một bình.
Gặp hội trường văn xuân bảng chiếm,
Làm cho đồ quán lại siêu đình.

Tặng Hà-nam đốc-học Trần

Ông về đốc-học bấy lâu nay,
Gần đó thế mà tôi chửa hay.
Tóc bạc răng long chưa đáng cụ,
Khăn thâm áo thụng cũng nên thầy.
Học-trò kẻ chợ dầu thâm miệng,
Quyển khóa ngày xưa có kẹo chầy.
Bổng lộc như ông không mấy nhỉ,
Ăn tiền nhờ được cái lương tây.

Cảm-hứng

Cũng chẳng giầu mà cũng chẳng sang,
Chẳng gầy chẳng béo chỉ làng-nhàng.
Cờ đương giở cuộc toan lầm nước,
Bạc gặp canh thua phải chạy làng.

Hé miệng nói ra gàn bát-sách,
Mềm môi chén mãi tít cung-thang.
Nghĩ mình lại gớm cho mình nhỉ,
Thế cũng bia xanh cũng bảng vàng.

Lý-ngư bạt-hổ

Cá thần vùng-vẫy vượt qua đăng,
Được nước nào ai dám dỉ răng.
Cưỡi gió dương vây lên cửa Vũ,
Xông mây rẽ sóng động vừng trăng.
Diếc rô ngửa vảy khôn tìm lối,
Trê chuối theo đuôi dễ mấy thằng.
Gặp hội hóa rồng này rút ruột,
Đã lên lên bổng tít bao chừng.

Than lụt

Con tạo ghen chi với má hồng,
Mà đem nước đến vỗ tầm-vông.
Gió lùa cửa cống bèo man mác,
Trăng sỏ buồng trai sóng phập-phồng.
Những sợ anh kình luồn dưới rốn,
Lại lo chú chuối lộn trên hông.
Quản chi điểm phấn trang hồng nữa,
Cho biết nơi sâu với chốn nông.

Vịnh sư chùa Long-đội

Đầu chọc tếch bình-vôi,
Nhảy tót lên chùa ngồi.
Ỳ-à kinh một bộ,
Lóc-cóc mõ ba hồi.
Cơm chẳng ăn cá thịt,
Ăn những oản chuối xôi.
Không biết câu tình-dục,
Đành chịu giống bồ-côi.

Nam-định Vũ Xuân-Trác *sao-lục*

THƠ VĂN CỦA ÔNG TỨ XƯƠNG

(Trần Kế-Xương)

Năm mới chúc nhau

I

Lẳng lặng mà nghe nó chúc nhau,
Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu.
Năm nay có dễ ông buôn cối,
Thiên-hạ bao nhiêu đứa giã trầu!

II

Nó lại mừng nhau những sự sang,
Người thì bán tước kẻ mua quan.
Năm nay ông quyết đi buôn lọng,
Vừa bán vừa la cũng đắt hàng.

III

Nó lại mừng nhau cái sự giầu,
Trăm nghìn vạn ức chẳng vào đâu.
Năm nay có dễ gà ăn bạc,
Đồng rụng đồng rơi lọ phải cầu.

IV

Nó lại mừng nhau sự lắm con,
Sinh năm đẻ bảy được vuông tròn
Phố-phường chật-hẹp người đông-đúc,
Bồng-bế nhau lên ở núi non.

Đánh tổ tôm *(hát giôi)*

Bực chăng nhẽ anh-hùng khi vị-ngộ, như lúc đen chơi cuộc *tổ-tôm*; bài *chạm thành cuối cánh phỗng* ầm-ầm, ngồi thôi thằng *bốc quản* dác-dảnh. Cũng có lúc *thông-chi* thời *bát-sách*, cũng có khi *bạch-đinh bốc yêu-hồng*; cất *bài* lên *ông-lão* vẫn lần về, không đâu cả gặp kẻ năm bảy *phỗng*. Cũng có *ván tôm lèo lên chờ rộng*, vớ phải thằng *bạch-thủ phỗng tay trên*. Gớm ghê thay đen thực là đen, *sắc* như mác cũng thua thằng *vận đỏ*; may mắn nhẽ hữu duyên năng tái ngộ, bĩ-cực rồi đến hội thái-lai; tiếng *tam-khôi* chi để nhường ai, hết *bạch* lại *hồng thông* mãi mãi. Nào những kẻ *tay trên* tớ ban nảy, tới bây giờ thay-lầy dưới tay ta; tiếng *bài cao* lừng lẫy khắp gần xa, *bát vạn* người ta ai dám đọ. Thế mới biết *tổ tôm* đen có đỏ, thời anh-hùng vị-ngộ có lo chi. Trước sau sau trước làm gì!

Vũ Xuân-Trác
Sao lục

HÁT NÓI

Nhân-sinh thích chí

Nhân sinh thích chí, tu phú qui hà vi. 人生適志須富貴何爲(1), *nhi cầm nhi kỳ, nhi tửu, nhi thi* 而琴而棋而酒而詩(2). Thú vui thú an bần thoát tục, *An phận thân vô nhục* 安分身無辱(3), *Tri cơ tâm tự nhàn* 知機心自閒(4). Mảng vui chơi dịp phách cung đàn, trúc tơ nối tiếng khoan chen tiếng nhặt. Khóm lý đào đông chật, chồi lan huệ xanh tươi. Một năm mười hai tháng thảnh-thơi, ba vạn sáu nghìn ngày thong-thả!

Cung-oán

Rầu-rĩ thay chốn thâm-cung, buồn mới gọi con hầu ra bảo: bút chép chữ chân ra chữ thảo, giấy đề thơ cảnh hóa thơ sầu. Đề thơ thôi giải tấm lòng sầu, sâm thương những giận vì nông-nỗi. Trách ông Nguyệt xe tơ bối-rối, xe làm sao héo-hắt người ta; trêu ngươi chi mấy trăng già!

Cơ trời dâu bể

Cơ trời dâu bể, khách hồng-nhan xiết kể nỗi gian-truân. Mang tấm son deo đuổi gánh hồng-quần, lời váng đá dám lỗi cùng non nước. *Ngọc-diện khởi ưng mai thủy-quốc* 玉面豈應埋水國(5), *băng tâm tự khả đối kim-lang* 冰心自可對金郎(6). Mười lăm năm thương xót kẻ đôi phương; ruột tằm bực đã đành nơi chín suối. Duyên tái ngộ bởi trời dâu đem lại, lửa ba thu một mối cũng rõ-ràng; mới hay con tạo khôn lường!

Trai trượng-phu gái thuyền-quyên

Trai trượng-phu ở cho đáng giá, dốc một lòng vàng đá đinh-ninh *Bất dam hồ nhẫm tịch chi tư tình* 不敢乎衽席之私情(7), *bất nịch hồ phòng vi chi thiên ái.* 不溺乎房幃之偏愛(8). Gái thuyền-quyên ở cho có ngãi, dốc một lòng sửa túi nâng khăn, *bất đố kỵ bất kiêu-căng* 不妬忌不驕矜(9), cho vẹn chữ: *tùng phu xuất giá.* Trai trượng-phu khôn ngoan vì vợ, có chữ rằng: *như sắt như cầm* 如瑟如琴(10); khăng-khăng kết dải đồng-tâm!

Người ẩn-dật

Lâm-tuyền một chịch, hoa cỏ bốn mùa; cúi nhìn xem cảnh vật gồm thu, nọ đủ cả giang-sơn tám bức. *Viễn quan sơn hữu sắc* 遠觀山有色(11), *cận thính thủy vô thanh* 近聽水無聲(12); càng nhìn sơn-thủy hữu-tình, xui lòng kẻ tha-hương cố-quốc. Đầu-non nọ người đâu đi thái dược, cật lom-khom men-móc sườn non; lắng tai nghe vượn ru con!

---

(1) Đời người ta chỉ cốt cho thích chí, mong đòi phú quí mà làm gì.
(2) Nào đàn, nào cờ, nào rượu, nào thơ.
(3) Cứ yên phận thì không nhục đến thân
(4) Biết cơ trước thì bụng được nhàn
(5) Nét ngọc nỡ vùi nơi thủy quốc.
(6) Lòng băng còn khá đối Kim-lang.
(7) Không say đắm về tình riêng ở chốn chăn đệm.
(8) Không đắm đuối yêu riêng ở trong chốn buồng the.
(9) Không ghen ghét, không kiêu-kỳ khoe-khoang
(10) Hòa hợp như tiếng đàn cầm đàn sắt.
(11) Xa trông thấy núi có sắc đẹp.
(12) Gần nghe không có tiếng nước reo.

Nhân-tình chênh-mảng

Hứng nhân trí dạo chơi non nước, chịch kiền-khôn vẻ vật thêm xuân. Sự bất-kỳ gặp khách tình-nhân, nên gắn bó quạt nguyền trâm ước. Nhân-duyên bởi thiên-duyên ngày trước, nghĩ chắc rằng đã trọn vẹn kiếp ba-sinh. Vậy vì ai so-sẵn chữ tài-tình, bỗng chênh-mảng nỗi-niềm tâm-sự.....

Tài - tình

Yêu những kẻ văn-nhân tài-tử, trót đa-mang về một chữ tình. Nghĩ nguồn cơn thẹn với trời xanh, tưởng nông-nỗi giận cùng trăng bạc. *Tương thức nhất thanh song lệ lạc* 相識一聲雙淚落(1); *Khả liên điểm điểm thấp chu huyền* 可憐點點濕朱絃(2). Trách vì phận giận vì duyên, duyên phận cũng vì tình nên nông-nỗi. Dầu dạ sắt gan vàng cũng rối, vẫn ruột tằm bối-rối càng đau; tương-tư ai để cho nhau?

Chúc mừng đời thịnh-trị

Long thành ngũ thái (3), gươm báu thiêng chống lại đất Hoành-sơn. Chỉ sông sông cạn, chỉ núi núi tan, nay mừng được thánh-quân lên trị. *Nhất thống sơn hà thu vạn lý* (4) 一統山河收萬里, *Phục hồi cố-quốc ức dư niên* 復回故國億餘年(5). *Thuận hồ nhân nhi ứng hồ thiên* 順乎人而應乎天(6); *Thiên địa ứng nhân lâm chi sở tại*. 天地應人心之所在(7). Ra tay chống giang-sơn đem lại, đem kinh-đô về đất Phú-xuân. *Hoành-sơn nhất đái, khả dĩ vạn-đại chi dung thân* 橫山一帶可以萬代之容身(8).

Cảnh thu

Trời sáng tiết thu-thiên vắng-vặc, đà trời xanh lác-đác sao thưa. Gió thoảng lay cành liễu phất-phơ, xui lòng kẻ hứng niềm tâm-sự. *Cô-tô thành ngoại Hàn-sơn tự*(9) 姑蘇城外寒山寺. *Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền* 夜半鐘聲到客船(10). Người sầu riêng tưởng khách sầu riêng, hồn mộng-mị mơ-màng tiếng nhắp. Hơi sương đượm chăn cù nhắc-nhắp, giấc hòe thôi tỉnh lại cơn say; chiền ai văng-vẳng tiếng chày?

Thăm tình-nhân

Xa trông thấy bóng nàng thấp-thoáng, dạ bồi-hồi nỗi trận thêm thương. Từ tới khi lạnh tuyết tan sương, cho nên phải mượn cầu ô bắc thử; nhờ trận gió lay mành vỗ cửa, thương mấy nao nề mấy nao, cửa từ-bi đức-hạnh đường nào, mà nỡ để lạnh-lùng sương giá. Xót ơn đấy, đến đây từ-tạ, há rằng ai đam sắc tham thanh; sư còn liên-mẫn quần-sinh!

Nhắn tri-kỷ

Xa thay mấy hỡi người tri-kỷ, giữ cho hay kẻo tiếng phong thanh; hãy để lòng dạ nhớ ninh ninh, kẻo mà lại phao danh uổng tiếng. Lời thế-sự lưỡi ong miệng yến, chữ chung-tình cho vẹn tóc tơ; làm thinh kẻo thế-gian ngờ!

Nga-sơn tiều-ẩn (11)

Chốn Nga-sơn tiều-phu ngụ đấy, thường thường ra *hoán-tửu dịch-tân* (12), chốn thanh-nhàn vui-thú dưỡng-thân, so phong-nguyệt vốn hằng lưu-loát. Khi

---

(1) Biết nhau một tiếng rỏ hai hàng nước mắt.
(2) Thương thay giọt lệ rỏ xuống dây đàn.
(3) Rồng thành năm vẻ, mây ngũ sắc là điềm thiên-tử.
(4) Nhất-thống cả sơn hà thu về muôn dặm đất.
(5) Đem lại cố-quốc truyền đến ức muôn năm.
(6) Thuận theo lòng người mà ứng theo mệnh trời.
(7) Xem lòng người thuận về đâu, thì biết mệnh trời ưng về đấy.
(8) Một giải Hoành-sơn, có thể dung-thân được muôn đời. Đó là câu ông Trạng Trình bảo chúa Nguyễn khi vào chấn Thuận-hóa.
(9-10) Ngoài thành Cô-tô có chùa Hàn-sơn, nửa đêm nghe tiếng chuông đánh, thì thuyền khách mới ghé tới chùa.
(11) Người tiều-phu ẩn ở núi Nga-sơn thuộc Thanh-hóa.
(12) Đem bán củi đổi lấy rượu.

ngả nón nằm chơi bóng mát, bàn-bạc chơi *cổ-văng kim-tai*, Khua dịp chân miệng hát ca chơi, nghêu-ngao chốn lâm-toàn thong-thả. *Nhiệm tha triều thị nhiệm tha xa mã* 任他朝市任他車馬, *chi trần bất đáo thử giang sơn*(1) 淄塵不到此江山; *thiên mịch mịch thủy sàn sàn*(2) 天寞寞水潺潺 *. ữu chi nhiệm kỷ sở thích*(3) 士有志任其所適. Vui thay nhẽ thú miền toàn thạch, sẵn nước khe, chè núi, củi rừng; tính hay quạt gió đèn trăng!

I

Huyện Yên-mô

Nhác xem phong-cảnh Yên-mô,
Giang-sơn hoàn-nhiễu họa-đồ xinh-thay.
Vốn truyền danh-địa xưa nay,
Khả nhân khả cảnh đất nay gặp ta.

Quận Yên-mô ở đầu ngoại-chấn, ngắm giang-sơn quanh-quẩn có xa gì. Từ Đông-anh nguyên-đán-nhật ra đi, đến nhận ấn buổi thứ nhì tết ấy. Chỉ chăm-chút nhắc dân siêng cấy-cấy, khỏi cơ-hoang mừng đã thấy phong-đăng. *Thượng thừa ân nhất hạng vinh thăng, hạ thức ủy tứ dân an nghiệp.* Rất nghiêm-nhặt cấm-trừ đạo-kiếp, bầy mươi dân ninh-thiếp khắp yên vui. Lúc công-dư riêng đắc-ý lên cõi, *ngâm kỷ cú tiếu kỷ hồi tự hạ.* Có bích-động hoàng-hoa, có bạch-liên lệ-quả, góp sản-nghi từng nếm cả vị thanh-tân. Kia Tống-sơn thang-mộc cũng gần, lòng luyến-khuyết đạo vi-thần đâu dám nhác. Học ký-sự nôm-na nên khúc hát, lặc bảng-sơn ta ghi tạc để đừng quên; muôn vàn trông-đội ơn trên!

II

Huyện Hoàn-long

Nước non sông Nhị núi Nùng,
Huyền-ca chốn cũ trùng-phùng có nay.
Giữa trời dạng vẻ rồng bay,
Thành hoa sẵn đó tay nào chủ-trương.

Giang-sơn ngô thổ, kim Hoàn-long tức cổ thị Long-biên. Ngẫm hoạn-du nhiều gặp-gỡ nhân-duyên, từng duyệt-lịch trải mấy niên về trước. *Nhị Nùng sơ toại minh cầm ước. Lăng-bạc kham cung tái kỹ nhân.* Đền ân sâu từng chuốc chén nam-san, dịp đàn hát đã tiếng vang quanh huyện-trị. Trải vài quận giữ triều-đình sích-tỉ, kia Tam-nông còn *tích-tụ mặc-dề.* Dám mong đâu ngăn hết tiếng khen chê, không bởi giờ bê-chề là đủ việc. Theo lối nhà *bình công tài quyết*, rộng đường mây mừng được biết vẻ rồng bay. Còn nhiều phận đẹp duyên may!

III

Huyện Kim-thành

Sông Trà quanh diễn vẽ tranh,
Thành hoa ở giữa trời dành cảnh vui.
Việc quan lựa được buổi rồi,
Giang-sơn vào mắt trông coi hởi lòng.

Quan du tứ lịch ly, phủ Kim-thành huyện-trị viết tráng tai! Sàu tổng quản vui-vẻ được quan cai, ba hạt trước ai ai lòng vẫn mến. Nhớ câu sách gần vui xa đến. luyến-quản thân từng chuốc chén Nam-sơn. Ngửa trông lên thỏa chí đền ơn, mà nom xuống gia-môn lòng cũng hởi. *Giang-sơn danh thắng dư thiên ái, cầm hạc phong tao khách tự nhàn.* Phẳng đường mây đua bước rộng tay ran, chỏ lối thuận khoan nhàn dong vó ký. *Phụng đại-mệnh giữ thủ hi triều sích-tỉ,* suốt tứ-dân ta quản-trị khiến đều yên. Dân thanh-nhàn lại mới là tiên, mong mọi việc công riêng đều ổn-thỏa. *Đại-khối văn-chương chuyên giả ngã,* cảnh chiều người năm đủ cả bốn mùa xuân. Thành hoa yêu-mến chủ-nhân!

BÙI PHỤ-KINH

Tri-huyện Yên-mô (Ninh-bình)

---

(1) Mặc ai ở trong triều ngoài chợ, mặc ai đi xe đi ngựa, bụi bậm không đến chốn non sông này.
(2) Trời tịch-mịch, nước chảy róc-rách.
(3) Người học-trò có chí, tùy ý mình sở-thích.

THƠ VĂN CÁC ĐỨC ÔNG TRIỀU TIÊN-ĐẾ (1)

Đề « Nữ-phạm diễn-nghĩa »

Họ Lưu bầy gái đã anh-hùng,
Dịch lại khen ai cũng có công.
Trải suốt mười thiên dân điện bắc,
Chép dần ba phẩm nối tường đông.
Vẽ bầu theo dạng tài chưa dễ,
Lấy sách làm gương ý chẳng cùng.
Luân-chuyển nhớ chừng người Tử-[chánh,
Một biên liệt-nữ bấy nhiêu trung.

TÙNG-THIỆN

Họa-vận

Lần hồi chữ lạ hỏi Dương-Hùng,
Đuổi kỳ theo đòi giám tiếc công.
Sóng dợn tờ quyên vơi bể bắc,
Bút đăng ngòi thỏ rạch non đông.
Khương Nhâm đức trước ngàn thu [rạng,
Nghiêu Thuấn nhơn nay tám cõi cùng.
Đâu đấy là chăng nhuần giáo-hóa,
Hóa gia con thảo nước tôi trung.

TƯƠNG-AN

Hoài-cổ khúc (2)

Sắc trời Tống-Ngọc buồn thu,
Mượn tình gió nữ mưa ngưu sụt-sùi.
Cảnh tự-nhiên ai xui nên thế,
Nguyệt dòm song tiếng giế giống
Nỗi sầu ai đắp nên thành, [canh.
Dao chan đũa ngọc tẩm đoanh khúc [vàng.
Giấc hoàng-lương mơ-màng cũng lạ,
Cõi hồng-trần hỉ-hả cười khan.
Ghê cho con tạo da-đoan,
Quấy người múa rối xủ màn chiêm-[bao.
Biết đâu nào sớm còn tối mất,
Con phù-du rật-rật những bay,
Ngàn xưa tình nặng ngãi dày,
Trời già đất rụt non thay bể mòn.
Biết đâu còn thấy hầu ngồi kể,
Khéo-khéo thay ai để phù-danh.
Cơ-chi có đá ba sanh,
Dẹp sầu lấp thảm cho đành dạ nhau.
Mở quyển vàng trước sau gấm-ghé,
Chạnh ngàn xưa mấy kẻ tri-âm.
Xiết than khóc tối buồn thầm,
Tiếng tiêu ngũ-vận khúc cầm ủng-môn.
Vàng Quách-Khổi ai đồn ai chác,
Ngọc Biện-Hòa ai ước ai hay.
Non bạc tóc nước châu mày,
Trăng như sự-thế càng ngày càng hao.
Nửa miếng đào chưa thương đã [ghét,
Cá Long-nhan ai xét cho chừ.
Trời ly-hận đất tương-tư,
Vả xưa đã khuyết rút chừ còn xa.
Khách thu-phong tỉnh bà xuân-mộng,
Ấng phiền-hoa một bụng sầu chung.
Lỡ thời ai biết anh-hùng,
Bận chơi ngựa Ký đau lòng Vương-[Lương.
Chốn chiến-trường đống xương trắng [nhẻ,
Khách phòng-thu hồn ghé quê-mồn.
Vơi vơi sóng phủ sầu dồn,
Mượn cầu Tinh-vệ chiêu hồn đại-phu.
Hoa chào thu nghiêng thành nha-sắc,
Người vì đâu thắc-mắc buồn-tanh.
Phấn tay bốn giọt lụy tình,
Lầu cao trăm thước coi mình như không.
Non hầu tiếng nhạn giữa không,
Cửa qua bóng ngựa người trông mặt đèn.
Ngọn gió đen mưa về Quỉ-quốc,
Người bội giao xẩy-mất bạn tiên.
Lạ thay màn tuyết trướng chiên,
Lúc phong-trần để cho duyên lạnh-lùng.

(1) Xem *Nam-phong* số 31 trang 65-66.

(2) Khúc của đức-ông Khiêm-trai soạn ra, nguyên-văn bằng chữ nôm, cho nên bản sao lục bằng quốc ngữ này không giám quyết là đích-xác được (Người sao-lục chua

Mã-côi muôn dặm thẳng xông.
Thuyền-quyên hồn dứt anh-hùng lụy sa.
Bốn giây ứ máu tì-bà,
Bâng-khuâng trăng Hán, xông-pha gió
Tiết bền tình nặng bởi đâu, [Hồ.
Trên đài nước ngập dưới cầu hồn oan.
Sấp lưng quày-quả lên an,
Bóng lìa sông Dịch, mây tan cung Tần.
Kẻ giai-nhân lìa tay hào-kiệt,
Mối tơ tình quấn-quít đôi phen.
Canh gà lụn bóng thiềm chen,
Lưỡi gươm Tổ-Địch tiếng kèn Lưu-Côn.
Bánh kiền-khôn xây hoài đến tối,
Người trần-ai xủi-xủi hiệp tan.
Người khuê-các kẻ dương-quan.
Tiếng quyên trăng tắt bóng nhàn mây ưa.
Nghĩ tình đời mới mưa dã nắng,
Phụ tình duyên chưa thẳng đã dùi.
Hương bay, hoa dụng, nước trôi,
Lá-lay lưỡi mối miệng ruồi nói thêm.
Thuấn Nghiêu nhân-nghĩa chi hiền,
Xe mòn Liệt-quốc lưỡi mềm Tề-Lương.
Đánh giây cương cửa từ Tạ-Phó,
Người phong-lưu mới đó thấy gì.
Cho hay họa phước bất kỳ,
Tắc-Ông được ngựa, Lộ-Kỳ mất dê.
Biết bao thuở châu về Hiệp-phố,
Người nhạn khơi đôi chỗ buồn tanh.
Biết ai gan-ruột gởi mình,
Mua tơ thêu lấy tượng Bình-Nguyên-
Tài mười bội, thế ba phần, [Quân.
Đền ơn cá nước đưa thân sa trường.
Nhớ câu điều tận cung tàng,
Ngươi Tiêu chưa thấy chàng Trương [chớ cười!
Khóc hồ-ngươi cười người trộm bích,
Lúc nhiều vàng rực-rịch hỏi thăm.
Phao tuồn mười chín dư năm,
Về đà khinh-dể Tào lăm dòm-hành.
Nỡ hại hiền cháy quanh một núi,
Khói trung-thành trời tối đất đen
Ngân-Bình ngươi dại chưa quen,
Ai rằng thiếu-nữ mà hèn Đề-Oanh.
Coi trong muôn dặm trường-thành,
Công càng nêu nặng đầu cành nẻo cao.
Trông nhau nào đã thấy sao,
Thảo đà mất đó ngay nào còn đây.

Hàn-Bành thảm-thiết dường nầy,
Xui chim rẽ cánh, để cây lìa ngành.
Cả ao lệ bởi lửa thành,
Bôn tìm vượn Sở họa hanh cây rừng.
Vật kia có họa dửng-dưng,
Phật còn tám nạn, người đừng ba tai.

KHIÊM-TRAI
GIA-PHỦ phụng-sao

大南國史總歌

Đại-Nam quốc-sử tổng-ca

(Giải nghĩa chữ đồng-bào)

吾兄弟生存此土
Này anh em người trong một nước,
溯從頭一祖生來
Nguyên một nhà ngày trước với nhau.
鴻厖我國肇培
Nước ta họ Hồng-bàng đầu,
本黃帝族此同分封
Vốn dòng Hoàng-đế bên Tàu phân-phong.
承正統貉龍吾繼
Con đầu lòng Lạc-long-quân nối,
十八傳世世雄王
Mười tám đời đều gọi Hùng-vương.
蜀趙後屬中邦
Sau Thục Triệu thuộc Trung-bang,
首開帝統先皇姓丁
Mở dòng đế-thống Tiên-hoàng họ Đinh.
前黎後又生李氏
Cách Tiền-Lê lại sinh Lý-tổ,
接陳朝繼以後黎
Hết Trần-triều vừa có Hậu-Lê.
本朝德澤旁推
Bản-triều đức-trạch dầm-dề,
萬民寧帖四圻撫安
Mở-mang bốn cõi vỗ-về muôn dân.
先列聖艱難建國
Trước Liệt-thánh khó-khăn dựng nghiệp,
保鴻圖億萬斯年
Truyền muôn đời kế-tiếp vững yên.

歷朝自有變遷
Trải đời có lúc biến-thiên,
無非一族相傳至今
Cũng trong da tóc một miền đất ta.
同胞尚一乃心
Anh em cùng một ruột-rà !

Hà-tĩnh Đốc-học TÔN-THẤT PHÁN.

Văn sách về đạo vợ chồng

Vấn : *Chim khôn đậu nóc nhà quan, trai khôn tìm vợ, gái ngoan tìm chồng. Miếng trầu miếng cau, đỏ môi đỏ mỏ ; nón không quai, thuyền không lái ; nhà chi dột, dựa chi cùn ; cá-cá thí-dụ, khải-khả tưởng-kiến.*

Đối sĩ văn : Giữ lông giữ cánh, chốc đã bao đông, rắp cũng muốn tựa-nương chi có chốn ; tinh mắt sắc tay, tưởng chừng rất mực, rắp cũng mong gặp-gỡ chi đáng nơi. Nay vâng sách hỏi, ý thiết nghĩ rằng : Chim kia có vẻ thanh-cao, há chẳng biết gác tía lầu son chi trót-vót ; người đã nên chiều lịch-sự, há chẳng hay tường đông mái bắc chi đi về, vậy vay ! Bằng ôi, cau non trầu lộc, cho hay câu chuyện chi đầu ; đỏ mỏ đỏ môi, mới biết nhân-duyên chi thắm. Đồng-đảnh không chồng chi gái, khác đâu thuyền nón chi chòng-chành ; ăn-nằn vợ dại chi trai, xem bằng dựa nhà chi nhụt-nát. Mấy lời ngạn-ngữ bày ra, tưởng khá thấy vậy.

— *Gái có chồng như gông mang cổ ; không chồng hà-dĩ ước-ao ? Trai có vợ như rợ buộc chân ; không vợ hà-dĩ lo-lắng ? Ý-giả ngồi kinh ngáo cắn, nằm sợ chuột tha, nhi nhiên ru ?*

Buồng đào khuya sớm, đi đứng no đòi, những khi nét ở đường ăn, vi chẳng khác ba cây chi chụm lại ; song vắng đàn-ông quanh nhà, lấy ai trông cậy, mà gặp buổi tuyết sương lạnh-lẽo, an-đắc-vô chăn loan gối phượng chi ước-ao ; há phải rằng nằm với mẹ mà sợ ngựa nanh chi chú cống ? Cung quế ra vào, chủ-trương đã có, những lúc về trưa đi sớm, xem khác nào một sợi chỉ vấn-vương ; song vắng đàn-bà quanh bếp, thiếu kẻ đỡ-đần, mà đối phen trăng gió bơ-thờ, an-đắc-vô là thẩm chỉ hồng chi lo-lắng ; há phải rằng ngồi một mình mà e há miệng chi ông hừ ?

— *Trước lộc nước, sau lộc nhà, gánh gạo đưa chồng, khổ hà-thậm-ư con có ? Giàu về bạn sang về vợ, tin bạn mất vợ, tệ hà-thậm-ư con bỏ ?*

Chín lần sương tuyết, một chén quan-hà, phận thủ-phụ chinh-phu kể đà sung-sướng vậy ; kìa những kẻ đưa chồng thuở nọ, đỡ việc quân-vương, lại tình phu-phụ, dẫu có lặn suối chèo non chi vất-vả, mà hai vai nặng, cũng phải cam lẽo-đẽo chi theo, tức tiếng khóc nỉ-non ; khổ-cảnh-thậm-ư cái bạch-lộ bên sông chi lặn-lội. Sẻ áo nhường cơm, mua danh bán lợi, nghĩa vợ chồng bè bạn kể đà tươm đẹp vậy ; kìa những người mất vợ xưa kia, nhẹ tình khâm-chẩm, nặng nghĩa giao-du, đã không trong màn ngoài trướng chi giữ-gìn, mà một dạ tin người, nên phải chịu nằm co chi khổ, tức tấm lòng ngơ-ngẩn, tệ-cảnh-thậm-ư con hoàng-lao quẫng vắng chi giật đi.

— *Làm tài trai lấy năm lấy bảy, một chồng hai vợ hà-chi-ư khất-ai ? Gái chính-chuyên một vợ một chồng, hai ông một bà, hà-dĩ-thành gia-đạo ?*

Năm thiếp bảy thê, nãi nam-tử phùng-thời chi qui ; gã Tề-nhân là người hạ-tiện, lại quen thói kiêu-nhân ngạo-vật, đan lồng phất giấy, gặp hai nàng lẩn-thẩn như ma, tức thất-thế sa cơ, toại-chí-ư dừng đường đứng chợ. Một yên một ngựa, nãi phụ-nhân thủ-tiết chi thường ; bà Tảo-phủ là bực cao-minh, đã nên tay xử-thế hành-quyền, chọn đá thử vàng, vớ hai cụ

hiền - lành như bụt, tức lắm người nhiều lộc, toại-chí-ư nên cửa nên nhà.

— *Trai Ngô khóc vợ, gái Nghệ tìm chồng, trai nhớ vợ cũ, gái nhớ chồng xưa, sinh-tử biệt-ly, cố-ưng như-thị. Ông phải đấm, bà phải đạp, chồng ăn chả, vợ ăn nem, ngôn-ngữ ẩm-thực, hà-dĩ bất-đồng?*

Mình đương đôi ngả, nghĩa tử-sinh ai nấy không thương, huống vợ với chồng như đũa chi có đôi, chạnh nhớ khi nát ngọc phai vàng, tắc chú Chiệc liu-lô, cố-kỳ-hữu nắng quái chiều hôm chi tưởng; nam bắc đôi đường, tình ly-biệt ai mà chẳng nhớ, huống chồng với vợ như chim chi liền cánh, chừng mấy độ chia loan rẽ thúy, tắc mụ tê thơ-thẩn, an-đắc-vô đương đông buổi chợ chi tư. Nói-năng mất mực, trống ngược kèn xuôi, đến khi giận quá sinh xằng, sở-dĩ chi vênh-vảo lăn chiêng chi tiếng ; ăn uống ganh nhau, của ngon vật lạ, ngán nỗi hết khôn giồn dại, sở-dĩ thành thủng nồi chôi rế chi chê.

— *Đã đen như tro, lại vàng như nghệ, mà lại chê chồng ; đã trắng như bông, lại đông như mỡ, mà lại chồng chê. Ý giả người khôn duyên lặn vào trong, bao nhiêu người đẹp duyên bong ra ngoài nhi-nhiên-ư ?*

Mặt bủng da chì, mẽ nhường áy chửa nên chiều khổng-khảnh, ngán thay nỗi những tuồng gái dại, chẳng biết chữ « vô-vi phu-tử », buồng lan hôm sớm, đường chiếu chăn xem ra dọng bơ-phờ ; môi son má phấn, giá nhường kia đâu đến nỗi ỏng-eo, buồn thay cho phải bác chồng hư, chẳng nhớ câu « đắc-phối giai-nhân », trướng huệ đêm ngày, duyên hương lửa lại ra tình nhạt-nhẽo. Phải rằng những ả tinh-ma, chiều thanh vẻ lịch chẳng ra bề ngoài, anh-hoa phát-tiết mấy người, hồng-nhan phải giống ở đời đấy ru ?

— *Phương-kim : Nước nhà trên thuận dưới hòa, trên kính dưới nhường. Lấy vợ lấy chồng chi hữu lễ ; làm dâu làm rể chi hữu điều. Đá thúng bún nia, dĩ-chí điếm tuần chi bắt ; lộn thừng lộn chạc, dĩ-chí phủ huyện chi đòi. Mạc-hoặc nhân-tâm bất - cố, giáo - hóa vị-thuần nhi-nhiên ư ? Như dục yên cửa yên nhà, sinh con để cháu, dĩ-diễn vô-cùng chi nghiệp, đương hành-hà nhi-khả ?*

Phương kim : Nước nhà ta, trên dưới một lòng, tôn chung kính lẫn. Kìa như : lợn đồ xôi sói, việc cưới-xin hai họ chi hữu-thường ; chè lá trầu cau, lệ cheo-khoán trong làng chi hữu-định. Con gái làm dâu chi nhật, phải hay kính-giới đôi đường ; con trai làm rể chi thời, nên biết ở ăn mọi lẽ. Kìa như : Đá thúng bún nia, đặc chàng rẻ tham đường hoa-liễu, những say-mê ư ngày tháng chi chơi, vậy nên nhà cửa om-thòm, toại-chí hữu tù-và chi thổi ; lộn thừng lộn chạc, đặc gái tơ quen thói gió trăng, những thấp-thoáng ư đêm-hôm chi nhởn, đến nỗi chiếu-chăn chềnh-mảng, toại nhưỡng-thành lá phiếu chi sai. Há phải rằng lòng người bất-cố, giáo-hóa chưa thuần, ấy vậy vay ? Đương nay, tuyết-sương vừa độ, mai-hạnh gặp tuần. Trai kia ngâm chữ nghi-gia, nên phải chọn con giòng cháu giống ; gái nọ ca câu hữu-thất, nên phải tìm cửa nghĩa nhà nhân. Rồi ra đông lũ đông đàn, xiết kể « chung-tư chi chập-chập » ; nở ngành xanh ngọn, biết bao « qua-điệt chi miên-miên » vậy thay.

Bắc-ninh, NGUYỄN HỮU-KHOA

ĐỀ TRUYỆN CÁC HIỀN-NHÂN DANH-SĨ NƯỚC PHÁP

XIII

Ông An-phách Mưu-xê

Ông An-phách Mưu-xê (Louis-Charles Alfred de Musset) là một thi-sĩ trứ-danh ở nước Pháp.

Ông sinh ở thành Paris năm 1810, thọ được 47 tuổi, đến năm 1857 thời mất. Trong đời ông thật là lắm nỗi phong-ba, nhiều đường thống-khổ. Ông vốn là khách đa-tình đa-cảm, lại chung-ái một người bạn gái là Gióc-Săng (George Sand), muốn cùng kết hợp Tần Tần mà không được như nguyện. Cái giao-tình ấy đã gây cho ông biết bao là giông-tố phũ-phàng, sầu-bi dữ-dội. Than ôi! chữ tình là cái chữ chi chi, khiến cho khách tao-nhân vì ai nên nỗi? Có lẽ cũng bởi cái tài-hoa của ông sán-lạn, mà chị Văn-tinh [1] vốn giống đa-tình vậy.

Những văn-thơ ông [2] rất là lưu-loát, não-nùng cay-đắng mà lại lắm khoẻ hoa-tình, nhiều câu ẩn-ước. Quyển Sám-hối-ký (*Confession d'un enfant du siècle*) của ông, ông mang hết những cái đau-đớn đã từng mà ông tả ra, xem đấy đủ tường ông vậy. Những hí-khúc (*Comédies et Proverbes*) của ông thời thực là trác-tuyệt mĩ-diệu vô-cùng [3]. Ông cũng chép cả tiểu-thuyết trường-thiên đoản-thiên nữa. Ông thật là một nhà « đại-thi-nhân trong tình-giới » (*grand poète de l'amour*) ở nước Pháp, cái tình-văn của ông thật là thiên-nhiên chất-thực, ai xem cũng cảm-động lắm.

Ông anh ông là ông Bôn-Et-Mưu-xê (Paul Edme de Musset) cũng là một nhà văn-chương có danh-tiếng ở nước Pháp, sinh ở Paris năm 1804, mất năm 1880, có trước-tác nhiều truyện chí-dị (*nouvelles*) và tiểu-thuyết cùng những bài nghiên-cứu về văn-chương (*études littéraires*), đâu có vì cái tình đau-đớn của em mà làm quyển tiểu-thuyết để là « Hắn với ai » (*Lui et Elle*) để tả truyện hai người [4].

« Ai » ấy là Gióc-Săng (George-Sand) vậy. Gióc-Săng là một nhà nữ-sĩ trứ-danh ở nước Pháp sinh ở Paris năm 1804, hơn ông Mưu-xê sáu tuổi, chết ở Nô-hăng đài (Château de Nohant) năm 1876. Năm 18 tuổi (1822) thời kết duyên cùng ông Nam-tước Đuy-đờ-văng (Baron Dudevant), đẻ được một người con, đến năm 1836 thời ở riêng. Bà trước-tác nhiều lắm, nhất là tiểu-thuyết, tuy cái văn-bút có rờm mà dài, song nhiều những cái tưởng-tượng kỳ-khôi, cái tâm-lý tri-nhuệ, cái mỹ-diệu tự-nhiên. Vì bà có nặng lời thề ước với ông An-phách

---

(1) Chị Văn-tinh theo điển Hi-lạp, thần Minerve là con gái thần Duy-bi-te (Jupiter), chúa mỹ-nghệ và văn-học.

(2) *Contes d'Espagne et d'Italie, Namouna, Mardoce, Rolla, Les nuits, Les paix en Dieu, Le Souvenir*, v. v. đều là thơ-từ ảo-não của ông.

(3) *Fantasio, Les Caprices de Marianne, Il ne faut jurer de rien* (Chớ nên minh-thệ hư không), *On ne badine pas avec l'amour* (Người ta chớ bỡn với tình), v. v. đều là những bản hí-khúc của ông vậy.

(4) Vả cũng để đáp lại quyển tiểu-thuyết « Ai với hắn » (*Elle et lui*) của bà Gióc-Săng (George-Sand) vậy.

mưu-xê mà ở chẳng được như lời, nên khiến ông âu-sầu bi-phẫn.

Con trai bà tên là Mô-rích-Săng đẻ ở Paris năm 1823 mất ở Nohant năm 1889, cũng làm nhiều tiểu-thuyết, tự nghiên-cứu những hí-khúc Ý-đại-lợi, làm quyển « Bôi nhọ ra hề » (*Masques et bouffons*).

1

Một khối tình-si một áng văn [1].
Vì hoa mang lấy lụy vào thân.
Cầm-kỳ những chắc mong cầm-sắt [2].
Cố-hữu đâu ngờ phụ cố-nhân.
Đối ngọn đèn khuya mà chán-ngán,
Trông vừng trăng bạc luống tần-ngần.
Ai ơi chăng xét lòng ai tá,
Một khối tình-si một áng văn.

2

Yêu ai há dám phụ tình ai [3].
Duyên-phận xui nên dễ bỏi trời.
Nghĩa đá dẫu không vừa ước nguyện,
Lòng vàng đâu lại dám đơn sai.
Văn-chương một áng cùng chung một,
Tri-kỷ đôi ta vẫn sánh đôi [4].
Chàng nặng vì tình chi lắm tá,
Thân em không lẽ sẻ làm hai.

3

Cái bệnh đa-tình cái bệnh chung [5],
Tài-hoa ai khách chẳng deo bòng.
Thảm sầu chú nó ngây-ngô thế,
Nông-nỗi cô mình thấu-rõ không?
Nghe tiếng chim kêu ngồi ngẫn mặt,
Ngắm cành hoa thắm lệ tràn bông.
Thấy tình « hắn » thế ta đây những,
Muốn tỏ cho « ai » cũng biết cùng.

4

Mẹ lải âu hẳn đẻ con tài [6],
Ứng-mộng hùng-bi được một trai.
Hàn-mặc đã hay theo gót mẹ,
Thông-minh lại giỏi có hơn người.
Gấm hoa tô-điểm văn-đàn nước,
Danh tiếng biên-ghi sử-sách đời.
Chẳng biết có hay câu truyện mẹ,
Làm cho ai luống những mê-tơi [7].

XIV

Ông A-bê-la

Ông A-bê-la (Pierre Abélard) là một nhà thần-học kiêm triết-học ở nước Pháp đẻ ở Ballet gần thành Nantes, là một nơi dân-sự sẵn có cái tư-tưởng tự-do, cái tính-cách độc-lập, sau này ông Địch-tạp-nhi (Descartes) sinh ở đó cũng nổi danh với thiên-cổ về khoa triết-học hoài-nghi vậy. Ông sinh năm 1079 [8] ở một nhà phong-phú, còn phải bị khốn-khó gì nữa. Thế mà té ra trong đời ông thành chịu đựng không biết bao nhiêu nỗi thống-khổ lạ nhường! Ấy cũng do ở cái tư-tưởng độc-vãng độc-lai, cái ý-nghĩa tân-kỳ trác-việt và cái ái-tình cao-thượng nồng-nàn với một người thục-nữ tri-âm mà đến nỗi lao-đao uất-ức, nguy-nạn phong-trần. Xem cái hành-trạng thân-thế ông mà ông Rê-muy-gia (Rémusat) chép đó, ai là người lại chẳng vì ông mà than-thở. Tuổi thanh-xuân ông đã ham-học, lòng yêu học của ông thật như lửa cháy diều tung, ông quyết-chí từ-biệt

(1) Bài này đề ra lời ông An-phách Mưu-xê.

(2) Cầm-kỳ là tình chơi bạn, cầm-sắt là nghĩa vợ chồng. Truyện *Kiều* có câu « Đem tình cầm sắt đổi ra cầm-kỳ ».

(3) Bài này ra lời bà Giốc-săng đối với tình-nhân, hai chữ *ai* hai nghĩa.

(4) Lấy ý dù không nên đạo nghĩa vợ chồng mà còn cùng nhau cùng giong-duổi trong văn-đàn vẫn được làm bạn tri-kỷ ở nghiên bút, lòng yêu vẫn chẳng đơn sai.

(5) Bài này đề vào ông Bôn ét Mưu-xê (Paul Edme de Musset) là anh ông An-phách mưu-xê

(6) Bài này đề vào con trai bà Giốc-săng là Mô-rích-săng (Maurice Sand).

(7) Đây là truyện ông An-phách Mưu-xê cho nên bài thơ nào đề cũng hồi-cố lại ông cả.

(8) Tức là niên-hiệu *Anh-vũ-chiêu-thắng* thứ ba đời vua Lý Nhân-tôn ở nước ta.

gia-đình, ly-cách huynh-đệ, bỏ cả cái quyền-lợi ăn hương-hỏa đi mà du-lịch bốn phương — đi cho biết đó biết đây — để mà học quyển sách thiên-nhiên của Thiên-công bày trước mắt loài người và tìm cho ra những lẽ bí-hiểm của con Tạo-hóa còn khóa kho vô-tận đợi người xét suy vậy. Ông đi du-lịch nghe tiếng Rốc-sơ-lanh (JEAN ROSCELIN) là thầy cả ở Compiègne cũng là người đồng-quận với ông, lại tư-tưởng giống ông, ông mới theo đòi thụ-giáo bèn giữ cái cái chủ-nghĩa phản-trái với những lý-thuyết của thánh-giáo-hội, mà đời ông cũng vì đó mà dăng-mắc vậy. — Ông đem mắt xanh mà yêu-mến một cô học-trò ông là cô Hê-lô-y (HÉLOÏSE). Cái ái-tình của ông đối với người tri-kỷ thật là thành-nhiệt vô-cùng. Thôi thời tha-hồ cho ông chú tình-nhân là thầy cả FULBET) làm cho ông bị đọa-lạc, khốn-khổ, cực-nhục không biết đến thế nào! Nhưng dẫu sao cô HÊ-LÔ-Y cũng đem hết lòng băng hiến người quân-tử, bề ngoài đối với thế-nhân thời vẫn là tình thầy trò bầu-bạn, bề trong cái lòng âu-yếm mặc ai bướm lả ong lơi, yêu vụng dấu thầm, mà điềm lành cũng ứng-mộng, sân hòe đã mọc một chồi. — Cô sinh năm 1101 [1] tại Paris mà mất trong nhà tu Baraclet năm 1164 [2] — Tập « Thư-tín vãng-lai » (*Correspondance*) bằng chữ La-tinh của cô cùng ông giao-thiệp, đầy những lời hiếu-hạnh, những nỗi yêu-đương, những vẻ khoa-kỳ đấu-mỹ trong phái « phiền-toái triết-học ». — Ôi! thật là vừa lứa đáng đôi, giai-nhân tài-tử, vì ai ngăn đón ngọn đông-phong, chỉ để cho ai những não-nùng! Sau cô Hê-lô-y đi tu nên người nữ-viện-trưởng (*abbesse*) ở tu-viện Paraclet. — Ông giảng học-thuyết ở Melun và ở Corbeille rất nên danh-tiếng. Sau về tu-đạo-viện Saint Denis, rồi lại về ở Paraclet, mất ở đấy năm 1142 [3] — Những lời hùng-biện bạo-lệ của ông giảng về thần-học trái với những lời của Thánh-giáo-hội, nên năm 1121 ông đã bị tòa chúa-giáo-công-nghị (*Concile*) ở Soissons bắt tội, đòi đốt sách của ông đi, đến năm 1140 thời tòa chúa-giáo-công-nghị ở Sens lại bắt tội ông lần nữa. Song, ông được ông PIERRE LE VÉNÉRABLE bênh-vực mới được chung-lão. — Ông JULES BARNI diễn-thuyết về những bực tuẫn-thân với cái tư-tưởng tự-do (*Les martyrs de la libre pensée*), có kết-luận rằng ông thật là một bậc đại-biểu của cái tư-tưởng tự-do ở thế-kỷ thứ 12. — Ngày nay ở trong nghĩa-địa Père-Lachaise ở Paris có cái mả mà người sau để cũng bởi thương cái tình-nghĩa hai người tri-kỷ sinh-thời không được thỏa-nguyện đoàn-viên nên mới chôn ông cùng cô HÊ-LÔ-Y chung một mồ vậy [4].

Bẩm-sinh ra vốn tính trời,
Mảng vui hàn-mặc, say mùi hồ-giang.
Vinh-hoa phú-quí xem thường,
Tự-do tư-tưởng quyết mang dạy đời.
Thương ai sinh chẳng gặp thời,
Giận phường thủ-cựu hại người thuần-[lương.

---

(1) Vào khoảng niên-hiệu *Long-phù* thứ nhất đời vua Lý Nhân-Tôn.

(2) Vào khoảng niên-hiệu *Chính-long-bảo-ứng* thứ hai đời vua Lý Anh-Tôn.

(3) Vào khoảng niên-hiệu *Đại-định* thứ ba đời vua Lý Anh-tôn.

(4) Ông A-bê-la (ABÉLARD) là một nhà sáng-lập ra cái học-thuyết mà đời sau gọi là « Ý-niệm-chủ-nghĩa » (*Conceptualisme*). Quyển « Đạo-đức-nguyên-lý » (*Ethique*) của ông, ông lấy cái ý-chí (*volonté*) làm căn-bản cho đạo-đức của mọi sự hành-vi người ta. Ông là một người trong bọn các nhà phiền-toái-triết-học ở đời Trung-cổ.

Trách người rấp lối chặn đường,
Để ai luống những bẽ-bàng vì hoa.
Thôi nhưng dù có thế mà,
Tình-danh chung sách tha-ma chung mồ.
Phải chăng còn với nghìn thu,
Còn hơn những kẻ hẹn-hò đơn-sai.
Thấy ai ai những ngẫm-ngùi,
Kìa con chim yến tuyệt vời về đâu ?
Lòng riêng riêng nghĩ mà đau !

XV

Bà Gióc-Săng

Bà Gióc-Săng (GEOEGE SAND) nguyên tên là Đuy-banh Chiêu-nhật-nương (AURORE DUPIN), là con gái ông Đuy-banh Mô-rích (MAURICE DUPIN), sinh năm 1804 mất năm 1876, cha làm quan-binh ở thời-đại vương-chính mất sớm để bà bồ-côi. Bà nội cùng mẹ bà nuôi bà ở Nô-hăng-dài (Château de Nohant) trong đất Berri. Vì cái tính bà không được bình-tĩnh nhiệm-nhặt nên phải vào học ở nhà tu Ô-guyết-tin (Couvent des Augustines) tại Paris. Đến năm 18 tuổi thời lấy ông Nam-tước Đuy-đờ-văng (DUDEVANT) là một người thô-bỉ không có vẻ gì. Bà đẻ với ông một người con trai, lại ngoại-tình đẻ một người con gái tên là Sô-lăng (SOLANGE). Năm 1831 bà lìa chồng mà ra ở Paris cho được tự-do, mới bắt đầu soạn quyển « Hồng với Bạch » (*Rose et Blanche*) cùng với ông Săng-đô (JULES SANDEAU). Năm 1832 soạn quyển *Lélia*. Trong năm 1833 và 1834 cùng ông An-phách Mưu-xê (ALFRED DE MUSSET) đi chơi Ý-đại-lợi, hai người yêu nhau lắm, không dè ông An-phách Mưu-xê bị bệnh thời có một ông lang đến chữa, bà liền phải lòng ông lang mà khiến cho tình-nhân cũ đắng-cay sầu-não suốt một đời !

Song cái chuyến du-lịch ấy cảm-tình bà đã miêu-tả ra trong những bộ tiểu-thuyết rất hay.

Cái thời-đại bà người sau nói rằng ông Ban-giác (BALZAC) thời đầu trong làng tiểu-thuyết tả-cảnh mà bà thời đầu trong phái tiểu-thuyết tả-tình vậy. Danh-tiếng trong văn-học-giới bà thật là một bực nữ-tài, song thi-nhân đề truyện bà này vốn là người An-nam theo học nho, trọng phần đạo-đức dám nói rằng bà thật là một gái « hữu-tài vô-hạnh ». Ôi ! người đàn-bà lấy chữ « trinh-tiết » làm đầu, chữ « nhất-phu » làm qui, hơn người chỉ ở chỗ ấy, chớ tài-hoa chẳng qua là cái tô-điểm ở ngoài mà thôi. Vậy tài thời nên trọng mà hạnh thời nên chê !

Xem văn mà luống tiếc cho người,
Tài đức sao không vẹn cả hai ?
Chồng nọ chồng kia chi rắc-rối,
Con này con khác khéo lôi-thôi !
Văn-chương thơm có truyền thiên-cổ,
Tính-hạnh nhơ còn để vạn đời.
Nghĩ cụ Mưu-xê người cũng lạ,
Hương thừa hoa thải vẫn mê-tơi !

THỊNH-CHÂU

THƠ CA XUÂN

Chúc-tụng

Hoa hồng nghìn vạn vừa măn-khai,
Thủy-tiên đâu đó cũng hàm-tiếu.
Đầu thềm đào lý đón xuân về.
Trước cửa yến oanh truyền tin báo.
Non Hồng nước Lạc cảnh khác xưa,
Con Tiên cháu Rồng vui ganh đua.
Mừng nay xuân mới cùng cảnh mới,
Dắt nhau lên thẳng đường tự-do.
Ngoài cửa đì-đùng tràng pháo nổ,
Trong nhà rực-rỡ câu đối đỏ,
Đâu đâu đó đó đều tưng-bừng,
Năm mới vui-vẻ hơn năm cũ.
Kẻ này đưa trầu mừng ngũ-phúc,
Người kia dâng rượu chúc tam-đa.
Đắc-lộc đắc-tài cùng đắc-thọ,

Muôn người muôn miệng nở như hoa.
Ta cũng có ý mừng năm mới,
Chúc mong tiến-bộ hơn năm ngoái.
Có lẽ từ năm nay về sau,
Quốc-dân càng ngày càng tấn-tới.
Vậy xin cầm bút mở tờ hoa,
Ngõ bày kính chúc Viêm-bang nhà.
Tỏ chút nhiệt-thành cùng quốc-tộc,
Ai ơi xin biết tình cho ta!

HỘI-NHÂN

Chúc người đời

Bắt chước ai ta chúc mấy lời,
Chúc cho khắp hết cả trong đời.
Vua, quan, sĩ, thứ, người muôn nước,
Sao được cho ra cái giống « người »!

Dủ chơi xuân

Xuân sang rồi đấy chị em ơi,
Sắm-sửa chơi xuân kẻo nữa hoài.
Chín chục thiều-quang nào có mấy,
Kìa trông con yến nó đưa thoi.

Đọc sách đêm xuân

Một ngọn đèn xanh sách mấy chồng,
Cười xuân hoa thẩm một vài bông.
Xiết bao ý-vị bao tinh-tứ,
Ngâm đọc thâu đêm dưới trướng hồng.

Hỏi xuân

Ta lại cùng nhau gặp-gỡ xuân,
Xuân đi xuân lại biết bao lần?
Xuân ơi, ta hỏi xuân xem nhá:
Quả đất còn bao độ chuyển-vần?

Thưởng-xuân

Người thưởng xuân ta có lẽ không,
Vườn xuân tay hái một vài bông.
Đem về thư-viện bên chồng sách,
Hớn-hở cười xuân với đóa hồng!

MẪN-CHÂU

CHƠI XUÂN

I

Chơi đền Quan-Thánh

Ngựa xe chật-ních lối ra vào,
Hàng bán hương hoa rộn tiếng chào.
Ngoài cửa tam-quan người lũ-lượt,
Trước pho đồng-tượng tiếng xôn-xao.
Kìa cô xóc thẻ lời xin thực,
Mà bác xem thơ giọng đoán tào.
Ai hỡi gặp ai người cũ đó,
Tình xuân bẽn-lẽn biết nhường bao?

II

Chơi chùa Một-cột

Ngựa ngựa xe xe trước cửa thuyền,
Kìa cô lạy Phật chốc tòa Sen.
Này hồ tĩnh-thủy đài trên cột,
Mà gái thanh-xuân chiếu giữa chiền.
Cửa pháp chắc rằng không hẹp lượng,
Làng thơ âu cũng liệu tìm duyên.
Chúa đông khen khéo tài dun rủi,
Sui khách tầm-phương gặp bạn tiên.

III

Chơi chùa Thái-bình

Tiện lối sang chơi cảnh Thái-bình,
Cảnh chùa con-cỏn thế mà xinh.
Thày tăng có tuổi người còn khỏe,
Thím khách đang tơ bộ cũng tình.
Oản chuối đẹp lòng « me » tiến-cúng
Mõ chuông sướng kiếp tiêu tu hành.
Ấy ai đã bước lên Tam-bảo,
Ta cũng vào xem Phật có linh?

IV

Chơi đền Voi-phục

Dẽ xuống vào đền Voi-phục chơi,
Phong quang riêng chiếm một phương trời.
Lối vào thăm-thẳm người như kiến,
Vàng đốt linh-tinh khói ngất trời.
Thánh dễ cũng ưa trai mến sắc,
Chúa hình như quí gái yêu tài.
Này xem quẻ thẻ đây thời biết.
Ngài dạy ai ai cũng đẹp đôi.

V

Chơi chùa Láng

Chùa Láng gần đây thử ghé chơi,
Cảnh chùa sầm-uất cỏ cây tươi.

Mấy tòa cổ-tự hương nghi-ngút,
Một cội yêu-đào bướm lả lơi.
Kẻ sóc thẻ trên người lễ dưới,
Sư trong buồng giữa vãi sân ngoài.
Gặp xuân ta kíp vui xuân nhỉ,
Chín chục thiều-quang có mấy mươi!

VI

Chơi chùa Đồng-quang

Trở lại Đồng-quang bóng đã tà,
Cửa thuyền vắng ngắt có đôi ta.
Trên am dịp mõ sư ngâm kệ,
Trước điện hồi chuông vãi cúng hoa.
Ví chẳng cầu duyên nơi pháp giới,
Chi đem nhau đến cửa vô-già.
A-di đà-phật! xin người độ,
Cho chúng-sinh ơn lượng hải-hà.

VII

Chơi Ngọc-sơn về Vũ-thạch

Chơi Ngọc-sơn xong đến chốn này,
Đây chùa Vũ-thạch chữ đề đây.
Ngọn đèn am Phật khêu còn tỉ,
Sư cụ buồng Trai ngủ đã say.
Gõ cửa toan vào nghe chó cắn,
Gọi người mở giúp chẳng ai hay.
Đêm xuân ai bỏ hoài cho được,
Sớm liệu tìm vui kẻo nữa chầy.

Xuân-tình

Tài-tử giai nhân chữ hảo-cầu,
Tình xui nên nặng nghĩa nên sâu.
Ran tay chỉ nguyệt bên bờ liễu,
Đối bóng thề hoa trước cửa lầu.
Giở gót buồng loan chung gối phượng,
Cho gương cung quế rọi rèm châu.
Hoa đào gặp hội xuân đương mởn,
Tài-tử giai-nhân chữ hảo-cầu.

Xuân-biệt

Thề đã trao rồi ước đính rồi,
Cùng nhau còn đợi chút mà thôi.
Ảnh thời gìn-giữ làm ghi-tạc,
Người có xa-xôi chớ ngậm-ngùi.
Hai chữ công danh còn lụy khách,
Một câu tri kỷ dám sai lời.
Đào non xin đợi ngày tơ thắm,
Nhờ ngọn đông phong họp mặt người

Xuân-hoài

À có xa nhau mới biết sầu,
Tương-tư chín khúc ruột tằm đau.
Băm gan đành đợi khi gần bạn,
Chau mặt âu chờ lúc gặp nhau.
Góc bể thương ai mong thấy ngọc,
Chân trời nhớ bạn muốn về châu.
Đêm xuân ai xét lòng ai nhớ,
Thời biết lòng ta bực đến đâu.

Ái-Hoa

Đêm xuân nghe mưa cảm

(Viết gửi cho bạn ở Nam-kỳ)

I

Thánh-thót mưa xuân đập mái nhà,
Gió đông gợi khách nhớ người xa.
Bể lòng lai-láng triều lên xuống,
Thôi đổi đèn khuya lại ngắm hoa.

II

Ngắm đóa hoa xuân cũng ghẹo người,
Người sầu hoa cứ một mầu tươi.
Hoa tươi như dáng hoa cười khách,
Cười khách sao mà xuân chẳng vui.

III

Khách bảo cho hoa được biết tường,
Trượng-phu khôn lẽ giống người thường.
Cùng nhau đã nặng nguyền non nước,
Xa bạn đồng-tâm dễ cảm-thương.

IV

Góc bể bên trời mỗi một nơi,
Ấy ai nhớ khách, khách mong ai.
Hoa ơi, khách mượn hoa đôi cánh,
Chắp cánh mà bay đến cạnh người.

V

Muốn tới cùng ai giải tấm lòng,
Sầu riêng đã gỡ, gỡ cho xong.
Xuân đi xuân lại vô-cùng-tận,
Có lẽ ta đâu mắc mãi vòng.

Châu-Nguyên

VĂN XUÂN

Tân-niên thuật lễ tân-dân

Nào-nức bàn năm mới,
Ta thuật lễ mới dân.
Xin người trong nước cũ,
Suy xét lúc vui xuân.

Năm gian nhà ngói chạy ngang, hai giẫy nhà tranh đi giọc, từ nơi sập sơn son giải đệm gấm, đến chốn bếp chất củi bắc đòn bương, người lớn trẻ con, chủ nhà đứa ở, đều cùng nhau sào-sạc truyện tân-niên. Trong miệng cha mẹ ta, cô thím ta, các em trai em gái ta, thằng Quýt con Nhài nhà ta, người nào cũng như người nào, không ai ép ai, mà tự-nhiên phun châu nhả ngọc đến muôn, nghìn, vạn, ức, triệu, kinh, cai, vô-lượng hằng-hà sa-số cái hoa « cát-tường », coi xinh xinh lạ ! Cái cảnh êm-đềm này mỗi năm ta gặp một lần. Cái cảm-giác trong buổi này cũng nhường như rằng từ nay mà đi, năm đã mới cảnh nhà cũng tiến mới lên, người nhà cũng vui thêm ra, bao nhiêu cái hay, cái đỏ, cái phúc, cái lộc đều nghe những tiếng pháo của người nước ta làm ra nổ lúc giao-thừa cùng bước chân vào để hiến-thân cho người nhà ta khu-xử mà cầu sướng cầu may, muốn sao được vậy.

Ta chắc rằng không riêng gì ta có cái cảm-giác ấy, mà cái cảm-giác ấy nó ở cả quanh mình những người thân-thiết mến yêu ta trong cả nhà ta vậy. Ta lại chắc rằng: cái cảm-giác khoái-lạc vô-hằng kia nó cũng luẩn-quẩn cả ở trong ức vạn nhà như nhà ta, ở trên cái miếng đất này; mà nói cho phải thời ở cả trong hai mươi nhăm triệu con Hồng cháu Lạc, trai thanh gái tú, già giỏi trẻ hay, đáng kính, đáng yêu, đáng nâng-niu, đáng chầm-bập, thảy khắp ba kỳ này vậy.

Quả như thế, thời ta cũng không nên tính đến cái sự thấy năm mới mà ngậm-ngùi của các bậc đã đến cõi già rồi ; vì cái ngậm-ngùi năm đi ngày chạy, hay cái ngậm-ngùi nhà túng thân hèn cùng trăm nghìn cái ngậm-ngùi khác nữa, nghe như cái ngày hôm mới bước sang năm mới này cũng đều tiêu-tán đi hết cả. Quí vậy thay ! Cái ngày tiên-cảnh ở chốn nhân-gian, ai người sầu thảm cũng gượng bàn sự vui ! Ôi vui sao vui lạ ! Vui êm-đềm mà không rầm-rĩ, Ngồi trông lên ba ban thờ tổ le-lói nến hồng đèn cốc, ngạt-ngào hương cháy trầm bay, ngẫm như tổ-tiên đã qua đi nay lại hiện-thần lên mà cùng con hiền cháu thảo cùng vui, thời tấm cảm-tình kia thật hoa thêu gấm dệt. Tả sao cho ra được cái sướng đoàn-viên trong gia-tộc ! Chạnh nghĩ đến câu « cố-quốc là một cái gia-tộc lớn, người dân là chi-phái trong một nguồn to », mà giật mình nghĩ đến tổ Rồng Tiên trăm trứng sinh ra một nòi Đại-Việt, ở cái buổi này tiếng vậy vẫn còn thua-kém, hèn-đần, các nhà đại-trí đương lo « tân-dân » để ngõ-hầu tiến-đạt bằng người ! Vậy nhân cái lúc ngồi rồi nhàn-rảnh, được cái giờ tốt, theo lề xưa đem nghiên bút ra khai, mà thuật cái lễ tân-dân của một nhà nhiệt-thành về sự tân-dân, gọi là bút thần năm mới đã nghị-luận lễ mới, vừa có ý cầu mới, lại có vẻ hợp-thời.

Ông TÂN-DÂN nói rằng: « Từ khi thế-« giới mới có loài người cho đến ngày « nay, dựng nước ở trên mặt địa-cầu « có đến hàng nghìn hàng vạn. Hỏi « bây giờ còn vững-vàng mà chiếm

« được nhan-sắc trên cái bản-đồ ngũ-
« đại-châu kia có độ là bao ? — Thưa
« chỉ còn hàng trăm hàng chục mà thôi!
« Trong cái số hàng trăm hàng chục
« nước ấy, mà có thể giọc-ngang cứng-
« cỏi đứng ở trên đời ; sức đủ xoay
« phải xoay trái nổi thế-giới, sau này
« đánh-thắng cái cõi thiên-diễn ấy,
« thời được độ là bao? — Thưa rằng:
« chừng bốn năm nước mà thôi vậy.
« Ấy, cũng mặt trời mặt trăng,
« cũng núi cây sông nước, cũng gót
« vuông, cũng đầu tròn, mà nơi thời
« hưng-thịnh, nơi thời nguy-vong, nơi
« thời yếu-hèn, nơi thời mạnh-giỏi,
« thời là bởi cái cớ gì? — Có kẻ cho
« là ở địa-lợi. Song, đất Á-mĩ-lợi-gia
« ngày nay cũng như là đất Á-mĩ-lợi-
« gia ngày xưa, mà sao đến người
« Áng-cách-lý-tán-tốn được hưởng
« vinh-hoa ? nước La-mã ngày trước
« cũng như nước La-mã bây giờ mà sao
« đến người Lạp-đinh mất cả danh-
« vọng ? — Có kẻ cho là ở anh-hùng.
« Song, không phải là không có vua Á-
« LỊCH-SƠN-ĐẠI, mà sao nước Mã-kỳ-
« đốn nay đã hóa tro tàn ? Không
« phải là không có vua THÀNH-CÁT-TƯ-
« HÃN, mà sao nước Mông-cổ nay đã
« chẳng còn hơi thở ? Than ôi ! y-hi ! !
« Ta biết cái nguyên-do rồi ! Nước ấy là
« họp những người dân mà thành ; nước
« đối với dân cũng như thân đối với
« tứ-chi, ngũ-tạng, mạch máu, đường
« gân vậy. Chưa có khi nào tứ-chi
« (chân tay) đã bị chặt, ngũ-tạng đã bị
« hỏng, mạch máu khô rồi, đường gân
« đứt rồi, mà thân vẫn còn trọn-vẹn
« được. Thời không có khi nào dân
« ngu hèn, hủ-lậu, dút-dát, yếu-ớt, vỡ-
« lở, lộn-bậy, bần-thỉu mà nước vẫn
« còn vững-vàng được. Cho nên muốn
« thân mình mạnh khỏe sống lâu thời
« học vệ-sinh phải cần hiểu-thấu, muốn
« nước mình yên-giầu vang-vẻ thời cái lẽ
« Tân-dân » phải mau giảng-cứu vậy. »

Ông lại thích-nghĩa *tân-dân* rằng :

« Gọi là tân-dân không có phải là muốn
« cho dân ta bỏ hết những cái hay cũ
« đi để theo người đâu. Nghĩa tân-dân
« có hai đường. Một là đem mài-dũa
« cái mình vốn có mà làm cho nó mới
« ra, hai là nhặt-nhạnh cái mình vốn
« không mà làm cho mới nữa. Hai
« điều ấy, thiếu một điều nào cũng ra
« không công-hiệu. Các bậc hiền-triết
« ta ngày xưa lập-giáo chẳng qua cũng
« chỉ dùng cái cách « nhân cái tài sẵn
« có mà khiến » và cái cách « làm cho
« biến-hóa khí-chất » hai đường mà
« thôi. Đó tức như ta bảo rằng đem
« mài-dũa cái mình vốn có và nhặt-
« nhạnh cái mình vốn không vậy. Một
« người còn phải như thế thời cả bàn
« dân cũng phải như thế mới được.

« Phàm chưng một nước mà có thể
« đứng ở trên thế-giới, tất phải có cái
« tinh-chất vốn đã sẵn đủ của quốc-
« dân, trên từ đạo-đức, pháp-luật, dưới
« đến phong-tục, tập-quán, văn-học,
« mỹ-thuật đều có riêng một cái tinh-
« thần độc-lập, cha ông truyền thời con
« cháu nối. Như thế thời dân mới họp
« được, nước mới nên được. Điều đó
« thực là một cái nguồn gốc cho cái
« chủ-nghĩa dân-tộc vậy. Đồng-bào ta
« dựng nước ở trên cõi đất Á-châu
« mấy nghìn năm nay được, thời tất
« là cái tinh-chất riêng vốn có của
« mình có to-tát, rộng-rãi, cao-thượng,
« hoàn-toàn, tốt-đẹp đứng hẳn ra khác
« với những dân-tộc khác, người trong
« nước này phải nên giữ-gìn lấy cho
« nó còn mãi đừng đánh mất-mát hay
« làm hư-hỏng đi vậy. Song-le, giữ-gìn
« mà ta nói đây, không phải là bảo-
« thủ lấy những điều ấy rồi cứ để mặc
« sức nó tự-sinh-sản ra, tự trưởng-
« thành lên, bỏ liều, bỏ lĩnh, rồi cứ
« nói dềnh-dang rằng : ta giữ-gìn điều
« này, ta giữ-gìn điều khác, như thế
« đâu. Này, thí-dụ như là cái cây kia,
« ví chẳng cứ mỗi năm lại có mầm
« mới nẩy ra thời tất là phải bị khô

« dần, hay như là cái giống kia, ví « không cứ mỗi chốc lại có mạch mới « rỉ ra thời tất là phải bị cạn-dốc ; ấy « cái mầm *mới*, cái mạch *mới* kia há « có phải là từ ở ngoài đem đến đâu, « chính vốn « cũ » của cây của giống, « mà không thể không gọi là « mới » « được. Vốn *cũ* mà ngày ngày *mới* « mãi ra, ngày ngày mới ra bao nhiêu « tức là làm cho nó tròn-vẹn cái cũ « đó. Nào rửa nào soi, làm cho sáng « xủa, nào hun nào luyện làm cho « cứng-bền, nào đắp nào khơi cho « nguồn được tốt, nối cho lớn, thêm « cho cao, ngày đi tháng lại, cái tinh-« thần quốc-dân nhờ đó mà bảo-tồn « được, nhờ đó mà phát-đạt được. Đời « nay lắm bác lấy cái tiếng « thủ-cựu » « làm một cái danh-từ rất là đáng chê « đáng chán ; ồ ! này, đáng chê thật ư ? « đáng chán thật ư ? — Tôi đây lo, « không có lo ở chỗ người nước *thủ-« cựu*, mà tôi chỉ lo rằng người nước « không có ai là người *thực thủ-cựu* « mà thôi ! Người mà thực thủ-cựu « được là người như thế nào ? Ấy chính « là cái người mà ta nói ở trên kia « rằng biết mài-dũa cái điều mình « vốn có đó.

« Chỉ mài-dũa cái điều mình vốn đã « có sẵn mà thôi thời đã đủ rồi ư ? « Thưa rằng không phải thế. Đời bây « giờ không có như cái đời xưa, người « ngày nay không có như người thủa « trước. Ngày xưa người nước mình « chưa có giao-thông, tai mắt mình « tiếp-xúc, não-cân mình thấm-nhiễm, « thánh-hiền mình dạy-bảo, tổ-tôn « mình di-truyền, đều khiến mình chỉ « khả-dĩ đủ tư-cách làm cá-nhân, và « đủ tư-cách làm người trong gia-tộc. « cùng có cái tư-cách làm dân trong « một làng một xóm mà thôi, rộng ra « lại có cả cái tư-cách làm dân trong « thiên-hạ nữa, chỉ còn thiếu có cái « tư-cách làm quốc-dân của một nước. « Ấy, cái tư-cách làm *quốc-dân* chưa « chắc đã hơn được những cái tư-cách « làm cá-nhân, làm gia-tộc-nhân, làm « hương-đảng-nhân, làm thiên-hạ-nhân, « nhưng ở cái buổi đời yếu thời [illegible] « thịt cho mạnh, khỏe thời hiếp-đáp [illegible], « ưu thời ăn người, liệt thời bị người « ăn, vì mà thiếu cái tư-cách làm quốc-« dân thời quyết không sao mà [illegible] « đứng được ở trong thiên-nhưỡng. « Cho nên ngày nay không muốn cho « nước được mạnh thời thôi, chớ đã « muốn cho nước được mạnh thời « không thể không rộng xét những « điều mà các dân-tộc khác sở-dĩ tự-« lập được để mà chọn-lọc lấy cái hay « bổ vào những chỗ mình chưa kịp « người ấy, thời là không xong được. « Ngày nay nhiều người cũng đã biết « bàn đến rằng đem lấy những điều « hay về chánh-trị, học-thuật, kỹ-nghệ « của người ta để bổ vào những nơi « khuyết-điểm của mình. Phải, song « dân-đức, dân-trí, dân-lực thực làm « cái nguyên-bản lớn-lao cho chánh-« trị, học-thuật, kỹ-nghệ vậy. Nếu ta « không noi gương ở những cái đức, « trí, lực mà đã vội nhặt lấy chính-trị, « học-thuật, kỹ-nghệ thời thật là bỏ « gốc đi vơ lấy ngọn, thế vậy thời « khác gì thấy cây khác ùm-tum lại « muốn chặt cành nó để cắm vào cái « gốc khô của mình, thấy giống khác « đầy-rẫy lại muốn múc nước nó để « đổ vào cái đáy cạn của mình hay « không ? Cho nên sự nhặt-nhạnh « những điều mà ta vốn không có để « làm cho tân-dân cũng phải cần-« thận lắm mới được vậy.

« Việc trong đời, cái hiện-tượng « của muôn sự không ra ngoài hai « chủ-nghĩa : 1° bảo-thủ, 2° tiến-thủ. « Người ta vận-dụng hai chủ-nghĩa « ấy hoặc thiên giữ cái này, hoặc thiên « giữ cái kia, hoặc hai cái cùng khởi « lên cùng xô-đẩy nhau, hoặc hai cái « cùng nẩy ra cùng điều-hòa lại, song « nếu thiên giữ lấy một điều thời

« không có bao giờ là đứng vững được « vậy. Có khi xô-dẩy nhau thời tất có « lúc điều-hòa với nhau, sự xô-dẩy « làm tiền-khu cho sự điều-hòa. Hễ « khéo điều-hòa được thời thành ra « quốc-dân vĩ-đại. Ví như bước đi, « một chân cất một chân dẫm, ví như « nhặt đồ, một tay ôm một tay lượm. « Cho nên ta nói truyện tân-dân, « không dám như cái bọn lòng mê- « mẩn thói Tây-phương, khinh dể « phong-tục, học-thuật, đạo-đức đã « mấy nghìn năm nay của nước nhà « đề nhất thiết bắt chước người ta, cũng « không như cái bọn mực bám tờ giấy « cũ, khăng-khăng rằng chỉ cái phong- « tục, học-thuật, đạo-đức ấy đủ đứng « vững ở trong đại-địa vậy. »

Ôi ! những lời kim-khoa ngọc-luật ông TÂN-DÂN thật đáng bậc « tân-dân » ! Phải điều-hòa cũ mới thời mới hoàn-toàn, không thiên chẳng lệch, vun gốc mà sửa ngọn, tay trái hái mà tay phải lượm, không bỏ không quên, đủ chỉ đủ chài. Ngày xuân xuân hãy còn dài, tân-dân ai đó nghe lời chăng ai ?

Dưới bóng đèn xuân, bên cành đào mởn, bút thần một quản, giấy trắng mươi tờ, khai mấy lời hoa, nhắn người trong nước, quốc-túy phải sao cho giữ được, văn-minh đường mới bước dần lên, quốc-gia vận-mệnh mới bền, quốc-dân hạnh-phúc mới tuyền mới nguyên. Lòng tơ bối-rối muôn nghìn !

Ngày mồng một tháng giêng năm
Canh-thân giờ tốt khai-bút

MÀN-CHÂU

Xuân-cảm

Cảnh đông ảm-đạm giờ đã lui đi, cảnh xuân êm-đềm nay vừa trở lại, vật đổi sao dời, thời xoay tiết cải, ngổn-ngang trăm mối cảm-tình.

Xuân mỗi năm là có một lần, người mỗi năm là được một lần gặp xuân, hãy còn đội trời đạp đất, đeo cái thân bảy thước, ngang-tàng trong vũ-trụ, chưa đầu bạc, chưa răng long, chưa mắt lòa chân chậm, chưa lưng còng tay run, hãy còn tóc xanh tuổi trẻ thời hãy còn gặp-gỡ chúa xuân nhiều. Như thế thời vui thay cho người niên-thiếu được thấy bóng thiều-quang ! Kìa oanh ca, kìa bướm lượn, kìa trăm hoa hồng tía, kìa muôn vật nhởn-nhơ ! hội-hè đình-đám, chùa-chiền điện miếu, thỏa lòng tầm-phương ! Như thế mà sao lại còn ngổn-ngang trăm mối cảm-sầu hỡi ai ?

Khách vừa lên giọng hỏi thời người vội đáp ngay lời :

— Thưa, vui xuân vui khắp phương trời, mà sầu xuân sầu nặng một người sầu riêng ! Ôi ! kể từ lọt lòng mẹ ra đời, thấm-thoắt đã hai mươi xuân lẻ, tính gặp xuân cũng đã đôi chục lần dư. Mỗi lần thấy xuân thời chỉ thấy những nỗi xuân trước nó nhắc lại trong tâm-thần mà không biết xuân này sẽ qua ra làm sao, xuân sau sẽ tới như thế nào ! Nhìn lại bước đường quá-khứ hãy còn nhận được những vết đi, mà trông lên cái lối tương-lai không thể nhìn dành được đích, ôm một cái tư-tưởng « xây lầu ở nước Tây-ban-nha » hãy còn là trong mộng, thế mà ngày trời chẳng đợi, như nước sông xuôi, mỗi năm một tuổi một thêm, cái già sồng-sộc nào nó có vì ai chậm bước ! Bởi vậy mà bướm trắng oanh vàng càng khêu nỗi cảm vậy.

Này mới ngày nào hãy còn đề chỏm, bánh pháo ba su, tờ tranh hào chỉ, những ao-ước thèm-thuồng, được được lấy làm sung-sướng, mà vì xuân đến nay đã thấy chán-phè rồi ! Mới ngày nào gặp tết thời mong, mong rồi mà được cùng mẹ cha xum-họp, cùng họ-mạc hòa-vui, kẻ cho tiền, người thết bánh, kẻ mừng đắt vợ, người chúc làm quan, thời trong già ra chừng hi-hửng, thế

mà vì xuân đến nay đã thấy chẳng ưa rồi ! Ôi ! mỗi một xuân làm cho cái thích cái ưa của người ta một đổi, xuân mỗi một đi, người mỗi một khác, thực từ người mà cũng bởi từ xuân. Nhưng mà nghĩ lại tiếc thay cho mình sao mà chóng đổi để xuân này càng những ngẫm-ngùi, song cũng giận thay cho xuân sao mà mau qua để người nay luống thêm bứt-rứt. Ngồi nhớ lại, mồng một tháng giêng năm Tị (1917) ở nhà-quê đương vui-vầy cùng cha mẹ anh em, họ-hàng làng xóm, câu chúc-tụng, tiếng hoan-hô, sực thấy tên trạm đem bức thư đến, dấu ngoài Nam-định gửi cho, biết là bạn hiền tin lại, vội mở ra thời chỉ thấy những than nỗi biệt-ly, căm lời ân-ái, buồn thân giận đời, châu tuôn lụy nhỏ, tình kia hiếu nọ, sắc ấy tài này, phần khuyên mình tu-luyện học-hành, phần trách mình vô-tâm phù-táo, đến nay thư còn người khuất, xuân đến nhạn không, nỗi thương-cảm xiết bao mà nói hết ! Càng thấy xuân sang càng nhớ cố-nhân mà cố-nhân thời biết tìm đâu cho thấy ! Nghĩ đến người tri-kỷ thật một đời không hằng gặp được, mà gặp được rồi thời trời xanh cũng ghét-ghen mà ánh-ỏi, khiến phải lìa nhau cho được mới là ! Đành-hanh thay, trẻ tạo !

Ấy bởi vậy mà cảm, cảm quá sinh sầu, song cũng là sầu cảm về nỗi riêng đó mà thôi. Sực nhớ lại câu thơ tiền hạn : « trượng-phu trọng tự nghiệp », thời cái hi-vọng lại như nguồn như bể, cái khí-diễm lại như lửa như thiêu, gác cái sầu cảm kia một nơi, phấn cái lòng công-danh lên hết sức, thời vui cho cố-quốc thêm xuân, sơn-hà thêm thọ, quốc-dân thêm ngày.

Mở-mang chắc ở lưng thày,
Mỗi xuân mỗi tiến, mỗi ngày mỗi thăng,
Sầu riêng chi nỡ nói-năng,
Gắng lòng tiến-thủ cho bằng người ta.
Mau lên kẻo nữa xuân già!

HỘI-NHÂN

CUỘC THI DỊCH

Cuộc thi-dịch bài pháp-văn « Les Fleurs » (Hoa) của ông danh-sĩ nước Tỉ MAETERLINCK *đăng trong bản-chí số 28, cả thảy có 15 ông gửi bài-dịch về. Xét ra bài pháp-văn ấy ý-nghĩa uyên-áo, không mấy ông dịch được đúng cả ; mỗi bản được ít nhiều câu xuôi ý lọn nghĩa, nhưng không bản nào được cả toàn thiên. Duy có bản của ông Nghĩa-viên* NGUYỄN VĂN-ĐÀO, *tri-huyện Hưng-nhân, Thái-bình, là có ý thanh-thoát hơn nhất, và không phải câu nào sai nghĩa lắm. Vậy cái phần thưởng một năm báo, bản-chí xin tặng ông Nghĩa-viên, và có lời khen ông đã cố dụng-công dịch trọn được một bài văn khó như bài này. Sau đây xin đăng bản-dịch của ông Nghĩa-viên, và châm-chước các bản khác có sửa-đổi ít nhiều câu cho đúng nghĩa hơn. Thiết-tưởng một bài pháp-văn như bài « Hoa » này dịch được cho lọn nghĩa, cũng đã là khó lắm, không dám mong lấy lời dịch được thật chải-chuốt văn-hoa vậy.*

N. P.

Hoa

Ta có biết một cái nhân-loại mà không biết hoa là gì thời cái nhân-loại ấy ra thế nào không ? Vì hoa không có, vì có mà từ xưa đến nay mắt ta vẫn không trông thấy, như trăm nghìn cái cảnh bồng-lai khác nó bao-bọc chung-quanh ta mà con mắt ta không nhìn tới được, thì cái lòng ta cảm sự đẹp-đẽ, sự sung-sướng, cái tính-cách, cái luân-lý [1] của ta, phỏng có được như bây giờ không ? Đã hay rằng không có hoa, trong cảnh-vật cũng còn nhiều cái biểu-tượng rực-rỡ khác về sự phồn-hoa, sự phong-phú, sự mĩ-miều của tạo-vật, còn nhiều cái vẻ sán-lạn của sức thiên-diễn vô-cùng, như : mặt trời, ngôi sao, bóng trăng sáng, da trời xanh, bể đại-dương, bóng chiều-dương và tịch-dương, núi cao, đồng bằng, rừng rậm, sông cả, ánh sáng và cây-cối ; cho chí đến gần người ta hơn nhất là những giống chim lạ, những ngọc-thạch báu, cùng người đàn-bà đẹp. Đó toàn là những thức trang-điểm cho quả địa-cầu ta vậy. Nhưng trừ giống chim lạ, hòn ngọc báu, người mĩ-nhân, ba cái ấy cùng với hoa cũng vì như là ở trong một cái mỉm cười của tạo-vật mà ra, không kể, nếu không có hoa điểm thêm nét bút dịu-dàng vào bức tranh cảnh - vật thời sự kinh - lịch của con mắt ta chẳng là nghiêm-trang khắc-khổ, mà hầu như buồn rầu lắm ru ? Thử giả-thiết trái đất ta không biết hoa là gì, thời một bộ-phận to là cái phần thanh-thú nhất trong tinh-tinh ta, có lẽ tiêu-ma đi mất cả, không những thế, có lẽ cũng chưa khai-phát ra được nữa. Bao nhiêu tình-cảm thanh-cao có lẽ vùi-rập cả trong tâm-khảm ta rắn như đá nguội như tro, có lẽ tiềm-tàng cả trong tưởng-tượng ta không từng biết những hình đẹp sắc tươi là gì. Bao nhiêu vẻ đẹp vô-cùng trong cõi sắc mênh-mông, có lẽ chỉ những khi mặt trời hé dám mây, con mắt ta mới gọi là nhác thấy được ít nhiều mà thôi. Lại những vẻ kỳ-kỳ quái-quái của ánh sáng giải bày ra, như mỗi lúc chế-hóa ra một cái cảnh ngoạn-mục khác để mà tự khoái-trá một mình, có lẽ ta cũng không bao giờ biết, vì bao nhiêu sắc lạ vẻ kỳ như trong kính tam-giác phản-chiếu ra thời trăm hoa đã có cả, và mắt ta có nhìn hoa mới có cái tinh-thần phân-biệt được những mầu những sắc ấy. Lại cái vườn thượng-uyển những hương-khí thơm-tho, không có hoa thời ai hé cửa cho ta được vào ? Dễ chỉ có đôi ba khóm cỏ tươi, một vài thứ nhựa thơm, trăm bảy thức quả chín, gió thổi lúc rạng đông, cơn mát khi đêm tối, cùng là khí bể trong sạch đưa lại, là còn chứng được cho ta biết rằng ngoài vòng nhĩ-mục sở-cập của con người ta còn có một chốn thiên-đàng kiu-đáo mà ở đấy cái không-khí hô-hấp vào tiện-thị biến thành những sự khoái-lạc không thể nào nói ra được. Lại phải biết rằng nếu không có hoa thời cái hạnh-phúc tối-cao trong nhân-loại biết lấy gì mà biểu-lộ ra cho hết được ! Nếu tự bao nhiêu thế-kỷ đến giờ không có vẻ đẹp của hoa đem ra tô-điểm cho cái tiếng nói của ta cùng là những tư-tưởng để rắp toan chỉ-định những thì-giờ quí-báu nhất trên đời, thời thành ra một cái não-căn đáng kính-trọng trong thần-hồn người ta đến mờ-ám đi mất. Tất cả những lời ăn tiếng nói cùng là những sự cảm-giác trong ái-tình con người ta đều nhờ có hương thơm của

---

(1) Trong bản nguyên-văn của bản-chí in có sót mất mấy chữ trong đoạn này. Phải đọc là: « notre aptitude à la beauté, au bonheur, *notre caractère, notre morale* seraient-ils bien les mêmes ? » — Bản dịch của ông HẢI-LẠNG có nhắc bản-chí mấy chữ sót đó.

hoa tẩm-nhuận cho, nhờ có vẻ tươi-cười của hoa bồi-dưỡng cho cả. Khi ta yêu mến cái gì, thì lại tưởng-tượng như là những hoa đã trông thấy và đã ngửi hơi hương ở đâu đem lại cái thanh-thú ta đã từng biết để mà bồi-bổ cho cái cảm-tình ta, cảm-tình ấy nếu không có hoa thời cái hiện-trạng sung-sướng cũng mập-mờ mà viển-vông như ta chốn chân trời góc bể vậy. Từ khi là còn thơ ấu hoa đã chứa-chất trong linh-hồn ta, và kể từ trước khi ta sinh ra đã chứa-chất trong linh-hồn tổ-tiên ta một cái kho vô-tận, cận-tiện hợp nhất cho sự hành-lạc của ta, để mấy lần ta muốn cho cái thì-giờ nhàn-nhã trong cõi phù-sinh được êm-ái hơn, thời ta lại cứ sẵn đấy mà lấy ra. Hoa gây ra và truyền khắp trong tinh-giới của loài người một cái không-khí thơm-tho, cho cái ái-tình con người ta ở đấy được êm-đềm khoan-khoái vậy.

THỜI-ĐÀM

Hành-trạng quan Giám-quốc Deschanel. — Kỳ trước bản-chí đã nói lược qua về sự bầu-cử quan DESCHANEL lên thay quan POINCARÉ làm giám-quốc Đại-Pháp. Ngày 18 Février mới rồi là hai ngài làm lễ bàn-giao. Trước ngày ấy hai Nghị-viện đã công-đồng quyết-nghị một điều luật công bố cho quốc-dân biết rằng Nghị-viện thay mặt dân có lời khen và cảm-tạ quan POINCARÉ trong mấy năm giữ chức trọng làm quốc-trưởng giữa buổi quốc-gia đa-nạn mà một lòng vững-bền quả-quyết giữ cho vận nước dẫu gặp nguy-hiểm mà không đến nỗi suy-vi, lại thu-hoạch được toàn-thắng, ơn ấy quốc-dân không bao giờ quên, tới này hết hạn ngài sắp nhường chức lui về, cử-quốc đều một lòng hoài-mộ. Quan POINCARÉ có làm tờ « hịch » (*message*) cảm ơn lại Nghị-viện về sự danh-dự ấy, và khuyên các nghị-viên nên đồng-tâm hiệp-lực bỏ hết cái bụng tây-riêng về đảng-phái và một lòng kinh-doanh cho nước chóng khôi-phục lại nguyên-khí sau cái trận phong-ba bão-tàn vừa rồi. — Tuy ngài còn tại-chức mà dân quận Meuse là quê ngài đã đồng-lòng bầu ngài vào Thượng-nghị viện. Thế là sau khi thôi chức Giám-quốc thời ngài lại giữ chức thượng-nghị-viên như trước.

Xét ra quan POINCARÉ vừa là một nhà chính-trị lão-luyện, lại vừa là một tay văn-học đại-tài. Những bài diễn-thuyết của ngài trong khi làm Giám-quốc phần nhiều là những áng văn-chương mô phạm cả, các nhà văn-sĩ đều lấy làm cảm-phục lắm. Ngài có từng soạn một bộ sách đề là « Tư-tưởng mới » (*Idées modernes*) bàn về văn-chương, triết-học, mĩ-thuật, tôn-giáo, xã-hội, chính-trị, ý-kiến sâu-sắc, lời-lẽ văn-hoa, đủ biết cái học-vấn uyên-bác của ngài vậy.

Nay quan DESCHANEL lên thay ngài cũng lại là một nhà văn-học có tiếng; cho hay chính-trị với văn-học không phải là hai đường khác nhau mà thường có mật-thiết-quan-hệ với nhau vậy.

Xin kể qua sự-trạng quan Giám-quốc mới như sau này.

Quan DESCHANEL, tiểu-tự là PAUL-EUGÈNE-LOUIS sinh ở Bruxelles (kinh-đô nước Belgique) ngày 13 février 1856. Học ở trường Sainte-Barbe, rồi vào trường trung-học Condorcet, năm 1872 đỗ văn-khoa cử-nhân (mới có 16 tuổi), năm 1875 (19 tuổi) lại đỗ luật khoa cử-nhân. Cái văn-nghiệp của ngài là khởi đầu từ đấy. Trước ngài vào biên-tập ở "Quan-báo" (*Journal officiel*), rồi làm trợ-bút ở báo *Revue politique et littéraire*, tự năm 1877 thời làm biên-tập cho báo *Journal des débats*. Ngài có làm nhiều sách về chính-trị các thuộc-địa, như: "Vấn-đề Bắc-kỳ" (*La Question du Tonkin*), xuất-bản năm 1883; "Chính-sách nước Pháp ở Đại-dương-châu" (*la Politique française en Océanie*); « Nói về sông đào Panama » (*A propos du Canal de Panama*), xuất-bản năm 1884, được Hội Địa-dư-học thành Paris ban thưởng mền đay *La Pérouse*; « Lợi-quyền nước Pháp ở Thái-bình-dương (*Les intérêts français dans l'Océan Pacifique*), xuất-bản

năm 1887, được hội Thương-nghiệp Địa-dư-học thành Paris ban thưởng. Đó là những sách về chính-trị ; ngài lại còn làm nhiều sách về lịch-sử, về văn-học nữa, như : « Mấy nhà diễn-thuyết và chính-trị » (*Orateurs et hommes d'Etat*), xuất-bản năm 1888, được hội Hàn-lâm ban thưởng ; « Mấy bậc anh-thư » (*Figures de femmes*), xuất-bản năm 1887, cũng được Hội Hàn-lâm ban-thưởng ; « Chính-trị triết-học luận-cảo » (*Essais de philosophie politique*) xuất-bản năm 1887, v. v. — Ngài lại có chân Hàn-lâm-viện.

Văn-nghiệp quan DESCHANEL như thế, chính-nghiệp ngài thời đại-khái như sau này. Ngài làm thư-ký cho quan DE MARCERE, Nội-vụ tổng-trưởng năm 1876 ; lại làm thư-ký cho quan JULES SIMON, tổng-lý Nội-các năm 1876 và 1877; tháng năm năm 1879 làm tổng-thư-ký quận Seine et Marne ; tháng chạp năm ấy làm huyện-trưởng ở Brest, tháng tư năm 1884 làm huyện-trưởng ở Meaux, rồi từ chức để ra ứng-cử nghị-viên ở hạt Dreux. Nhưng năm ấy không được bầu. Đến khóa năm 1885 mới được bầu ở hạt Eure-et-Loir. Ngày 28 Juin năm 1886, ngài lên diễn-đàn lần thứ nhất, diễn-thuyết về vấn-đề thóc-lúa, nổi danh tự bấy giờ. Ngày 29 février 1888, đọc một bài diễn-thuyết về những sự tệ-lạm trong các sở hải-quan. Năm 1889 được tái-cử nghị-viên ở Nogent-le-Rotrou, không có ai tranh, tự đấy khóa nào cũng được tái-cử luôn cho đến giờ. — Từ năm 1880 đến năm 1895, ngài làm được nhiều việc ở nghị-viện lắm, việc nội-chính, việc ngoại-giao, việc gì bàn-luận cũng xác-đáng, bằng-bối lấy làm phục lắm. Năm 1889 được bầu làm phó-nghị-trưởng, năm 1893 làm chánh-nghị-trưởng. Lại được bầu làm chủ ủy-hội bàn việc ngoại-giao và việc thuộc-địa, giữ luôn chức ấy từ năm 1895 đến năm 1912 Bấy giờ lại được tái-cử làm nghị-trưởng luôn cho đến bây giờ. Hồi năm 1913 quan Giám-quốc FALLIÈRES mãn-hạn, quan DESCHANEL cũng đã từng được non một trăm vé bầu Giám-quốc, nhưng quan POINCARÉ được nhiều hơn, nên hồi bấy giờ ngài chưa được bầu. Khóa này được trúng-cử thật cũng là xứng-đáng vậy. Có một điều lạ trong hành-trạng quan DESCHANEL là ngài không từng làm quốc-vụ-tổng-trưởng lần nào. Nhiều lần các bạn chính-trị của ngài tổ-chức Nội-các mời ngài dự một chân, không lần nào chịu nhận cả. Ý-giả ngài không muốn ra tay cầm quyền là không muốn can-thiệp vào những sự đảng-tranh, muốn đứng ngoài mà giúp nước cho có hiệu-lực hơn : đó cũng đủ tỏ cái tư-cách thanh-cao của ngài.

Trong bốn năm chiến-tranh, làm nghị-trưởng Hạ-nghị-viện, ngài đã hết sức giữ cho hoàn-toàn cuộc đồng-tâm trong nước, hết sức giữ cho các chính-đảng không đến nỗi xung-đột nhau lắm. Việc đó ở một nước mà cái quyền ngôn-luận được rất mực tự-do như nước Pháp thiệt không phải là việc dễ vậy. Thế mà ngài ra tay điều-hòa được trọn vẹn, thời cũng đủ biết ngài khôn khéo và có cái tài lịch-thiệp biết bao nhiêu. Bằng-bối ngài trọng nhất ở ngài là cái thủ-đoạn điều-hòa và cái tư-cách lịch-thiệp ấy. Ngày nay đã được quốc-dân suy-tôn lên bậc cao-trọng như vậy, chắc ngài cũng sẽ giữ một cái chủ-nghĩa điều-hòa ấy và đứng cầm cân nảy mực cho việc chính-trị nước Đại-Pháp, khiến cho nội-chính ngoại-giao đều được yên-ổn thời qui-quốc mới được hưởng cái hạnh-phúc thái-bình vậy.

Quan Tổng-lý Nội-các Millerand. — Quan Tổng-lý Nội-các mới nước Pháp tên là MILLERAND sinh ở Paris ngày mồng 10 tháng hai năm 1859. Học ở trường Trung-học Vauves và trường Trung-học Henri IV, rồi theo học trường Pháp-chánh (*Faculté de droit*) ở Paris. Năm 1881 ra làm thầy-kiện trước-danh về tài biện-luận ; rồi chuyên vào việc chính-trị, trở nên một nhà hùng-biện đại-danh trong đảng cực-tả (*Extrême gauche*). Tháng năm năm 1884 thời được bầu làm thị-tính-nghị-viên thành Paris về hộ Muette. Ngài nhiệt-thành về việc thành-phố đã từng sung chức ủy-viên (*rapporteur*) xét về sổ dự-toán các trường Cao-đẳng tiểu-học (*Ecoles primaires supérieures*). Hồi quốc-hội tuyển-cử tháng chạp năm ấy, ngài được trúng-cử Nghị-viên, đại-biểu cho thành Paris ở Hạ-nghị-viện. Ngài vào đảng cực-tả, năm 1887 ở ủy-hội xét sổ dự-toán (*Commission du budget*) ngài cực-lực phản-đối cả đảng ông BOULANGER và cả đảng ông JULES FERRY. Sau làm chủ-bút báo *La Voix*. Năm 1889 lại được tái-cử vào Hạ-nghị-viện.

Ở Nghị-viện thời quan MILLERAND chuyên-chủ vào những vấn-đề cải-lương xã-hội, những luật-lệ bảo-hộ bọn lao-động, và bênh-vực cho đảng công-nhân chống lại bọn tài-chủ Bấy giờ những tay lĩnh-tụ đảng xã-hội nhiều người đã lui về, ngài bèn hết sức tổ-chức lấy một chính-đảng mới, hợp tất cả

những đảng xã-hội nhỏ mà đã bị địch-nhân làm yếu đi lại làm một đảng liên-hợp. Đảng xã-hội liên-hợp ấy lập một cái báo gọi là « Tiểu-Cộng-hoà » (*Petite République*), ngài làm chủ-bút đến năm 1896.

Sau hồi bầu-cử Nghị-viên thành-phố ngày tháng năm năm 1896, đảng xã-hội đắc-thắng rất vẻ-vang, ngài làm chủ-tọa tiệc của đảng Thị-dân (*Municipalistes*) thiết ở St-Mandé, ngài nhân dịp ấy đọc một bài diễn-thuyết ảnh-hưởng rất rộng, lan đi khắp trong xứ mà có thế-lực to cho sự phát-triển và cái phương-châm của đảng xã-hội. Ngài lấy đó làm chương-trình cho chánh-đảng mình, chương-trình ấy ngài chỉ tổng-quát lại có ba điều : 1· Vận động để chiếm lấy chính-quyền ; 2· Vận-động cho thực-hành được cái cộng-sản-chủ-nghĩa ; 3· Liên-hợp các nhà lao-động vạn-quốc lại.

Năm 1898 ngài lại được tái-cử, năm 1899 ngài làm Công-thương tổng-trưởng ở tòa Nội-các Valdeck-Rousseau. Khi đó xét ra chính-kiến ngài có thay-đổi : tuy vẫn thân-mật với các đảng xã-hội, mà đã có ý kết-liên với các đảng bảo-thủ.

Sau khi xuất-các, ngài mỗi ngày một xa cái chủ-nghĩa cộng-sản mà dần dần trở nên một nhà chính-trị vụ-thực-tế, lấy rằng nên tùy theo thời-thế mà thi-thố, không nên câu-nệ. Ngài lấy cái chủ-nghĩa cộng-sản là một sự hư-tưởng, bài bác những sự vận-động phản-đối Giáo-hội và những sự vận-động chủ-trương việc bãi-binh, nói rằng : « Bãi-binh không những là một sự cuồng, lại, là một tội ác với nước nữa. »

Từ đó cái thanh-danh của ngài lại càng to hơn lên. Năm 1912 quan Poincaré vời ngài vào Nội-các mà giao cho bộ lục-quân, ngài đã sửa-sang chỉnh-đốn được nhiều việc có ích.

Đến hai năm sau mới xảy ra cuộc chiến-tranh, ngài vẫn đã biết trước nên khi khai-chiến dù-đội ngài cũng lấy làm thường không có lạ gì

Từ ngày khai-chiến cho đến ngày 25 tháng tám, ngài làm chủ hội-đồng vận-tải quân-nhu lương-thực, ngày ấy ngài lại được cử làm Lục-quân tổng-trưởng. Một giờ sau khi nhận chức, ngài đã tổ-chức công việc rồi. Bấy giờ các xưởng chế-tạo đương thiếu người làm, các nhà máy bỏ không, ngài phải hết sức lo-liệu cho công-việc được chỉnh-đốn. Qua cái cơn khốn-ách ấy mới biết ngài đã có sức gan-góc, lòng nhẫn-nại không gì lay-chuyển được. Mỗi ngày ngài phải lo-liệu những việc dụng-cụ quân-nhu, việc lương-thảo, việc gì cũng chu-tất không sai-xuyễn. Mỗi tuần lễ ngài lại đến những nơi binh-doanh tập-luyện, những trại lính, những chốn xưởng máy và thường đi kinh-lược tận nơi chiến-địa.

Khi chiến-tranh đã được thắng rồi thời ngài được cử làm Tổng-đốc hai châu Alsace Lorraine. Đến khi bảo-cử ngài ra ứng-cử ở khu-hạt thứ hai thành Paris, khi quan Clémenceau tuyên-bố từ-chức thời chỉ có ngài là xứng-đáng thay chân quan Clémenceau mà thôi.

Quan Toàn-quyền Long đã tới Đông-dương. — Quan Toàn-quyền Long tới Đông-dương giữa ngày tết ta. Ngài ở Saigon mấy bữa, đi kinh-lược Cao-miên, về Nam-kỳ, ra Huế tiếp mặt Hoàng-Thượng ta, rồi sẽ đi đường bộ ra Bắc-kỳ, đến ngày 10 Mars tới Hà-nội. Khi mới nhận chức ở Sài-gòn, ngài có đọc một bài diễn-thuyết công-bố cho nhân-dân biết rằng ngài sẽ theo một chính-sách như quan Sarraut và sẽ hết sức mở-mang các việc, nhất là về đường kinh-tế xã-hội.

Bản-chí thay lời quốc-dân xin kính chúc quan Toàn-quyền Long tới đây được an-bảo và mong-mỏi rằng ngài sẽ hết-sức khai-hóa cho dân ta.

Nghe nói rằng quan Monguillot vẫn giữ chức phó Toàn-quyền như cũ. Chức Đổng-lý phủ Toàn-quyền kiêm Chánh-trị-sảnh-trưởng đã có quan cai-trị hạng nhất Robin sung. Quan Robin trước làm công-sứ Thanh-hóa, sau làm chánh tòa Quan-lại ở phủ Toàn-quyền, là một bậc cai-trị lão-luyện ở Đông-dương này, có tiếng là người thanh-liêm cần-cán và có cái chính-kiến quảng-đại ; thật là một tay giúp việc xứng-đáng cho quan Toàn-quyền Long vậy.

Chỉ-dụ ban phẩm-hàm cho lính tòng-chinh. — Chiếu theo chỉ-dụ ngày mồng tám tháng chạp năm Khải-định thứ 4, thời đức Hoàng-thượng đã y lời các quan Cơ-mật cùng quan Khâm-sứ Huế nghị về việc ban phẩm-hàm cho các hạng người đi Tây có công về cuộc chiến-tranh. Sự ban phẩm-hàm ấy đại-khái như thế này. Chiến-binh có ra trận thời tùy theo công-trạng, thưởng cho phẩm-hàm quan võ rất cao đến bậc tòng tam-phẩm là cùng. Người không phải chiến-binh mà có làm việc ở nơi trận-tiền cũng được như thế. Chiến-binh mà không ra trận

lần nào thời tùy theo công-trạng thưởng phẩm-hàm quan võ đến bậc chánh tứ-phẩm là cùng. Người giúp việc cũng được như thế. Bị thương một vết hay là bị bệnh ở trận-tiền ma thải-hồi, hay là được một cái giấy-khen cùng một cái bội-tinh-quân-công thời được thưởng thêm một trật. Người nào nhiều hơn thời được thưởng thêm hai ba trật. Chiến-binh có ra trận nếu không có phẩm-hàm thời được vào hạng chung-thân-miễn-sai. Chiến-binh không ra trận thời chỉ được kể vào hạng chung-thân-miễn-nhiêu mà thôi. Nhưng mà người Hoàng-thất thời trừ ra hai hạng miễn-sai miễn-nhiêu ấy là quyền-lợi hẳn có, ngoài lại được thưởng tòng-cửu hay là chánh-cửu-phẩm nữa. Người tòng-chinh mà có văn-bằng Pháp-Việt thời được thưởng theo hàm văn-giai. Người nào được Bắc-đẩu-bội-tinh thời cách thưởng sẽ được đặc-cách, vân vân,.... Xem như thế thời thật là công-thành danh-toại, mà Nhà nước Bảo-hộ cùng Triều-đình đãi các bậc tòng-chinh cũng rất là trọng-hậu vậy. Quốc-dân ta chỉ mong rằng các bậc tòng-chinh lúc này đã về nơi cố-hương, thời sẽ đem những sự văn-minh chính-đáng ở bên Âu-châu mà truyền-bá cho những dân ở nơi thôn-giã. Vì là các ông không những là người có lịch-duyệt, mà từ nay nhẫn sau lại là người có danh-phận có địa-vị trong xã-hội, đường đạo-đức đường phong-tục rất có ảnh-hưởng về phần các ông lắm, xin các bậc tòng-chinh sẽ lấy cái tư-cách chính-đáng mà làm mẫu cho những đàn em trong hương-thôn mình.

— —

Giới-thiệu sách mới — Ông *Hải-nam* Đoàn-như-Khuê mới xuất-bản một quyển « Cảo-thơm toàn-tập » giá 0$50, in tại hiệu Mạc-đình Tư, phố hàng Bông Hà-nội. Ngoài bìa đề rằng : « có dấu Hoàng Thượng », trong tựa nói nhờ được ông chủ công-ti thuốc-lá Đông-dương giúp tiền cho in. Sách là ông hợp-thái cổ-kim thi-văn để vì những nhà văn ấy lưu-truyền, cũng cống-hiến đồng-bang một món tiêu-khiển thanh-nhã. Nào thơ, nào ca, nào phú, nào lục, nào câu đối, nào hát nói, tuy trang nào cũng có chỗ sai lầm : hoặc chua lầm, hoặc biên thiếu, hoặc in còn sót, hoặc chữ chưa tinh ; song cũng đáng khen cái công góp nhặt của ông, mà muốn biết tư-tưởng cổ-nhân kim-nhân trong văn-chương-giới nước ta thế nào, thời ta cũng nên đọc ; nhưng nên phải để tinh-ý thời mới biết được cái hay của những bậc tác-giả và cái lầm vô-ý của nhà biên-tập vậy. Nếu đem bình-phẩm kỹ ra thời đến dăm bảy trang báo, song gọi vài lời giới-thiệu quyển sách ấy, chắc các độc-giả cũng lượng cho được. Còn phần riêng tôi, tôi xin mừng ông Đoàn-như-Khuê là bạn cố-tri của tôi lại mới có quyển sách nữa, xin chúc ông công trước-thuật sau này còn nhiều, sự biên-tập rồi ra càng kỹ, văn-giới ta cũng mong ở ông lắm lắm. — Mân-Châu.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ-TIẾN-ĐỨC »

Biên-bản kỳ hội-đồng ngày 1er Février 1920. — Ngày chủ-nhật 1er février, hồi 3 giờ chiều hội-đồng quản-trị hội Khai-trí họp tại nhà hội Trí-tri để bàn-định các việc kỳ trước chưa quyết-nghị xong.

Dự hội-đồng có các ông kê tên sau này :

Hoàng-trọng-Phu — Thân-trọng-Huề — Trần văn-Thông — Nguyễn-hữu-Thu — Nguyễn-văn-Vĩnh — Phạm-Quỳnh — choulet — Grossin — Đỗ-Thận — Đào-văn-Sử — Mai-du-Lân — Trần-trọng-Kim — Bùi-đình-Tá — Trần-Mỹ — Nghiêm-xuân-Quảng — Nguyễn-bá-Trác — Nguyễn-quí-Toản — Trần-nhật-Tĩnh — Trần-viết-Soạn.

Các ông có giấy kiếu :

Bạch-thái-Bưởi — Chế-quang-Ân — Đặng-đức-Cường — Lê-văn-Phúc — Phạm-mạnh-Xứng — Từ-Đạm.

Chương-trình các việc bàn như sau này :

1° Quyết-nghị về việc dựng nhà hội-quán ;
2° Bàn về cách-thức mở một cuộc hội vào khoảng tháng ba tháng tư tây.
3° Các việc linh-tinh.

Thuộc về khoản thứ nhất thời ông Choulet là chủ tiểu-hội-đồng dự xét về việc lập nhà hội-quán đọc tờ trình của tiểu-hội-đồng ấy, đại-khái nói rằng cứ cái hình-thế miếng đất

phố hàng Trống thời nếu dựng nhà phải dựng luôn một lần, không thể chia làm mấy năm như trước đã định; nay cứ tiểu-hội-đồng xét và có phác-họa cái kiểu đình theo tờ trình, thời muốn làm một nhà hội-quán cho hoàn-toàn các bộ-phận phải ít ra là 30.000 $, làm trong hạn một năm xong, vậy bây giờ Hội phải kiếm sao cho được số ấy thời mới khởi công được.

Quan Hội-trưởng Hoàng-trọng-Phu nói rằng số tiền của Hội hiện cóp-nhặt cả mới được 6000 $, mong chính-phủ giúp vào nữa thời cả thảy được 10.000 $ là cùng, còn hai vạn nữa thời khó lòng mà kiếm ngay được. Song nhà hội-quán là một việc cần-cấp, không thể do-dự lâu nữa, vậy thử nghĩ có cách gì làm giảm-tiện bớt cho ít tiền và làm ngay được không.

Các hội-viên xét cái bản-đồ phác-họa của tiểu-hội-đồng, bàn-bạc một lúc, rồi định rằng nếu hãy làm một từng dưới trước, để rồi tiếp-phụ từng trên sau thời chừng 20.000 $ cũng đủ được. Các hội-viên ưng-thuận như thế, rồi bàn đến cách làm thế nào cho đủ hai vạn ấy để khởi công.

Ông Hội-trưởng nói nên cổ-động cho nhiều người vào Hội thêm.

Ông Nguyễn-hữu-Thu nói rằng việc cổ-động đã cố-nhiên rồi, nhưng đợi cho người vào Hội được tới một vạn bạc thời lâu lắm, mà bây giờ phải cần đến tiền ngay, ông bàn với hội-viên ông nào dư-dật nên cho Hội vay cho thành việc, về phần ông thời ông thuận cho Hội vay hai nghìn đồng.

Các hội-viên đều ưng như thế, và trong các ông có mặt ở đấy, những ông sau này thuận cho vay và nói rằng sẽ đủ các ông khác vắng mặt giúp thêm vào nữa cho đủ số:

Ông Nguyễn-hữu-Thu thuận cho vay		2000 $
— Hoàng-trọng-Phu	—	1000
— Choulet	—	500
— Nghiêm-xuân-Quảng	—	500
— Trần-viết-Soạn	—	500
— Thân-trọng-Huề	—	300
— Trần-Mỹ	—	100

Hội-đồng lại cử một tiểu-hội-đồng để chuyên-chủ về việc cổ-động cho thêm người vào hội, Tiểu-hội-đồng ấy có quan Phó-hội-trưởng Thân-trọng-Huề làm chủ, và hội-viên là những ông: Choulet, Grossin, Trần-văn-Thông, Nguyễn-hữu-Thu, Nguyễn-văn-Vĩnh, Đỗ-Thận.

Đoạn rồi hội-đồng giao cho tiểu-hội-đồng về việc hội-quán sửa soạn chương-trình và công-bố mở một cuộc thi kiểu nhà, để Hội chọn kiểu nào tốt sẽ theo đó mà khởi-công làm nhà.

Thuộc về khoản thứ hai thời hội-đồng định mở một cuộc hội lấy tiền để xướng [illegible] một việc thiện nào, nhân dịp làm cho hội « Khai-trí » được nhiều người biết đến; cuộc hội ấy phải làm vào sau khi quan Toàn-quyền mới tới Bắc-kỳ, và phải làm thế nào cho có đặc-sắc. Hội-đồng đình giao việc ấy cho ông Nguyễn-văn-Vĩnh xếp đặt chương-trình rồi trình cho toà trị-sự biết. Ông Vĩnh lúc thì xin lập một tiểu-hội-đồng để cùng ông bàn-định việc đó. Tiểu-hội-đồng có ông Choulet, Phạm-Quỳnh, Đỗ-Thận, Bùi-đình-Tá, Nguyễn-quí-Toản.

Bàn xong hai khoản trên rồi, ông Phạm Quỳnh trình cho hội-đồng một cái thơ ông vừa tiếp được của ông Phủ Bảy, coi việc linh-thợ ở Paris, viết xin hội Khai-trí cho một vật kỷ-niệm gì để bày vào đền « Hoại-nam nghĩa-sĩ-miếu » lập ở Paris để thờ những người An-nam tử-trận. Hội-đồng định nên làm một bức hoành-phi bằng gỗ để bốn chữ và giao việc ấy cho quan Thân-trọng-Huề quyền-biện. Quan Thân cùng với ông Nguyễn-bá-Trác bàn đặt bốn chữ: 越南血痕 (Giọt máu người Nam), hội-đồng ưng-thuận.

Đến 5 h 1/2, hội-đồng tan.

* * *

Tên các ông xin vào Hội trong tháng février. — Trong tháng février có những ông kê tên sau này gửi giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng không ai dị-nghị thời được nhận vào chân hội-viên.

A. Xin vào chủ-trì

Ông Trần-đình-Khải, chánh-tổng tổng Bình-hà, huyện Thanh-hà, Hải-dương.

B. Xin vào thường-hội-viên

Ông Lê-duy-Hội, điền-chủ ở làng Tiên-long, tổng Bảo-đức, tỉnh Bến-tre (Nam-kỳ).

Ông Lưu-bá-Tiên, lý-trưởng làng Bình-vọng, huyện Thanh-oai, tỉnh Hà-đông.

* * *

Hội-viên mới. — Hai ông Nguyễn-trọng-Thuật và Trần-cảnh-Liễu xin vào chân thường-hội-viên có tên đăng báo trong số 30 (trang 563) nay đã hết hạn không có ai dị-nghị được nhận vào hội kể từ ngày 1er Mars 1920.

Tập Điều-lệ mới quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã duyệt-y ngày 16 février 1920, kỳ sau sẽ dịch và đăng báo.

Khẩn-cáo. — Các ngài chủ-trì hội-viên ngại nào chưa nộp tiền vào Hội xin kíp gửi về cho ông Lê-văn-Phúc thủ-quĩ thân-nhận.

QUỐC-TRÁI LẦN THỨ NĂM

Khi bản-chí đương soạn bài thời giấy yết-thị ba sắc bằng chữ Pháp cùng những bản dịch chữ nho chữ quốc-ngữ đã gián đầy nơi khắp chốn, tờ quan trên sức đã ban khắp trong xứ, các nhật-báo Tây Nam đã cổ-động vang-lừng, kỳ Quốc-trái lần thứ năm này xem ra quốc-dân ta cũng hoan-nghênh, là do hai lẽ : « nghĩa » và « lợi ».

Thế nào là nghĩa ? Thế nào là lợi ? Nhân-loại mới thoát khỏi vòng thê-thảm, thế-giới mới nhìn thấy về vinh-quang, đứng ở cái chỗ hiện-tại nhìn lại cái nơi quá-khứ trong năm năm trời thành đồ, nhà siêu, giáo-đường nát nước, chính sảnh tối-tàn, cùng đạp đất đội trời ta há chẳng vì người bạn ơn-nghĩa gặp bước hiểm-nghèo mà giúp-đỡ cho qua kỳ khỏi nạn hay sao ? Nữa chi nước Đại-Pháp lại là ân-quốc ta, đem những văn-minh quí-báu ở Tây-dương sang giáo-dục cho ta nên hay nên khá, nghĩa chúng ta chẳng nên gánh-vác một phần vào những việc tu-bổ nơi quê-hương Pháp cho lập những vết thương mà quân Bắc-thì nó đã đang tay độc-địa làm cản bấy lâu đi ư ? Về phương-diện « nghĩa » rút lại chỉ là đối với « nhân-loại », đối với « ân-quốc » mà ta nên tận-tuỵ giúp vào cái công-cuộc quốc-trái này cho thành. Còn phương diện « lợi » lại xin kể sau này để quốc-dân hiểu.

Cho Chính-phủ vay vào kỳ quốc-trái này thực là một sự đạt lãi chắc-chắn làm vậy. Chắc-chắn hơn là buông lãi ngày lãi tháng, không còn sợ suy-xuyển đi đâu nữa. Và lại tính đến lợi thời giá bạc bây giờ đương cao một đồng bạc ăn 15, 16 quan, một phiếu quốc-trái ngày nay mua chỉ hết 5, 6 đồng bạc, đến mai sau đây tiền hạ xuống đến 5 quan hay 4 quan thời tính vốn ra đã được bao nhiêu lần gấp hơn rồi. Phương-chi rồi nữa lại hạ xuống như thường chỉ có 2 quan 50 một đồng bạc thời lại gấp lên mấy mươi phần nữa. Và lại tiền bây giờ được ăn đến 5 phân, tính ra sau này lấy về thời được thành tiền thật là gấp năm gấp mười các kỳ quốc-trái trước.

Nói tóm lại dân ta hoan-nghênh kỳ quốc-trái lần thứ năm này thật là một lẽ chính-đáng làm. Kia như mấy lần trước nước Pháp hãy còn nguy-nguy ngập-ngập, cuộc chiến-tranh chưa phân thắng-phụ về bên nào, mà

dân ta từ quan đến dân, từ già đến trẻ, còn nhiệt-thành đem tiền cho Chính-phủ vay, chẳng là ngày nay sự toàn-thắng đã về tay Đồng-minh, nước Pháp ta lại là công đầu trong các nước, bể đã lặng, sông đã trong, quốc-dân ta há khở dại gì mà chịu ra ngoài cái nghĩa-vụ vẻ-vang ấy nhỉ? Vậy nào ai là người muốn làm giàu về sự đặt lãi, há bỏ mất cái cơ-hội vô-song này được sao? Nào ai là người biết nghĩa to công lớn xin đem hết gia-tư sản-nghiệp có sức được đến đâu thời quyên vào cuộc công-thải này đến đây, đừng có nhẫn ngồi nhìn cái thời-kỳ tối-hảo để cho nó qua đi, đến sau lại tiếc rằng khờ! Hỡi hỡi, con Hồng cháu Lạc ở dưới bóng cờ ba sắc của Đại-Pháp ân-quốc kia, ta đã được hưởng ơn-huệ đầm-thắm của nước Đại-Pháp ban cho mà được yên-ổn, thịnh-vượng, thông-minh, trí-thức; xin cha bảo con, vợ khuyên chồng, bầu bạn nhủ nhau kíp-kíp đem tiền mua giấy quốc-trái. Ta phải biết rằng: mua giấy quốc-trái chẳng những là được ăn lợi to, được báo nghĩa lớn, lại còn làm cho thế-giới biết rằng: dân-tộc ta có lòng thượng-nghĩa, có gia trung-thành, biết hiểu cơ-hội nữa. Cò lên! Cò lên!! Sao cho lần thứ năm này số tiền cho vay được hơn mấy lần trước.

Bể đã lặng,
Sóng đã trong,
Ta nên mua quốc-trái cho đông,
Để giúp Đại-Pháp là ông thầy mình,
Sửa-sang đất nước cho xinh.

* * *

Nước Pháp đã toàn-thắng,
Tu-bổ lại nước nhà,
Ta là dân bảo-hộ,
Phải liệu giúp thầy ta,
Đem tiền mua quốc-trái,
Nghĩa-lợi chẳng sai ngoa,
Xin ai người biết nghĩ,
Thời sớm sớm kẻo mà,
Mất cái cơ-hội tốt,
Sau này lại xuýt-xoa.

Hiệu in Đông-kinh ấn-quán

chủ-nhân : LÊ VĂN-PHÚC

Phố hàng Bông, số 16 — Hà-nội

Hiệu có in sách, in sổ, thư từ, văn-bằng, bao bì, giấy việc quan, trương-trình, vân vân.

In chữ sắt, in thạch-bản, in các mùi, tranh vẽ.

Khắc triện, khắc gỗ, khắc đồng.

Bán sách học, truyện, nhật-trình, tạp-chí, v. v.

Sở Đông-dương địa-dư có gửi bán **ĐỊA-ĐỒ CÁC HẠT**, để các quan, các điền-chủ, cùng các ngài đi du-lịch tiện-dụng.

Hiệu P. CHABOT

TỨC LÀ HIỆU MEYER CŨ Ở PHỐ TRÀNG-TIỀN SỐ NHÀ 61

JOAILLERIE ORFEVRERIE HORLOGERIE

S. MEYER Bijoutier

P. CHABOT. Succr

HANOI. 61 Rue Paul Bert. HANOI

Montres LIP. LONGINES

et autres Marques de Besançon

ROSKOPF. GERMINAL

de Chaux de Fonds

Montres bracelets formes nouvelles

JOLI CHOIX DE BIJOUX MODERNES

ARGENTERIE 1er TITRE

CADEAUX pour MARIAGES

Réparations en tous genres

Catalogue franco sur demande

MAISON DE CONFIANCE FONDEE en 1886

Bán đủ các thứ đồng-hồ

Đại lý riêng cho mấy hiệu đồng-hồ nhớn bên Tây như hiệu LIP, hiệu LONGINES, ROSKOPF, GERMINAL

Đồ hàng bán có đảm-nhận từ 2 năm đến 5 năm biên trong đơn hàng

Ai muốn xem mục-lục đồ hàng của bản-hiệu xin cứ viết thư lại, sẽ gửi theo không mất tiền bưu-phí.

BẢN-HIỆU CÓ CHỮA CÁC ĐỒNG-HỒ RẤT CẦN THẬN, GIÁ CỰC RẺ

Các tỉnh xa gần ai muốn mua gì bản-hiệu cũng đệ-gửi đến tận nơi

Đồ vàng, đồ nữ-trang bằng vàng, bằng bạch-kim (platine) đính điểm các thứ ngọc-thạch

Bộ đồ dùng hút thuốc — Điếu hút thuốc

Gậy bằng vàng, bằng bạc

Đồ bát-đĩa bằng bạc thượng-hạng. Giá rẻ

ĐỒ TRANG-SỨC ĐỦ CÁC THỨC KHÔNG THIẾU GÌ

Ai hỏi hạn gì, bản-hiệu cũng theo kỳ lấy giả nhời ngay

Bản-hiệu lập từ năm **1886**. Bán buôn rất mực tín-cẩn.

Société des Tabacs de l'Indochine

東洋烟草公司

Société Anonyme au Capital de 6.000.000 de francs
Siège social : 10, Rue de Boétie, Paris
Administration et Manufacture : Hanoi (Tonkin)
Plantations à Kim-Xuyên et Văn-Khê

PRODUITS RECOMMANDÉS

Tabacs :

Coq, qualité extra pour cigarette et pipe.

Scaferlati, supérieur, qualité, régie française.

Cigarettes :

Coq, en paquet de 20, qualité supérieure.

Les Alliés, en étui de 20, fabrication soignée.

Métropole, en boîte de 50 et de 100.

Favorites, aromatiques et douces en boîte de 100.

Genre Ninas :

Midinettes, en étui de 10 et de 50.

Cigarettes de Luxe:
(Tabac jaune)

Dragon d'or, en étui de 20, aromatiques et douces.

Cigares fins:

Mandarin, façon Havane en boîte de 25, pouvant rivaliser avec les meilleures marques importées.

Bouquet, en boîte de 25.

Lotus et Narcisse, en boîte de 50 cigares à prix très avantageux.

各色香烟列下

雞嘜烟絲　象嘜烟絲　雞嘜烟仔　六王烟仔

伍拾庄及壹百庄木盒烟仔

金龍香烟仔貳拾庄包頭用黃烟製造

及伍拾庄各款呂宋烟　價廉物美

諸君光顧　請認商票爲記

貳拾伍庄　中外馳名

本公司無限歡迎

Cụ già một trăm tuổi

ngày lễ thượng-thọ gọi các con cháu lại bảo rằng :

Nhờ Giời nhờ Phật ông năm nay được lên thượng-thọ một trăm tuổi. *Nhân-sinh thất-thập cổ lai hi* ! Nay ông đã trăm tuổi chẳn thực là già lắm, già lắm vậy ! Các cháu có nhớ mấy năm trước ông những đau cùng yếu, tưởng không sống đâu được đến giờ. May có Chú Tư nhà ta đi học trường thầy-thuốc tây Hà-nội, đến mách ông ngày ngày uống một cốc rượu vang — *bổ-đào mĩ-tửu* ! — thực là rượu « tràng-sinh », các con ạ. Ông mới nhấp môi đã thấy khoan khoái cả trong người, thực là sướng quá ! sướng quá ! Ông tưởng như trai trẻ lại, khỏe mạnh ra. Nhờ rượu ấy ông mới sống đến nay, ăn cái thượng-thọ này !

Nghe nói rượu ấy là của một ông thông-thái nước Lăng-sa tên là MÔNG-TIẾT (Montès) đã chế ra để giúp sức khỏe cho kẻ già người yếu ở nước Nam. Vậy thì ta cảm ơn ông MÔNG-TIẾT, các cháu nên thay mặt ta mà cảm ơn ông MÔNG-TIẾT, nhờ ông mới được cuộc vui vầy này !

RƯỢU VANG BỔ

TONIQUE TONKINOIS

bán tại nhà thuốc MONTÈS nº 54 rue Paul-Bert, Hanoi

Người già yếu, mỏi-mệt, nhất là đàn-bà ở cữ uống thì cực tốt

Giá bán mỗi chai **2 $ 25**

6 chai..... **13 $ 50** | *12 chai.....* **25 $ 00**

Gửi tiền lại sẽ gửi rượu đi

NAM-PHONG TẠP-CHÍ

Người sáng-lập

FONDATEURS

PHẠM QUỲNH *Hàn-lâm-viện trước-tác*	LOUIS MARTY *Trưởng tòa Chánh-trị phủ Toàn-quyền*	NGUYỄN BÁ-TRÁC *Cử-nhân* *Hồng-lô tự-khanh*

SỞ PHÁT-HÀNH : *Imprimerie Tonkinoise, 14-16 Rue du Coton, Hanoi.*

Ai mua báo, trả tiền báo, hoặc thơ từ gì về việc gởi báo bán báo, đăng cáo-bạch, v.v., xin viết cho *ông Lê Văn-Phúc, chủ nhà in Đông-kinh (Imprimerie Tonkinoise), 14-16 Phố hàng Bông (Rue du Coton)* ; gởi *mandat* trả tiền cũng xin đề tên ông Lê Văn-Phúc thâu nhận.

Bắt đầu từ 1er Novembre 1919, tòa soạn báo đổi ra số 124 phố hàng Bông (124 Rue du Coton)

Còn gởi bài vào báo hoặc thơ từ gì về các việc khác xin viết cho ông Phạm Quỳnh, chủ-bút kiêm quản-lý, *124 Rue du Coton* (Phố Hàng Bông) Hanoi.

Chủ-bút kiêm quản-lý
Directeur Rédacteur en Chef } PHẠM QUỲNH

Ân-nhân của báo-quán

Đức KHẢI-ĐỊNH *Hoàng-đế*	*Quan Toàn-quyền* SARRAUT
Quan Khâm-sứ Kinh	Quan Công-sứ Thanh-hóa
Quan Công-sứ Vĩnh-long	Quan Án-sát NGUYỄN PHONG,

(Các ngài ân-nhân của báo-quán là những ngài mua 25 phần báo một lúc giúp cho báo-quán tự 100 đồng trở lên. Các ngài được quyền-lợi nhận báo mãi mãi. Sau này ngài nào giúp báo như vậy cũng sẽ lần-lượt ghi tên vào bìa này).

Mục-đích báo Nam-phong

Mục-đích báo *Nam-phong* là thể cái chủ-nghĩa khai-hóa của Nhà-nước, biên-tập những bài bằng quốc-văn, hán-văn, pháp-văn, để giúp sự mở-mang tri-thức, giữ-gìn đạo-đức trong quốc-dân An-nam, truyền-bá các khoa-học của Thái-Tây, nhất là học-thuật tư-tưởng Đại-Pháp, bảo-tồn cái quốc-túy của nước Việt-Nam ta, cùng bênh-vực quyền-lợi người Pháp người Nam trong trường kinh-tế.

Báo *Nam-phong* lại chủ-ý riêng về sự tập-luyện văn quốc-ngữ cho thành một nền quốc-văn An-nam.

Các ngài có bụng yêu bản-báo, muốn tán-thành cái mục-đích trên kia, ra công giúp cho hoặc giúp về đường lý-tài, hoặc giúp về đường ngôn-luận, bản-báo xin cám-ơn.

Báo *Nam-phong* nhận cả các bài nghị-luận, văn-chương, khảo-cứu, bằng quốc-văn, hán-văn và pháp-văn. Bài nào tòa soạn xét nên đăng thì đăng, không đăng không có lệ trả lại bản-thảo

Giá bán :

Một năm..... 4$00 *Nửa năm*..... 2$00 *Mỗi số*..... 0$40

1° Xin các ngài mua báo đồng-niên nhận được vài ba số thời gửi tiền về trả cho. Gửi *mandat* xin đề tên ông Lê-Văn-Phúc thâu-nhận.

2° Ngài nào mua tự số 28, xin kịp gửi tiền trả, kẻo chúng tôi phải phiền nhà giây thép đòi thời phí tổn các ngài chịu.

3° Ngài nào thôi mua báo xin viết thơ cho nhà Đông-kinh ấn-quán biết để thôi không gửi nữa.

4° Giá báo nhất-luật là 4 $ một năm, 2 $ nửa năm, — không có giá 3 $ nữa.

Le Directeur-Gérant : PHẠM QUỲNH.